

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2016

**BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN  
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2015 - 2016**

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	CD11301650	Phạm Đức	Anh	C13_CDT01	10	10	6	15	7	15	2	65	Trung bình khá	
2	CD11301696	Tôn Quốc	Duy	C13_CDT01	10	9	8	15	7	15	9	73	Khá	
3	CD11301719	Trần Chí	Hải	C13_CDT01	10	12	4	15	4	15	2	62	Trung bình khá	
4	CD11301761	Nguyễn Phương	Khánh	C13_CDT01	10	8	8	15	7	13	2	63	Trung bình khá	
5	CD11301853	Hồ Trọng	Nhân	C13_CDT01	10	12	6	15	7	15	2	67	Trung bình khá	
6	CD11301854	Từ Minh Hồng	Nhân	C13_CDT01	10	12	4	25	4	10	2	67	Trung bình khá	
7	CD11301893	Đỗ Thiên	Phúc	C13_CDT01	10	8	4	25	7	15	2	71	Khá	
8	CD11301927	Trần Thanh	Sang	C13_CDT01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
9	CD11301921	Đỗ Thiên	Sơn	C13_CDT01	10	12	8	15	7	13	2	67	Trung bình khá	
10	CD11301939	Nguyễn Thành	Tài	C13_CDT01	10	12	8	15	10	15	9	79	Khá	
11	CD11301932	Nguyễn Duy	Tâm	C13_CDT01	10	12	4	15	7	15	2	65	Trung bình khá	
12	CD11301934	Nguyễn Văn	Tâm	C13_CDT01	10	12	8	15	7	15	2	69	Trung bình khá	
13	CD11301959	Lê Đạt	Thành	C13_CDT01	10	12	4	25	7	10	2	70	Khá	
14	CD11302014	Cao Nguyễn Minh	Toàn	C13_CDT01	10	9	8	15	7	15	2	66	Trung bình khá	
15	CD11302077	Lê Bảo	Vinh	C13_CDT01	10	12	7	15	5	10	2	61	Trung bình khá	
1	CD11400016	Nguyễn	An	C14_CDT01	10	12	6	25	16	5	2	76	Khá	
2	CD11400114	Nguyễn Hoàng	Chương	C14_CDT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
3	CD11400080	Nguyễn Chí	Công	C14_CDT01	8	12	7	25	19	5	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	CD11400164	Nguyễn Duy	Doanh	C14_CDT01	10	12	6	25	16	5	9	83	Tốt	
5	CD11400163	Lê Văn	Dũ	C14_CDT01	8	12	7	15	19	5	2	68	Trung bình khá	
6	CD11400182	Đặng Phước Khánh	Duy	C14_CDT01	9	6	8	15	6	5	2	51	Trung bình	
7	CD11400320	Hồ Thanh	Hải	C14_CDT01	10	12	6	15	16	5	2	66	Trung bình khá	
8	CD11400322	Huỳnh Tuấn	Hải	C14_CDT01	10	12	8	15	13	5	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
9	CD11400505	Lê Phước	Khánh	C14_CDT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
10	CD11400839	Lưu Trí	Nguyễn	C14_CDT01	9	12	8	15	16	5	2	67	Trung bình khá	
11	CD11401097	Khưu Văn Hoàng	Sang	C14_CDT01	10	12	6	25	16	5	2	76	Khá	
12	CD11401082	Nguyễn Đông	Son	C14_CDT01	10	8	6	25	16	5	9	79	Khá	
13	CD11401167	Lê Minh	Thái	C14_CDT01	9	12	6	25	19	5	2	78	Khá	
14	CD11401223	Trương Quang	Thắng	C14_CDT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	
15	CD11401493	Trương Văn	Tịnh	C14_CDT01	10	12	8	25	16	5	2	78	Khá	
1	CD11500577	Lưu Nam Thuận	Anh	C15_CDT01	9	9	4	25	15	11	2	75	Khá	
2	CD11501863	Nguyễn Phạm Nguyên	Anh	C15_CDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
3	CD11502289	Võ Chí	Hào	C15_CDT01	10	10	4	25	18	11	2	80	Tốt	
4	CD11500798	Lê Hữu Duy	Minh	C15_CDT01	10	9	4	25	15	6	2	71	Khá	
5	CD11500576	Nguyễn Xuân	Nguyễn	C15_CDT01	10	8	4	25	18	11	2	78	Khá	
6	CD11502044	Lý Trọng	Nhân	C15_CDT01	10	8	4	24	17	11	2	76	Khá	
7	CD11500575	Tô Hoài	Nhân	C15_CDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
8	CD11501410	Nguyễn Hoàng	Phú	C15_CDT01	9	8	4	25	18	11	2	77	Khá	
9	CD11500799	Vũ Đặng Toàn	Thắng	C15_CDT01	10	8	4	25	18	13	9	87	Tốt	
10	CD11501409	Nguyễn Quốc	Trung	C15_CDT01	10	9	4	24	15	11	2	75	Khá	
1	DH11200001	Nguyễn Trường	An	D12_CDT01	10	12	8	25	16	10	9	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2	DH11201767	Nguyễn Tuấn	Dũng	D12_CDT01	10	8	4	25	20	5	2	74	Khá	
3	DH11200750	Huỳnh Ngọc	Duy	D12_CDT01	10	9	4	15	18	10	2	68	Trung bình khá	
4	DH11200003	Cao Đức	Huy	D12_CDT01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
5	DH11200004	Nguyễn Tấn	Phát	D12_CDT01	10	12	6	25	16	5	2	76	Khá	
6	DH11200005	Liu Năm	Sáng	D12_CDT01	10	12	4	15	18	10	2	71	Khá	
7	DH11201805	Đỗ Phú	Tấn	D12_CDT01	10	9	4	15	20	5	2	65	Trung bình khá	
8	DH11200766	Lê Minh	Tiến	D12_CDT01	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
9	DH11200771	Huỳnh Trọng	Tính	D12_CDT01	10	8	4	15	8	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
10	DH11201958	Luu Ngọc Minh	Trí	D12_CDT01	10	12	4	15	5	10	2	58	Trung bình	
11	DH11201768	Nguyễn Ngọc	Triều	D12_CDT01	10	9	6	25	16	5	9	80	Tốt	
12	DH11200006	Trần Anh	Việt	D12_CDT01	10	9	4	25	18	10	2	78	Khá	
13	DH11201804	Trương	Vũ	D12_CDT01	10	10	8	25	16	10	2	81	Tốt	
1	DH11300067	Nguyễn Ngọc Trường	An	D13_CDT01	8	12	4	25	20	12	2	83	Tốt	
2	DH11300104	Trần Nguyễn Đức	Anh	D13_CDT01	9	8	0	25	12	12	2	68	Trung bình khá	
3	DH11300236	Lê Anh	Duy	D13_CDT01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
4	DH11300019	Hoàng Nguyên	Đán	D13_CDT01	10	8	6	25	19	15	2	85	Tốt	
5	DH11300343	Lê Hồng	Hải	D13_CDT01	9	8	2	25	13	10	2	69	Trung bình khá	
6	DH11300397	Dương Văn	Hiếu	D13_CDT01	9	12	4	25	9	15	2	76	Khá	
7	DH11302106	Nguyễn Cao	Hiếu	D13_CDT01	9	12	4	15	18	10	2	70	Khá	
8	DH11300433	Tạ Duy	Hoàng	D13_CDT01	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
9	DH11300413	Huỳnh Tiến	Hung	D13_CDT01	10	10	2	25	12	15	2	76	Khá	
10	DH11300501	Quách Phùng	Kha	D13_CDT01	3	6	4	25	19	10	2	69	Trung bình khá	
11	DH11300524	Nguyễn Đoàn Đăng	Khoa	D13_CDT01	10	9	8	25	11	12	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH11300527	Nguyễn Thanh	Khoa	D13_CDT01	10	9	2	25	20	12	2	80	Tốt	
13	DH11300541	Mai Tuấn	Kiệt	D13_CDT01	8	10	0	25	15	15	2	75	Khá	
14	DH11300562	Tô Nhật	Lâm	D13_CDT01	9	9	2	15	15	15	2	67	Trung bình khá	
15	DH11300584	Lê Hữu	Lộc	D13_CDT01	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
16	DH11300586	Nguyễn Văn	Lộc	D13_CDT01	8	8	0	25	20	10	2	73	Khá	
17	DH11300698	Ngô Ngọc	Minh	D13_CDT01	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
18	DH11300709	Nguyễn Tấn	Minh	D13_CDT01	10	9	2	25	11	15	2	74	Khá	
19	DH11300801	Võ Văn	Nghĩa	D13_CDT01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
20	DH11300810	Trần Kiến	Nguyên	D13_CDT01	9	9	6	25	15	12	2	78	Khá	
21	DH11300825	Huỳnh Trọng	Nhân	D13_CDT01	8	10	4	25	14	13	2	76	Khá	
22	DH11300915	Nguyễn Thành	Phát	D13_CDT01	10	9	2	25	13	15	2	76	Khá	
23	DH11300917	Tạ Tấn	Phát	D13_CDT01	8	6	4	25	10	15	2	70	Khá	
24	DH11300991	Nguyễn Trương	Phong	D13_CDT01	10	12	2	25	17	15	2	83	Tốt	
25	DH11300979	Nguyễn Tuấn	Phúc	D13_CDT01	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
26	DH11300984	Trương Hồng	Phúc	D13_CDT01	10	11	6	25	20	10	2	84	Tốt	
27	DH11300950	Lê Hùng	Phước	D13_CDT01	8	8	4	25	15	15	2	77	Khá	
28	DH11300951	Phạm Tấn	Phước	D13_CDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
29	DH11300941	Võ Hoài	Phương	D13_CDT01	10	12	4	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
30	DH11301005	Trần Danh Lê	Quân	D13_CDT01	7	12	8	15	15	13	2	72	Khá	
31	DH11301033	Nguyễn Hoàng	Quý	D13_CDT01	10	12	4	25	17	10	2	80	Tốt	
32	DH11301096	Nguyễn Thanh	Tâm	D13_CDT01	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
33	DH11301238	Nguyễn Đình	Thi	D13_CDT01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
34	DH11301279	Nguyễn Quang	Thuận	D13_CDT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH11301319	Nguyễn Quang	Tiến	D13_CDT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
36	DH11301320	Nguyễn Quốc	Tiến	D13_CDT01	10	9	4	25	18	15	2	83	Tốt	
37	DH11301447	Nguyễn Hồ Tấn	Trung	D13_CDT01	8	6	2	25	10	15	2	68	Trung bình khá	
38	DH11301478	Phạm Văn	Tuấn	D13_CDT01	8	6	4	25	12	15	2	72	Khá	
39	DH11301548	Đông Xuân Đăng	Vinh	D13_CDT01	8	12	4	25	20	7	2	78	Khá	
1	DH11300193	Trương Quang	Danh	D13_CDT02	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
2	DH11300058	Nguyễn Tấn	Định	D13_CDT02	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
3	DH11300359	Nguyễn Trường	Hạnh	D13_CDT02	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
4	DH11300407	Trương Minh	Hiếu	D13_CDT02	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
5	DH11302105	Huỳnh Kim	Hoàng	D13_CDT02	10	12	8	15	0	15	2	62	Trung bình khá	
6	DH11300447	Nguyễn Văn	Huân	D13_CDT02	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
7	DH11300380	Nguyễn Mạnh	Hùng	D13_CDT02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
8	DH11300316	Phan Quốc	Hương	D13_CDT02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
9	DH11300624	Nguyễn Văn	Linh	D13_CDT02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
10	DH11300642	Đỗ Ngọc Thành	Long	D13_CDT02	10	8	6	13	20	15	2	74	Khá	
11	DH11300648	Nguyễn Ngọc Hùng	Long	D13_CDT02	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
12	DH11300582	Đình Trọng	Lộc	D13_CDT02	10	12	6	15	16	15	2	76	Khá	
13	DH11300599	Nguyễn	Lợi	D13_CDT02	10	12	8	15	16	15	2	78	Khá	
14	DH11300736	Lê Văn	Nam	D13_CDT02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
15	DH11300799	Trương Trọng	Nghĩa	D13_CDT02	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
16	DH11300848	Nguyễn Tuấn	Nhã	D13_CDT02	10	12	6	15	18	10	2	73	Khá	
17	DH11300842	Mai Hữu	Nhàn	D13_CDT02	10	12	4	15	20	10	2	73	Khá	
18	DH11300907	Cao Cơ	Phát	D13_CDT02	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	DH11301016	Chênh Hính	Quay	D13_CDT02	10	12	4	25	20	12	2	85	Tốt	
20	DH11301008	Võ Trung	Quân	D13_CDT02	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
21	DH11301036	Phạm Minh	Quý	D13_CDT02	10	6	6	15	10	15	2	64	Trung bình khá	
22	DH11301053	Vũ Trọng	Quyền	D13_CDT02	10	12	6	15	19	10	2	74	Khá	
23	DH11301074	Nguyễn Phước	Sang	D13_CDT02	10	10	8	15	11	15	2	71	Khá	
24	DH11301084	Nguyễn Ngọc	Sin	D13_CDT02	10	12	7	25	15	15	2	86	Tốt	
25	DH11301060	Nguyễn Hải	Son	D13_CDT02	10	10	6	25	17	15	2	85	Tốt	
26	DH11301229	Phan Minh	Thanh	D13_CDT02	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
27	DH11301232	Trịnh Hữu	Thanh	D13_CDT02	10	6	8	15	20	15	9	83	Tốt	
28	DH11301162	Lê Công	Thành	D13_CDT02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
29	DH11301307	Đặng Bùi Minh	Tiến	D13_CDT02	10	12	4	25	20	12	2	85	Tốt	
30	DH11301318	Nguyễn Ngọc	Tiến	D13_CDT02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
31	DH11301348	Võ Trương Khánh	Toàn	D13_CDT02	7	10	7	15	20	13	2	74	Khá	
32	DH11301453	Nguyễn Như	Trí	D13_CDT02	10	8	6	15	17	10	2	68	Trung bình khá	
33	DH11301460	Trần Trọng	Trí	D13_CDT02	10	12	6	15	18	10	2	73	Khá	
34	DH11301340	Vũ Minh	Tú	D13_CDT02	10	12	8	15	20	10	2	77	Khá	
35	DH11301470	Nguyễn Minh	Tuấn	D13_CDT02	10	12	5	15	20	10	2	74	Khá	
36	DH11301302	Nguyễn Xuân	Tùng	D13_CDT02	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
37	DH11301304	Trương Thanh	Tùng	D13_CDT02	10	8	7	15	16	15	2	73	Khá	
38	DH11301564	Phạm Tuấn	Vũ	D13_CDT02	10	8	8	15	20	15	2	78	Khá	
1	DH11400014	Lê Minh	An	D14_CDT01	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
2	DH11400055	Lê Hải	Bình	D14_CDT01	10	12	6	25	13	10	2	78	Khá	
3	DH11400081	Nguyễn Phi	Công	D14_CDT01	10	10	4	15	13	15	2	69	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	DH11400082	Trần Thành	Công	D14_CDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
5	DH11400190	Nguyễn Minh	Duy	D14_CDT01	10	10	2	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
6	DH11400193	Nguyễn Tri	Duy	D14_CDT01	10	10	4	15	5	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
7	DH11400196	Đào Ngọc	Duyên	D14_CDT01	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
8	DH11400248	Phạm Châu Quỳnh	Đức	D14_CDT01	10	12	8	15	20	15	2	82	Tốt	
9	DH11400258	Nguyễn Hoàng	Gia	D14_CDT01	10	12	8	23	11	15	2	81	Tốt	
10	DH11400321	Hoàng Ngọc	Hải	D14_CDT01	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
11	DH11400332	Võ Duy	Hải	D14_CDT01	10	12	8	15	16	15	9	85	Tốt	
12	DH11400366	Nguyễn Phúc	Hậu	D14_CDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
13	DH11400367	Trần Minh	Hậu	D14_CDT01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
14	DH11401683	Lê Thanh	Hiếu	D14_CDT01	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
15	DH11400399	Nguyễn Trọng	Hiếu	D14_CDT01	10	12	4	15	5	15	2	63	Trung bình khá	
16	DH11400407	Trương Trung	Hiếu	D14_CDT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
17	DH11400429	Lê Trường	Hoàng	D14_CDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
18	DH11400477	Mai Quang	Huy	D14_CDT01	10	8	2	15	-5	15	2	47	Yếu	Không khám sức khỏe
19	DH11400479	Nguyễn Đặng Phát	Huy	D14_CDT01	10	12	8	25	3	13	2	73	Khá	
20	DH11401766	Nguyễn Văn	Hưng	D14_CDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
21	DH11400523	Nguyễn Thành	Kha	D14_CDT01	10	10	2	15	5	15	2	59	Trung bình	
22	DH11400520	Trương Thê	Khải	D14_CDT01	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
23	DH11400552	Trần Thiên	Khoa	D14_CDT01	10	12	4	15	13	13	2	69	Trung bình khá	
24	DH11400549	Trương Đăng	Khoa	D14_CDT01	10	10	2	15	5	15	2	59	Trung bình	
25	DH11400566	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	D14_CDT01	10	10	8	15	20	15	2	80	Tốt	
26	DH11400656	Hoàng Triệu Minh	Luân	D14_CDT01	9	12	8	15	14	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
27	DH11400817	Liêu Nguyên	Nghị	D14_CDT01	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
28	DH11400818	Đỗ Văn	Nghĩa	D14_CDT01	10	10	7	15	8	15	2	67	Trung bình khá	
29	DH11400822	Huỳnh Trọng	Nghĩa	D14_CDT01	10	6	2	15	-5	15	2	45	Yếu	
30	DH11400875	Nguyễn Thành	Nhân	D14_CDT01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
31	DH11401017	Bành Mĩnh	Phong	D14_CDT01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
32	DH11401732	Nguyễn Thành	Phong	D14_CDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
33	DH11401734	Phạm Thanh	Phong	D14_CDT01	10	6	2	15	-5	15	2	45	Yếu	
34	DH11400976	Nguyễn Minh	Phước	D14_CDT01	10	12	8	25	3	15	2	75	Khá	
35	DH11400949	Đặng Hồng Minh	Phương	D14_CDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
36	DH11401076	Hồ Sỹ	Sáng	D14_CDT01	10	6	2	15	5	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
37	DH11401139	Nguyễn Công	Tài	D14_CDT01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
38	DH11401125	Lê Thanh	Tân	D14_CDT01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
39	DH11401189	Thạch Minh	Thành	D14_CDT01	10	12	5	25	12	10	2	76	Khá	
40	DH11301179	Nguyễn Quốc	Thảo	D14_CDT01	10	10	4	15	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
41	DH11401253	Nguyễn Trần Vũ	Thiên	D14_CDT01	9	12	8	15	12	10	2	68	Trung bình khá	
42	DH11401286	Trần Đăng	Thịnh	D14_CDT01	9	10	5	15	20	15	2	76	Khá	
43	DH11401174	Đình Sĩ	Thông	D14_CDT01	9	10	8	15	4	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
44	DH11401292	Đặng Ngọc	Thuận	D14_CDT01	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
45	DH11401336	Nguyễn Quang Minh	Tiến	D14_CDT01	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
46	DH11401534	Nguyễn Trung	Tín	D14_CDT01	10	12	6	25	13	10	2	78	Khá	
47	DH11401360	Lương Kiệt	Toàn	D14_CDT01	10	8	2	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
48	DH11401484	Nguyễn Minh	Trí	D14_CDT01	10	12	4	15	3	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
49	DH11401419	Phan Minh	Trọng	D14_CDT01	9	12	8	25	2	10	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
50	DH11401474	Trịnh Thuyết	Truyền	D14_CDT01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
51	DH11401509	Nguyễn Văn	Tuấn	D14_CDT01	10	12	5	25	20	15	2	89	Tốt	
52	DH11401771	Phan Minh	Tuấn	D14_CDT01	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
53	DH11401551	Trần Trọng	Văn	D14_CDT01	9	12	8	15	12	10	2	68	Trung bình khá	
54	DH11401667	Lê Tuấn	Vỹ	D14_CDT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
1	DH11502315	Lê Tấn	An	D15_CDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
2	DH11500059	Trương Hứa Tuấn	An	D15_CDT01	10	6	2	25	3	10	2	58	Trung bình	
3	DH11502185	Nguyễn Thanh	Bảo	D15_CDT01	10	9	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
4	DH11500187	Nguyễn Tấn	Bửu	D15_CDT01	8	8	6	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
5	DH11500184	Tăng Hào	Cơ	D15_CDT01	10	11	4	25	5	15	2	72	Khá	
6	DH11400155	Nguyễn Thanh	Dinh	D15_CDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
7	DH11502311	Dương Huỳnh Nhật	Duy	D15_CDT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
8	DH11500838	Nguyễn Quách	Đại	D15_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
9	DH11500189	Võ Tuấn	Đạt	D15_CDT01	9	8	2	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
10	DH11502317	Nguyễn út	Đây	D15_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
11	DH11500185	Phan Minh	Đức	D15_CDT01	10	6	4	25	4	15	2	66	Trung bình khá	
12	DH11500061	Lý Gia	Hải	D15_CDT01	10	9	6	25	7	15	9	81	Tốt	
13	DH11500065	Nguyễn Ngọc	Hải	D15_CDT01	10	6	5	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
14	DH11500005	Nguyễn Vũ	Hào	D15_CDT01	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
15	DH11500183	Nguyễn Trung	Hậu	D15_CDT01	9	6	4	25	3	10	2	59	Trung bình	
16	DH11500063	Tôn Bội	Hòa	D15_CDT01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
17	DH11500060	Nguyễn	Hoàng	D15_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	DH11500847	Phạm Trung	Huy	D15_CDT01	10	6	6	25	6	15	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	DH11500361	Võ Gia	Huy	D15_CDT01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
20	DH11500192	Nguyễn Phan Đăng	Khoa	D15_CDT01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
21	DH11500006	Võ Tuấn	Kiệt	D15_CDT01	10	8	2	25	14	15	9	83	Tốt	
22	DH11502313	Âu Thanh	Lâm	D15_CDT01	10	9	4	25	10	15	2	75	Khá	
23	DH11500365	Nguyễn Hoàng Phi	Long	D15_CDT01	10	6	2	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
24	DH11500362	Thị Minh	Luật	D15_CDT01	10	6	2	25	3	15	2	63	Trung bình khá	
25	DH11500358	Phan Mai Nhật	Minh	D15_CDT01	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
26	DH11500008	Tôn Thất	Minh	D15_CDT01	10	9	4	25	2	15	2	67	Trung bình khá	
27	DH11500175	Lê Quang	Nhân	D15_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
28	DH11400872	Lương Vĩ	Nhân	D15_CDT01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
29	DH11500186	Nguyễn Văn	Nhiều	D15_CDT01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
30	DH11500064	Đào Thanh	Phong	D15_CDT01	10	9	4	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
31	DH11502187	Lê Nguyễn Tấn	Phong	D15_CDT01	9	9	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
32	DH11500179	Trần Tấn	Phong	D15_CDT01	10	9	4	25	7	15	2	72	Khá	
33	DH11500180	Phạm Ngọc	Quân	D15_CDT01	9	6	6	25	6	5	2	59	Trung bình	
34	DH11502186	Huỳnh Nhựt	Qui	D15_CDT01	10	8	6	25	7	15	9	80	Tốt	
35	DH11500182	Lê Hoàng	Son	D15_CDT01	10	8	2	25	8	15	9	77	Khá	
36	DH11500007	Nguyễn Ngọc	Tài	D15_CDT01	10	8	4	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
37	DH11500191	Nguyễn Minh	Tâm	D15_CDT01	10	9	4	25	7	10	2	67	Trung bình khá	
38	DH11500062	Nguyễn Phú	Tân	D15_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
39	DH11500363	Nguyễn Tấn	Thạch	D15_CDT01	9	6	4	25	10	15	9	78	Khá	
40	DH11500178	Nguyễn Nhựt Tiến	Thanh	D15_CDT01	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
41	DH11500173	Phan Ngọc	Thanh	D15_CDT01	10	8	2	25	11	10	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
42	DH11502316	Trần Tấn	Thành	D15_CDT01	10	10	4	25	5	15	9	78	Khá	
43	DH11500364	Châu Bảo	Thăng	D15_CDT01	10	8	4	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
44	DH11500174	Nguyễn Đình	Thắng	D15_CDT01	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
45	DH11500172	Nguyễn Nam	Thiên	D15_CDT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
46	DH11502314	Nguyễn Cường	Thịnh	D15_CDT01	10	10	2	25	6	15	2	70	Khá	
47	DH11502312	Phạm Cao	Thông	D15_CDT01	10	8	0	25	3	10	2	58	Trung bình	
48	DH11500360	Ngô Trần	Tiến	D15_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
49	DH11500188	Phạm Xuân	Tinh	D15_CDT01	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
50	DH11500190	Võ Minh	Trường	D15_CDT01	10	6	4	25	2	10	2	59	Trung bình	
51	DH11500181	Nguyễn Thành	Tuấn	D15_CDT01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
52	DH11500176	Trần Thế	Vinh	D15_CDT01	9	6	8	25	9	5	2	64	Trung bình khá	
53	DH11500359	Đỗ Phạm Hoàn	Vũ	D15_CDT01	9	6	4	25	4	15	2	65	Trung bình khá	
1	DH11500833	Ngô Lê	An	D15_CDT02	10	8	0	25	14	15	2	74	Khá	
2	DH11502528	Trịnh Thanh	Bình	D15_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH11500837	Nguyễn Huy	Chương	D15_CDT02	10	6	5	25	13	15	9	83	Tốt	
4	DH11502527	Đào Trường Quốc	Duy	D15_CDT02	10	8	6	25	4	6	2	61	Trung bình khá	
5	DH11500599	Dương Tấn	Đạt	D15_CDT02	10	9	0	25	2	10	2	58	Trung bình	
6	DH11500372	Trình Văn	Đông	D15_CDT02	10	6	0	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
7	DH11500373	Nguyễn Việt Trường	Giang	D15_CDT02	9	8	0	25	5	13	2	62	Trung bình khá	
8	DH11500367	Lý Vinh	Hải	D15_CDT02	10	8	2	25	2	15	2	64	Trung bình khá	
9	DH11500601	Phan Ngọc	Hải	D15_CDT02	10	6	0	25	1	15	2	59	Trung bình	
10	DH11500842	Nguyễn Minh	Hiền	D15_CDT02	10	9	5	25	8	12	2	71	Khá	
11	DH11500370	Lê Thanh	Hiếu	D15_CDT02	8	6	0	25	0	15	0	54	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH11500371	Huỳnh Thái	Hòa	D15_CDT02	10	9	2	25	3	5	2	56	Trung bình	
13	DH11500592	Nguyễn Mạnh	Hoàng	D15_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	DH11500602	Lê Văn	Huy	D15_CDT02	10	6	0	23	1	15	2	57	Trung bình	
15	DH11500831	Nguyễn Đình	Huy	D15_CDT02	8	8	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
16	DH11500840	Võ Phúc	Huy	D15_CDT02	10	8	4	25	2	13	0	62	Trung bình khá	
17	DH11500603	Đỗ Tiến	Hung	D15_CDT02	10	6	4	25	0	15	9	69	Trung bình khá	
18	DH11500604	Bùi Trương Duy	Kha	D15_CDT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
19	DH11500595	Nguyễn Duy	Kha	D15_CDT02	8	9	2	25	3	10	2	59	Trung bình	
20	DH11502414	Trần Việt	Khánh	D15_CDT02	9	8	0	25	6	10	2	60	Trung bình khá	
21	DH11500606	Lê Đạt Anh	Khoa	D15_CDT02	10	8	4	25	8	0	2	57	Trung bình	
22	DH11502188	Dương Phương	Lâm	D15_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
23	DH11500835	Huỳnh Hoàng	Lâm	D15_CDT02	9	8	2	25	3	15	2	64	Trung bình khá	
24	DH11502525	Phạm Hoàng Minh	Lộc	D15_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
25	DH11500594	Lưu Gia	Mãn	D15_CDT02	10	9	2	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
26	DH11500836	Đặng Hữu	Mạnh	D15_CDT02	9	6	0	25	4	15	2	61	Trung bình khá	
27	DH11500366	Nguyễn Thế	Mạnh	D15_CDT02	10	8	2	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
28	DH11500597	Trang Trần Vĩ	Nam	D15_CDT02	10	6	0	23	1	15	2	57	Trung bình	
29	DH11500374	Huỳnh Thanh	Nghi	D15_CDT02	9	10	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
30	DH11500832	Võ Hoàng	Nhi	D15_CDT02	10	6	6	25	6	15	0	68	Trung bình khá	
31	DH11502318	Hồ Đình	Phát	D15_CDT02	10	8	5	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
32	DH11500369	Lê Hoàng	Phi	D15_CDT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
33	DH11500607	Phùng Quốc	Phúc	D15_CDT02	9	8	2	25	4	10	0	58	Trung bình	
34	DH11500596	Nguyễn Thành	Sơn	D15_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH11502526	Đỗ Thành	Tài	D15_CDT02	10	11	2	25	3	7	2	60	Trung bình khá	
36	DH11500368	Đỗ Thanh	Tân	D15_CDT02	10	6	0	25	2	15	2	60	Trung bình khá	
37	DH11500605	Đỗ Quốc	Thiện	D15_CDT02	10	6	2	25	8	12	2	65	Trung bình khá	
38	DH11502189	Hồ Văn	Thiện	D15_CDT02	10	8	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
39	DH11500839	Lu Du	Thuận	D15_CDT02	10	9	2	25	0	10	2	58	Trung bình	
40	DH11500843	Hoàng Công	Thượng	D15_CDT02	10	8	6	25	7	14	2	72	Khá	
41	DH11500608	Hà Quốc	Tĩnh	D15_CDT02	10	10	0	25	3	7	2	57	Trung bình	
42	DH11500593	Phan Thanh	Toàn	D15_CDT02	10	8	2	25	0	10	2	57	Trung bình	
43	DH11500598	Huỳnh Lê	Trí	D15_CDT02	10	9	0	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
44	DH11500600	Võ Thành	Trí	D15_CDT02	9	8	5	25	6	5	2	60	Trung bình khá	
45	DH11500841	Nguyễn Thanh	Trường	D15_CDT02	10	9	5	25	8	12	2	71	Khá	
46	DH11500834	Lâm Đức Anh	Tùng	D15_CDT02	9	9	2	25	3	6	2	56	Trung bình	
47	DH11502319	Lương Hoàng	Vỹ	D15_CDT02	10	8	5	25	0	12	2	62	Trung bình khá	
1	DH11501159	Lê Thành	An	D15_CDT03	10	6	0	24	0	15	9	64	Trung bình khá	
2	DH11501458	Ngô Hoàng	Anh	D15_CDT03	9	6	0	25	0	15	9	64	Trung bình khá	
3	DH11501173	Phạm Thái	Bình	D15_CDT03	9	6	0	25	3	15	2	60	Trung bình khá	
4	DH11501457	Nguyễn Minh	Cường	D15_CDT03	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
5	DH11501164	Đặng Hoàng	Duy	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
6	DH11502417	Nguyễn Trần Công	Duy	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
7	DH11502416	Trần Khánh	Duy	D15_CDT03	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
8	DH11502420	Trần Ngọc	Duy	D15_CDT03	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
9	DH11501463	Nguyễn Văn	Đạt	D15_CDT03	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
10	DH11501161	Trần Huy	Đạt	D15_CDT03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
11	DH11501168	Hùng Chí	Giang	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
12	DH11501459	Phạm Văn	Hiều	D15_CDT03	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
13	DH11502418	Lê Văn	Hòa	D15_CDT03	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
14	DH11501444	Trịnh Quốc Huy	Hoàng	D15_CDT03	6	6	0	25	0	5	0	42	Yếu	
15	DH11501166	Đỗ Xuân	Hùng	D15_CDT03	8	6	2	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
16	DH11501461	Huỳnh Vũ Tuấn	Khanh	D15_CDT03	8	9	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
17	DH11501462	Nguyễn Hữu Anh	Khoa	D15_CDT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	DH11501456	Nguyễn Tuấn	Khôi	D15_CDT03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
19	DH11501169	Nguyễn Văn	Lâm	D15_CDT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
20	DH11502524	Nguyễn Hữu	Linh	D15_CDT03	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
21	DH11501455	Trương Thiên	Long	D15_CDT03	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
22	DH11501453	Nguyễn Bá	Lợi	D15_CDT03	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
23	DH11502190	Trần Khắc	Mạnh	D15_CDT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
24	DH11501171	Hoàng	Minh	D15_CDT03	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
25	DH11500845	Trần Nguyễn Nhật	Minh	D15_CDT03	8	6	0	25	5	15	2	61	Trung bình khá	
26	DH11502422	Dương Trần Trí	Nghĩa	D15_CDT03	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
27	DH11501450	Lê Hữu	Nghĩa	D15_CDT03	8	6	0	25	10	15	2	66	Trung bình khá	
28	DH11500846	Lê Tấn	Phát	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
29	DH11502419	Đỗ Quốc	Phấn	D15_CDT03	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
30	DH11501158	Giang Hữu	Phúc	D15_CDT03	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
31	DH11501165	Trương Lê Hữu	Phúc	D15_CDT03	10	9	0	25	5	15	2	66	Trung bình khá	
32	DH11501460	Nguyễn Hoàng	Phước	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
33	DH11501163	Nguyễn Ngọc Thiên	Quốc	D15_CDT03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
34	DH11501162	Phạm Đăng	Quyết	D15_CDT03	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
35	DH11502415	Trương Hoàng	Sang	D15_CDT03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
36	DH11501443	Nguyễn Sử	Tài	D15_CDT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
37	DH11501454	Bùi Minh	Thái	D15_CDT03	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
38	DH11501446	Lương Hoàng	Thái	D15_CDT03	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
39	DH11502421	Nguyễn Hà	Thắng	D15_CDT03	9	9	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
40	DH11501445	Quách Thanh	Thế	D15_CDT03	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
41	DH11501451	Nguyễn Văn Ngọc	Thiện	D15_CDT03	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
42	DH11501160	Trịnh Toàn	Thiện	D15_CDT03	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
43	DH11501447	Đình Duy	Thịnh	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
44	DH11502423	Nguyễn Tấn	Tiến	D15_CDT03	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
45	DH11501170	Chung Hải	Triều	D15_CDT03	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
46	DH11501449	Phạm Hữu	Trọng	D15_CDT03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
47	DH11501448	Trương Hoàng	Trọng	D15_CDT03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
48	DH11501172	Nguyễn Văn	Tường	D15_CDT03	9	6	0	25	5	15	2	62	Trung bình khá	
49	DH11501167	Huỳnh Thiện	Vinh	D15_CDT03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
1	DH11501837	Lê Tuấn	Anh	D15_CDT04	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
2	DH11501835	Đặng Văn	Bạc	D15_CDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH11501464	Võ Nhật	Bảo	D15_CDT04	10	8	5	25	11	10	2	71	Khá	
4	DH11502059	Lâm Chí	Công	D15_CDT04	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
5	DH11502531	Trần Văn	Cường	D15_CDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
6	DH11501967	Vũ Minh	Đạo	D15_CDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
7	DH11502530	Huỳnh Hồ Thành	Đạt	D15_CDT04	7	6	2	25	20	5	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH11502062	Huỳnh Minh	Đạt	D15_CDT04	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
9	DH11501908	Lê Minh	Đức	D15_CDT04	10	8	2	25	10	15	2	72	Khá	
10	DH11502069	Đình Quang	Hà	D15_CDT04	10	9	4	25	16	5	2	71	Khá	
11	DH11501914	Trần Thanh	Hoàng	D15_CDT04	9	8	4	25	8	15	2	71	Khá	
12	DH11502181	Nguyễn Đức	Huy	D15_CDT04	9	6	2	25	13	15	2	72	Khá	
13	DH11502020	Nguyễn Xuân	Huyền	D15_CDT04	9	8	8	25	10	10	0	70	Khá	
14	DH11500058	La Minh	Khánh	D15_CDT04	9	6	2	25	9	15	2	68	Trung bình khá	
15	DH11502061	Nguyễn Đăng	Khoa	D15_CDT04	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
16	DH11502063	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	D15_CDT04	9	9	4	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
17	DH11502183	Trần Trọng Duy	Khương	D15_CDT04	10	8	8	25	6	15	2	74	Khá	
18	DH11502425	Nguyễn Văn	Kiệt	D15_CDT04	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
19	DH11501963	Nguyễn Đình	Long	D15_CDT04	10	9	4	25	17	5	2	72	Khá	
20	DH11502066	Ngô Phúc	Lợi	D15_CDT04	10	9	7	25	6	15	2	74	Khá	
21	DH11501912	Lê Đăng	Luận	D15_CDT04	10	8	8	25	2	15	2	70	Khá	
22	DH11501909	Trần Quang	Minh	D15_CDT04	10	6	2	25	3	15	8	69	Trung bình khá	
23	DH11501960	Nguyễn Anh	Nguyên	D15_CDT04	9	6	2	25	9	15	2	68	Trung bình khá	
24	DH11502065	Nguyễn Thanh	Nguyên	D15_CDT04	8	8	8	25	17	15	2	83	Tốt	
25	DH11501913	Nguyễn Thanh	Nhân	D15_CDT04	7	8	8	25	17	15	0	80	Tốt	
26	DH11502060	Phạm Phước	Nhân	D15_CDT04	9	8	4	25	12	15	2	75	Khá	
27	DH11501911	Đặng Minh	Nhật	D15_CDT04	9	8	2	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
28	DH11501959	Trần Đức	Phú	D15_CDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
29	DH11502184	Trần Minh	Quang	D15_CDT04	9	6	2	25	13	15	2	72	Khá	
30	DH11502182	Lê Văn	Quý	D15_CDT04	10	9	8	25	12	10	0	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH11502021	Lê Thanh	Sang	D15_CDT04	10	8	6	25	7	15	2	73	Khá	
32	DH11502424	Nguyễn Thanh	Sang	D15_CDT04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
33	DH11502068	Đặng Ngọc	Sỹ	D15_CDT04	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
34	DH11502533	Lương Văn	Tâm	D15_CDT04	9	8	8	25	17	7	2	76	Khá	
35	DH11501962	Phạm Minh	Tâm	D15_CDT04	10	9	8	25	10	12	2	76	Khá	
36	DH11501836	Bùi Nhật	Tân	D15_CDT04	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
37	DH11501968	Đình Ngọc Duy	Tân	D15_CDT04	9	9	2	25	12	15	2	74	Khá	
38	DH11501965	Trương Việt	Thành	D15_CDT04	9	8	4	25	11	10	2	69	Trung bình khá	
39	DH11502534	Trương Trần Mẫn	Thiên	D15_CDT04	10	8	2	25	18	10	2	75	Khá	
40	DH11501465	Lê Văn	Thiên	D15_CDT04	10	8	2	25	18	15	2	80	Tốt	
41	DH11501907	Võ Tân	Tiến	D15_CDT04	8	6	4	25	9	15	2	69	Trung bình khá	
42	DH11502532	Võ Đức	Tín	D15_CDT04	9	8	8	25	2	15	2	69	Trung bình khá	
43	DH11500559	Dương Ngọc	Trân	D15_CDT04	10	6	2	25	7	15	2	67	Trung bình khá	
44	DH11501452	Phạm Thị Bảo	Trân	D15_CDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
45	DH11502064	Nguyễn Quốc	Triệu	D15_CDT04	9	8	8	25	15	15	0	80	Tốt	
46	DH11501966	Đặng Hữu	Trung	D15_CDT04	8	8	8	25	17	15	0	81	Tốt	
47	DH11502529	Phan Xuân	Trường	D15_CDT04	9	8	4	25	7	15	2	70	Khá	
48	DH11501910	Đào Trung	Tuấn	D15_CDT04	10	8	8	25	2	15	2	70	Khá	
49	DH11502058	Hồ Việt	Viễn	D15_CDT04	10	8	4	25	20	15	10	92	Xuất sắc	
50	DH11502067	Lê Đình	Vũ	D15_CDT04	9	6	4	25	7	10	2	63	Trung bình khá	
51	DH11500844	Nguyễn Trần Khánh	Vy	D15_CDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
52	DH11501964	Lê Chấn	Vỹ	D15_CDT04	10	9	2	25	18	15	2	81	Tốt	
1	CD61301646	Trần Nguyễn Tường	An	C13_TP01	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2	CD61301652	Vũ Thị Tuyết	Anh	C13_TP01	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
3	CD61301662	Nguyễn Ngọc	Bảo	C13_TP01	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
4	CD61301664	Phạm Đình	Cần	C13_TP01	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
5	CD61301668	Đào Đoàn Ngọc	Châu	C13_TP01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
6	CD61301670	Nguyễn Thị Thanh	Châu	C13_TP01	10	12	2	25	14	15	2	80	Tốt	
7	CD61301673	Nguyễn Cẩm	Chuyên	C13_TP01	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
8	CD61301694	Nguyễn Lê Khương	Duy	C13_TP01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
9	CD61301638	Tô Phan Tấn	Đạt	C13_TP01	10	12	8	25	14	15	10	94	Xuất sắc	
10	CD61301735	Nguyễn Phan Thảo	Hiền	C13_TP01	10	12	6	25	12	10	2	77	Khá	
11	CD61301743	Nguyễn Xuân	Hiếu	C13_TP01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
12	CD61301764	Mai Đỗ Mạnh	Kha	C13_TP01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
13	CD61301772	Đông Danh	Khoa	C13_TP01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
14	CD61301798	Nguyễn Thị Thùy	Linh	C13_TP01	10	12	8	25	14	15	9	93	Xuất sắc	
15	CD61301809	Phạm Thị Ngọc	Mai	C13_TP01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
16	CD61301819	Nguyễn Thị	Mon	C13_TP01	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
17	CD61301821	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	C13_TP01	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
18	CD61301829	Tô Thị Kim	Ngân	C13_TP01	10	12	4	25	11	15	2	79	Khá	
19	CD61301843	Huỳnh Tấn	Nghĩa	C13_TP01	10	9	8	25	14	10	2	78	Khá	
20	CD61301835	Nguyễn Kim	Ngọc	C13_TP01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
21	CD61301837	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	C13_TP01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
22	CD61301872	Đỗ Thị Diễm	Oanh	C13_TP01	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
23	CD61301899	Nguyễn Quan Minh	Phong	C13_TP01	10	12	4	15	7	13	2	63	Trung bình khá	
24	CD61301900	Trương Tuấn	Phong	C13_TP01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
25	CD61301884	Đỗ Đình	Phước	C13_TP01	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
26	CD61301881	Trần Nguyệt	Phương	C13_TP01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
27	CD61301920	Lê Thị Phúc	Quyên	C13_TP01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
28	CD61301914	Hồ Ngọc Như	Quỳnh	C13_TP01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
29	CD61301916	Lê Nguyễn Khánh	Quỳnh	C13_TP01	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
30	CD61301972	Trương Thanh	Thanh	C13_TP01	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
31	CD61301964	Trần Thị Thanh	Thảo	C13_TP01	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
32	CD61301982	Lê Thị Kim	Thoa	C13_TP01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
33	CD61301985	Đỗ Thị Kim	Thúy	C13_TP01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
34	CD61301986	Thái Thị Thanh	Thúy	C13_TP01	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
35	CD61301946	Trương Thiên	Thư	C13_TP01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
36	CD61302030	Nguyễn Thị Thảo	Trang	C13_TP01	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
37	CD61302032	Võ Thị Thùy	Trang	C13_TP01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
38	CD61302017	Vưu Thụy Bảo	Trâm	C13_TP01	10	12	7	25	20	12	2	88	Tốt	
39	CD61302023	Võ Thị Ngọc	Trâm	C13_TP01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
40	CD61302049	Lý Minh	Trí	C13_TP01	10	9	8	25	17	15	10	94	Xuất sắc	
41	CD61302037	Đỗ Thị Mộng	Trình	C13_TP01	10	12	7	25	20	10	9	93	Xuất sắc	
42	CD61302057	Trương Anh	Tuấn	C13_TP01	10	9	6	25	4	15	2	71	Khá	
43	CD61302006	Trần Thanh	Tùng	C13_TP01	10	12	3	25	17	15	9	91	Xuất sắc	
44	CD61302063	Nghiêm Thị Thúy	Tuyền	C13_TP01	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
45	CD61302076	Huỳnh Công	Vinh	C13_TP01	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
1	CD61400124	Phạm Thị Mỹ	Chi	C14_TP01	10	12	5	25	17	13	2	84	Tốt	
2	CD61400137	Phan Ngọc Hồng	Cúc	C14_TP01	10	12	4	25	19	13	9	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3	CD61400188	Nguyễn Huỳnh	Duy	C14_TP01	10	12	2	25	10	15	9	83	Tốt	
4	CD61400192	Nguyễn Trường	Duy	C14_TP01	10	12	6	25	4	15	2	74	Khá	
5	CD61400202	Nguyễn La Mỹ	Duyên	C14_TP01	10	12	8	15	10	15	2	72	Khá	
6	CD61400214	Huỳnh Hồng	Đào	C14_TP01	9	12	8	25	13	10	9	86	Tốt	
7	CD61400254	Nguyễn Thị	Gám	C14_TP01	10	12	8	25	13	10	9	87	Tốt	
8	CD61400269	Dương Thị Phương	Hằng	C14_TP01	0	6	0	0	-10	-5	0	-9	Kém	
9	CD61400422	Hoàng Thị Thu	Hoài	C14_TP01	10	12	4	25	15	15	9	90	Xuất sắc	
10	CD61400356	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	C14_TP01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
11	CD61400465	Nguyễn Thị Bích	Huệ	C14_TP01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
12	CD61400416	Nguyễn Nhật	Hưng	C14_TP01	10	10	4	15	17	13	2	71	Khá	
13	CD61400571	Trương Thanh	Kiều	C14_TP01	10	12	8	15	10	15	2	72	Khá	
14	CD61400560	Lê Thị Thiên	Kim	C14_TP01	10	12	5	25	7	13	2	74	Khá	
15	CD61400582	Lê Văn	Lai	C14_TP01	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
16	CD61400724	Nguyễn Thị Tô	My	C14_TP01	10	12	6	25	11	15	9	88	Tốt	
17	CD61400725	Phạm Hoàng	My	C14_TP01	10	12	8	15	13	15	2	75	Khá	
18	CD61400748	Vũ Thị	Ngát	C14_TP01	10	8	4	25	14	15	2	78	Khá	
19	CD61400782	Võ Thị Thu	Ngân	C14_TP01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
20	CD61400805	Phan Thị	Ngọc	C14_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
21	CD61400857	Phạm Thị Quỳnh	Như	C14_TP01	10	12	8	25	10	15	9	89	Tốt	
22	CD61400866	Võ Ngọc Minh	Như	C14_TP01	10	12	8	25	10	15	10	90	Xuất sắc	
23	CD61400937	Trương Hoàng	Oanh	C14_TP01	10	12	8	25	10	15	9	89	Tốt	
24	CD61400953	Lâm Tú	Phương	C14_TP01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
25	CD61401143	Nguyễn Tấn	Tài	C14_TP01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
26	CD61401111	Nguyễn Phụng Hoàng	Tâm	C14_TP01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
27	CD61401123	Lương Hoàng Trọng	Tân	C14_TP01	10	12	2	25	18	15	10	92	Xuất sắc	
28	CD61401210	Phan Thị Hồng	Thắm	C14_TP01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
29	CD61401303	Lê Thị Cẩm	Tiên	C14_TP01	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
30	CD61401658	Huỳnh Ngọc Bảo	Trang	C14_TP01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
31	CD61401390	Trương Thị Ngọc	Trân	C14_TP01	9	12	5	25	18	15	2	86	Tốt	
32	CD61401490	Trần Ngọc	Trí	C14_TP01	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
33	CD61401471	Nguyễn Thái Nhân	Trung	C14_TP01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
34	CD61401561	Phạm Ngọc Tuyết	Vi	C14_TP01	10	12	8	15	10	15	9	79	Khá	
1	CD61502295	Lại Trần Hải	Anh	C15_TP01	9	8	2	25	13	15	2	74	Khá	
2	CD61502508	Lê Nguyệt	Anh	C15_TP01	9	10	8	25	11	15	2	80	Tốt	
3	CD61500569	Huỳnh Thiên	Ân	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
4	CD61500165	Võ Châu	Bình	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
5	CD61501429	Trần Thị	Dung	C15_TP01	10	10	4	25	11	15	2	77	Khá	
6	CD61500811	Nguyễn Thị	Duyên	C15_TP01	9	9	2	25	11	15	2	73	Khá	
7	CD61502506	Nguyễn Thị Thùy	Dương	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	9	82	Tốt	
8	CD61501426	Thái Gia	Hân	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
9	CD61500570	Phạm Hồ Thanh	Hiền	C15_TP01	8	8	2	25	13	15	2	73	Khá	
10	CD61502509	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	C15_TP01	9	10	2	25	13	15	2	76	Khá	
11	CD61500813	Ngô Thị Thu	Hương	C15_TP01	10	11	6	25	12	15	9	88	Tốt	
12	CD61501411	Huỳnh Anh	Khoa	C15_TP01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
13	CD61500168	Trương Thị Ngọc	Loan	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
14	CD61500582	Hoàng Lê Bảo	Long	C15_TP01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	CD61501428	Nguyễn Đại	Lộc	C15_TP01	9	10	6	25	16	10	2	78	Khá	
16	CD61500166	Tăng Thị Kim	Mai	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
17	CD61501864	Bạch Trần Hoàng Yến	Ngân	C15_TP01	9	8	3	25	19	10	2	76	Khá	
18	CD61502505	Nguyễn Thị Kim	Ngân	C15_TP01	8	9	2	25	16	10	2	72	Khá	
19	CD61502048	Nguyễn Thị Tú	Nguyên	C15_TP01	9	10	2	25	16	15	2	79	Khá	
20	CD61501817	Huỳnh Nguyễn Thanh	Phát	C15_TP01	9	8	4	24	13	15	2	75	Khá	
21	CD61501818	Ngô Hoàng	Phong	C15_TP01	8	8	5	25	10	15	10	81	Tốt	
22	CD61500568	Nguyễn Huy	Phong	C15_TP01	10	9	2	25	19	15	10	90	Xuất sắc	
23	CD61502047	Lý Thanh	Phương	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
24	CD61502159	Nguyễn Huỳnh Thúy	Quyên	C15_TP01	10	11	8	25	11	10	2	77	Khá	
25	CD61500167	Lê Ngọc Như	Quỳnh	C15_TP01	9	9	2	25	13	15	2	75	Khá	
26	CD61401141	Nguyễn Nhật	Tài	C15_TP01	9	8	2	25	13	10	2	69	Trung bình khá	
27	CD61502507	Trần Chí	Tài	C15_TP01	10	9	4	24	8	15	2	72	Khá	
28	CD61500810	Nguyễn Văn	Tân	C15_TP01	9	8	2	25	13	10	2	69	Trung bình khá	
29	CD61502400	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	C15_TP01	9	8	4	25	13	15	2	76	Khá	
30	CD61501820	Vương Khiết	Thanh	C15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
31	CD61501425	Hồ Vĩ	Thịnh	C15_TP01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
32	CD61502401	Nguyễn Thị Anh	Thư	C15_TP01	10	10	2	25	13	15	9	84	Tốt	
33	CD61501897	Lê Thị Kiều	Tiên	C15_TP01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
34	CD61502049	Lê Vạn	Trâm	C15_TP01	9	10	6	25	18	15	2	85	Tốt	
35	CD61500581	Đình Lê Hồng	Trâm	C15_TP01	9	9	2	25	13	10	2	70	Khá	
36	CD61501819	Nguyễn ý Mỹ	Trâm	C15_TP01	9	8	2	25	13	15	2	74	Khá	
37	CD61502016	Hà Ngọc Minh	Tuyền	C15_TP01	8	9	8	25	11	10	9	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
38	CD61502160	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	C15_TP01	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
39	CD61501430	Đào Thế	Vinh	C15_TP01	9	6	2	25	13	15	2	72	Khá	
40	CD61501951	Trần Tiêu Xuân	Vy	C15_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
41	CD61501427	Nguyễn Thị Hải	Yến	C15_TP01	9	8	2	25	13	15	2	74	Khá	
1	DH61200591	Nguyễn Thị Nhân	ái	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
2	DH61200593	Nhâm Gia	Bảo	D12_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3	DH61200594	Nguyễn Thị Kim	Chi	D12_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
4	DH61201954	Hồ Xuân	Dinh	D12_TP01	10	12	4	25	0	15	10	76	Khá	
5	DH61200595	Võ Thị Hoàng	Dung	D12_TP01	10	12	8	25	6	15	10	86	Tốt	
6	DH61200596	Hà Huy	Đạt	D12_TP01	10	12	4	25	12	15	10	88	Tốt	
7	DH61200597	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	D12_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
8	DH61201739	Lê Thượng	Hải	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
9	DH61200599	Châu Vĩnh	Hào	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
10	DH61200602	Trần Tuấn	Kiệt	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
11	DH61200603	Nguyễn Minh	Mẫn	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
12	DH61200604	Nguyễn Thị Hằng	My	D12_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
13	DH61200606	Nguyễn Minh	Nhật	D12_TP01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
14	DH61200607	Lê Thành	Phát	D12_TP01	10	10	4	25	16	15	2	82	Tốt	
15	DH61200609	Hà Văn Thiên	Phúc	D12_TP01	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
16	DH61200608	Nguyễn Ngọc Anh	Phương	D12_TP01	10	12	4	25	4	15	2	72	Khá	
17	DH61200610	Nguyễn Ngọc	Tân	D12_TP01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
18	DH61200612	Lưu Phương	Thảo	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
19	DH61200613	Trần Lê Phương	Thùy	D12_TP01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
20	DH61200611	Trần Minh	Thư	D12_TP01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
21	DH61201724	Tô Thị Thùy	Trang	D12_TP01	10	10	4	25	3	15	10	77	Khá	
22	DH61200615	Trần Thị Minh	Trang	D12_TP01	10	12	4	15	12	15	2	70	Khá	
23	DH61200614	Nguyễn Thu	Trâm	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
24	DH61200617	Phạm Thị Thanh	Trúc	D12_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
25	DH61200618	Đỗ Trần Minh	Trung	D12_TP01	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
26	DH61200619	Lê Quang	Trung	D12_TP01	10	9	4	25	12	15	9	84	Tốt	
27	DH61200616	Nhữ Quang	Trường	D12_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
28	DH61200620	Trần Ngọc	Tuyền	D12_TP01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
1	DH61200621	Văn Hoàng Tứ	Anh	D12_TP02	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
2	DH61200622	Nguyễn Đức	Đông	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	10	99	Xuất sắc	
3	DH61200623	Nguyễn Văn	Gám	D12_TP02	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
4	DH61200625	Lê Thị	Hà	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	8	97	Xuất sắc	
5	DH61200626	Nguyễn Thị Diễm	Hạnh	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
6	DH61200629	Bùi Thị	Huệ	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
7	DH61200630	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
8	DH61200624	Lê Thị Cúc	Hương	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	10	99	Xuất sắc	
9	DH61200631	Dư Văn	Khoa	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	8	98	Xuất sắc	
10	DH61200632	Phạm Hoàng Bảo	Kim	D12_TP02	10	10	4	25	8	15	2	74	Khá	
11	DH61200633	Lê Thị Diễm	My	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
12	DH61200634	Võ Thị Bích	Ngọc	D12_TP02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
13	DH61200636	Quách Pha	Nil	D12_TP02	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
14	DH61200637	Ngô Thị Phương	Oanh	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH61200638	Nguyễn Hoàng Minh	Thơ	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
16	DH61200640	Trương Hoàng Xuân	Thùy	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
17	DH61200641	Nguyễn Thị Thu	Thùy	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
18	DH61200639	Đỗ Thị Ngọc	Thương	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
19	DH61200645	Thân Đức	Trang	D12_TP02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
20	DH61200643	Huỳnh Bảo	Trần	D12_TP02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
21	DH61200646	Võ Thị Diễm	Trinh	D12_TP02	10	12	8	15	16	15	2	78	Khá	
22	DH61200649	Nguyễn Thanh	Xuân	D12_TP02	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1	DH61300232	Đỗ Minh	Duy	D13_TP01	10	6	4	15	18	10	9	72	Khá	
2	DH61300243	Nguyễn Hoàng	Duy	D13_TP01	10	12	4	15	18	10	2	71	Khá	
3	DH61300249	Trần Khương	Duy	D13_TP01	10	8	4	25	17	10	10	84	Tốt	
4	DH61300279	Đỗ Thị Phương	Hằng	D13_TP01	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
5	DH61300306	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D13_TP01	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
6	DH61300389	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	D13_TP01	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
7	DH61300395	Bùi	Hiếu	D13_TP01	9	12	8	25	15	5	2	76	Khá	
8	DH61300365	Nguyễn Thị	Hồng	D13_TP01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
9	DH61300414	Lâm Chấn	Hưng	D13_TP01	10	10	2	15	8	15	2	62	Trung bình khá	
10	DH61300313	Nguyễn Thị Thu	Hương	D13_TP01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
11	DH61300512	Mai Thị Kiều	Khanh	D13_TP01	10	10	8	25	13	15	9	90	Xuất sắc	
12	DH61300490	Võ Quốc	Khánh	D13_TP01	10	10	4	15	18	10	2	69	Trung bình khá	
13	DH61300521	Lý Anh	Khoa	D13_TP01	10	12	8	15	13	15	10	83	Tốt	
14	DH61300546	Trần Anh	Kiệt	D13_TP01	10	12	4	25	7	5	2	65	Trung bình khá	
15	DH61300635	Võ Thị Hoài	Linh	D13_TP01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
16	DH61300645	Luong Tiêu	Long	D13_TP01	10	12	0	25	17	15	2	81	Tốt	
17	DH61300600	Nguyễn Thị Kim	Lợi	D13_TP01	10	11	4	25	18	15	2	85	Tốt	
18	DH61302102	Lê Thị Trúc	Mai	D13_TP01	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
19	DH61300677	Phạm Thị Ngọc	Mai	D13_TP01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
20	DH61300748	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngân	D13_TP01	10	12	4	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
21	DH61300758	Trần Tuyết	Ngân	D13_TP01	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
22	DH61300827	Lê Đăng Thế	Nhân	D13_TP01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
23	DH61300858	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	D13_TP01	10	6	6	15	12	15	2	66	Trung bình khá	
24	DH61300860	Khẩu Thị Yến	Nhi	D13_TP01	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
25	DH61300819	Mai Nhật Quỳnh	Như	D13_TP01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
26	DH61300913	Nguyễn Tấn	Phát	D13_TP01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
27	DH61300990	Nguy Quốc	Phong	D13_TP01	10	12	4	25	7	5	2	65	Trung bình khá	
28	DH61300958	Ngô Nguyễn Yến	Phượng	D13_TP01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
29	DH61300960	Võ Thúy	Phượng	D13_TP01	10	9	6	25	19	15	2	86	Tốt	
30	DH61301044	Phạm Thị Ngọc	Quyên	D13_TP01	10	10	8	25	14	15	9	91	Xuất sắc	
31	DH61301046	Trần	Quyên	D13_TP01	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	
32	DH61301093	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	D13_TP01	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
33	DH61301094	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	D13_TP01	10	9	8	25	13	15	9	89	Tốt	
34	DH61301159	Hồ Chấn	Thành	D13_TP01	10	6	4	25	18	10	2	75	Khá	
35	DH61301173	Lê Thu	Thảo	D13_TP01	10	10	7	20	20	15	10	92	Xuất sắc	
36	DH61301236	Âu Thị Phương	Thi	D13_TP01	10	12	8	15	4	15	2	66	Trung bình khá	
37	DH61301218	Trần Lê Đình	Thọ	D13_TP01	10	8	8	25	5	10	2	68	Trung bình khá	
38	DH61301259	Huỳnh Quang	Thụ	D13_TP01	10	10	4	25	14	10	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
39	DH61301369	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	D13_TP01	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
40	DH61301410	Huỳnh Thị Phương	Trinh	D13_TP01	10	12	4	25	7	5	2	65	Trung bình khá	
41	DH61301462	Hà Anh	Tuấn	D13_TP01	10	12	4	25	7	5	2	65	Trung bình khá	
42	DH61301493	Lê Thị	Tuyền	D13_TP01	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
43	DH61301535	Trương Thị Hồng	Vân	D13_TP01	10	12	6	25	18	10	9	90	Xuất sắc	
44	DH61301557	Từ Chí	Vinh	D13_TP01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
1	DH61300105	Trần Tuấn	Anh	D13_TP02	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
2	DH61300134	Nguyễn Thị Phương	Bảo	D13_TP02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3	DH61300148	Đoàn Thị Hồng	Cầm	D13_TP02	10	12	6	25	17	15	9	94	Xuất sắc	
4	DH61300161	Nguyễn Đồng Bảo	Châu	D13_TP02	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
5	DH61300226	Nguyễn Ngọc Xuân	Dung	D13_TP02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
6	DH61300186	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	D13_TP02	10	12	2	25	19	15	2	85	Tốt	
7	DH61300275	Nguyễn Thị Trúc	Giang	D13_TP02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
8	DH61300324	Nguyễn Hải	Hà	D13_TP02	10	12	4	15	16	15	2	74	Khá	
9	DH61300349	Phạm Minh	Hải	D13_TP02	10	8	2	15	20	15	2	72	Khá	
10	DH61300352	Trịnh Huỳnh Tuấn	Hải	D13_TP02	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
11	DH61300470	Phạm Nguyễn Ngọc	Huy	D13_TP02	10	6	0	15	10	15	2	58	Trung bình	
12	DH61300311	Lê Thị Ngọc	Hương	D13_TP02	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
13	DH61300489	Trần Minh	Khánh	D13_TP02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
14	DH61300564	Ngô Bội	Lân	D13_TP02	10	6	4	25	18	15	2	80	Tốt	
15	DH61300616	Nguyễn Bảo	Linh	D13_TP02	10	12	0	25	17	15	9	88	Tốt	
16	DH61300663	Đình Hồng Trúc	Ly	D13_TP02	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
17	DH61300689	Trần ái	Mi	D13_TP02	10	12	4	15	14	15	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	DH61300694	Đoàn Xuân	Minh	D13_TP02	10	6	0	15	-2	15	2	46	Yếu	
19	DH61300761	Vũ Thị	Ngân	D13_TP02	10	12	8	25	18	12	2	87	Tốt	
20	DH61300856	Hồ Phương Thúy	Nhi	D13_TP02	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
21	DH61300816	Đoàn Huỳnh	Như	D13_TP02	10	12	0	25	17	15	9	88	Tốt	
22	DH61300896	Nguyễn Minh	Nhật	D13_TP02	10	6	6	25	16	10	2	75	Khá	
23	DH61300899	Dương Kiều	Oanh	D13_TP02	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	
24	DH61300912	Nguyễn Nhật	Phát	D13_TP02	10	12	8	25	7	15	8	85	Tốt	
25	DH61300963	Nguyễn Hùng	Phú	D13_TP02	10	8	2	15	10	15	9	69	Trung bình khá	
26	DH61300930	Nguyễn Hồ Tiểu	Phương	D13_TP02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
27	DH61300937	Phùng Thị Bích	Phương	D13_TP02	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
28	DH61301020	Đặng Ngọc Như	Quỳnh	D13_TP02	10	12	8	25	18	12	2	87	Tốt	
29	DH61301071	Khâu Minh	Sang	D13_TP02	10	6	0	25	17	15	2	75	Khá	
30	DH61301219	Hoàng Thị Trang	Thanh	D13_TP02	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	
31	DH61301234	Nguyễn Thị Thiên	Thắm	D13_TP02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
32	DH61301249	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	D13_TP02	10	12	0	25	17	15	2	81	Tốt	
33	DH61301140	Trần Thiện Thiên	Thư	D13_TP02	10	12	8	25	10	15	9	89	Tốt	
34	DH61302104	Nguyễn Thị Kim	Trang	D13_TP02	10	12	8	25	12	15	9	91	Xuất sắc	
35	DH61301357	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D13_TP02	10	9	8	25	14	15	9	90	Xuất sắc	
36	DH61301363	Lê Diệp Bảo	Trân	D13_TP02	10	10	8	25	15	15	2	85	Tốt	
37	DH61301350	Nguyễn Lê Khánh	Trình	D13_TP02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
38	DH61301486	Trương Huỳnh Mỹ	Tuyên	D13_TP02	10	12	7	25	20	15	10	99	Xuất sắc	
39	DH61301577	Huỳnh Võ Thanh	Vy	D13_TP02	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
40	DH61301580	Lê Nguyễn Thúy	Vy	D13_TP02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH61300095	Nguyễn Thị Phương	Anh	D13_TP03	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
2	DH61300143	Cao Thị Ngọc	Bạch	D13_TP03	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
3	DH61300199	Nguyễn Thy Hà	Diễm	D13_TP03	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
4	DH61300270	Chung Bảo	Gia	D13_TP03	10	8	2	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
5	DH61300329	Phuong Mỹ	Hà	D13_TP03	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
6	DH61300308	Đỗ Ngọc Quỳnh	Hương	D13_TP03	10	12	6	25	7	15	9	84	Tốt	
7	DH61300312	Lê Thị Ngọc	Hương	D13_TP03	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
8	DH61300534	Trương Xuân	Kiên	D13_TP03	8	6	6	15	-3	15	2	49	Yếu	
9	DH61300557	Huỳnh Hoàng	Lâm	D13_TP03	10	12	4	25	15	10	2	78	Khá	
10	DH61300691	Nguyễn Mộc	Miên	D13_TP03	10	12	2	25	7	15	2	73	Khá	
11	DH61300764	Nguyễn Thị Hằng	Nga	D13_TP03	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
12	DH61300753	Phạm Mai Hoàng	Ngân	D13_TP03	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
13	DH61300840	Võ Hoàng	Nhân	D13_TP03	10	9	8	25	10	15	9	86	Tốt	
14	DH61300857	Hầu Lâm Đình	Nhi	D13_TP03	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
15	DH61300874	Trần Phương	Nhi	D13_TP03	10	12	2	25	12	15	9	85	Tốt	
16	DH61300887	Lê Thị Cẩm	Nhung	D13_TP03	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
17	DH61301047	Trần Đoàn Phương	Quyên	D13_TP03	10	12	8	25	4	10	2	71	Khá	
18	DH61301073	Lưu Tấn	Sang	D13_TP03	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
19	DH61301103	Huỳnh Khánh	Tân	D13_TP03	10	12	2	25	5	15	9	78	Khá	
20	DH61301242	Võ Văn	Thiên	D13_TP03	8	6	6	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
21	DH61301131	Lê Thị Vũ	Thư	D13_TP03	10	12	6	25	10	15	9	87	Tốt	
22	DH61301288	Bùi Ngọc Cẩm	Tiên	D13_TP03	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
23	DH61301312	Lê Phi	Tiến	D13_TP03	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH61301502	Võ Sĩ	Tín	D13_TP03	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
25	DH61301380	Mai Thùy	Trang	D13_TP03	10	9	6	25	7	15	2	74	Khá	
26	DH61301362	Hồ Thị Huyền	Trân	D13_TP03	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
27	DH61301437	Quách Thanh	Trúc	D13_TP03	9	9	0	25	2	15	9	69	Trung bình khá	
28	DH61301465	Lê Minh	Tuấn	D13_TP03	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
29	DH61301524	Huỳnh Như Ngọc	Vân	D13_TP03	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
30	DH61301558	Trần Thị Phúc	Vinh	D13_TP03	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
31	DH61301589	Võ Trần Thúy	Vy	D13_TP03	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
32	DH61301568	Hà Phạm Kim	Vỹ	D13_TP03	10	12	6	25	7	15	2	77	Khá	
33	DH61301604	Nguyễn Thành	ý	D13_TP03	10	12	6	25	10	5	2	70	Khá	
1	DH61300068	Nguyễn Thái	An	D13_TP04	10	6	4	15	6	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
2	DH61300069	Nguyễn Thành	An	D13_TP04	10	12	7	25	9	15	9	87	Tốt	
3	DH61300262	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D13_TP04	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
4	DH61300264	Võ Nguyễn Trúc	Duyên	D13_TP04	10	12	3	25	15	15	2	82	Tốt	
5	DH61300029	Châu Văn Tấn	Đạt	D13_TP04	10	12	7	15	9	15	9	77	Khá	
6	DH61300057	Nguyễn Khắc	Định	D13_TP04	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
7	DH61300021	Trương Quý	Đông	D13_TP04	10	12	7	25	16	15	9	94	Xuất sắc	
8	DH61300357	Nguyễn Thị Dung	Hạnh	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
9	DH61300354	Nguyễn Thị Như	Hào	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
10	DH61300478	Nguyễn Bích	Huyền	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
11	DH61300597	Trần Thị Mỹ	Liên	D13_TP04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
12	DH61300688	Sâm Hải	Mi	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
13	DH61300705	Nguyễn Ngọc	Minh	D13_TP04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH61300728	Ngô Thị Kiều	My	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
15	DH61300729	Ngô Trà	My	D13_TP04	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
16	DH61300759	Võ Dư Thảo	Ngân	D13_TP04	10	12	4	25	9	15	9	84	Tốt	
17	DH61300918	Thái Thanh	Phát	D13_TP04	10	12	4	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
18	DH61300994	Võ Hữu Văn	Phong	D13_TP04	10	6	4	15	6	15	2	58	Trung bình	
19	DH61301003	Nguyễn Việt	Quân	D13_TP04	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
20	DH61301067	Quách Thị Thu	Sương	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
21	DH61301117	Lê Tấn	Tài	D13_TP04	10	12	4	25	6	15	9	81	Tốt	
22	DH61301185	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
23	DH61301280	Nguyễn Thị	Thuận	D13_TP04	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
24	DH61301250	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	D13_TP04	10	12	6	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
25	DH61301382	Ngô Thùy	Trang	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
26	DH61301401	Mai Quyết	Trọng	D13_TP04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
27	DH61301507	Đỗ Thu	Uyên	D13_TP04	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
28	DH61301528	Nguyễn Tường	Vân	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
29	DH61301532	Phan Thị Bích	Vân	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
30	DH61301555	Nhìn Phí	Vinh	D13_TP04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
31	DH61301563	Phạm Thị Hoài	Vũ	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
32	DH61301574	Hà Khánh	Vy	D13_TP04	10	12	8	15	6	15	8	74	Khá	
33	DH61301593	Phan Thị Diệu	Xuân	D13_TP04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
34	DH61301598	Đặng Thị Như	ý	D13_TP04	10	12	6	15	6	15	2	66	Trung bình khá	
1	DH61300059	Đặng Thái	An	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
2	DH61300091	Nguyễn Mai	Anh	D13_TP05	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3	DH61300092	Nguyễn Phi	Anh	D13_TP05	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
4	DH61300112	Dương Tiêu	Bình	D13_TP05	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
5	DH61300201	Nguyễn Lam Trúc	Diệp	D13_TP05	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
6	DH61300211	Ngô Hoàng	Dũng	D13_TP05	10	12	7	25	16	12	9	91	Xuất sắc	
7	DH61300048	Phạm Dương	Đan	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
8	DH61300022	Ngô Yên	Đình	D13_TP05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
9	DH61300299	Võ Thị Thanh	Hằng	D13_TP05	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
10	DH61300436	Võ Thành	Hoàng	D13_TP05	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
11	DH61300314	Phạm Thị Trúc	Hương	D13_TP05	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
12	DH61300520	Lê Anh	Khoa	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
13	DH61300555	Đào Phát	Lâm	D13_TP05	10	9	8	25	17	15	2	86	Tốt	
14	DH61300680	Trần Thị Thu	Mai	D13_TP05	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
15	DH61300722	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Mỹ	D13_TP05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
16	DH61300762	Đặng Thị Thiên	Nga	D13_TP05	10	12	6	25	20	5	10	88	Tốt	
17	DH61300765	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	D13_TP05	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
18	DH61300814	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	D13_TP05	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
19	DH61300850	Nguyễn Minh	Nhật	D13_TP05	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
20	DH61300889	Phan Ngọc	Nhung	D13_TP05	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
21	DH61300818	Mai Hoàng Quỳnh	Như	D13_TP05	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
22	DH61300988	Nguyễn Đỗ Đình	Phục	D13_TP05	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
23	DH61301180	Nguyễn Thanh	Thảo	D13_TP05	10	12	8	25	20	5	9	89	Tốt	
24	DH61301189	Nguyễn Thu	Thảo	D13_TP05	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
25	DH61301260	Lê Thị Kim	Thoa	D13_TP05	10	10	8	25	19	15	9	96	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
26	DH61301272	Huỳnh Thị Cẩm	Thu	D13_TP05	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
27	DH61301132	Lục Anh	Thư	D13_TP05	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
28	DH61301136	Nguyễn Anh	Thư	D13_TP05	10	10	8	25	18	15	2	88	Tốt	
29	DH61301376	Huỳnh Thị	Trang	D13_TP05	10	12	8	25	18	15	10	98	Xuất sắc	
30	DH61301381	Mai Thị Xuân	Trang	D13_TP05	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
31	DH61301390	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TP05	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
32	DH61301396	Phạm Vũ Khương	Trang	D13_TP05	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
33	DH61301352	Lê Thị Bích	Trâm	D13_TP05	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
34	DH61301353	Ngô Thị	Trâm	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
35	DH61301301	Nguyễn Việt Duy	Tùng	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
36	DH61301111	Nguyễn Thị Xinh	Tươi	D13_TP05	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
37	DH61301510	Nguyễn Cao Nhã	Uyên	D13_TP05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
38	DH61301522	Đỗ Trần Khánh	Vân	D13_TP05	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
39	DH61301533	Phan Thị Hồng	Vân	D13_TP05	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
1	DH61300002	Nguyễn Thị Nhân	ái	D13_TP06	10	12	4	15	14	15	2	72	Khá	
2	DH61300165	Phạm Thị Diễm	Châu	D13_TP06	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
3	DH61300194	Trần Đại	Danh	D13_TP06	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
4	DH61300198	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	D13_TP06	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
5	DH61300204	Chế Thị Mỹ	Diệu	D13_TP06	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
6	DH61300326	Nguyễn Thị Thanh	Hà	D13_TP06	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
7	DH61300297	Trần Thị	Hằng	D13_TP06	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
8	DH61300298	Trần Thị Thu	Hằng	D13_TP06	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
9	DH61300406	Phạm Thị Minh	Hiếu	D13_TP06	10	12	7	25	17	15	9	95	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
10	DH61300364	Mai Kim	Hồng	D13_TP06	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
11	DH61300580	Trần Thị Hương	Lan	D13_TP06	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
12	DH61300632	Tsần Kim	Linh	D13_TP06	10	12	7	25	19	15	2	90	Xuất sắc	
13	DH61300658	Lê Văn	Lực	D13_TP06	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	
14	DH61300687	Nguyễn Hà	Mi	D13_TP06	10	12	4	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
15	DH61300670	Khúc Thị	Mơ	D13_TP06	10	12	8	25	19	10	10	94	Xuất sắc	
16	DH61300766	Tô Yên	Nga	D13_TP06	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
17	DH61300755	Phạm Thị Ngọc	Ngân	D13_TP06	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
18	DH61300757	Trần Thị Quỳnh	Ngân	D13_TP06	10	9	4	25	17	10	2	77	Khá	
19	DH61300846	Võ Thanh	Nhàn	D13_TP06	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
20	DH61300817	Lê Thị Thùy	Như	D13_TP06	10	9	4	25	11	15	2	76	Khá	
21	DH61301049	Trần Phương	Quyên	D13_TP06	10	12	4	25	11	15	2	79	Khá	
22	DH61301051	Võ Thúy	Quyên	D13_TP06	10	12	4	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
23	DH61301097	Nguyễn Thị Minh	Tâm	D13_TP06	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
24	DH61301098	Phan Văn	Tâm	D13_TP06	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
25	DH61301211	Trần Hữu	Thắng	D13_TP06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
26	DH61301254	Nguyễn Thị Hồng	Thùy	D13_TP06	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
27	DH61301285	Nguyễn Thị Thanh	Thy	D13_TP06	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
28	DH61301323	Thang Gia	Tiến	D13_TP06	10	9	4	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
29	DH61301388	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D13_TP06	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
30	DH61301391	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TP06	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
31	DH61301355	Nguyễn Lê Quỳnh	Trâm	D13_TP06	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
32	DH61301368	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D13_TP06	10	12	4	25	6	10	9	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
33	DH61301306	Võ Ngọc	Tùng	D13_TP06	0	8	0	-10	0	0	0	-2	Kém	
34	DH61301488	Bùi Phạm Bích	Tuyền	D13_TP06	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
35	DH61301492	Huỳnh Thị Sơn	Tuyền	D13_TP06	10	12	4	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
36	DH61301531	Nguyễn Thị Thanh	Vân	D13_TP06	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
37	DH61301541	Nguyễn ái	Vi	D13_TP06	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
38	DH61301553	Nguyễn Thê	Vinh	D13_TP06	10	12	4	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
39	DH61301601	Lê Thị	ý	D13_TP06	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
1	DH61400061	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	D14_TP01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
2	DH61400069	Trần Vũ	Bảo	D14_TP01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
3	DH61400101	Đình Thị Hạ	Châu	D14_TP01	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
4	DH61400122	Nguyễn Ngọc Mai	Chi	D14_TP01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
5	DH61400219	Dương Tuấn	Đạt	D14_TP01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
6	DH61400271	Nguyễn Thị Duyên	Hằng	D14_TP01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
7	DH61400275	Trần Thị Thúy	Hằng	D14_TP01	9	8	8	25	16	15	9	90	Xuất sắc	
8	DH61400452	Phan Thị Kim	Hon	D14_TP01	10	8	6	25	10	15	2	76	Khá	
9	DH61400355	Nguyễn Thị	Hồng	D14_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
10	DH61400641	Trần Thị Thanh	Loan	D14_TP01	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
11	DH61400609	Nguyễn Tấn	Lượng	D14_TP01	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
12	DH61400676	Sử Hoàng Thanh	Mai	D14_TP01	10	12	6	25	17	15	9	94	Xuất sắc	
13	DH61400694	Lê Nhật	Minh	D14_TP01	10	12	4	25	17	15	9	92	Xuất sắc	
14	DH61400727	Thái Thị Trà	My	D14_TP01	10	10	8	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
15	DH61400732	Châu Vinh	Nam	D14_TP01	10	9	8	25	17	15	9	93	Xuất sắc	
16	DH61400783	Hà Bảo	Ngà	D14_TP01	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
17	DH61400761	Nguyễn Kim	Ngân	D14_TP01	10	9	8	25	15	15	9	91	Xuất sắc	
18	DH61400794	Hà Thị Kim	Ngọc	D14_TP01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
19	DH61400831	Đặng Thị Kim	Nguyên	D14_TP01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
20	DH61401701	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	D14_TP01	9	12	6	25	14	15	2	83	Tốt	
21	DH61400887	Nguyễn Long	Nhật	D14_TP01	9	12	8	25	15	15	2	86	Tốt	
22	DH61400894	Huỳnh Mẫn	Nhi	D14_TP01	9	9	4	25	13	15	2	77	Khá	
23	DH61400897	Lê Phương	Nhi	D14_TP01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
24	DH61400896	Lương Vũ Quỳnh	Nhi	D14_TP01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
25	DH61400965	Từ Hồng	Phấn	D14_TP01	9	9	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
26	DH61401030	Phạm Kim	Phụng	D14_TP01	10	12	4	15	16	15	2	74	Khá	
27	DH61400978	Đỗ Thị Ngọc	Phượng	D14_TP01	9	9	8	25	18	15	2	86	Tốt	
28	DH61301120	Nguyễn Tấn	Tài	D14_TP01	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
29	DH61401735	Đoàn Vũ Thanh	Tân	D14_TP01	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
30	DH61401289	Nguyễn Thị Lệ	Thu	D14_TP01	10	8	6	25	15	10	9	83	Tốt	
31	DH61401262	Đình Thị	Thủy	D14_TP01	9	12	4	24	14	15	2	80	Tốt	
32	DH61401263	Ngô Thanh	Thủy	D14_TP01	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
33	DH61401415	Trần Thị Thanh	Trang	D14_TP01	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
34	DH61401476	Dương Quốc	Trí	D14_TP01	9	12	8	25	20	10	2	86	Tốt	
35	DH61401485	Nguyễn Thành	Trí	D14_TP01	9	12	8	25	18	10	2	84	Tốt	
36	DH61401453	Trần Lại Thủy	Triều	D14_TP01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
37	DH61401429	Thái Nhật	Trường	D14_TP01	7	8	8	15	18	15	2	73	Khá	
38	DH61401328	Trần Huỳnh Thanh	Tùng	D14_TP01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
39	DH61401559	Nguyễn Lê Tường	Vi	D14_TP01	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
40	DH61401583	Nguyễn Tấn Anh	Vũ	D14_TP01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
41	DH61401603	Nguyễn Thảo	Vy	D14_TP01	10	9	7	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
1	DH61401708	Phạm Bình	An	D14_TP02	10	12	4	15	13	15	2	71	Khá	
2	DH61400037	Nguyễn Lê Xuân	Anh	D14_TP02	10	10	8	25	19	10	2	84	Tốt	
3	DH61400064	Nguyễn Hoàng	Bảo	D14_TP02	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
4	DH61400056	Lê Quang	Bình	D14_TP02	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
5	DH61400151	Nguyễn Huy	Danh	D14_TP02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
6	DH61400253	Phạm Linh	Em	D14_TP02	10	12	6	25	20	5	2	80	Tốt	
7	DH61400260	Đỗ Thị Lệ	Giang	D14_TP02	10	12	6	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
8	DH61400346	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	D14_TP02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
9	DH61400267	Đặng Thị Tuyết	Hằng	D14_TP02	10	12	8	25	9	10	2	76	Khá	
10	DH61400384	Nguyễn Thị Minh	Hiền	D14_TP02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
11	DH61400493	Chu Thị Khánh	Huyền	D14_TP02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
12	DH61400501	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	D14_TP02	10	9	4	25	20	10	9	87	Tốt	
13	DH61400466	Phạm Ngọc Trúc	Huỳnh	D14_TP02	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
14	DH61400535	Nguyễn Thị Gia	Khanh	D14_TP02	10	8	4	25	19	10	2	78	Khá	
15	DH61400628	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D14_TP02	10	8	6	25	19	10	2	80	Tốt	
16	DH61400631	Trương Thúy ái	Linh	D14_TP02	10	12	6	25	20	12	9	94	Xuất sắc	
17	DH61400639	Trần Nguyễn Phi	Loan	D14_TP02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
18	DH61400657	Khuong Nguyễn Kinh	Luân	D14_TP02	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
19	DH61400713	Tạ Thị	Mến	D14_TP02	10	12	8	25	17	10	9	91	Xuất sắc	
20	DH61400686	Đỗ Nhựt	Minh	D14_TP02	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
21	DH61400714	Nguyễn Bé	Mạnh	D14_TP02	10	12	4	25	20	5	9	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
22	DH61400898	Ngô Thị Yến	Nhi	D14_TP02	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
23	DH61400852	Ngô Thị Quỳnh	Như	D14_TP02	10	12	4	15	18	10	2	71	Khá	
24	DH61401009	Trần Anh Đại	Phúc	D14_TP02	10	12	4	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
25	DH61401059	Trần Thị Phương	Quỳnh	D14_TP02	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
26	DH61401078	Nguyễn Ngọc	Sâm	D14_TP02	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
27	DH61401185	Nguyễn Phước	Thành	D14_TP02	10	12	5	25	14	5	2	73	Khá	
28	DH61401252	Phạm Nguyễn Thanh	Thi	D14_TP02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
29	DH61401158	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D14_TP02	10	12	4	25	20	5	9	85	Tốt	
30	DH61401299	Phạm Vũ Đan	Thy	D14_TP02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
31	DH61401313	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D14_TP02	10	9	8	25	18	10	9	89	Tốt	
32	DH61401368	Nguyễn	Tony	D14_TP02	10	8	8	25	16	10	9	86	Tốt	
33	DH61401399	Nguyễn Minh	Trang	D14_TP02	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
34	DH61401378	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	D14_TP02	10	12	4	25	16	10	9	86	Tốt	
35	DH61401475	Đỗ Minh	Trí	D14_TP02	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
36	DH61401482	Nguyễn Cao	Trí	D14_TP02	10	12	8	15	9	5	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
37	DH61401760	Huỳnh Minh	Trường	D14_TP02	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
38	DH61401348	Nguyễn Cẩm	Tú	D14_TP02	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
39	DH61401530	Ngô Thị ánh	Tuyết	D14_TP02	10	12	4	25	16	12	2	81	Tốt	
40	DH61401564	Bùi Quang	Vinh	D14_TP02	10	12	4	25	14	10	9	84	Tốt	
1	DH61400023	Châu Kiều	Anh	D14_TP03	10	9	0	25	20	5	2	71	Khá	
2	DH61400004	Bùi Thị	ánh	D14_TP03	10	12	4	25	20	15	8	94	Xuất sắc	
3	DH61400113	Lê Tấn Hoàng	Chương	D14_TP03	10	10	7	25	20	10	2	84	Tốt	
4	DH61400092	Nguyễn Lý	Cường	D14_TP03	10	10	0	25	20	8	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	DH61400158	Võ Ngọc	Diễm	D14_TP03	10	12	4	15	13	10	2	66	Trung bình khá	
6	DH61400216	Đỗ Thành	Đạt	D14_TP03	10	9	8	25	20	10	8	90	Xuất sắc	
7	DH61400213	Nguyễn Thị Bé	Đình	D14_TP03	10	9	4	25	20	10	6	84	Tốt	
8	DH61400249	Phùng Ngọc	Đức	D14_TP03	10	9	4	25	6	10	6	70	Khá	
9	DH61400305	Lê Thị Thu	Hà	D14_TP03	10	10	2	25	20	5	2	74	Khá	
10	DH61401718	Phạm Thị ánh	Hồng	D14_TP03	10	9	2	25	20	10	8	84	Tốt	
11	DH61400498	Lê Ngọc Mai	Huyền	D14_TP03	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
12	DH61400499	Nguyễn Thanh	Huyền	D14_TP03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
13	DH61400419	Trang Nguyễn Phước	Hung	D14_TP03	10	6	2	15	15	10	2	60	Trung bình khá	
14	DH61401762	Huỳnh Bảo	Long	D14_TP03	10	9	6	15	20	10	2	72	Khá	
15	DH61400785	Lý Diệp Thiên	Nga	D14_TP03	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
16	DH61400764	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D14_TP03	10	9	4	15	20	10	8	76	Khá	
17	DH61400770	Phan Đình Ngọc	Ngân	D14_TP03	10	8	4	15	20	10	2	69	Trung bình khá	
18	DH61400819	Đình Trọng	Nghĩa	D14_TP03	10	6	2	25	18	10	2	73	Khá	
19	DH61400791	Đào Khả	Ngọc	D14_TP03	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
20	DH61400916	Bùi Thị Cẩm	Nhung	D14_TP03	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
21	DH61400931	Huỳnh Thị Bảo	Ny	D14_TP03	10	6	2	25	15	10	2	70	Khá	
22	DH61400944	Phạm Thuận	Phát	D14_TP03	10	9	4	25	15	10	8	81	Tốt	
23	DH61401023	Nguyễn Yên	Phong	D14_TP03	10	10	2	25	20	10	8	85	Tốt	
24	DH61401110	Lê Thị Hồng	Tâm	D14_TP03	10	9	2	25	18	10	2	76	Khá	
25	DH61401234	Lê Ngọc Xuân	Thanh	D14_TP03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
26	DH61401239	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	D14_TP03	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
27	DH61401199	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D14_TP03	10	12	4	25	18	10	8	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
28	DH61401204	Phạm Thị Thanh	Thảo	D14_TP03	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
29	DH61401217	Nguyễn Anh Minh	Thắng	D14_TP03	10	12	0	25	20	10	2	79	Khá	
30	DH61401249	Ng Song Thụy Giang	Thì	D14_TP03	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
31	DH61401175	Hoàng Văn	Thông	D14_TP03	10	6	2	25	16	10	2	71	Khá	
32	DH61401160	Nguyễn Thị Anh	Thư	D14_TP03	10	8	2	25	17	10	2	74	Khá	
33	DH61401656	Nguyễn Lý Xuân	Thy	D14_TP03	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
34	DH61401395	Dương Thị Huỳnh	Trang	D14_TP03	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
35	DH61401744	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D14_TP03	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
36	DH61401406	Nguyễn Thị Thanh	Trang	D14_TP03	10	8	2	15	18	10	2	65	Trung bình khá	
37	DH61401491	Trần Thiện	Trí	D14_TP03	10	6	4	25	19	10	2	76	Khá	
38	DH61401620	Mai Nguyễn Như	ý	D14_TP03	10	9	0	25	20	10	9	83	Tốt	
39	DH61401625	Đình Hồng	Yến	D14_TP03	10	9	2	25	20	10	9	85	Tốt	
1	DH61400031	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	D14_TP04	10	12	0	15	14	15	8	74	Khá	
2	DH61400041	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	D14_TP04	10	9	0	15	8	15	2	59	Trung bình	
3	DH61400161	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	D14_TP04	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
4	DH61400200	Lê Thị ánh	Duyên	D14_TP04	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
5	DH61400302	Bùi Ngọc Ngân	Hà	D14_TP04	10	12	6	25	12	10	2	77	Khá	
6	DH61400334	Nguyễn Mỹ	Hào	D14_TP04	10	12	2	25	13	15	2	79	Khá	
7	DH61400467	Đào Thanh	Huy	D14_TP04	10	8	2	25	10	15	2	72	Khá	
8	DH61400364	Huỳnh Thị Kim	Hường	D14_TP04	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
9	DH61401726	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	D14_TP04	10	10	4	25	20	10	2	81	Tốt	
10	DH61400622	Nguyễn Thị Diễm	Linh	D14_TP04	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
11	DH61401779	Trần Thị Khánh	Linh	D14_TP04	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH61400647	Huỳnh Thành	Long	D14_TP04	9	12	2	15	14	10	8	70	Khá	
13	DH61400653	Trần Duy	Long	D14_TP04	8	12	4	15	10	15	2	66	Trung bình khá	
14	DH61400683	Nguyễn Ngọc Kiều	Mi	D14_TP04	10	12	2	25	14	10	2	75	Khá	
15	DH61400703	Tạ Võ Quang	Minh	D14_TP04	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
16	DH61400816	Dương Hữu	Nghị	D14_TP04	10	10	2	25	13	15	2	77	Khá	
17	DH61400804	Phạm Trần Yến	Ngọc	D14_TP04	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
18	DH61400844	Nguyễn Thị Mộng	Nguyên	D14_TP04	10	9	6	25	11	15	2	78	Khá	
19	DH61401690	Phạm Kim	Nguyệt	D14_TP04	9	12	4	15	4	15	2	61	Trung bình khá	
20	DH61400850	Trang Thị ánh	Nguyệt	D14_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
21	DH61400890	Bùi Ngọc Yến	Nhi	D14_TP04	10	8	2	25	14	15	9	83	Tốt	
22	DH61400861	Trần Huỳnh	Như	D14_TP04	8	9	2	15	10	15	2	61	Trung bình khá	
23	DH61400935	Phạm Thị Hoàng	Oanh	D14_TP04	10	12	4	25	16	15	0	82	Tốt	
24	DH61401018	Cung Đạt	Phong	D14_TP04	9	12	4	15	14	15	2	71	Khá	
25	DH61401293	Huỳnh Ngọc	Thuận	D14_TP04	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
26	DH61401297	Hà Thụy Kim	Thuyên	D14_TP04	8	6	2	15	10	15	2	58	Trung bình	
27	DH61401154	Lê Thị Minh	Thư	D14_TP04	10	10	2	25	20	10	2	79	Khá	
28	DH61401162	Phan Ngọc Anh	Thư	D14_TP04	10	10	4	25	20	8	2	79	Khá	
29	DH61401312	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D14_TP04	10	12	4	25	13	15	9	88	Tốt	
30	DH61401396	Hoàng Trần Thùy	Trang	D14_TP04	10	8	4	25	10	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH61401398	Lý Ngọc	Trang	D14_TP04	10	12	8	25	12	10	2	79	Khá	
32	DH61401389	Tăng Thục	Trần	D14_TP04	10	9	6	25	18	15	2	85	Tốt	
33	DH61401446	Trần Thị Thùy	Trình	D14_TP04	9	8	2	15	8	15	2	59	Trung bình	
34	DH61401454	Đỗ Ngô Phương	Trúc	D14_TP04	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH61401457	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D14_TP04	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
36	DH61401544	Đỗ Hoàng Phương	Uyên	D14_TP04	9	12	2	25	14	10	2	74	Khá	
37	DH61401557	Nguyễn Minh	Vương	D14_TP04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
38	DH61401601	Nguyễn Hoàng Thanh	Vy	D14_TP04	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
39	DH61401607	Phạm Thị Tường	Vy	D14_TP04	10	12	4	25	10	15	9	85	Tốt	
40	DH61401615	Đoàn Ngọc	Xuân	D14_TP04	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
1	DH61400036	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	D14_TP05	10	12	6	25	14	5	2	74	Khá	
2	DH61400035	Nguyễn Hồng	Anh	D14_TP05	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
3	DH61400099	Ngô Bằng	Chánh	D14_TP05	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
4	DH61400136	Nguyễn Thiện	Chí	D14_TP05	10	12	8	15	13	15	2	75	Khá	
5	DH61400344	Nguyễn Thị Hương	Hạnh	D14_TP05	10	9	6	25	6	10	2	68	Trung bình khá	
6	DH61400435	Nguyễn Thanh	Hoàng	D14_TP05	0	6	0	-10	-10	-5	8	-11	Kém	
7	DH61400299	Trần Phạm Xuân	Hương	D14_TP05	10	12	4	25	14	5	2	72	Khá	
8	DH61400503	Ôn Kim	Khánh	D14_TP05	10	12	0	25	11	15	2	75	Khá	
9	DH61400585	Nguyễn Thị Hồng	Lan	D14_TP05	10	9	4	15	12	5	2	57	Trung bình	
10	DH61400620	Ngtrần Trung Khánh	Linh	D14_TP05	10	12	6	25	20	5	10	88	Tốt	
11	DH61400660	Ngô Bá Khả	Luân	D14_TP05	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
12	DH61400673	Lê Đào Xuân	Mai	D14_TP05	10	9	6	25	16	15	10	91	Xuất sắc	
13	DH61400697	Nguyễn Bình	Minh	D14_TP05	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
14	DH61400709	Trần Công	Minh	D14_TP05	0	10	0	-10	0	0	8	8	Kém	
15	DH61400720	Huỳnh Thị Diễm	My	D14_TP05	8	12	4	15	8	15	10	72	Khá	
16	DH61400715	Lê Thị Ngọc	Mỹ	D14_TP05	10	10	8	25	13	15	2	83	Tốt	
17	DH61400751	Đỗ Thị Thanh	Ngân	D14_TP05	10	10	6	25	16	15	9	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	DH61400759	Lý Ngọc	Ngân	D14_TP05	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
19	DH61401727	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D14_TP05	10	9	5	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
20	DH61400809	Trịnh Cát	Ngọc	D14_TP05	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
21	DH61401000	Nguyễn Minh	Phúc	D14_TP05	10	9	4	25	10	10	9	77	Khá	
22	DH61400952	Huỳnh Thụy	Phương	D14_TP05	10	12	4	25	19	15	9	94	Xuất sắc	
23	DH61401038	Nguyễn Văn	Quân	D14_TP05	10	12	6	25	20	12	2	87	Tốt	
24	DH61401171	Phạm Hồng	Thái	D14_TP05	10	12	6	10	15	2	2	57	Trung bình	
25	DH61401188	Phạm Quốc	Thành	D14_TP05	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
26	DH61401193	Trần Trung	Thành	D14_TP05	8	10	6	25	14	13	0	76	Khá	
27	DH61401245	Lê Thị Ngọc	Thắm	D14_TP05	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
28	DH61401271	Lưu Thanh	Thúy	D14_TP05	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
29	DH61401678	Phạm Thụy Minh	Thư	D14_TP05	10	8	8	25	13	5	9	78	Khá	
30	DH61401310	Nguyễn Phan Cẩm	Tiên	D14_TP05	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
31	DH61401362	Nguyễn Quốc	Toàn	D14_TP05	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
32	DH61401487	Trần Bảo	Trí	D14_TP05	10	9	0	25	20	10	2	76	Khá	
33	DH61401494	Hồ Minh	Tuấn	D14_TP05	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
34	DH61401511	Trần Minh	Tuấn	D14_TP05	10	8	5	25	14	10	2	74	Khá	
35	DH61401513	Võ Anh	Tuấn	D14_TP05	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
36	DH61401547	Nguyễn Thị Cẩm	Uyên	D14_TP05	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
37	DH61401560	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	D14_TP05	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
38	DH61401637	Viên Kim	Yến	D14_TP05	10	6	4	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
1	DH61401786	Nguyễn Thị Bá	An	D14_TP06	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
2	DH61400100	Trương Gia	Chánh	D14_TP06	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3	DH61400107	Nguyễn Huy	Châu	D14_TP06	10	10	6	15	2	15	2	60	Trung bình khá	
4	DH61400130	Trần Thị Kim	Chi	D14_TP06	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
5	DH61400147	Trần Thị Vĩ	Dạ	D14_TP06	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
6	DH61400207	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	D14_TP06	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
7	DH61400235	Trần	Đạt	D14_TP06	10	9	4	25	17	15	10	90	Xuất sắc	
8	DH61400257	Ngô Xương	Gia	D14_TP06	10	12	8	15	13	15	9	82	Tốt	
9	DH61400263	Nguyễn Hữu Trường	Giang	D14_TP06	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
10	DH61400272	Nguyễn Trương Thúy	Hằng	D14_TP06	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
11	DH61400378	Võ Thanh	Hiền	D14_TP06	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
12	DH61400440	Phùng Thanh	Hoàng	D14_TP06	10	9	8	15	18	15	2	77	Khá	
13	DH61400464	Lý Ngọc	Huệ	D14_TP06	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
14	DH61400296	Nguyễn Thị Thu	Hương	D14_TP06	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
15	DH61400546	Nguyễn Trần Anh	Khoa	D14_TP06	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
16	DH61400579	Ngô Triết	Lâm	D14_TP06	10	9	8	25	15	15	9	91	Xuất sắc	
17	DH61400750	Đỗ Chí	Ngân	D14_TP06	10	8	8	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
18	DH61400843	Nguyễn Thị	Nguyên	D14_TP06	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
19	DH61400829	Lê Cẩm	Ngung	D14_TP06	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
20	DH61400920	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D14_TP06	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
21	DH61400862	Trần Huỳnh	Như	D14_TP06	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
22	DH61400993	Đào Thị	Phúc	D14_TP06	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
23	DH61401028	Lý Diễm	Phụng	D14_TP06	10	8	8	25	15	15	9	90	Xuất sắc	
24	DH61401731	Phan ái	Phương	D14_TP06	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
25	DH61400981	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D14_TP06	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
26	DH61401072	Trần Tô	Quyên	D14_TP06	10	9	8	15	18	15	2	77	Khá	
27	DH61401090	Trần Thiện	Son	D14_TP06	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
28	DH61401288	Nguyễn Thị	Thu	D14_TP06	10	10	8	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
29	DH61401322	Trịnh ái	Tiên	D14_TP06	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
30	DH61401323	Võ Anh	Tiên	D14_TP06	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
31	DH61401531	Lê Thị Ty	Ty	D14_TP06	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
32	DH61401549	Trương Tô	Uyên	D14_TP06	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
33	DH61401693	Lê Nguyễn Tường	Vy	D14_TP06	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
34	DH61401609	Trần Hồ Hoàng	Vy	D14_TP06	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
35	DH61401635	Trần Thị Kim	Yến	D14_TP06	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1	DH61500258	Nhiều Dương Hoàng	Anh	D15_TP01	9	8	8	25	18	7	2	77	Khá	
2	DH61500450	Trần Xuân	Bách	D15_TP01	10	6	2	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
3	DH61500272	Trịnh Gia	Bảo	D15_TP01	10	8	5	25	18	15	2	83	Tốt	
4	DH61500271	Nguyễn Thị Kim	Cương	D15_TP01	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
5	DH61502463	Nguyễn Văn Tường	Duy	D15_TP01	10	8	4	25	12	15	9	83	Tốt	
6	DH61502464	Võ ái	Duy	D15_TP01	10	8	2	25	18	5	2	70	Khá	
7	DH61500446	Lê Thành	Đạt	D15_TP01	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
8	DH61500270	Võ Thành	Đạt	D15_TP01	9	8	8	25	0	13	2	65	Trung bình khá	
9	DH61500266	Lê Thị Ngọc	Hân	D15_TP01	10	6	4	25	14	15	8	82	Tốt	
10	DH61500279	Phạm Nghĩa	Hiệp	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
11	DH61500276	Trần Minh	Hiếu	D15_TP01	10	6	4	25	6	5	2	58	Trung bình	
12	DH61502465	Trần Dy	Huê	D15_TP01	10	9	2	25	18	10	2	76	Khá	
13	DH61500110	Bành Nhựt	Hùng	D15_TP01	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH61500023	Nguyễn Minh	Hùng	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
15	DH61500265	Lê Thị Cẩm	Hương	D15_TP01	10	6	2	25	17	10	2	72	Khá	
16	DH61500451	Nguyễn Thị Kim	Khánh	D15_TP01	10	8	8	25	0	5	2	58	Trung bình	
17	DH61500263	Trần Như	Khương	D15_TP01	6	6	8	20	6	5	2	53	Trung bình	
18	DH61500445	Trịnh Thị Kim	Liên	D15_TP01	10	8	8	25	6	15	10	82	Tốt	
19	DH61500024	Vô Thị Ngọc	Linh	D15_TP01	10	8	8	25	6	15	2	74	Khá	
20	DH61500261	Trần Quốc	Lĩnh	D15_TP01	10	8	6	25	6	15	9	79	Khá	
21	DH61500106	Dương Quỳnh	Mai	D15_TP01	10	6	2	25	14	10	2	69	Trung bình khá	
22	DH61500278	Trần Minh	Mẫn	D15_TP01	9	6	0	25	3	15	2	60	Trung bình khá	
23	DH61502247	Đoàn Huỳnh ái	Ngọc	D15_TP01	8	8	2	25	20	10	6	79	Khá	
24	DH61502467	Nguyễn Trần Chung	Nguyên	D15_TP01	9	9	2	25	12	15	8	80	Tốt	
25	DH61500262	Nguyễn Thành	Nhân	D15_TP01	10	9	2	25	9	10	2	67	Trung bình khá	
26	DH61500264	Nguyễn Trọng	Nhân	D15_TP01	9	8	8	25	3	5	2	60	Trung bình khá	
27	DH61409003	Bùi Hiếu	Nhi	D15_TP01	8	6	4	24	0	15	2	59	Trung bình	
28	DH61500260	Dương Thị Quỳnh	Như	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
29	DH61500449	Trần Thị Quỳnh	Như	D15_TP01	9	8	3	25	20	5	2	72	Khá	
30	DH61500448	Diệp Cẩm	Phong	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
31	DH61500452	Trần Lê	Phước	D15_TP01	9	8	3	23	20	10	6	79	Khá	
32	DH61500275	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	D15_TP01	10	6	8	25	17	10	2	78	Khá	
33	DH61500267	Trịnh Như	Quỳnh	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
34	DH61502246	Huỳnh Thị Thảo	Sương	D15_TP01	10	8	0	25	2	15	2	62	Trung bình khá	
35	DH61500107	Nguyễn Huỳnh Minh	Tân	D15_TP01	10	8	0	21	19	15	2	75	Khá	
36	DH61500108	Trần Thanh	Tấn	D15_TP01	8	8	2	25	0	15	2	60	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
37	DH61500273	Nguyễn Thông Hồng	Thái	D15_TP01	9	8	6	25	9	15	8	80	Tốt	
38	DH61500268	Trần Nhật	Thái	D15_TP01	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
39	DH61500109	La Mỹ	Thanh	D15_TP01	9	8	0	25	3	15	6	66	Trung bình khá	
40	DH61502466	Nguyễn Thu	Thảo	D15_TP01	9	8	0	25	3	15	6	66	Trung bình khá	
41	DH61500104	Tổng Thị Trúc	Thảo	D15_TP01	10	8	2	25	20	10	2	77	Khá	
42	DH61501873	Nguyễn Thê	Thắng	D15_TP01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
43	DH61500269	Lê Đức	Thuận	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
44	DH61500447	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D15_TP01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
45	DH61502462	Huỳnh Thị Thu	Trang	D15_TP01	10	9	8	25	2	4	2	60	Trung bình khá	
46	DH61500105	Đoàn Thị Quyền	Trâm	D15_TP01	9	8	2	25	20	5	2	71	Khá	
47	DH61500274	Mai Thị Mỹ	Trinh	D15_TP01	10	10	2	25	10	5	2	64	Trung bình khá	
48	DH61502248	Nguyễn Nghiêm Minh	Tú	D15_TP01	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
49	DH61502461	Nguyễn Thị	Vân	D15_TP01	10	6	2	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
50	DH61500022	Trần Thanh	Vũ	D15_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
51	DH61500259	Trương Ngọc Tường	Vy	D15_TP01	9	8	2	25	2	15	0	61	Trung bình khá	
1	DH61500703	Huỳnh Thúy	An	D15_TP02	10	8	7	25	8	15	2	75	Khá	
2	DH61500692	Nguyễn Phương	Anh	D15_TP02	10	6	4	25	11	15	2	73	Khá	
3	DH61502250	Nguyễn Thị Phương	Anh	D15_TP02	10	9	4	25	14	15	2	79	Khá	
4	DH61500454	Triệu Gia	Bích	D15_TP02	10	10	6	25	14	15	2	82	Tốt	
5	DH61500696	Nguyễn Văn	Bôn	D15_TP02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
6	DH61500455	Nguyễn Thị Kim	Chi	D15_TP02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
7	DH61500458	Nguyễn Thị	Chọn	D15_TP02	10	8	7	25	16	15	10	91	Xuất sắc	
8	DH61500678	Trần Thị Thanh	Cúc	D15_TP02	10	8	7	25	11	15	10	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH61500698	Luong Quốc	Cường	D15_TP02	10	8	7	25	16	15	2	83	Tốt	
10	DH61500462	Đặng Khánh	Duy	D15_TP02	10	6	0	25	6	15	10	72	Khá	
11	DH61500461	Đình Thùy	Dương	D15_TP02	10	10	4	25	14	15	2	80	Tốt	
12	DH61500695	Lâm Hoàng	Dương	D15_TP02	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
13	DH61500457	Nguyễn Lê	Đoàn	D15_TP02	10	9	7	25	18	15	2	86	Tốt	
14	DH61502251	Nguyễn Huỳnh	Đức	D15_TP02	10	8	5	25	13	15	10	86	Tốt	
15	DH61500682	Trần Đình	Đức	D15_TP02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
16	DH61500681	Nguyễn Tuấn Tô	Giang	D15_TP02	10	6	7	25	14	15	2	79	Khá	
17	DH61500687	Đỗ Thị Huỳnh	Giao	D15_TP02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	DH61500699	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D15_TP02	10	8	8	25	14	15	10	90	Xuất sắc	
19	DH61500697	Lâm Phạm Gia	Hòa	D15_TP02	10	9	5	25	16	15	2	82	Tốt	
20	DH61500677	Trần Thị Thanh	Hồng	D15_TP02	10	9	8	25	11	15	10	88	Tốt	
21	DH61500684	Nguyễn Thanh	Huy	D15_TP02	10	8	5	25	14	15	2	79	Khá	
22	DH61500683	Hồ Thị Phương	Khanh	D15_TP02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
23	DH61500680	Ngô Hồng Trúc	Linh	D15_TP02	10	9	7	25	11	15	2	79	Khá	
24	DH61500691	Nguyễn Thị Phương	Linh	D15_TP02	10	6	7	25	14	15	2	79	Khá	
25	DH61500463	Lê Hoàng	My	D15_TP02	10	6	7	25	14	15	2	79	Khá	
26	DH61500456	Ngô Huỳnh Kim	Ngân	D15_TP02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
27	DH61500464	Trần Thị Bích	Ngân	D15_TP02	10	6	5	25	11	15	2	74	Khá	
28	DH61500690	Trần Thị ánh	Nguyệt	D15_TP02	10	6	7	25	2	15	2	67	Trung bình khá	
29	DH61500693	Hồ Ngọc Yến	Nhi	D15_TP02	10	6	5	25	14	15	2	77	Khá	
30	DH61500676	Huỳnh Thị Hoàng	Oanh	D15_TP02	10	6	5	25	11	15	2	74	Khá	
31	DH61500688	Tổng Triều Đại	Phước	D15_TP02	10	6	7	25	19	15	10	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH61500694	Lê Thị Phương	Thảo	D15_TP02	10	6	7	25	11	15	2	76	Khá	
33	DH61500700	Võ Trần Như	Thảo	D15_TP02	10	6	7	25	11	15	2	76	Khá	
34	DH61500453	Nguyễn Thanh	Thùy	D15_TP02	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
35	DH61500702	Luong Thị Kim	Thúy	D15_TP02	10	8	4	25	4	15	2	68	Trung bình khá	
36	DH61502468	Lê Minh	Tiến	D15_TP02	10	6	7	25	8	15	2	73	Khá	
37	DH61500686	Nguyễn Thị Phương	Trình	D15_TP02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
38	DH61500685	Phạm Trung	Trực	D15_TP02	10	8	4	25	14	15	2	78	Khá	
39	DH61502249	Đặng Thị Thanh	Tuyền	D15_TP02	10	10	7	25	11	15	2	80	Tốt	
40	DH61500689	Phan Đỗ Phương	Tuyền	D15_TP02	10	8	7	25	9	15	2	76	Khá	
41	DH61500701	Đình Hoàng	Vân	D15_TP02	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
42	DH61500460	Dương Hoàng	Vinh	D15_TP02	10	8	7	25	11	15	2	78	Khá	
43	DH61500459	Cao Mỹ ái	Vy	D15_TP02	10	6	7	25	11	15	2	76	Khá	
1	DH61500960	Nguyễn Võ Ngọc	Anh	D15_TP03	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
2	DH61500704	Nguyễn Chí	Bảo	D15_TP03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH61502359	Nguyễn Phi	Bình	D15_TP03	8	8	2	25	15	15	2	75	Khá	
4	DH61500981	Lê Phạm Thành	Công	D15_TP03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
5	DH61502470	Trần Thị Mỹ	Duyên	D15_TP03	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	
6	DH61500706	Trần Thị Thùy	Dương	D15_TP03	10	6	6	25	7	10	10	74	Khá	
7	DH61500705	Lê Ngọc Tài	Đức	D15_TP03	10	6	6	25	16	10	2	75	Khá	
8	DH61500973	Đoàn Ngọc	Hà	D15_TP03	10	6	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
9	DH61500970	Hồ Thị Ngọc	Hân	D15_TP03	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
10	DH61502252	Chiêm Văn	Hiếu	D15_TP03	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
11	DH61500968	Nguyễn Minh	Hiếu	D15_TP03	10	6	6	25	16	10	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH61500984	Nguyễn Thị Kim	Hoa	D15_TP03	10	8	4	25	10	10	10	77	Khá	
13	DH61500988	Phan Hồ Kiều	Khanh	D15_TP03	10	9	8	25	20	12	10	94	Xuất sắc	
14	DH61502471	Châu Bảo	Kiệt	D15_TP03	10	8	8	25	6	15	2	74	Khá	
15	DH61502253	Bùi Thị Kim	Liên	D15_TP03	10	6	4	25	14	10	2	71	Khá	
16	DH61500991	Nguyễn Phạm Hồng	Liên	D15_TP03	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
17	DH61502564	Trương Phùng Hạnh	Mỹ	D15_TP03	10	9	4	25	16	10	2	76	Khá	
18	DH61500972	Hoàng Trần Phương	Nam	D15_TP03	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
19	DH61500983	Huỳnh Thị ánh	Ngọc	D15_TP03	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
20	DH61501602	Trần Thị ánh	Ngọc	D15_TP03	10	6	4	25	16	10	2	73	Khá	
21	DH61500978	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D15_TP03	10	8	8	25	19	12	2	84	Tốt	
22	DH61500975	Trần Thị Tuyết	Nhung	D15_TP03	10	10	2	25	11	10	2	70	Khá	
23	DH61500986	Lý Phương	Như	D15_TP03	10	8	4	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
24	DH61500982	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D15_TP03	10	9	2	25	12	10	2	70	Khá	
25	DH61500971	Trương Văn	Phúc	D15_TP03	10	6	6	25	16	10	2	75	Khá	
26	DH61500966	Đặng Tuyết Quỳnh	Phương	D15_TP03	10	6	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
27	DH61500990	Trương Ngọc Như	Quỳnh	D15_TP03	10	8	8	25	16	10	2	79	Khá	
28	DH61500980	Nguyễn Hoàng	Son	D15_TP03	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
29	DH61500708	Nguyễn Trần Hoài	Son	D15_TP03	10	8	4	25	19	10	10	86	Tốt	
30	DH61502254	Nguyễn Thiện	Tâm	D15_TP03	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
31	DH61500979	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D15_TP03	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
32	DH61500993	Đặng Thị Minh	Thật	D15_TP03	10	8	4	25	6	15	10	78	Khá	
33	DH61500992	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	D15_TP03	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	
34	DH61502472	Bùi Thị Anh	Thư	D15_TP03	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH61500707	Nguyễn Thị Anh	Thư	D15_TP03	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
36	DH61500967	Nguyễn Thị Kim	Thư	D15_TP03	10	6	4	25	3	7	9	64	Trung bình khá	
37	DH61500962	Nguyễn Thanh	Toàn	D15_TP03	10	9	6	25	2	15	10	77	Khá	
38	DH61500969	Đinh Thị Như	Trang	D15_TP03	10	6	0	25	16	10	2	69	Trung bình khá	
39	DH61500994	Lê Thị Thùy	Trang	D15_TP03	10	8	4	25	8	10	10	75	Khá	
40	DH61500961	Lê Bảo	Trân	D15_TP03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
41	DH61500985	Lê Hữu	Trí	D15_TP03	10	8	6	25	16	10	2	77	Khá	
42	DH61502469	Lâm Thị Diễm	Trinh	D15_TP03	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
43	DH61500974	Ngô Thị Mộng	Trúc	D15_TP03	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
44	DH61500963	Phạm Thị Phương	Trúc	D15_TP03	10	6	8	25	16	10	2	77	Khá	
45	DH61500964	Đặng Minh	Tuấn	D15_TP03	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	
46	DH61502565	Võ Thị Như	Xuân	D15_TP03	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
47	DH61500987	Nguyễn Ngọc Như	ý	D15_TP03	10	6	8	25	9	12	10	80	Tốt	
48	DH61500989	Bùi Ngọc	Yến	D15_TP03	10	8	6	25	11	10	2	72	Khá	
49	DH61500965	Diệp Hải	Yến	D15_TP03	10	6	4	25	16	10	2	73	Khá	
1	DH61501282	Trần Thị Ngọc	Bích	D15_TP04	9	8	2	25	16	12	2	74	Khá	
2	DH61501287	Bùi Thanh	Bình	D15_TP04	10	6	6	25	11	11	2	71	Khá	
3	DH61501295	Thái Ngọc Minh	Châu	D15_TP04	9	8	8	25	10	15	2	77	Khá	
4	DH61501296	Lê Thị Kim	Chi	D15_TP04	9	8	3	25	8	15	2	70	Khá	
5	DH61501275	Phạm Minh	Chiến	D15_TP04	10	8	8	25	10	12	2	75	Khá	
6	DH61500495	Phạm Lâm Thu	Hà	D15_TP04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
7	DH61501560	Trương Thị Ngọc	Hà	D15_TP04	10	10	0	25	8	15	2	70	Khá	
8	DH61501268	Nguyễn Thị Phúc	Hạnh	D15_TP04	9	8	8	25	8	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH61500996	Trần Anh	Hào	D15_TP04	9	8	8	25	16	10	2	78	Khá	
10	DH61501270	Huỳnh Ngọc	Hân	D15_TP04	9	8	8	25	16	15	2	83	Tốt	
11	DH61500998	Trịnh Thị	Hoa	D15_TP04	10	9	8	25	3	15	2	72	Khá	
12	DH61501286	Lê Thị Hồng	Khánh	D15_TP04	10	6	8	22	8	10	2	66	Trung bình khá	
13	DH61500995	Trần Thị Mỹ	Linh	D15_TP04	10	9	4	25	11	12	2	73	Khá	
14	DH61502362	Thái Ngọc	Luân	D15_TP04	8	6	6	25	10	12	2	69	Trung bình khá	
15	DH61501278	Lê Thị Thúy	Mai	D15_TP04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
16	DH61501266	Đàm Phương	Nam	D15_TP04	9	6	8	25	12	12	2	74	Khá	
17	DH61501289	Trương Trọng Bảo	Ngân	D15_TP04	10	8	7	25	8	15	2	75	Khá	
18	DH61501267	Thái	Ngọc	D15_TP04	10	6	8	25	16	10	2	77	Khá	
19	DH61501273	Dương Thị Minh	Nguyệt	D15_TP04	10	8	8	23	16	12	2	79	Khá	
20	DH61501269	Cao Thị Huỳnh	Như	D15_TP04	10	8	4	25	16	15	9	87	Tốt	
21	DH61501285	Phan Quỳnh	Như	D15_TP04	8	6	5	25	10	15	2	71	Khá	
22	DH61501277	Ngô Hoàng	Oanh	D15_TP04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
23	DH61501291	Phan Thành	Phong	D15_TP04	10	8	8	25	13	12	2	78	Khá	
24	DH61501290	Phạm Thành	Phúc	D15_TP04	10	9	6	25	6	15	9	80	Tốt	
25	DH61501274	Lê Minh	Phương	D15_TP04	10	8	4	25	11	14	9	81	Tốt	
26	DH61502361	Nguyễn Thị Trúc	Phương	D15_TP04	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
27	DH61502131	Nguyễn Thị	Ri	D15_TP04	10	10	4	25	11	12	2	74	Khá	
28	DH61501292	Trần Văn	Tân	D15_TP04	10	11	7	25	16	15	10	94	Xuất sắc	
29	DH61501561	Trần Việt	Tân	D15_TP04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
30	DH61501281	Hồ Tất	Thanh	D15_TP04	8	9	8	25	8	15	2	75	Khá	
31	DH61500997	Nguyễn Thị	Thảo	D15_TP04	10	6	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH61501293	Nguyễn Huy	Thịnh	D15_TP04	9	10	8	25	10	13	2	77	Khá	
33	DH61502360	Nguyễn Văn	Thịnh	D15_TP04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
34	DH61501283	Lê Đình	Thống	D15_TP04	10	8	4	25	6	10	8	71	Khá	
35	DH61501271	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	D15_TP04	9	6	4	0	20	15	2	56	Trung bình	
36	DH61501276	Bùi Thị Cẩm	Tiên	D15_TP04	9	6	6	25	16	9	2	73	Khá	
37	DH61501559	Nguyễn Thanh	Trà	D15_TP04	10	8	8	23	16	12	2	79	Khá	
38	DH61501284	Thương Thiên	Trang	D15_TP04	9	6	4	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
39	DH61501288	Võ Huỳnh Vi	Trâm	D15_TP04	10	8	8	24	8	10	2	70	Khá	
40	DH61501280	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	D15_TP04	10	8	8	25	16	12	2	81	Tốt	
41	DH61500999	Lê Thành	Trung	D15_TP04	9	8	8	22	16	12	2	77	Khá	
42	DH61501272	Nguyễn Thị Thanh	Tú	D15_TP04	10	8	8	25	16	10	9	86	Tốt	
43	DH61501294	Trần Hữu	Tú	D15_TP04	6	8	4	25	5	14	2	64	Trung bình khá	
44	DH61501279	Trịnh Ngọc	Tuyền	D15_TP04	10	8	8	23	16	12	2	79	Khá	
1	DH61501581	Nguyễn Ngọc	Biên	D15_TP05	10	6	8	25	15	10	2	76	Khá	
2	DH61501600	Bùi Trần Quỳnh	Chi	D15_TP05	10	9	8	25	20	10	10	92	Xuất sắc	
3	DH61502363	Phan Thị Mộng	Chinh	D15_TP05	10	8	8	25	19	10	10	90	Xuất sắc	
4	DH61502132	Trần Thị Ngọc	Diễm	D15_TP05	10	9	4	25	20	10	9	87	Tốt	
5	DH61502133	Đoàn Thị Mỹ	Dung	D15_TP05	10	8	6	25	18	10	2	79	Khá	
6	DH61501585	Nguyễn Thị Kiều	Dung	D15_TP05	10	8	8	25	9	15	2	77	Khá	
7	DH61501598	Hồ Văn	Được	D15_TP05	10	6	8	25	11	10	2	72	Khá	
8	DH61501572	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	D15_TP05	9	6	4	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
9	DH61501579	Võ Ngọc	Hà	D15_TP05	10	6	8	25	17	10	2	78	Khá	
10	DH61501587	Nguyễn Thanh	Hải	D15_TP05	9	6	8	25	15	10	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
11	DH61501586	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	D15_TP05	10	9	6	25	17	10	2	79	Khá	
12	DH61501590	Phan Nguyễn Thu	Hiền	D15_TP05	10	8	6	25	17	10	2	78	Khá	
13	DH61501577	Nguyễn Chí	Hiếu	D15_TP05	10	6	8	25	16	10	9	84	Tốt	
14	DH61502365	Nguyễn Đại	Hoàng	D15_TP05	9	6	8	25	11	10	2	71	Khá	
15	DH61501566	Nguyễn Văn Bảo	Huy	D15_TP05	10	6	8	25	20	10	9	88	Tốt	
16	DH61501568	Đình Thị Thanh	Hương	D15_TP05	10	6	6	25	14	10	2	73	Khá	
17	DH61501584	Đỗ Nhật	Lệ	D15_TP05	10	6	8	25	14	10	2	75	Khá	
18	DH61501567	Hứa Thùy	Linh	D15_TP05	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
19	DH61501601	Võ Ngọc Thanh	Mai	D15_TP05	10	10	8	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
20	DH61501562	Phạm Thị Diễm	Mi	D15_TP05	10	8	8	25	13	10	2	76	Khá	
21	DH61501578	Phan Vũ	Minh	D15_TP05	10	6	8	25	13	10	2	74	Khá	
22	DH61501589	Trương Bảo	Minh	D15_TP05	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
23	DH61501593	Vũ Thanh	Ngọc	D15_TP05	10	8	8	25	14	10	2	77	Khá	
24	DH61501573	Lê Thị Thu	Nguyệt	D15_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
25	DH61501599	Bùi Hoàng Minh	Nhật	D15_TP05	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
26	DH61500976	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	D15_TP05	10	10	8	25	13	10	2	78	Khá	
27	DH61501569	Bùi Trần Quỳnh	Như	D15_TP05	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
28	DH61501938	Huỳnh Thị	Như	D15_TP05	10	8	8	25	11	5	2	69	Trung bình khá	
29	DH61501588	Lâm Huỳnh	Như	D15_TP05	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
30	DH61501571	Trương Triệu	Như	D15_TP05	9	6	6	25	19	10	2	77	Khá	
31	DH61501564	Lâm Hồng	Phong	D15_TP05	10	6	8	25	20	10	9	88	Tốt	
32	DH61501570	Nguyễn Đàm Nhật	Phương	D15_TP05	7	6	8	24	11	5	2	63	Trung bình khá	
33	DH61502567	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	D15_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
34	DH61501563	Huỳnh Minh	Sang	D15_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
35	DH61502568	Trần Minh	Sang	D15_TP05	9	6	6	24	13	5	2	65	Trung bình khá	
36	DH61501565	Phạm Duy	Thanh	D15_TP05	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
37	DH61502566	Hồ Thị Hồng	Thăm	D15_TP05	10	8	6	25	9	15	2	75	Khá	
38	DH61501576	Lý Kỳ	Thọ	D15_TP05	9	6	6	25	11	10	2	69	Trung bình khá	
39	DH61501574	Vương Thị Phương	Thoa	D15_TP05	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
40	DH61501596	Vũ Anh	Thư	D15_TP05	9	8	8	25	20	10	2	82	Tốt	
41	DH61501592	Trần Ngọc Anh	Thy	D15_TP05	10	6	8	25	12	10	2	73	Khá	
42	DH61501594	Bùi Đức	Trí	D15_TP05	9	10	6	25	19	10	9	88	Tốt	
43	DH61501583	Phạm Thị Lệ	Trinh	D15_TP05	10	9	8	25	20	12	2	86	Tốt	
44	DH61502364	Trần Thị ánh	Tuyết	D15_TP05	10	9	8	25	10	10	2	74	Khá	
45	DH61501597	Hoàng Gia	Tường	D15_TP05	9	6	6	25	15	10	9	80	Tốt	
46	DH61501582	Huỳnh Vũ Triết	Văn	D15_TP05	10	8	8	25	13	10	2	76	Khá	
47	DH61501595	Nguyễn Thị Bích	Xuyên	D15_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1	DH61501846	Nguyễn Ngọc Bảo	An	D15_TP06	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
2	DH61501623	Nguyễn Quốc	Bảo	D15_TP06	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
3	DH61501613	Vò Thị Kim	Chung	D15_TP06	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
4	DH61502121	Nguyễn Thành	Duy	D15_TP06	10	8	8	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
5	DH61502126	Ngô Thảo	Dương	D15_TP06	10	9	8	25	11	10	2	75	Khá	
6	DH61501612	Huỳnh Quý	Giàu	D15_TP06	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
7	DH61502366	Hồ Thị	Hà	D15_TP06	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
8	DH61502125	Trần Huỳnh Bảo	Hạnh	D15_TP06	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
9	DH61502127	Lê Minh	Hoàng	D15_TP06	10	10	8	25	19	10	9	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
10	DH61501845	Res Rubidine	Hussein	D15_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
11	DH61501625	Phạm Thị Thiên	Huong	D15_TP06	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
12	DH61502122	Đặng Thị Trúc	Linh	D15_TP06	10	8	8	25	14	10	2	77	Khá	
13	DH61502124	Lê Thị Cẩm	Linh	D15_TP06	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
14	DH61501996	Nguyễn Đình Tường	Linh	D15_TP06	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
15	DH61501609	Đỗ Minh	Luân	D15_TP06	10	8	8	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
16	DH61501603	Hà Tuyết	Mai	D15_TP06	10	9	8	25	17	10	2	81	Tốt	
17	DH61501610	Nguyễn Thị Tiểu	My	D15_TP06	10	6	8	25	9	10	2	70	Khá	
18	DH61502129	Lê Kim	Ngân	D15_TP06	10	8	8	25	11	10	2	74	Khá	
19	DH61501575	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D15_TP06	10	6	7	25	20	10	2	80	Tốt	
20	DH61501607	Trương Tuyết	Ngân	D15_TP06	10	9	8	25	17	10	2	81	Tốt	
21	DH61502119	Phạm Thị Kim	Ngọc	D15_TP06	10	9	8	25	17	10	2	81	Tốt	
22	DH61502123	Trần Hồng	Ngọc	D15_TP06	10	8	8	25	14	10	2	77	Khá	
23	DH61501622	Đình Nguyễn Thúy	Nhi	D15_TP06	10	6	8	25	17	10	2	78	Khá	
24	DH61502130	Trần Thị Yên	Nhi	D15_TP06	10	8	8	25	11	10	2	74	Khá	
25	DH61502367	Nguyễn Hoài	Phong	D15_TP06	10	9	8	25	17	10	9	88	Tốt	
26	DH61502120	Nguyễn Hoàng	Phước	D15_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
27	DH61501997	Nguyễn Như	Phương	D15_TP06	10	9	8	25	17	10	2	81	Tốt	
28	DH61501608	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D15_TP06	10	8	8	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
29	DH61501621	Nguyễn Sơn	Thông	D15_TP06	10	9	8	25	17	10	2	81	Tốt	
30	DH61502037	Hồ Thị Thanh	Thúy	D15_TP06	10	10	8	25	18	10	2	83	Tốt	
31	DH61501604	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	D15_TP06	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
32	DH61502038	Lê Thị Anh	Thy	D15_TP06	10	9	8	25	18	10	9	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
33	DH61501624	Nguyễn Anh	Toàn	D15_TP06	10	6	8	25	19	10	2	80	Tốt	
34	DH61502128	Huỳnh Mỹ	Trâm	D15_TP06	10	8	8	24	14	10	2	76	Khá	
35	DH61501611	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D15_TP06	10	6	8	25	11	10	2	72	Khá	
36	DH61501995	Nguyễn Thụy Ngọc	Trâm	D15_TP06	10	6	8	25	15	10	2	76	Khá	
37	DH61501617	Cao Chánh	Tuấn	D15_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
38	DH61501615	Nguyễn Thùy ánh	Tuyết	D15_TP06	10	9	8	25	14	10	2	78	Khá	
39	DH61501614	Đỗ Quang Khánh	Uyên	D15_TP06	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
40	DH61501620	Nguyễn Thị Thúy	Vân	D15_TP06	10	6	8	25	19	10	2	80	Tốt	
41	DH61501020	Trần Thị Khánh	Vi	D15_TP06	10	8	8	25	17	10	2	80	Tốt	
42	DH61502368	Nguyễn Thị Như	ý	D15_TP06	10	9	7	25	18	10	9	88	Tốt	
43	DH61501616	Nguyễn Châu Hải	Yến	D15_TP06	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
44	DH61501605	Nguyễn Thị Hồng	Yến	D15_TP06	10	9	8	25	20	10	10	92	Xuất sắc	
1	CD51301624	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	C13_TH01	10	12	8	25	20	8	9	92	Xuất sắc	
2	CD51301625	Lê Trọng	Ân	C13_TH01	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
3	CD51301655	Nguyễn Quốc	Bình	C13_TH01	10	6	6	25	15	8	2	72	Khá	
4	CD51301681	Nguyễn Vũ Khoa	Danh	C13_TH01	9	6	8	25	20	8	2	78	Khá	
5	CD51301677	Nguyễn Thế	Dân	C13_TH01	10	9	8	15	9	8	2	61	Trung bình khá	
6	CD51301685	Lê Phạm Ngọc	Diệu	C13_TH01	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
7	CD51301689	Huỳnh Tú	Dung	C13_TH01	10	12	8	25	17	8	2	82	Tốt	
8	CD51301687	Lê Quang	Dũng	C13_TH01	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
9	CD51301693	Nguyễn Hoàng Hữu	Duy	C13_TH01	10	12	8	25	20	8	2	85	Tốt	
10	CD51301698	Võ Thành	Duy	C13_TH01	10	6	6	15	18	8	2	65	Trung bình khá	
11	CD51301639	Vương Thanh	Đa	C13_TH01	10	12	8	25	14	8	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	CD51301627	Tường Hải	Đặng	C13_TH01	10	8	8	25	15	8	2	76	Khá	
13	CD51301714	Bạch Dương Thanh	Hải	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	CD51301707	Trần Ngọc	Hân	C13_TH01	10	12	8	25	20	8	9	92	Xuất sắc	
15	CD51301731	Nguyễn Quang	Hậu	C13_TH01	10	9	2	25	16	8	2	72	Khá	
16	CD51301732	Trần Đình	Hậu	C13_TH01	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
17	CD51301749	Huỳnh Dương Nguyên	Hoàn	C13_TH01	10	10	0	25	2	8	2	57	Trung bình	
18	CD51201275	Võ Đức	Huy	C13_TH01	10	10	8	25	20	8	2	83	Tốt	
19	CD51301747	Võ Đại	Hưng	C13_TH01	10	6	8	15	15	8	2	64	Trung bình khá	
20	CD51301776	Nguyễn Cát	Khoa	C13_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
21	CD51301777	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	C13_TH01	10	12	6	25	18	8	2	81	Tốt	
22	CD51301793	Võ Tấn	Lượng	C13_TH01	10	12	2	25	16	8	2	75	Khá	
23	CD51301815	Bùi Bình	Minh	C13_TH01	10	10	8	25	15	8	2	78	Khá	
24	CD51301824	Võ Tấn	Nam	C13_TH01	10	8	6	25	12	8	8	77	Khá	
25	CD51301886	Lý Hồng	Phước	C13_TH01	10	12	6	25	18	8	2	81	Tốt	
26	CD51301875	Hà Vũ	Phương	C13_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
27	CD51201365	Đình Việt	Quốc	C13_TH01	9	10	7	15	2	5	2	50	Trung bình	
28	CD51301924	Đặng Xuân	Sang	C13_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
29	CD51301931	Lâm Ngọc	Tâm	C13_TH01	10	11	8	25	20	8	10	92	Xuất sắc	
30	CD51301970	Nguyễn Duy	Thanh	C13_TH01	10	6	0	25	0	8	2	51	Trung bình	
31	CD51301988	Võ Phúc	Thịnh	C13_TH01	10	6	6	25	12	8	2	69	Trung bình khá	
32	CD51301945	Phan Thị Minh	Thư	C13_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
33	CD51201379	Nguyễn Trần	Tín	C13_TH01	10	10	8	15	10	7	2	62	Trung bình khá	
34	CD51302015	Nguyễn Hữu	Toàn	C13_TH01	10	8	8	25	10	8	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	CD51302040	Sầm Quốc	Triệu	C13_TH01	10	6	8	25	16	3	2	70	Khá	
36	CD51302058	Trần Minh	Tuấn	C13_TH01	10	10	2	25	16	8	2	73	Khá	
37	CD51201413	Nguyễn Thoại	Uyên	C13_TH01	10	12	0	15	10	8	2	57	Trung bình	
38	CD51302083	Lê Đại	Việt	C13_TH01	9	6	6	15	18	8	2	64	Trung bình khá	
39	CD51302078	Lê Phú	Vinh	C13_TH01	9	6	6	15	18	8	2	64	Trung bình khá	
40	CD51302080	Tăng Thoại	Vinh	C13_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
1	CD51400060	Dương Gia	Bảo	C14_TH01	10	6	6	15	19	10	9	75	Khá	
2	CD51400063	Nguyễn Chí	Bảo	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
3	CD51400073	Nguyễn Văn Ru	Bi	C14_TH01	10	6	8	15	10	10	2	61	Trung bình khá	
4	CD51400131	Nguyễn Ngọc	Chiêu	C14_TH01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
5	CD51400133	Bùi Việt	Chinh	C14_TH01	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
6	CD51400079	Lê Thành	Công	C14_TH01	10	12	6	25	19	10	9	91	Xuất sắc	
7	CD51400150	Lê Thành	Danh	C14_TH01	10	12	6	25	19	10	9	91	Xuất sắc	
8	CD51400191	Nguyễn Thanh Bảo	Duy	C14_TH01	10	6	8	25	19	12	10	90	Xuất sắc	
9	CD51400206	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	C14_TH01	10	12	6	25	19	10	9	91	Xuất sắc	
10	CD51401768	Phạm Ngọc Hải	Dương	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
11	CD51400221	Huỳnh Lê Tuấn	Đạt	C14_TH01	10	9	8	25	10	10	9	81	Tốt	
12	CD51400225	Lê Văn	Đạt	C14_TH01	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	
13	CD51400211	Nguyễn Huỳnh Hải	Đặng	C14_TH01	10	12	8	25	10	10	8	83	Tốt	
14	CD51400325	Ngũ Minh	Hải	C14_TH01	10	6	8	15	15	12	2	68	Trung bình khá	
15	CD51400456	Nguyễn Văn	Hòa	C14_TH01	10	6	8	15	10	10	2	61	Trung bình khá	
16	CD51400443	Võ Thanh	Hoàng	C14_TH01	10	8	6	15	19	10	2	70	Khá	
17	CD51400415	Ngô Tấn	Hưng	C14_TH01	10	6	8	15	10	10	2	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	CD51400277	Nguyễn Trí	Hữu	C14_TH01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
19	CD51401724	Trương Hoàng	Khang	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
20	CD51400558	Nguyễn Du	Khích	C14_TH01	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
21	CD51400543	Nguyễn Duy Đăng	Khoa	C14_TH01	10	6	8	15	10	10	2	61	Trung bình khá	
22	CD51400556	Bùi Hữu	Khuyên	C14_TH01	10	8	8	15	10	10	2	63	Trung bình khá	
23	CD51401648	Lê Văn Tân	Long	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
24	CD51401649	Nguyễn Thành	Long	C14_TH01	10	8	8	25	10	10	9	80	Tốt	
25	CD51400658	Lương Minh	Luân	C14_TH01	10	6	8	15	10	10	2	61	Trung bình khá	
26	CD51301805	Nguyễn Tiến	Lực	C14_TH01	10	10	6	15	20	10	2	73	Khá	
27	CD51400678	Nguyễn Minh	Mẫn	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
28	CD51400824	Lê Vũ Trọng	Nghĩa	C14_TH01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	
29	CD51401652	Đậu Văn	Pháp	C14_TH01	10	8	6	15	20	10	2	71	Khá	
30	CD51401019	Lâm Thanh	Phong	C14_TH01	10	6	8	15	16	12	2	69	Trung bình khá	
31	CD51401025	Trần Chí	Phong	C14_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
32	CD51401791	Phan Thịnh	Phú	C14_TH01	10	9	8	25	10	10	8	80	Tốt	
33	CD51400997	Lý Hoàng	Phúc	C14_TH01	10	10	8	25	10	10	2	75	Khá	
34	CD51401006	Phùng Kim	Phúc	C14_TH01	10	8	6	15	19	10	9	77	Khá	
35	CD51400977	Nguyễn Thành	Phước	C14_TH01	10	6	8	15	18	10	2	69	Trung bình khá	
36	CD51401132	Đỗ Hón	Tài	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
37	CD51401147	Trần Duy	Tài	C14_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
38	CD51401172	Phạm Nguyễn Xuân	Thái	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
39	CD51401190	Trần Gia	Thành	C14_TH01	10	10	8	25	19	15	9	96	Xuất sắc	
40	CD51401232	Lê Bá	Thọ	C14_TH01	10	8	6	25	19	10	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
41	CD51401654	Nguyễn Phạm Xuân	Thùy	C14_TH01	10	6	6	15	19	15	2	73	Khá	
42	CD51401392	Phan Tân	Trạng	C14_TH01	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
43	CD51401447	Trần Thị Việt	Trinh	C14_TH01	10	9	6	25	19	10	9	88	Tốt	
44	CD51401467	Ngô Minh	Trung	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
45	CD51401347	Nguyễn Anh	Tú	C14_TH01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
46	CD51401542	Mã Đông	Uy	C14_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
47	CD51401589	Bùi Trần Việt Long	Vĩ	C14_TH01	10	12	6	15	19	10	9	81	Tốt	
48	CD51401571	Phạm Quang	Vinh	C14_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
1	CD51501420	Hồ Lê Tuấn	An	C15_TH01	10	6	8	25	9	10	2	70	Khá	
2	CD51500808	Lê Việt	Anh	C15_TH01	9	8	2	25	20	15	2	81	Tốt	
3	CD51501815	Trương Huỳnh Duy	Anh	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
4	CD51500162	Nguyễn Dương Hoàng	Ân	C15_TH01	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
5	CD51501419	Đặng Quốc	Bảo	C15_TH01	9	6	4	25	15	15	2	76	Khá	
6	CD51500806	Ngô Tôn	Bảo	C15_TH01	9	8	4	25	15	15	2	78	Khá	
7	CD51502397	Cao Lâm Ngọc	Châu	C15_TH01	10	6	4	25	15	15	9	84	Tốt	
8	CD51501816	Châu Lập	Công	C15_TH01	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
9	CD51502395	Nguyễn Trọng	Cương	C15_TH01	9	6	2	25	20	15	2	79	Khá	
10	CD51502389	Nguyễn Anh	Cường	C15_TH01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
11	CD51501417	Phan Văn	Cường	C15_TH01	9	9	4	25	12	15	9	83	Tốt	
12	CD51501418	Nguyễn Anh	Duy	C15_TH01	9	6	4	25	17	15	2	78	Khá	
13	CD51500807	Nguyễn Hoàng	Duy	C15_TH01	10	8	8	25	11	15	9	86	Tốt	
14	CD51502396	Nguyễn Minh	Duy	C15_TH01	9	10	2	25	14	15	2	77	Khá	
15	CD51500809	Quách Đan	Duy	C15_TH01	8	8	0	25	13	8	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
16	CD51501812	Trần Anh	Duy	C15_TH01	9	6	8	25	18	15	2	83	Tốt	
17	CD51502388	Nguyễn Khánh	Dương	C15_TH01	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
18	CD51501894	Thái Lạc	Đại	C15_TH01	9	8	2	25	18	15	2	79	Khá	
19	CD51502504	Phan Thành	Đạt	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
20	CD51400232	Phan Tô Lộc	Đạt	C15_TH01	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
21	CD51502156	Phùng Quân	Đạt	C15_TH01	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
22	CD51502158	Trần Bửu	Đạt	C15_TH01	9	8	4	25	15	15	2	78	Khá	
23	CD51501809	Ngô Vũ	Đức	C15_TH01	10	6	8	25	9	10	2	70	Khá	
24	CD51501200	Trần Văn	Đức	C15_TH01	9	6	2	25	15	15	2	74	Khá	
25	CD51502502	Hoàng Minh	Hải	C15_TH01	8	6	2	25	13	13	2	69	Trung bình khá	
26	CD51502294	Nguyễn Anh	Hào	C15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
27	CD51501814	Phùng Lê Trung	Hậu	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
28	CD51502391	Nguyễn Hoàng Tấn	Hiếu	C15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
29	CD51501896	Tô Tô	Hon	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
30	CD51500163	Trần Minh	Huy	C15_TH01	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
31	CD51501415	Lý Kiến	Hung	C15_TH01	9	6	2	25	15	15	2	74	Khá	
32	CD51501813	Nguyễn Văn Đăng	Khoa	C15_TH01	9	6	4	25	18	15	2	79	Khá	
33	CD51502501	Quách Diệu	Lâm	C15_TH01	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
34	CD51502292	Trần Hữu	Nghĩa	C15_TH01	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
35	CD51501810	Phạm Trí	Nhàn	C15_TH01	9	6	2	25	20	15	2	79	Khá	
36	CD51502045	Nguyễn Trí	Nhân	C15_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
37	CD51501424	Nguyễn Duy	Phát	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
38	CD51502392	Nguyễn Hoàng	Pho	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
39	CD51502390	Hoàng Đình Hải	Phong	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
40	CD51501414	Trần Vạn Gia	Phú	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
41	CD51501413	Trần Ngọc	Phúc	C15_TH01	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
42	CD51500566	Nguyễn Huỳnh	Quân	C15_TH01	9	6	2	25	20	10	2	74	Khá	
43	CD51502399	Nguyễn Minh	Quân	C15_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
44	CD51502394	Huỳnh Hữu	Quốc	C15_TH01	10	8	2	25	20	15	2	82	Tốt	
45	CD51500805	Lương Tấn Minh	Quý	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
46	CD51501806	Lê Nguyễn Minh	Tâm	C15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
47	CD51502157	Lê Thanh	Tâm	C15_TH01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
48	CD51502046	Bùi Thanh	Thái	C15_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
49	CD51500565	Nguyễn Đường	Thanh	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
50	CD51501950	Vương Minh	Thành	C15_TH01	9	8	2	25	20	15	2	81	Tốt	
51	CD51501807	Trần Thanh	Thắng	C15_TH01	10	6	2	25	13	15	2	73	Khá	
52	CD51502393	Hương Minh	Thiện	C15_TH01	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
53	CD51501422	Lê Hoàng	Thiện	C15_TH01	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
54	CD51501893	Nguyễn Gia	Thịnh	C15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
55	CD51500003	Võ Trung	Tín	C15_TH01	10	6	4	25	18	15	2	80	Tốt	
56	CD51501808	Nguyễn Bảo	Toàn	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
57	CD51500567	Phan Nhất	Trí	C15_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
58	CD51502015	Tô Mạnh	Trí	C15_TH01	10	6	4	25	19	15	9	88	Tốt	
59	CD51501895	Võ Văn	Trình	C15_TH01	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
60	CD51502503	Lê Quốc	Trọng	C15_TH01	10	6	8	25	9	10	2	70	Khá	
61	CD51501892	Trần Tấn	Trung	C15_TH01	10	11	8	25	20	15	2	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
62	CD51502293	Nguyễn Xuân	Trưởng	C15_TH01	9	6	4	25	20	15	9	88	Tốt	
63	CD51501416	Võ Minh	Tú	C15_TH01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
64	CD51502155	Nguyễn Anh	Tuấn	C15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
65	CD51501421	Nguyễn Lê Cao	Tuấn	C15_TH01	9	6	2	25	20	15	9	86	Tốt	
66	CD51501423	Trần Xuân	Tuấn	C15_TH01	9	6	2	25	16	15	2	75	Khá	
67	CD51502398	Lê Hoàng	Tùng	C15_TH01	10	6	2	25	20	15	2	80	Tốt	
68	CD51500580	Phan Thanh	Tùng	C15_TH01	10	6	2	25	20	15	2	80	Tốt	
69	CD51500803	Lý Quốc	Vinh	C15_TH01	10	6	2	25	20	15	2	80	Tốt	
70	CD51502291	Châu Tá Hoài	Vũ	C15_TH01	9	6	2	25	17	10	2	71	Khá	
71	CD51500004	Hoàng Nguyễn Anh	Vũ	C15_TH01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
72	CD51500804	Trần Như	ý	C15_TH01	9	6	2	25	17	10	2	71	Khá	
1	DH51200482	Hàng Kỳ	Anh	D12_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
2	DH51200484	Dương Gia	Bảo	D12_TH01	10	12	8	25	14	15	8	92	Xuất sắc	
3	DH51200483	Nguyễn Phương	Bình	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
4	DH51200485	Trần Như	Cầm	D12_TH01	10	12	8	25	15	15	8	93	Xuất sắc	
5	DH51200486	Hoàng Văn	Cường	D12_TH01	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
6	DH51200487	Nguyễn Phi	Cường	D12_TH01	10	12	8	25	18	13	2	88	Tốt	
7	DH51200489	Nguyễn Minh	Đức	D12_TH01	10	12	6	25	18	13	2	86	Tốt	
8	DH51200496	Trần Văn	Hiện	D12_TH01	10	6	6	25	18	13	2	80	Tốt	
9	DH51200542	Nguyễn Ngọc	Hiệp	D12_TH01	10	6	6	25	18	13	2	80	Tốt	
10	DH51200497	Phạm Quý Quỳnh	Hoa	D12_TH01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
11	DH51200499	Huỳnh Thanh	Huy	D12_TH01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
12	DH51201738	Nguyễn Quang	Huy	D12_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	DH51200501	Lâm Minh	Khánh	D12_TH01	10	10	4	25	20	15	2	86	Tốt	
14	DH51200502	Lý	Khương	D12_TH01	10	12	8	25	20	12	8	95	Xuất sắc	
15	DH51200503	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	D12_TH01	10	12	6	25	9	15	2	79	Khá	
16	DH51200504	Hà Nhật	Lễ	D12_TH01	10	6	2	25	18	12	2	75	Khá	
17	DH51200507	Trần Công Trọng	Nghĩa	D12_TH01	10	12	6	25	16	13	2	84	Tốt	
18	DH51200505	Nguyễn Như	Ngọc	D12_TH01	10	9	8	25	9	15	2	78	Khá	
19	DH51200506	Trần Thị Phương	Ngọc	D12_TH01	10	6	6	25	8	13	2	70	Khá	
20	DH51200509	Vương Trọng	Nhân	D12_TH01	10	10	4	25	20	15	2	86	Tốt	
21	DH51200508	Nguyễn Lê Hồng	Như	D12_TH01	10	10	8	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
22	DH51200510	Tôn Bửu	Phát	D12_TH01	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
23	DH51200514	Lâm Thanh	Phong	D12_TH01	10	6	6	25	18	13	2	80	Tốt	
24	DH51200513	Đỗ Văn	Phú	D12_TH01	10	6	4	25	18	10	2	75	Khá	
25	DH51201902	Dương Tiểu	Phụng	D12_TH01	10	9	6	25	18	13	2	83	Tốt	
26	DH51200511	Trương Thị Hà	Phương	D12_TH01	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
27	DH51200512	Huỳnh Thị Mỹ	Phượng	D12_TH01	10	6	6	25	8	13	2	70	Khá	
28	DH51200515	Trần Chấn	Quyền	D12_TH01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
29	DH51200516	Trần Hồng	Song	D12_TH01	10	10	6	15	12	15	2	70	Khá	
30	DH51201926	Nguyễn Thị Thu	Sương	D12_TH01	10	12	6	25	18	13	2	86	Tốt	
31	DH51200519	Nguyễn Minh	Tài	D12_TH01	10	12	6	25	18	13	2	86	Tốt	
32	DH51201772	Lưu Phạm Ngọc	Tân	D12_TH01	10	12	6	25	18	13	2	86	Tốt	
33	DH51200517	Ngô Cẩm	Tân	D12_TH01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
34	DH51200521	Nguyễn Đình	Thắng	D12_TH01	10	8	4	15	12	10	8	67	Trung bình khá	
35	DH51200523	Lê Thanh	Thọ	D12_TH01	10	6	6	25	18	13	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
36	DH51200524	Trần Đình	Thuận	D12_TH01	10	9	2	25	17	10	8	81	Tốt	
37	DH51200526	Nguyễn Anh	Tiến	D12_TH01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
38	DH51200535	Lê Trọng	Tín	D12_TH01	10	6	6	25	18	13	2	80	Tốt	
39	DH51200531	Nguyễn Trần Minh	Trí	D12_TH01	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
40	DH51200529	Trương Quốc	Trung	D12_TH01	10	6	6	25	18	13	2	80	Tốt	
41	DH51200527	Phùng Nhật	Tú	D12_TH01	10	10	4	25	10	10	2	71	Khá	
42	DH51200532	Cao Hoàn	Tuấn	D12_TH01	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
43	DH51200533	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D12_TH01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
44	DH51200536	Tô Thanh	Vũ	D12_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
1	DH51200537	Nguyễn Trường	An	D12_TH02	10	12	8	25	20	12	9	96	Xuất sắc	
2	DH51200538	Bạch Phước	Bảo	D12_TH02	10	12	8	25	20	12	9	96	Xuất sắc	
3	DH51201972	Võ Thị Ngọc	Bích	D12_TH02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
4	DH51200002	Phan Văn	Đức	D12_TH02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
5	DH51200543	Nguyễn Ngọc	Hiếu	D12_TH02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
6	DH51200545	Lê Văn	Hoàng	D12_TH02	10	0	8	25	18	5	2	68	Trung bình khá	
7	DH51200547	Đào Khắc	Huy	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
8	DH51201770	Ngô Gia	Huy	D12_TH02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
9	DH51200548	Phan Thanh	Khải	D12_TH02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
10	DH51200549	Hà Đăng	Khoa	D12_TH02	0	10	0	0	0	-5	0	5	Kém	
11	DH51200550	Đỗ Minh	Kiệt	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
12	DH51200552	Nguyễn Thị	Kiều	D12_TH02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
13	DH51200555	Nguyễn Duy	Long	D12_TH02	10	0	8	15	20	5	2	60	Trung bình khá	
14	DH51201976	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D12_TH02	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH51201807	Phan Thị Thanh	Mai	D12_TH02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
16	DH51200557	Đoàn Lê	Minh	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
17	DH51200558	Nguyễn Duy	Minh	D12_TH02	10	8	4	25	20	12	2	81	Tốt	
18	DH51200559	Nguyễn Ngọc	Minh	D12_TH02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
19	DH51200561	Phan Hoàng	Nam	D12_TH02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
20	DH51200562	Trần Hoàng	Nam	D12_TH02	9	6	6	25	19	10	2	77	Khá	
21	DH51200566	Phan Trọng	Nhân	D12_TH02	10	6	8	15	20	10	2	71	Khá	
22	DH51200567	Bùi Minh	Nhật	D12_TH02	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
23	DH51200568	Lê Việt	Nhật	D12_TH02	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
24	DH51200570	Phan Thiên	Phú	D12_TH02	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
25	DH51200571	Trần Thị Hạnh	Phúc	D12_TH02	10	12	8	25	18	10	10	93	Xuất sắc	
26	DH51200572	Phùng Thanh	Quang	D12_TH02	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
27	DH51200573	Nguyễn Tăng	Sâm	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
28	DH51200574	Bùi Công	Sinh	D12_TH02	10	6	8	25	20	8	2	79	Khá	
29	DH51200577	Huỳnh Duy	Tân	D12_TH02	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
30	DH51201806	Lê Chí	Thành	D12_TH02	10	12	7	25	20	7	2	83	Tốt	
31	DH51200580	Võ Bảo	Thơ	D12_TH02	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
32	DH51200582	Trần Nguyễn Thanh	Thùy	D12_TH02	9	8	8	25	20	10	10	90	Xuất sắc	
33	DH51201771	Phạm Thị Bích	Thùy	D12_TH02	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
34	DH51200584	Lê Kim	Tiến	D12_TH02	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
35	DH51200590	Lâm Trung	Tín	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
36	DH51200586	Đào Quế	Trân	D12_TH02	9	8	4	25	14	15	2	77	Khá	
37	DH51200587	Diệp Bảo	Trung	D12_TH02	10	12	8	15	20	10	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
38	DH51200588	Nguyễn Duy	Tuấn	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
1	DH51300073	Trần Thành	An	D13_TH01	10	6	2	15	10	15	2	60	Trung bình khá	
2	DH51300076	Đoàn Phan Thế	Anh	D13_TH01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
3	DH51300153	Lư Thế	Cường	D13_TH01	10	6	2	25	10	15	2	70	Khá	
4	DH51300208	Hồ Quang	Dũng	D13_TH01	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	
5	DH51300234	Bùi Ngọc Anh	Duy	D13_TH01	10	9	4	25	10	15	9	82	Tốt	
6	DH51300235	Lư Khánh	Duy	D13_TH01	10	12	4	25	10	15	9	85	Tốt	
7	DH51300039	Nguyễn Tuấn	Đạt	D13_TH01	10	12	4	25	4	15	2	72	Khá	
8	DH51200490	Lê Hồng Liâu	Giang	D13_TH01	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
9	DH51300340	Hoàng Đoàn Sơn	Hải	D13_TH01	10	6	2	15	3	10	2	48	Yếu	Không khám sức khỏe
10	DH51300346	Nguyễn Minh	Hải	D13_TH01	10	12	4	25	2	15	2	70	Khá	
11	DH51300337	Trương Tuấn	Hào	D13_TH01	10	8	4	15	2	15	2	56	Trung bình	
12	DH51300403	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_TH01	10	6	2	25	10	15	2	70	Khá	
13	DH51300455	Dẫn Huyền	Huy	D13_TH01	10	8	2	25	10	15	2	72	Khá	
14	DH51300452	Đỗ Huỳnh Thanh	Huy	D13_TH01	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
15	DH51300466	Nguyễn Ngọc	Huy	D13_TH01	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
16	DH51300474	Trịnh Hữu	Huy	D13_TH01	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
17	DH51300412	Cái Hữu	Hưng	D13_TH01	10	12	2	25	4	15	2	70	Khá	
18	DH51300566	Phan Minh	Lân	D13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
19	DH51300589	Trần Hữu	Lộc	D13_TH01	10	12	2	25	15	15	10	89	Tốt	
20	DH51300656	Nguyễn Việt	Luân	D13_TH01	10	6	0	25	13	10	2	66	Trung bình khá	
21	DH51300697	Lê Tiến	Minh	D13_TH01	10	8	4	25	4	15	9	75	Khá	
22	DH51300716	Trịnh Văn	Minh	D13_TH01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
23	DH51200681	Lê Thành	Nam	D13_TH01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
24	DH51200560	Lý Hoài	Nam	D13_TH01	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
25	DH51300845	Trần Thị Thanh	Nhàn	D13_TH01	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
26	DH51300839	Trần Thiện	Nhân	D13_TH01	10	9	4	25	11	10	9	78	Khá	
27	DH51300876	Trần Thị Tuyết	Nhi	D13_TH01	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
28	DH51301010	Hà Duy	Quang	D13_TH01	10	6	2	25	9	15	9	76	Khá	
29	DH51301015	Trần Sáng	Quang	D13_TH01	10	6	2	25	10	15	2	70	Khá	
30	DH51301000	Lý Bình	Quân	D13_TH01	10	12	2	25	7	15	2	73	Khá	
31	DH51301050	Trần Thị Trúc	Quyên	D13_TH01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
32	DH51301064	Trịnh Quang	Son	D13_TH01	10	12	4	25	10	15	9	85	Tốt	
33	DH51301148	Lữ Văn	Thôn	D13_TH01	10	12	2	25	11	15	2	77	Khá	
34	DH51301251	Thân Thị Hoàng	Thùy	D13_TH01	10	12	4	25	4	15	2	72	Khá	
35	DH51301255	Phạm Thị Thanh	Thủy	D13_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
36	DH51301314	Nguyễn Hữu	Tiến	D13_TH01	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
37	DH51301403	Nguyễn Chí Hải	Trường	D13_TH01	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
38	DH51301295	Hà Minh	Tùng	D13_TH01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
39	DH51301609	Phan Đăng	ý	D13_TH01	10	12	4	25	10	15	9	85	Tốt	
1	DH51300129	Nguy Tiến	Bảo	D13_TH02	10	12	6	15	16	15	2	76	Khá	
2	DH51300117	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	D13_TH02	10	6	6	25	20	15	10	92	Xuất sắc	
3	DH51300155	Nguyễn Thanh	Cường	D13_TH02	10	6	4	25	15	15	2	77	Khá	
4	DH51300034	Nguyễn Hữu	Đạt	D13_TH02	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
5	DH51300037	Nguyễn Thành	Đạt	D13_TH02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
6	DH51300348	Nguyễn Xuân	Hải	D13_TH02	10	6	6	15	10	15	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH51300423	Nguyễn Minh	Hoài	D13_TH02	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
8	DH51300385	Trần Chí	Hùng	D13_TH02	10	6	6	25	13	15	2	77	Khá	
9	DH51300461	Nguyễn Đức	Huy	D13_TH02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
10	DH51300513	Nguyễn Duy	Khanh	D13_TH02	10	6	6	25	19	15	10	91	Xuất sắc	
11	DH51300494	Trần Vĩ	Khâm	D13_TH02	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
12	DH51300549	Lê Ngô Việt	Kiều	D13_TH02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
13	DH51300551	Trần Huệ	Kỳ	D13_TH02	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
14	DH51300615	Mạch Mỹ	Linh	D13_TH02	10	6	6	25	14	15	9	85	Tốt	
15	DH51300587	Phạm Thanh Phước	Lộc	D13_TH02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
16	DH51300655	Huỳnh Gia	Luân	D13_TH02	10	6	6	25	16	15	2	80	Tốt	
17	DH51300657	Võ Trần Trọng	Luân	D13_TH02	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
18	DH51300682	Hoàng Minh	Mẫn	D13_TH02	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
19	DH51300712	Trương Đức	Minh	D13_TH02	10	12	6	25	14	15	9	91	Xuất sắc	
20	DH51300834	Phan	Nhân	D13_TH02	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
21	DH51300971	Lê Minh	Phúc	D13_TH02	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
22	DH51300974	Nguyễn Hoàng	Phúc	D13_TH02	10	12	4	25	13	15	9	88	Tốt	
23	DH51300952	Trang Tấn	Phước	D13_TH02	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
24	DH51301030	Lữ Thuận	Quý	D13_TH02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
25	DH51301146	Phan Thành	Thái	D13_TH02	10	12	4	15	16	15	2	74	Khá	
26	DH51301200	Võ Phương	Thảo	D13_TH02	10	9	6	25	16	15	9	90	Xuất sắc	
27	DH51301501	Võ Huỳnh Chí	Tín	D13_TH02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
28	DH51301346	Phạm Thanh	Toàn	D13_TH02	10	6	6	15	16	15	2	70	Khá	
29	DH51301449	Quan Chấn	Trung	D13_TH02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH51301406	Phạm Xuân	Trường	D13_TH02	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
31	DH51301334	Nguyễn Thanh	Tú	D13_TH02	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
32	DH51301547	Nguyễn Văn	Vượng	D13_TH02	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
1	DH51300132	Nguyễn Quốc	Bảo	D13_TH03	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
2	DH51300140	Trần Phước	Bảo	D13_TH03	10	12	8	15	0	15	2	62	Trung bình khá	
3	DH51300119	Trần Huy	Bình	D13_TH03	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
4	DH51300146	Nguyễn Hoàn	Cầu	D13_TH03	10	8	2	25	10	15	2	72	Khá	
5	DH51300229	Nguyễn Thị Hồng	Dung	D13_TH03	10	9	6	25	18	10	9	87	Tốt	
6	DH51300245	Nguyễn Nhật	Duy	D13_TH03	10	6	4	15	9	15	2	61	Trung bình khá	
7	DH51300220	Vũ Đức	Dự	D13_TH03	10	12	4	25	6	5	2	64	Trung bình khá	
8	DH51300016	Nguyễn Văn	Đặng	D13_TH03	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
9	DH51300018	Phạm Hải	Đặng	D13_TH03	10	10	6	25	10	10	2	73	Khá	
10	DH51300358	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	D13_TH03	10	12	6	25	19	10	9	91	Xuất sắc	
11	DH51300284	Lê Như	Hằng	D13_TH03	10	8	6	25	20	10	9	88	Tốt	
12	DH51300295	Nguyễn Thu	Hằng	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
13	DH51300443	Trần Kim	Hòa	D13_TH03	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
14	DH51300465	Nguyễn Lâm Phước	Huy	D13_TH03	10	6	6	25	16	10	2	75	Khá	
15	DH51300499	Lê Minh	Kha	D13_TH03	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
16	DH51300574	Vũ Đức	Lam	D13_TH03	10	10	6	25	16	10	2	79	Khá	
17	DH51300563	Trần Kim	Lâm	D13_TH03	10	12	2	15	2	15	2	58	Trung bình	
18	DH51300610	Lê Ngọc Mỹ	Linh	D13_TH03	10	10	4	25	17	10	9	85	Tốt	
19	DH51300668	Nguyễn Thị Mai	Lý	D13_TH03	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
20	DH51300796	Huỳnh Trọng	Nghĩa	D13_TH03	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
21	DH51300809	Trương Vĩnh	Nguyễn	D13_TH03	10	10	8	15	0	15	2	60	Trung bình khá	
22	DH51300837	Trương Trọng	Nhân	D13_TH03	10	10	6	25	4	10	2	67	Trung bình khá	
23	DH51300895	Nguyễn Minh	Nhật	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
24	DH51300908	Huỳnh Kim	Phát	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
25	DH51300966	Đặng Hoàng	Phúc	D13_TH03	10	8	4	25	16	5	2	70	Khá	
26	DH51300983	Từ Hoàng	Phúc	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
27	DH51300923	Đoàn Thị Mỹ	Phương	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
28	DH51300924	Đoàn Văn	Phương	D13_TH03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
29	DH51301144	Nguyễn Hoàng	Thái	D13_TH03	10	12	4	25	16	5	2	74	Khá	
30	DH51301247	Trần Triệu	Thiện	D13_TH03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
31	DH51301400	Trần Thị Ngọc	Trang	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
32	DH51301451	Nguyễn Đình Nhân	Trí	D13_TH03	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
33	DH51301454	Nguyễn Nhật Minh	Trí	D13_TH03	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
34	DH51301474	Nguyễn Thanh	Tuấn	D13_TH03	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
35	DH51301572	Đỗ Hồng Minh	Vy	D13_TH03	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
1	DH51300060	Đoàn Huỳnh Bình	An	D13_TH04	10	8	8	25	19	12	10	92	Xuất sắc	
2	DH51300088	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_TH04	10	8	8	25	17	15	8	91	Xuất sắc	
3	DH51300098	Phạm Ngọc	Anh	D13_TH04	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
4	DH51300137	Sử Chấn Hoài	Bảo	D13_TH04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
5	DH51300142	Bùi Hà	Bắc	D13_TH04	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
6	DH51300157	Trần Việt	Cường	D13_TH04	10	12	8	25	7	15	2	79	Khá	
7	DH51300213	Nguyễn Hoàng	Dũng	D13_TH04	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
8	DH51300214	Nguyễn Hoàng	Dũng	D13_TH04	10	12	4	15	-5	10	2	48	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH51300240	Ngô Trần Quang	Duy	D13_TH04	10	12	4	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
10	DH51300350	Phạm Ngọc	Hải	D13_TH04	10	12	8	25	10	10	8	83	Tốt	
11	DH51300351	Phan Lê Hồ	Hải	D13_TH04	10	8	6	25	15	15	8	87	Tốt	
12	DH51300368	Lê Phúc	Hậu	D13_TH04	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
13	DH51300369	Lê Thanh	Hậu	D13_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	DH51300439	Lê Quang	Hòa	D13_TH04	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
15	DH51300440	Lưu	Hòa	D13_TH04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
16	DH51300431	Phạm Trọng	Hoàng	D13_TH04	10	12	8	25	18	13	2	88	Tốt	
17	DH51300419	Vương Quang	Hưng	D13_TH04	9	12	0	25	20	15	2	83	Tốt	
18	DH51300523	Nguyễn Đăng	Khoa	D13_TH04	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
19	DH51300525	Nguyễn Minh	Khoa	D13_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
20	DH51300581	Phan Văn	Lên	D13_TH04	10	12	8	15	9	5	2	61	Trung bình khá	
21	DH51300662	Trần Văn	Luôt	D13_TH04	10	6	2	15	8	5	2	48	Yếu	
22	DH51300684	Thái Minh	Mẫn	D13_TH04	10	12	8	25	10	10	8	83	Tốt	
23	DH51300693	Đoàn Quang	Minh	D13_TH04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
24	DH51300737	Nguyễn Hoài	Nam	D13_TH04	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
25	DH51300800	Trần Trọng	Nghĩa	D13_TH04	10	12	6	25	8	5	2	68	Trung bình khá	
26	DH51300909	Huỳnh Ngô Tấn	Phát	D13_TH04	10	9	8	25	0	15	9	76	Khá	
27	DH51300992	Trần Đệ	Phong	D13_TH04	10	10	6	15	0	5	2	48	Yếu	Không khám sức khỏe
28	DH51301161	Lương Trí	Thành	D13_TH04	10	12	6	15	6	10	2	61	Trung bình khá	
29	DH51301206	Dương Minh	Thắng	D13_TH04	10	12	6	25	8	5	2	68	Trung bình khá	
30	DH51301265	Đặng Đức	Thịnh	D13_TH04	10	12	4	15	8	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH51301258	Vũ Thu	Thủy	D13_TH04	10	12	6	15	15	15	8	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH51301263	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	D13_TH04	10	10	8	25	18	15	8	94	Xuất sắc	
33	DH51301356	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D13_TH04	10	8	2	25	20	15	10	90	Xuất sắc	
34	DH51301303	Phạm Văn	Tùng	D13_TH04	0	10	0	0	-10	0	0	0	Kém	
35	DH51301127	Nguyễn Trương Huy	Tường	D13_TH04	10	12	6	25	6	5	2	66	Trung bình khá	
36	DH51301540	Trần Tấn	Vạn	D13_TH04	10	12	6	25	13	15	8	89	Tốt	
37	DH51301561	Lê Thanh	Vũ	D13_TH04	10	12	8	25	10	10	8	83	Tốt	
1	DH51300079	Châu Công Tuấn	Anh	D13_TH05	10	12	4	15	17	15	2	75	Khá	
2	DH51300077	Đoàn Tuấn	Anh	D13_TH05	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
3	DH51300175	Nguyễn Hữu Nhật	Chi	D13_TH05	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
4	DH51300176	Nguyễn Thị Phương	Chi	D13_TH05	10	12	2	15	19	15	9	82	Tốt	
5	DH51300151	Đình Tuấn	Cường	D13_TH05	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
6	DH51300050	Nguyễn Thuyết	Đường	D13_TH05	10	12	2	25	19	15	2	85	Tốt	
7	DH51300393	Trần Thu	Hiền	D13_TH05	10	12	4	25	15	15	9	90	Xuất sắc	
8	DH51300421	Dương Thanh	Hoài	D13_TH05	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
9	DH51300309	Chu Lê	Hương	D13_TH05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
10	DH51300535	Hồ Hoàng	Kim	D13_TH05	10	10	4	25	19	15	2	85	Tốt	
11	DH51300701	Nguyễn Hoàng	Minh	D13_TH05	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
12	DH51300702	Nguyễn Lê	Minh	D13_TH05	10	12	2	25	19	15	2	85	Tốt	
13	DH51300735	Lê Ngọc	Nam	D13_TH05	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
14	DH51300742	Bùi Nguyễn Kim	Ngân	D13_TH05	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
15	DH51300774	Huỳnh Thị Thu	Ngọc	D13_TH05	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
16	DH51300872	Trương Kiệt	Nhi	D13_TH05	10	12	2	15	19	15	2	75	Khá	
17	DH51300879	Mai Hồng	Nhũ	D13_TH05	10	12	7	15	19	15	10	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	DH51301019	Lê Vĩnh	Quới	D13_TH05	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
19	DH51301095	Nguyễn Thành	Tâm	D13_TH05	10	12	8	25	14	15	10	94	Xuất sắc	
20	DH51301123	Ngô Đình	Tấn	D13_TH05	10	6	4	25	17	15	2	79	Khá	
21	DH51301216	Trương Ngọc	Thạch	D13_TH05	10	12	2	25	17	15	2	83	Tốt	
22	DH51301244	Nguyễn Chí	Thiện	D13_TH05	10	12	4	15	13	15	2	71	Khá	
23	DH51301275	Lê Thanh	Thuận	D13_TH05	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
24	DH51301135	Nguyễn Đỗ Minh	Thư	D13_TH05	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
25	DH51301287	Đặng Thị Mỹ	Tiên	D13_TH05	10	9	8	25	14	15	9	90	Xuất sắc	
26	DH51301349	Nguyễn Đình	Toại	D13_TH05	10	6	2	25	19	15	2	79	Khá	
27	DH51301395	Phạm Thị Thùy	Trang	D13_TH05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
28	DH51301459	Trần Cao	Trí	D13_TH05	10	12	2	25	19	15	2	85	Tốt	
29	DH51301446	Huỳnh Thanh	Trung	D13_TH05	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
30	DH51301516	Võ Trần Bảo	Uyên	D13_TH05	10	10	2	15	11	15	2	65	Trung bình khá	
31	DH51301543	Nguyễn Thị Tường	Vi	D13_TH05	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
32	DH51301565	Tô Hoài	Vũ	D13_TH05	10	6	4	15	17	15	2	69	Trung bình khá	
33	DH51301576	Hoàng Thị Ngọc	Vy	D13_TH05	10	9	6	25	19	15	2	86	Tốt	
1	DH51300177	Phan Kim	Chi	D13_TH06	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
2	DH51300184	Nguyễn Thị Ngọc	Cúc	D13_TH06	10	9	4	25	16	15	8	87	Tốt	
3	DH51300238	Lê Hoàng	Duy	D13_TH06	10	10	6	25	18	15	2	86	Tốt	
4	DH51300190	Trần Trung	Dương	D13_TH06	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
5	DH51300054	Nguyễn Hoàng Trọng	Đức	D13_TH06	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
6	DH51300330	Phan Thị Hồng	Hà	D13_TH06	10	12	6	25	14	15	9	91	Xuất sắc	
7	DH51300292	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_TH06	10	6	6	25	20	15	6	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH51300392	Trần Thị Thu	Hiền	D13_TH06	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
9	DH51300399	Lê Hoài	Hiếu	D13_TH06	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
10	DH51300437	Lê Thị	Hoa	D13_TH06	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
11	DH51300429	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
12	DH51300434	Trương Minh	Hoàng	D13_TH06	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
13	DH51300361	Chúc Anh	Học	D13_TH06	10	12	4	25	16	15	8	90	Xuất sắc	
14	DH51300446	Nguyễn Minh	Huân	D13_TH06	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
15	DH51300418	Trần Văn	Hung	D13_TH06	10	12	4	25	20	15	8	94	Xuất sắc	
16	DH51300651	Trần Thành	Long	D13_TH06	10	6	6	25	16	15	2	80	Tốt	
17	DH51300567	Trần Hữu	Lương	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
18	DH51300710	Nguyễn Văn	Minh	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
19	DH51300732	Phan Thị Diễm	My	D13_TH06	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	
20	DH51300726	Võ Lê Hoàng	Mỹ	D13_TH06	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	
21	DH51300754	Phạm Thị Kim	Ngân	D13_TH06	10	6	4	15	18	15	2	70	Khá	
22	DH51300949	Đặng Kim	Phước	D13_TH06	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
23	DH51301027	Trương Thị Ngọc	Quỳnh	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	8	96	Xuất sắc	
24	DH51301113	Cao Thái	Tài	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
25	DH51301116	Lê Quang	Tài	D13_TH06	10	12	6	15	14	15	2	74	Khá	
26	DH51301088	Bùi Phúc Minh	Tâm	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
27	DH51301231	Trương H Thụy Thái	Thanh	D13_TH06	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
28	DH51301165	Phạm Văn	Thành	D13_TH06	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
29	DH51301208	Nguyễn Hoàng	Thắng	D13_TH06	10	6	6	25	16	15	2	80	Tốt	
30	DH51301153	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH51301282	Tăng Đức	Thuận	D13_TH06	10	12	6	15	18	15	8	84	Tốt	
32	DH51301134	Ngô Minh	Thư	D13_TH06	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
33	DH51301418	Nguyễn Trần Thị	Trinh	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
34	DH51301466	Ngô Thanh	Tuấn	D13_TH06	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
35	DH51301596	Phan Thị Kim	Xuyến	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	8	94	Xuất sắc	
36	DH51301605	Nguyễn Thị Như	ý	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	8	94	Xuất sắc	
1	DH51400074	Ung Triệu	Biêu	D14_TH01	10	6	2	25	13	15	9	80	Tốt	
2	DH51400095	Quách Phú	Cường	D14_TH01	8	6	6	25	2	10	2	59	Trung bình	
3	DH51400153	Trịnh Công	Danh	D14_TH01	10	10	2	25	12	15	9	83	Tốt	
4	DH51400233	Phan Thành	Đạt	D14_TH01	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
5	DH51400250	Thái Huỳnh	Đức	D14_TH01	10	12	8	25	15	10	10	90	Xuất sắc	
6	DH51400312	Huỳnh Gia	Hào	D14_TH01	10	10	2	25	9	15	9	80	Tốt	
7	DH51400313	Lương Nhiêu	Hào	D14_TH01	10	10	0	15	15	5	2	57	Trung bình	
8	DH51400316	Nguyễn Duy	Hào	D14_TH01	10	12	8	15	3	15	2	65	Trung bình khá	
9	DH51400400	Nguyễn Văn	Hiếu	D14_TH01	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
10	DH51400453	Diệp Cẩm	Hòa	D14_TH01	10	12	6	25	5	15	2	75	Khá	
11	DH51400434	Nguyễn Minh	Hoàng	D14_TH01	10	9	8	25	8	15	9	84	Tốt	
12	DH51400470	Đình Quốc	Huy	D14_TH01	10	10	6	25	5	15	2	73	Khá	
13	DH51400475	Lê Gia	Huy	D14_TH01	10	12	8	15	3	15	2	65	Trung bình khá	
14	DH51401644	Nguyễn Mộc	Lâm	D14_TH01	10	12	8	25	11	10	9	85	Tốt	
15	DH51400633	Trần Tuấn	Linh	D14_TH01	10	9	8	25	11	15	9	87	Tốt	
16	DH51400592	Hồng Thành	Lộc	D14_TH01	9	8	6	25	6	15	2	71	Khá	
17	DH51400597	Nguyễn Vương Thành	Lộc	D14_TH01	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	DH51400871	Huỳnh Trọng	Nhân	D14_TH01	10	6	6	25	6	15	2	70	Khá	
19	DH51400946	Trần Bá	Phát	D14_TH01	7	6	0	15	0	15	2	45	Yếu	
20	DH51400948	Trần Tuấn	Phát	D14_TH01	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
21	DH51401026	Trần Hỷ	Phong	D14_TH01	10	9	8	15	9	15	9	75	Khá	
22	DH51400985	Lâm Hiệp	Phú	D14_TH01	10	6	0	25	4	15	2	62	Trung bình khá	
23	DH51400991	Võ Đình	Phú	D14_TH01	10	8	6	25	8	15	2	74	Khá	
24	DH51401033	Ô Kiếm	Quân	D14_TH01	10	10	4	25	12	15	9	85	Tốt	
25	DH51401049	Hà Hải	Quốc	D14_TH01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
26	DH51401129	Phan Ngọc Minh	Tân	D14_TH01	10	9	4	15	15	5	2	60	Trung bình khá	
27	DH51401173	Phạm Quang	Thái	D14_TH01	10	12	8	25	3	15	2	75	Khá	
28	DH51401183	Dương Minh	Thành	D14_TH01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
29	DH51401191	Trần Minh	Thành	D14_TH01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
30	DH51401705	Nguyễn Trần Phước	Thiện	D14_TH01	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
31	DH51401176	Lâm Chí	Thông	D14_TH01	8	12	8	25	15	10	2	80	Tốt	
32	DH51401296	Trần Ngọc	Thuận	D14_TH01	10	6	4	15	14	15	2	66	Trung bình khá	
33	DH51401492	Võ Minh	Trí	D14_TH01	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
34	DH51401462	Lê Văn	Tròn	D14_TH01	10	6	2	15	12	15	2	62	Trung bình khá	
35	DH51401424	Dương Đình	Trường	D14_TH01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
36	DH51301339	Võ Phan Tuấn	Tú	D14_TH01	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
37	DH51401593	Nguyễn Tuấn	Vỹ	D14_TH01	10	10	4	25	9	15	2	75	Khá	
1	DH51400017	Nguyễn Phước	An	D14_TH02	10	10	4	15	6	15	2	62	Trung bình khá	
2	DH51400083	Tăng Tường	Cơ	D14_TH02	10	9	4	25	7	15	2	72	Khá	
3	DH51400157	Võ Ngọc	Diễm	D14_TH02	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	DH51400241	Nguyễn Văn	Điền	D14_TH02	10	6	4	25	14	15	8	82	Tốt	
5	DH51400301	Đặng Ngọc	Hà	D14_TH02	10	6	4	15	0	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
6	DH51400326	Nguyễn Thiên	Hải	D14_TH02	10	6	4	15	8	15	2	60	Trung bình khá	
7	DH51401681	Trần Ngọc Gia	Hân	D14_TH02	10	9	4	25	12	15	8	83	Tốt	
8	DH51401772	Trần Thị Hồng	Huệ	D14_TH02	10	12	4	25	16	15	8	90	Xuất sắc	
9	DH51400472	Huỳnh Anh	Huy	D14_TH02	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	
10	DH51400541	Nguyễn Đăng	Khoa	D14_TH02	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
11	DH51400548	Thái Minh	Khoa	D14_TH02	10	6	4	15	6	15	2	58	Trung bình	
12	DH51400553	Vương Anh	Khoa	D14_TH02	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
13	DH51400690	Hoàng Đức	Minh	D14_TH02	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
14	DH51400692	Huỳnh Trí	Minh	D14_TH02	10	6	4	15	8	15	2	60	Trung bình khá	
15	DH51400704	Thị Trường	Minh	D14_TH02	10	12	4	15	12	15	8	76	Khá	
16	DH51400756	Lê Thị Kim	Ngân	D14_TH02	10	6	4	25	20	15	10	90	Xuất sắc	
17	DH51400760	Mai Hoàng	Ngân	D14_TH02	10	6	4	25	12	15	9	81	Tốt	
18	DH51400851	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	D14_TH02	10	6	2	25	10	15	2	70	Khá	
19	DH51401027	Trần Vương Quyền	Phong	D14_TH02	10	12	4	25	12	15	8	86	Tốt	
20	DH51400986	Lê Ngọc	Phú	D14_TH02	10	6	4	15	10	15	2	62	Trung bình khá	
21	DH51400987	Nguyễn An Hoài	Phú	D14_TH02	10	6	2	25	10	15	2	70	Khá	
22	DH51400988	Nguyễn Ngọc	Phú	D14_TH02	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
23	DH51401001	Nguyễn Phúc	Phúc	D14_TH02	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
24	DH51401014	Vũ Duy	Phúc	D14_TH02	10	9	4	25	6	15	2	71	Khá	
25	DH51401101	Nguyễn Thanh	Sang	D14_TH02	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
26	DH51401104	Nghiêm Văn	Sinh	D14_TH02	10	6	4	15	9	15	2	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
27	DH51401092	Võ Hoàng	Son	D14_TH02	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
28	DH51401241	Thái Kim	Thanh	D14_TH02	10	8	4	25	7	15	2	71	Khá	
29	DH51401224	Trần Đức	Thắng	D14_TH02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
30	DH51401256	Lê Huỳnh Xuân	Thiên	D14_TH02	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
31	DH51401178	Trần Cao	Thông	D14_TH02	10	8	4	25	12	15	8	82	Tốt	
32	DH51401294	Lê Quang	Thuận	D14_TH02	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
33	DH51401417	Nguyễn Quốc	Trọng	D14_TH02	10	6	4	15	12	15	8	70	Khá	
34	DH51401349	Nguyễn Chung	Tú	D14_TH02	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
35	DH51401586	Trần Thanh	Vũ	D14_TH02	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
1	DH51400015	Ng Huỳnh Trường	An	D14_TH03	10	6	8	15	6	5	2	52	Trung bình	
2	DH51400043	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	D14_TH03	10	10	4	25	18	10	2	79	Khá	
3	DH51400105	Lý Hồng	Châu	D14_TH03	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
4	DH51400145	Phan Nguyễn Duy	Dương	D14_TH03	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
5	DH51401717	Huỳnh Hà	Giang	D14_TH03	10	12	7	25	16	10	2	82	Tốt	
6	DH51400338	Trần Quang	Hạ	D14_TH03	10	6	4	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
7	DH51400333	Vũ Hoàng	Hải	D14_TH03	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
8	DH51400310	Đoàn Anh	Hào	D14_TH03	10	9	4	25	17	10	2	77	Khá	
9	DH51400390	Phạm Ngọc	Hiệp	D14_TH03	10	10	8	25	12	10	2	77	Khá	
10	DH51400431	Nguyễn Anh	Hoàng	D14_TH03	10	12	2	25	13	10	2	74	Khá	
11	DH51400371	Ngô Thanh	Hùng	D14_TH03	10	12	8	15	11	5	2	63	Trung bình khá	
12	DH51400473	Lâm Quốc	Huy	D14_TH03	10	6	8	25	6	8	2	65	Trung bình khá	
13	DH51400480	Nguyễn Hoàng	Huy	D14_TH03	10	6	8	25	10	10	9	78	Khá	
14	DH51400623	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D14_TH03	10	9	6	25	20	-2	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH51400594	Nguyễn Phúc	Lộc	D14_TH03	8	10	6	15	10	5	2	56	Trung bình	
16	DH51400792	Đặng Hồng	Ngọc	D14_TH03	10	12	8	25	11	10	2	78	Khá	
17	DH51400877	Nguyễn Trọng	Nhân	D14_TH03	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
18	DH51400928	Tổng Minh	Nhật	D14_TH03	10	12	6	25	16	5	9	83	Tốt	
19	DH51401034	Huỳnh Phạm Minh	Quân	D14_TH03	10	12	8	25	8	5	2	70	Khá	
20	DH51401037	Lê Minh	Quân	D14_TH03	10	12	4	25	14	10	2	77	Khá	
21	DH51401736	Dương Quốc	Tài	D14_TH03	10	12	8	25	12	10	2	79	Khá	
22	DH51401108	Huỳnh Thanh	Tâm	D14_TH03	10	10	8	25	10	5	2	70	Khá	
23	DH51401165	Hà Xương	Thái	D14_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
24	DH51401182	Đình Nho	Thành	D14_TH03	10	6	7	25	16	10	2	76	Khá	
25	DH51401295	Trần Hiếu	Thuận	D14_TH03	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
26	DH51401539	Ngô Đại	Tính	D14_TH03	10	10	7	25	12	10	2	76	Khá	
27	DH51401421	Trần Ngọc	Trọng	D14_TH03	10	12	6	25	11	10	2	76	Khá	
28	DH51401464	Khổng Thành	Trung	D14_TH03	10	8	4	25	19	10	2	78	Khá	
29	DH51401391	Trần Minh	Trương	D14_TH03	9	10	6	25	16	8	2	76	Khá	
30	DH51401427	Nguyễn Nhật	Trường	D14_TH03	10	10	4	15	8	10	2	59	Trung bình	
31	DH51401657	Hồ Thanh	Tú	D14_TH03	10	12	8	25	8	5	2	70	Khá	
32	DH51401495	Hồ Nguyễn Minh	Tuấn	D14_TH03	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
33	DH51401499	Ngô Anh	Tuấn	D14_TH03	10	10	4	25	17	10	2	78	Khá	
34	DH51401501	Nguyễn Anh	Tuấn	D14_TH03	10	8	4	25	11	10	2	70	Khá	
35	DH51401505	Nguyễn Nhật	Tuấn	D14_TH03	10	9	8	25	10	5	2	69	Trung bình khá	
36	DH51401521	Hà Thị Ngọc	Tuyền	D14_TH03	10	9	8	25	8	5	9	74	Khá	
37	DH51401592	Nguyễn Hồ Hoàng	Vĩ	D14_TH03	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH51400025	Khấu Thị Trâm	Anh	D14_TH04	9	10	8	25	19	15	2	88	Tốt	
2	DH51400051	Phạm Hoàng Tường	Bách	D14_TH04	10	12	8	15	11	15	2	73	Khá	
3	DH51400077	Dương Đức	Công	D14_TH04	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
4	DH51400178	Lê Huỳnh Kim	Dung	D14_TH04	9	9	6	25	20	3	9	81	Tốt	
5	DH51400226	Mai Trọng	Đạt	D14_TH04	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
6	DH51400231	Nguyễn Tiến	Đạt	D14_TH04	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
7	DH51400315	Mạch Chí	Hào	D14_TH04	9	12	4	25	18	15	2	85	Tốt	
8	DH51400385	Vũ Đức	Hiền	D14_TH04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
9	DH51401720	Trần Hồ	Hiệp	D14_TH04	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
10	DH51401773	Huỳnh Thanh	Huy	D14_TH04	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
11	DH51401698	Trần Văn	Hưng	D14_TH04	10	10	6	25	19	13	9	92	Xuất sắc	
12	DH51400508	Nguyễn Trọng	Khánh	D14_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
13	DH51400540	Mai Tuấn	Khoa	D14_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	DH51400550	Trương Nguyễn Anh	Khoa	D14_TH04	10	12	8	15	15	15	8	83	Tốt	
15	DH51400554	Võ Trần Đăng	Khoa	D14_TH04	10	6	5	15	14	15	2	67	Trung bình khá	
16	DH51400516	Lê Trung	Khương	D14_TH04	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
17	DH51400574	Phạm Phương	Lâm	D14_TH04	10	6	6	25	18	15	2	82	Tốt	
18	DH51400575	Thái Tuyền	Lâm	D14_TH04	10	6	8	25	15	10	2	76	Khá	
19	DH51400691	Huỳnh Gia	Minh	D14_TH04	10	12	8	25	18	15	8	96	Xuất sắc	
20	DH51400739	Nguyễn Thành	Nam	D14_TH04	10	10	6	25	14	15	2	82	Tốt	
21	DH51400879	Nguyễn Việt	Nhân	D14_TH04	10	6	8	15	5	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
22	DH51400939	Đỗ Duy	Phát	D14_TH04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
23	DH51400972	Lâm Thanh	Phước	D14_TH04	10	10	7	25	17	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH51400975	Nguyễn Hoàng	Phước	D14_TH04	10	6	6	25	20	15	2	84	Tốt	
25	DH51401042	Lưu Quốc	Quan	D14_TH04	10	10	4	25	18	15	2	84	Tốt	
26	DH51401102	Võ Ngọc	Sang	D14_TH04	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	
27	DH51401255	Thái Thanh	Thiên	D14_TH04	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
28	DH51401267	Lê Thị Huyền	Thoại	D14_TH04	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
29	DH51401452	Lê Nguyễn Hải	Triều	D14_TH04	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
30	DH51401431	Vũ Xuân	Trường	D14_TH04	10	10	5	15	13	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH51401341	Bùi Thanh	Tú	D14_TH04	10	12	6	15	10	15	2	70	Khá	
32	DH51401572	Tạ Chiêu	Vinh	D14_TH04	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
33	DH51401584	Nguyễn Thái	Vũ	D14_TH04	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
1	DH51400020	Nguyễn Huỳnh Khương	An	D14_TH05	10	6	0	25	13	15	2	71	Khá	
2	DH51400019	Nguyễn Thị Thúy	An	D14_TH05	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
3	DH51400104	Lương Nguyễn Bảo	Châu	D14_TH05	10	10	8	25	18	15	9	95	Xuất sắc	
4	DH51400109	Trần Huy	Châu	D14_TH05	10	6	0	25	14	15	2	72	Khá	
5	DH51400116	Phạm Hồng	Chương	D14_TH05	10	12	0	15	0	15	2	54	Trung bình	
6	DH51400245	Lê Văn	Đức	D14_TH05	10	10	0	15	0	15	2	52	Trung bình	
7	DH51400264	Nguyễn Trường	Giang	D14_TH05	10	6	0	15	16	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
8	DH51400337	Trần Quang	Hạ	D14_TH05	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
9	DH51400442	Võ Phương	Hoàng	D14_TH05	10	10	8	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
10	DH51400369	Hà Hữu	Hùng	D14_TH05	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
11	DH51400522	Lương Minh	Kha	D14_TH05	10	12	4	25	11	15	2	79	Khá	
12	DH51400525	Lâm Hữu	Khang	D14_TH05	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
13	DH51400504	Đỗ Đăng	Khánh	D14_TH05	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH51400545	Nguyễn Minh	Khoa	D14_TH05	8	6	0	25	12	15	2	68	Trung bình khá	
15	DH51400618	Lê Văn	Linh	D14_TH05	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
16	DH51401750	Võ Tấn	Lĩnh	D14_TH05	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
17	DH51400638	Nguyễn Thụy Kim	Loan	D14_TH05	10	9	4	25	18	15	10	91	Xuất sắc	
18	DH51400600	Trần Vĩnh	Lộc	D14_TH05	10	12	0	25	16	15	2	80	Tốt	
19	DH51400577	Từ	Lương	D14_TH05	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
20	DH51400668	Vũ Khánh	Ly	D14_TH05	10	8	2	25	9	15	2	71	Khá	
21	DH51400736	Nguyễn Duy	Nam	D14_TH05	10	12	4	25	15	15	10	91	Xuất sắc	
22	DH51400846	Phạm Hoàn	Nguyên	D14_TH05	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
23	DH51400870	Huỳnh Minh	Nhân	D14_TH05	10	8	0	25	20	15	10	88	Tốt	
24	DH51401733	Nguyễn Trung	Phong	D14_TH05	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
25	DH51401051	Nguyễn Minh	Quốc	D14_TH05	10	10	0	25	16	15	9	85	Tốt	
26	DH51401063	Nguyễn Minh	Quý	D14_TH05	10	8	0	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
27	DH51401095	Đặng Hồng	Sang	D14_TH05	10	12	0	25	16	15	2	80	Tốt	
28	DH51401145	Phan Quang	Tài	D14_TH05	8	6	2	15	2	15	2	50	Trung bình	
29	DH51401281	Nguyễn Duy	Thịnh	D14_TH05	10	12	0	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
30	DH51401305	Lê Thị Thủy	Tiên	D14_TH05	8	6	0	25	20	15	2	76	Khá	
31	DH51401537	Huỳnh Trọng	Tính	D14_TH05	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
32	DH51401479	Lê Minh	Trí	D14_TH05	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
33	DH51401437	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	D14_TH05	10	10	4	25	18	15	9	91	Xuất sắc	
34	DH51401508	Nguyễn Thanh	Tuấn	D14_TH05	10	10	8	25	10	15	9	87	Tốt	
1	DH51400134	Phan Đình	Chiến	D14_TH06	9	6	4	25	17	15	2	78	Khá	
2	DH51400135	Quách Đình	Chung	D14_TH06	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3	DH51400149	Huỳnh Ngọc	Danh	D14_TH06	9	6	4	15	15	13	2	64	Trung bình khá	
4	DH51400194	Phạm Quốc	Duy	D14_TH06	9	8	2	25	15	15	2	76	Khá	
5	DH51400204	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	D14_TH06	9	9	4	25	16	15	10	88	Tốt	
6	DH51400243	Trần Tấn	Điện	D14_TH06	9	8	4	25	17	13	2	78	Khá	
7	DH51401749	Ngô Xuân	Hải	D14_TH06	9	12	4	25	20	13	2	85	Tốt	
8	DH51400401	Nguyễn Xuân	Hiếu	D14_TH06	10	10	4	25	10	15	2	76	Khá	
9	DH51400454	Hoàng	Hòa	D14_TH06	10	12	4	25	16	13	2	82	Tốt	
10	DH51401699	Lộc Văn	Hòa	D14_TH06	9	8	4	25	20	15	2	83	Tốt	
11	DH51400489	Trần Đức	Huy	D14_TH06	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
12	DH51400524	Đông Minh	Khai	D14_TH06	10	12	4	25	17	12	2	82	Tốt	
13	DH51400513	Sầm Hoàng	Khâm	D14_TH06	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
14	DH51400519	Trần Bá	Khương	D14_TH06	7	6	4	25	12	13	2	69	Trung bình khá	
15	DH51400601	Nguyễn Thị Kim	Liên	D14_TH06	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
16	DH51400614	Bùi Vũ	Linh	D14_TH06	9	12	4	15	13	15	2	70	Khá	
17	DH51400669	Nguyễn Thế	Mạnh	D14_TH06	5	6	6	25	15	15	2	74	Khá	
18	DH51400712	Đoàn Thị	Mến	D14_TH06	8	6	6	25	20	14	10	89	Tốt	
19	DH51400868	Dương Thành	Nhân	D14_TH06	9	8	2	25	20	13	2	79	Khá	
20	DH51400865	Triệu Ngô Hạnh	Như	D14_TH06	9	12	2	25	10	12	10	80	Tốt	
21	DH51401002	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	D14_TH06	9	8	4	25	15	15	2	78	Khá	
22	DH51401015	Vũ Nguyễn Hoàng	Phúc	D14_TH06	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
23	DH51400962	Vũ Tá	Phương	D14_TH06	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
24	DH51401137	Lê Văn	Tài	D14_TH06	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
25	DH51401121	Trần Thiện	Tâm	D14_TH06	8	6	6	25	20	14	10	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
26	DH51401194	Đặng Thạch	Thảo	D14_TH06	10	9	4	25	14	15	2	79	Khá	
27	DH51401739	Nguyễn Cao	Thăng	D14_TH06	9	8	4	25	10	14	10	80	Tốt	
28	DH51401213	Bùi Toàn	Thắng	D14_TH06	10	6	4	25	12	15	2	74	Khá	
29	DH51401219	Nguyễn Văn	Thắng	D14_TH06	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
30	DH51401220	Nguyễn Việt	Thắng	D14_TH06	9	6	4	25	14	14	2	74	Khá	
31	DH51401538	Huỳnh Trung	Tính	D14_TH06	10	9	4	25	17	15	10	90	Xuất sắc	
32	DH51401428	Nguyễn Nhật	Trường	D14_TH06	10	8	4	25	15	12	2	76	Khá	
33	DH51401354	Nguyễn Tú	Tú	D14_TH06	10	10	4	25	17	15	10	91	Xuất sắc	
34	DH51401502	Nguyễn Anh	Tuấn	D14_TH06	9	6	2	25	15	10	10	77	Khá	
35	DH51401588	Nguyễn Thái	Vĩnh	D14_TH06	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
36	DH51401579	Đoàn Tuấn	Vũ	D14_TH06	9	6	2	25	17	14	2	75	Khá	
37	DH51401629	Hoàng Thị Ngọc	Yến	D14_TH06	10	12	4	15	16	15	2	74	Khá	
1	DH51500021	Hồng Bình	An	D15_TH01	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
2	DH51500090	Huỳnh Long	Ân	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
3	DH51500013	Huỳnh Ngọc	Bảo	D15_TH01	10	10	4	25	13	15	2	79	Khá	
4	DH51500098	Nguyễn Chí	Cường	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
5	DH51500103	Nguyễn Hữu	Danh	D15_TH01	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
6	DH51500014	Vương Tấn	Đạt	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
7	DH51300371	Trần Hùng	Hậu	D15_TH01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
8	DH51500088	Đặng Thanh	Hiếu	D15_TH01	10	6	4	25	11	15	2	73	Khá	
9	DH51500214	Trần Bửu	Hòa	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
10	DH51409001	Can Wing	Hung	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
11	DH51500100	Nguyễn Anh	Huy	D15_TH01	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH51400410	Đào Hoài	Hưng	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
13	DH51500080	Nguyễn Tấn	Hưng	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	DH51500212	Trần Gia	Hưng	D15_TH01	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
15	DH51501497	Võ Duy	Kha	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
16	DH51501199	Mai Duy	Khang	D15_TH01	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
17	DH51500018	Mong Triệu	Khang	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
18	DH51500084	Phan Huy	Khanh	D15_TH01	10	6	4	25	16	15	10	86	Tốt	
19	DH51500077	Trần Gia	Khánh	D15_TH01	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
20	DH51500083	Nguyễn Đăng	Khoa	D15_TH01	10	6	4	25	19	15	2	81	Tốt	
21	DH51500078	Nguyễn Gia	Kiệt	D15_TH01	10	6	4	25	13	15	2	75	Khá	
22	DH51500087	Trịnh Duy	Long	D15_TH01	10	6	4	25	11	15	8	79	Khá	
23	DH51500017	Phan Thành	Lộc	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
24	DH51500213	Lê Cát	Lượng	D15_TH01	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
25	DH51400685	Đỗ Công	Minh	D15_TH01	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
26	DH51500094	Lê Huỳnh	Nam	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
27	DH51500097	Nguyễn Hoàng Khánh	Nguyễn	D15_TH01	10	6	4	25	11	15	10	81	Tốt	
28	DH51500079	Nguyễn Hoàng	Nhân	D15_TH01	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
29	DH51500102	Nguyễn Trịnh Hoàng	Nhân	D15_TH01	10	6	4	25	13	15	2	75	Khá	
30	DH51500086	Trần Thị Mỹ	Nhung	D15_TH01	10	9	4	25	16	15	10	89	Tốt	
31	DH51400925	Nguyễn Hoàng	Nhật	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
32	DH51500099	Đỗ Tấn	Phát	D15_TH01	10	6	4	25	11	15	2	73	Khá	
33	DH51500095	Võ Ngọc	Phi	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
34	DH51500082	Nguyễn Hoàng Minh	Quang	D15_TH01	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH51501201	Đỗ Thanh	Quốc	D15_TH01	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
36	DH51500089	Đỗ Dương Tấn	Sang	D15_TH01	10	8	4	25	10	15	10	82	Tốt	
37	DH51500015	Bùi Lê Nhật	Tài	D15_TH01	10	8	4	25	19	15	10	91	Xuất sắc	
38	DH51501202	Võ Ngọc	Tân	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
39	DH51500085	Nguyễn Hoàng	Thiên	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
40	DH51401258	Nguyễn Cao Hoàng	Thiện	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
41	DH51500019	Nguyễn Quốc Nguyên	Thông	D15_TH01	10	9	4	25	16	15	10	89	Tốt	
42	DH51500096	Nguyễn Ngọc	Tiến	D15_TH01	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
43	DH51500081	Phan Lê Trọng	Tiến	D15_TH01	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
44	DH51401363	Nguyễn Tô Thế	Toàn	D15_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
45	DH51500101	Hầu Ngọc Thu	Trang	D15_TH01	10	8	4	25	16	15	10	88	Tốt	
46	DH51500091	Đỗ Trần Minh	Tuân	D15_TH01	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
47	DH51500092	Nguyễn Minh	Tuyển	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
48	DH51500016	Lê Trung	Việt	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
49	DH51500076	Trương Khru Hiền	Vinh	D15_TH01	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
50	DH51500093	Nguyễn Hoàng	Vũ	D15_TH01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
51	DH51401614	Thái Hồng	Xương	D15_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1	DH51500223	Nguyễn Đức	Anh	D15_TH02	9	6	2	25	11	10	2	65	Trung bình khá	
2	DH51500243	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Bảo	D15_TH02	10	6	4	25	13	10	2	70	Khá	
3	DH51500222	Vòng Trí	Cần	D15_TH02	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
4	DH51500235	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	D15_TH02	10	8	4	25	15	15	9	86	Tốt	
5	DH51500242	Đặng Thành	Danh	D15_TH02	9	6	4	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
6	DH51500254	Bùi Ngọc	Dũng	D15_TH02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH51500220	Bùi Tuấn	Duy	D15_TH02	8	6	4	25	11	15	2	71	Khá	
8	DH51500215	Phan Nhật	Duy	D15_TH02	10	8	6	25	18	10	2	79	Khá	
9	DH51500240	Trần Đăng	Duy	D15_TH02	8	6	2	25	8	15	2	66	Trung bình khá	
10	DH51501209	Chung Huê	Đạt	D15_TH02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
11	DH51500241	Phùng Văn	Đức	D15_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
12	DH51500247	Trương Hoàng	Hải	D15_TH02	8	6	2	25	5	10	2	58	Trung bình	
13	DH51500251	Phạm Tôn	Hiếu	D15_TH02	10	8	4	25	14	10	2	73	Khá	
14	DH51500248	Trần Thế	Hùng	D15_TH02	8	8	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
15	DH51500225	Trương Tấn	Huy	D15_TH02	10	8	4	25	14	15	2	78	Khá	
16	DH51501870	Đỗ Thị Thu	Huỳnh	D15_TH02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
17	DH51500246	Nguyễn Trần Vi	Khang	D15_TH02	8	8	4	25	13	10	2	70	Khá	
18	DH51501210	Nguyễn Phước	Khanh	D15_TH02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
19	DH51500233	Trần Minh	Khoa	D15_TH02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
20	DH51500227	Trần Văn	Linh	D15_TH02	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
21	DH51500210	Lương Thành	Long	D15_TH02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
22	DH51500252	Nguyễn Phương	Nam	D15_TH02	8	8	4	25	18	10	2	75	Khá	
23	DH51500216	Thái Tú	Nghi	D15_TH02	9	6	2	25	11	10	2	65	Trung bình khá	
24	DH51500249	Trình Thảo	Nguyễn	D15_TH02	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
25	DH51500229	Cao Thành	Nhu	D15_TH02	9	9	4	25	14	15	2	78	Khá	
26	DH51500221	Lưu Đạt	Phát	D15_TH02	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
27	DH51501211	Nguyễn Ngọc	Phát	D15_TH02	10	6	8	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
28	DH51500231	Đỗ Hoàng	Phúc	D15_TH02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
29	DH51500245	Trương Hà	Phúc	D15_TH02	7	6	4	25	14	15	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH51500228	Võ Hoàng	Phúc	D15_TH02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
31	DH51500219	Bùi Tín	Quyền	D15_TH02	10	9	4	25	0	15	2	65	Trung bình khá	
32	DH51500232	Lương Thái	Sang	D15_TH02	8	8	2	25	11	15	2	71	Khá	
33	DH51500237	Phùng Ngọc Tấn	Sang	D15_TH02	8	6	2	25	14	15	2	72	Khá	
34	DH51500236	Phan Anh	Tài	D15_TH02	9	6	4	25	16	10	2	72	Khá	
35	DH51500230	Nguyễn Thanh	Tân	D15_TH02	9	9	4	25	14	15	2	78	Khá	
36	DH51500250	Phạm Quốc	Thắng	D15_TH02	9	8	4	25	11	15	2	74	Khá	
37	DH51500244	Nguyễn Việt	Thiên	D15_TH02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
38	DH51500234	Trịnh Hoàng Minh	Thông	D15_TH02	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
39	DH51500239	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	D15_TH02	10	9	8	25	19	15	9	95	Xuất sắc	
40	DH51500217	Nguyễn Đại	Trà	D15_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
41	DH51500226	Bùi Minh	Trung	D15_TH02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
42	DH51500218	Ngô Minh	Tuấn	D15_TH02	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
43	DH51500238	Lâu Kim	Tường	D15_TH02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
44	DH51500253	Lê Văn Hoàng	Vũ	D15_TH02	9	6	4	25	4	15	2	65	Trung bình khá	
1	DH51500410	Đặng Trường	An	D15_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2	DH51500414	Đỗ Thành	An	D15_TH03	9	6	5	25	10	4	2	61	Trung bình khá	
3	DH51500413	Hà Tuấn	Anh	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
4	DH51500395	Nguyễn Thế	Anh	D15_TH03	10	9	5	25	10	14	2	75	Khá	
5	DH51500422	Nguyễn Quang	Bình	D15_TH03	10	9	5	25	10	14	2	75	Khá	
6	DH51501204	Phạm Hữu	Bình	D15_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
7	DH51500407	Huỳnh Minh	Chí	D15_TH03	9	6	5	25	12	9	2	68	Trung bình khá	
8	DH51501223	Lê Công	Danh	D15_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH51500224	Nguyễn Thành	Danh	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
10	DH51500429	Lê Phạm Thành	Đạt	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
11	DH51500406	Hà Thế	Hải	D15_TH03	8	6	5	25	10	14	2	70	Khá	
12	DH51500394	Tăng Nhật	Hào	D15_TH03	9	6	5	25	13	9	8	75	Khá	
13	DH51500398	Nguyễn Ngọc	Hậu	D15_TH03	9	6	5	25	10	4	2	61	Trung bình khá	
14	DH51500420	Tạ Văn Hoàng	Hên	D15_TH03	10	6	5	25	10	4	2	62	Trung bình khá	
15	DH51500255	Nguyễn Phước	Hiển	D15_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
16	DH51500426	Trương Phú	Hòa	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
17	DH51500425	Lương Nguyễn Phi	Hùng	D15_TH03	10	8	5	25	10	9	2	69	Trung bình khá	
18	DH51500257	Trần Phan Tuấn	Huy	D15_TH03	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
19	DH51500412	Nguyễn Minh	Khôi	D15_TH03	9	6	5	25	10	14	2	71	Khá	
20	DH51500418	Võ Trung	Kiên	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
21	DH51500427	Phạm Thanh	Lợi	D15_TH03	10	8	5	25	10	9	2	69	Trung bình khá	
22	DH51500424	Phạm Văn	Lợi	D15_TH03	8	6	5	25	13	9	2	68	Trung bình khá	
23	DH51500401	Lê Nguyễn Hoàng	Luân	D15_TH03	8	8	5	25	13	9	2	70	Khá	
24	DH51500428	Nguyễn Đức	Minh	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
25	DH51501222	Võ Thị Kim	Nga	D15_TH03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
26	DH51500415	Lê Chí	Nghĩa	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
27	DH51500397	Lê Hoàng Phúc	Nguyên	D15_TH03	9	6	5	25	11	9	2	67	Trung bình khá	
28	DH51500404	Lưu Sĩ	Nguyên	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
29	DH51500417	Trần Trọng	Nhân	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
30	DH51500256	Lê Tú	Nhi	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
31	DH51501219	Đoàn Ngọc Huỳnh	Như	D15_TH03	9	6	5	25	13	9	2	69	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH51501220	Trương Tiến	Phát	D15_TH03	9	8	5	25	13	4	2	66	Trung bình khá	
33	DH51500399	Lư Chân	Phong	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
34	DH51501203	Nguyễn Hữu Hoàng	Phong	D15_TH03	10	8	5	25	15	9	9	81	Tốt	
35	DH51500423	Trịnh Huy	Phương	D15_TH03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
36	DH51500402	Phùng Văn	Quang	D15_TH03	10	8	5	25	10	9	2	69	Trung bình khá	
37	DH51500408	Phạm Hà Linh	Tâm	D15_TH03	8	8	5	25	13	9	2	70	Khá	
38	DH51500393	Trần Nguyễn Minh	Tân	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
39	DH51500411	Dương Tiến	Thanh	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
40	DH51500403	Dương Trung	Tín	D15_TH03	9	8	5	25	15	9	2	73	Khá	
41	DH51500400	Võ Đức	Toàn	D15_TH03	7	6	5	25	13	9	2	67	Trung bình khá	
42	DH51500421	Đỗ Minh	Trí	D15_TH03	8	6	5	25	11	9	2	66	Trung bình khá	
43	DH51500416	Võ Nguyễn Thành	Trí	D15_TH03	10	8	5	25	10	4	2	64	Trung bình khá	
44	DH51501221	Phạm Thái Đan	Trường	D15_TH03	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
45	DH51500396	Nguyễn Anh	Tuấn	D15_TH03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
46	DH51500405	Nguyễn Thanh	Tuấn	D15_TH03	8	6	5	25	10	9	2	65	Trung bình khá	
47	DH51500409	Trương Anh	Tuấn	D15_TH03	9	8	5	25	10	9	2	68	Trung bình khá	
48	DH51500419	Nguyễn Thế	Vinh	D15_TH03	8	6	5	25	10	9	2	65	Trung bình khá	
1	DH51501230	Nguyễn Tiến	Anh	D15_TH04	10	8	8	25	6	15	2	74	Khá	
2	DH51500439	Nguyễn Duy	Ân	D15_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3	DH51500442	Cao Hoàng	Dũng	D15_TH04	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
4	DH51500635	Phan Hoàng	Duy	D15_TH04	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
5	DH51500646	Phan Tấn	Đạt	D15_TH04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
6	DH51500641	Vạn Diệu	Giám	D15_TH04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH51500631	Mai Minh	Hải	D15_TH04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
8	DH51500647	Nguyễn Thê Minh	Hào	D15_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
9	DH51500436	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	D15_TH04	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
10	DH51501232	Nguyễn Hoàng Minh	Hiên	D15_TH04	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
11	DH51500627	Đình Chí	Hiếu	D15_TH04	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
12	DH51500437	Phạm Hồng	Hiếu	D15_TH04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
13	DH51500632	Nguyễn Long	Hồ	D15_TH04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
14	DH51500435	Lợi Sĩ	Huân	D15_TH04	10	8	8	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
15	DH51500642	Nguyễn Tấn	Hưng	D15_TH04	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
16	DH51500441	Nguyễn Đình	Khương	D15_TH04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
17	DH51500637	Nguyễn Gia	Lâm	D15_TH04	10	8	8	25	6	15	2	74	Khá	
18	DH51500432	Nguyễn Văn	Lâm	D15_TH04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
19	DH51501233	Dương Quý	Lộc	D15_TH04	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
20	DH51500434	Nguyễn Hoàng Vương	Lộc	D15_TH04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
21	DH51500626	Tăng Nghiệp	Luân	D15_TH04	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
22	DH51500443	Đoàn Thanh	Minh	D15_TH04	10	9	4	25	10	15	9	82	Tốt	
23	DH51500438	Đỗ	Minh	D15_TH04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
24	DH51500633	Phan Tuấn	Nghĩa	D15_TH04	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
25	DH51500440	Tăng Trọng	Nghĩa	D15_TH04	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
26	DH51501231	Nguyễn Bảo	Ngọc	D15_TH04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
27	DH51500636	Đặng Thành	Phát	D15_TH04	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
28	DH51500628	Nguyễn Tiến	Phát	D15_TH04	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
29	DH51500648	Võ Hoàng	Phi	D15_TH04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH51500433	Nguyễn Quang	Phúc	D15_TH04	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
31	DH51500444	Diệp Nguyễn Anh	Quân	D15_TH04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
32	DH51500630	Bùi Thanh	Son	D15_TH04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
33	DH51500639	Huỳnh Ngọc	Tân	D15_TH04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
34	DH51500644	Trần Thị Thu	Thảo	D15_TH04	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
35	DH51500645	Diệp Quách	Thịnh	D15_TH04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
36	DH51500634	Phạm Trường	Thịnh	D15_TH04	10	8	4	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
37	DH51500624	Trần Văn	Thoại	D15_TH04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
38	DH51501229	Đình Hoàng	Thông	D15_TH04	10	8	8	25	10	15	2	78	Khá	
39	DH51500431	Lê Minh	Thông	D15_TH04	10	8	8	25	8	15	9	83	Tốt	
40	DH51500625	Phạm Minh	Toàn	D15_TH04	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
41	DH51500640	Trần Thùy	Trang	D15_TH04	10	8	4	25	7	15	2	71	Khá	
42	DH51500643	Nguyễn Tuấn	Tú	D15_TH04	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
43	DH51500629	Võ Ngọc	Tú	D15_TH04	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
44	DH51500638	Lê Huy	Tùng	D15_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
45	DH51500430	Bùi Phụ	Vũ	D15_TH04	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
1	DH51500667	Nguyễn Tuấn	Anh	D15_TH05	9	8	6	25	6	5	2	61	Trung bình khá	
2	DH51500887	Phan Nhật	Bình	D15_TH05	10	6	5	25	7	10	9	72	Khá	
3	DH51500877	Thạch Hồng	Cát	D15_TH05	10	6	0	25	9	10	2	62	Trung bình khá	
4	DH51500659	Hồ Việt	Cửu	D15_TH05	10	8	2	2	20	13	9	64	Trung bình khá	
5	DH51500669	Lâm Anh	Dũng	D15_TH05	9	8	4	25	8	5	2	61	Trung bình khá	
6	DH51500652	Nguyễn Việt	Dũng	D15_TH05	9	9	5	25	9	15	2	74	Khá	
7	DH51501237	Đặng Trường	Duy	D15_TH05	10	8	4	25	19	15	10	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH51501205	Nguyễn Hải	Duy	D15_TH05	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
9	DH51500662	Nguyễn Thị Mai	Duyên	D15_TH05	10	8	0	25	11	15	2	71	Khá	
10	DH51500655	Nguyễn Tiến	Đạt	D15_TH05	10	6	0	25	11	15	9	76	Khá	
11	DH51500666	Phan Hoàng	Đạt	D15_TH05	9	9	8	25	14	5	2	72	Khá	
12	DH51500882	Mai Hoàng	Đầy	D15_TH05	10	6	5	25	12	10	2	70	Khá	
13	DH51500670	Trần Minh	Đức	D15_TH05	8	6	4	25	18	5	2	68	Trung bình khá	
14	DH51500881	Nguyễn Phước	Hậu	D15_TH05	9	6	7	25	15	12	2	76	Khá	
15	DH51500672	Phạm Hữu	Hậu	D15_TH05	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
16	DH51500671	Hồ Công	Hoan	D15_TH05	9	8	2	24	16	15	9	83	Tốt	
17	DH51500884	Phạm Hồ Gia	Huy	D15_TH05	7	6	2	25	3	15	2	60	Trung bình khá	
18	DH51500883	Phạm Thái	Hung	D15_TH05	7	6	2	25	5	15	2	62	Trung bình khá	
19	DH51500879	Trần Nguyên	Khải	D15_TH05	10	9	6	25	20	10	10	90	Xuất sắc	
20	DH51501243	Trần Văn	Khiêm	D15_TH05	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
21	DH51500661	Nguyễn Đức Anh	Khoa	D15_TH05	8	6	2	25	4	5	2	52	Trung bình	
22	DH51501242	Phạm Trần Minh	Khôi	D15_TH05	8	8	6	24	8	8	2	64	Trung bình khá	
23	DH51500886	Lê Chí	Khương	D15_TH05	7	6	6	25	10	13	2	69	Trung bình khá	
24	DH51500658	Nguyễn Hoàng	Linh	D15_TH05	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
25	DH51501239	Phạm Hữu	Lợi	D15_TH05	10	9	8	25	9	5	2	68	Trung bình khá	
26	DH51500657	Huỳnh Vũ	Luân	D15_TH05	8	9	3	25	18	15	2	80	Tốt	
27	DH51500665	Phạm Thị Trúc	Ly	D15_TH05	9	8	4	25	13	5	10	74	Khá	
28	DH51501241	Mai Gia	Minh	D15_TH05	8	6	4	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
29	DH51501206	Hồ Văn	Nghĩa	D15_TH05	9	9	4	25	12	10	2	71	Khá	
30	DH51500660	Nguyễn Minh	Nhật	D15_TH05	9	8	3	25	13	14	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH51500673	Kim	Phát	D15_TH05	10	8	0	25	19	10	2	74	Khá	
32	DH51500876	Võ Minh	Phát	D15_TH05	8	6	6	25	6	5	2	58	Trung bình	
33	DH51500654	Trần Công	Quân	D15_TH05	10	6	2	25	5	15	9	72	Khá	
34	DH51500880	Kiều Hồng	Son	D15_TH05	8	6	8	5	5	15	2	49	Yếu	
35	DH51500650	Nguyễn Hoàng	Tâm	D15_TH05	9	6	2	25	13	10	2	67	Trung bình khá	
36	DH51500668	Lê Quốc	Thái	D15_TH05	10	10	8	25	13	15	2	83	Tốt	
37	DH51501240	Ngô Minh	Thái	D15_TH05	10	8	0	25	15	5	2	65	Trung bình khá	
38	DH51500651	Lê Quốc	Thành	D15_TH05	8	6	6	25	19	10	10	84	Tốt	
39	DH51500663	Lê Việt	Thắng	D15_TH05	10	8	2	25	12	15	2	74	Khá	
40	DH51500885	Nguyễn Mạnh	Thắng	D15_TH05	10	9	6	25	5	12	2	69	Trung bình khá	
41	DH51500664	Võ Quốc	Thắng	D15_TH05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
42	DH51500675	Phan Trường	Thiện	D15_TH05	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
43	DH51500653	Nguyễn Hữu	Thọ	D15_TH05	10	6	6	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
44	DH51500649	Lê Vĩnh	Toàn	D15_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
45	DH51500656	Lê Thị	Trà	D15_TH05	8	8	4	25	8	8	2	63	Trung bình khá	
46	DH51500878	Nguyễn Hữu	Trí	D15_TH05	10	6	2	25	9	15	9	76	Khá	
47	DH51500875	Phan Minh	Triết	D15_TH05	10	9	4	25	18	15	10	91	Xuất sắc	
48	DH51500674	Nguyễn Văn	Xuyên	D15_TH05	9	6	2	25	5	15	2	64	Trung bình khá	
1	DH51500905	Nguyễn Tuấn	Anh	D15_TH06	9.5	8	2	25	2	10	2	58.5	Trung bình	
2	DH51500903	Huỳnh Khánh	Giang	D15_TH06	9	6	2	25	2	15	2	61	Trung bình khá	
3	DH51500889	Nguyễn Trường	Giang	D15_TH06	8	6	0	25	0	5	2	46	Yếu	
4	DH51500922	Đặng Ngọc	Hải	D15_TH06	9.5	6	0	25	0	10	2	52.5	Trung bình	
5	DH51501250	Lý Hồng	Hải	D15_TH06	9	6	2	25	0	15	2	59	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH51500893	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D15_TH06	9.5	6	0	25	0	10	2	52.5	Trung bình	
7	DH51500902	Trần Nguyễn Huy	Hoàng	D15_TH06	9	6	2	25	0	15	2	59	Trung bình	
8	DH51500914	Trần Vĩnh	Hoàng	D15_TH06	9	6	6	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
9	DH51500898	Huỳnh Hữu Hoàng	Huy	D15_TH06	6	6	2	21	0	10	2	47	Yếu	
10	DH51500916	Lương Gia	Huy	D15_TH06	9	6	0	25	0	3	2	45	Yếu	
11	DH51500901	Trần Quốc Bảo	Khang	D15_TH06	9.5	8	2	25	0	10	8	62.5	Trung bình khá	
12	DH51500908	Nguyễn Duy	Khanh	D15_TH06	9	6	2	20	17	15	2	71	Khá	
13	DH51500897	Hà Đăng	Khoa	D15_TH06	9.5	6	2	25	2	10	2	56.5	Trung bình	
14	DH51500891	Nguyễn Đăng	Khoa	D15_TH06	9	6	2	25	2	10	2	56	Trung bình	
15	DH51500925	Nguyễn Lê Thành	Khoa	D15_TH06	9	8	4	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
16	DH51501871	Trương Đỗ Đăng	Khoa	D15_TH06	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
17	DH51500896	Đào Minh	Khôi	D15_TH06	9	6	6	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
18	DH51500917	Vương Quang	Khương	D15_TH06	8.5	6	2	25	2	10	2	55.5	Trung bình	
19	DH51500923	Nguyễn Trương Hoài	Linh	D15_TH06	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
20	DH51500921	Trương Phương	Linh	D15_TH06	9	8	4	25	0	5	8	59	Trung bình	
21	DH51500919	Huỳnh Hải	Long	D15_TH06	9	6	6	25	9	10	8	73	Khá	
22	DH51500892	Nguyễn Hoàng	Minh	D15_TH06	7	6	4	25	0	5	2	49	Yếu	
23	DH51500924	Nguyễn Huỳnh Nhật	Nam	D15_TH06	9	8	2	25	0	5	2	51	Trung bình	
24	DH51500920	Trương Hoàng	Nghĩa	D15_TH06	9	8	8	2	15	2	0	44	Yếu	
25	DH51501213	Trần Khải	Nguyên	D15_TH06	10	9	7	25	2	10	2	65	Trung bình khá	
26	DH51500913	Nguyễn Hoàng	Nhân	D15_TH06	9	6	2	25	0	5	2	49	Yếu	
27	DH51500906	Phạm Hoài Minh	Nhật	D15_TH06	9	8	0	25	0	5	2	49	Yếu	
28	DH51500910	Nguyễn Hồng	Nhung	D15_TH06	10	6	8	25	6	10	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH51500911	Nguyễn Tấn	Phát	D15_TH06	8	6	2	25	3	10	2	56	Trung bình	
30	DH51500890	Lê Gia	Quân	D15_TH06	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
31	DH51500888	Lê Ngọc	Tâm	D15_TH06	8	6	2	25	8	13	2	64	Trung bình khá	
32	DH51500918	Nguyễn Thanh	Tâm	D15_TH06	9	6	2	25	2	5	2	51	Trung bình	
33	DH51500899	Nguyễn Văn	Tâm	D15_TH06	9	9	0	25	3	15	2	63	Trung bình khá	
34	DH51500894	Trần Lê Thanh	Tâm	D15_TH06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
35	DH51500900	Hoàng Văn	Thái	D15_TH06	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
36	DH51501252	Lê	Thanh	D15_TH06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
37	DH51500895	Lê Ngọc Thạch	Thảo	D15_TH06	9.5	8	0	25	2	10	2	56.5	Trung bình	
38	DH51500915	Nguyễn Thị	Thắm	D15_TH06	10	10	4	25	11	15	2	77	Khá	
39	DH51500904	Phan Hiếu	Thiện	D15_TH06	7	6	8	25	9	10	2	67	Trung bình khá	
40	DH51501249	Trần Khánh	Thịnh	D15_TH06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
41	DH51500927	Trần Minh	Trí	D15_TH06	7	6	0	25	0	3	2	43	Yếu	
42	DH51501251	Lâm Thục	Trình	D15_TH06	10	10	7	25	2	10	2	66	Trung bình khá	
43	DH51500907	Nguyễn Minh	Trường	D15_TH06	8	10	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
44	DH51500909	Võ Nhật	Trường	D15_TH06	10	11	4	25	8	15	2	75	Khá	
45	DH51500912	Nguyễn Lê Đình	Tuân	D15_TH06	9	6	8	25	2	0	2	52	Trung bình	
46	DH51500926	Lê Quốc	Tuấn	D15_TH06	7.5	6	2	22	12	5	2	56.5	Trung bình	
1	DH51500953	Trần Tuấn	Anh	D15_TH07	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
2	DH51500944	Trịnh Tuấn	Anh	D15_TH07	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH51500956	Lê Công	Bá	D15_TH07	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4	DH51501500	Trương Ngọc Thái	Bảo	D15_TH07	9	6	4	25	14	15	2	75	Khá	
5	DH51500943	Trần Quốc	Danh	D15_TH07	9	8	8	25	20	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH51500934	Phạm Anh	Duy	D15_TH07	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
7	DH51500932	Trần Thanh	Duy	D15_TH07	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
8	DH51500947	Nguyễn Linh	Đường	D15_TH07	10	10	2	25	20	10	2	79	Khá	
9	DH51501260	Luong Thế	Gia	D15_TH07	10	6	2	25	11	5	2	61	Trung bình khá	
10	DH51501499	Lê Ngọc	Hải	D15_TH07	10	6	6	25	18	15	2	82	Tốt	
11	DH51500929	Huỳnh Ngọc	Hân	D15_TH07	9	6	2	25	20	15	2	79	Khá	
12	DH51500955	Lê Minh	Hiệp	D15_TH07	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
13	DH51500957	Trần Huy	Hoàng	D15_TH07	8	6	0	25	13	15	2	69	Trung bình khá	
14	DH51501265	Phạm Ngọc	Hợp	D15_TH07	10	6	8	25	19	5	2	75	Khá	
15	DH51500958	Thái Việt	Hùng	D15_TH07	9	6	7	25	20	15	2	84	Tốt	
16	DH51500935	Nguyễn Kim	Huy	D15_TH07	9	6	7	25	20	15	2	84	Tốt	
17	DH51500952	Lê Thị Mỹ	Huyền	D15_TH07	10	9	0	25	19	12	0	75	Khá	
18	DH51500954	Lê Tiến	Khang	D15_TH07	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
19	DH51501261	Nguyễn Anh	Kiệt	D15_TH07	10	6	4	25	16	10	2	73	Khá	
20	DH51501502	Mai Huỳnh	Lâm	D15_TH07	10	10	2	25	17	5	9	78	Khá	
21	DH51501501	Nguyễn Phương	Lê	D15_TH07	9	6	8	25	14	10	2	74	Khá	
22	DH51500941	Phan Thành	Lộc	D15_TH07	9	9	0	25	20	15	2	80	Tốt	
23	DH51501504	Trần Công	Nghĩa	D15_TH07	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
24	DH51500933	Trần Bảo	Ngọc	D15_TH07	9	6	7	25	20	15	2	84	Tốt	
25	DH51501503	Nguyễn Văn	Ninh	D15_TH07	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
26	DH51500931	Trần Xuân	Quý	D15_TH07	10	8	8	25	20	14	2	87	Tốt	
27	DH51500945	Hoàng Anh	Sáng	D15_TH07	9	6	0	25	12	13	2	67	Trung bình khá	
28	DH51500938	Vũ Thái	Sơn	D15_TH07	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH51500937	Nguyễn Đức	Tài	D15_TH07	10	9	0	25	15	15	2	76	Khá	
30	DH51501505	Trần Quốc	Thái	D15_TH07	10	6	8	25	12	15	2	78	Khá	
31	DH51501259	Lê Thanh	Thiên	D15_TH07	10	6	8	25	12	15	2	78	Khá	
32	DH51500950	Nguyễn Duy	Thiên	D15_TH07	10	6	8	25	16	8	2	75	Khá	
33	DH51500928	Phạm Trí	Thức	D15_TH07	9	8	7	25	13	15	2	79	Khá	
34	DH51500946	Nguyễn Đức	Tín	D15_TH07	10	6	4	25	19	10	2	76	Khá	
35	DH51501506	Phan Văn	Tính	D15_TH07	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
36	DH51500948	Phạm Thị	Trang	D15_TH07	10	8	2	25	19	12	2	78	Khá	
37	DH51501507	Đặng Thành	Trí	D15_TH07	10	6	4	25	20	15	2	82	Tốt	
38	DH51500936	Trần Anh	Tú	D15_TH07	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
39	DH51500959	Huỳnh Ngọc	Tuấn	D15_TH07	10	6	6	25	18	15	2	82	Tốt	
40	DH51501263	Phạm Minh	Tuấn	D15_TH07	10	6	8	25	13	5	2	69	Trung bình khá	
41	DH51500942	Phạm Văn	Tuấn	D15_TH07	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
42	DH51500939	Huỳnh Hải	Tùng	D15_TH07	9	6	4	25	14	10	2	70	Khá	
43	DH51500940	Nguyễn Trung	Tướng	D15_TH07	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
44	DH51501264	Nguyễn Đăng	Tý	D15_TH07	10	10	2	25	16	12	9	84	Tốt	
45	DH51501498	Ngô Đăng Tuấn	Uyên	D15_TH07	9	6	8	25	12	15	2	77	Khá	
46	DH51500951	Đình Thành	Vinh	D15_TH07	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
47	DH51500949	Trần Dương Duy	Vũ	D15_TH07	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
48	DH51501262	Bùi Tấn	Vương	D15_TH07	9	9	3	25	12	9	2	69	Trung bình khá	
1	DH51501540	Lê Hồ Ngọc	Chuẩn	D15_TH08	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
2	DH51501542	Bùi Tấn	Đạt	D15_TH08	9	10	8	24	10	10	2	73	Khá	
3	DH51501536	Lâm Vĩnh	Đạt	D15_TH08	9	8	8	25	16	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	DH51501534	Nguyễn Tiến	Đạt	D15_TH08	10	8	8	25	15	10	2	78	Khá	
5	DH51501545	Phạm Minh	Đức	D15_TH08	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
6	DH51501538	Hồ Công	Hải	D15_TH08	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
7	DH51501524	Phạm Ngọc	Hải	D15_TH08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
8	DH51501512	Trần Phan Hoàng	Hào	D15_TH08	10	6	0	25	12	10	2	65	Trung bình khá	
9	DH51501523	Trần Minh	Hậu	D15_TH08	10	6	8	24	8	8	2	66	Trung bình khá	
10	DH51501519	Nguyễn Đăng	Hiệp	D15_TH08	8	6	8	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
11	DH51501546	Huỳnh Thanh	Hiếu	D15_TH08	9	6	8	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
12	DH51501529	Lê Văn	Hiếu	D15_TH08	8	6	8	25	12	8	2	69	Trung bình khá	
13	DH51501544	Hồ Cao	Hoài	D15_TH08	9	9	8	25	10	5	2	68	Trung bình khá	
14	DH51501535	Vũ Thanh	Huy	D15_TH08	8	9	8	25	10	10	2	72	Khá	
15	DH51501525	Phạm Ngọc	Huyền	D15_TH08	9	6	8	25	7	10	9	74	Khá	
16	DH51501549	Nguyễn Ngọc	Hung	D15_TH08	8	6	0	25	14	10	2	65	Trung bình khá	
17	DH51501532	Trần Quang	Khải	D15_TH08	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
18	DH51501547	Nguyễn Duy	Khánh	D15_TH08	9	6	0	25	15	10	2	67	Trung bình khá	
19	DH51501550	Nguyễn Văn	Khánh	D15_TH08	9	6	3	25	15	5	2	65	Trung bình khá	
20	DH51501510	Lê Liên	Khương	D15_TH08	10	6	8	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
21	DH51501508	Ngô Kiến	Lâm	D15_TH08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
22	DH51501539	Hồ Thiên	Long	D15_TH08	9	8	4	25	11	10	2	69	Trung bình khá	
23	DH51501518	Nguyễn Hữu Vĩnh	Lộc	D15_TH08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
24	DH51501509	Lâm Thụy Hải	Lưu	D15_TH08	10	8	8	25	3	10	2	66	Trung bình khá	
25	DH51501537	Nguyễn Trần Tâm	Minh	D15_TH08	9	8	8	25	7	10	2	69	Trung bình khá	
26	DH51501513	Nguyễn Hữu	Nhân	D15_TH08	10	8	8	25	20	5	9	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
27	DH51501606	Trần Huỳnh Trí	Nhân	D15_TH08	9	8	6	25	10	10	2	70	Khá	
28	DH51501530	Lưu Hoa	Phong	D15_TH08	10	9	0	25	15	10	2	71	Khá	
29	DH51501520	Lê Hồng	Phúc	D15_TH08	10	8	8	25	3	10	2	66	Trung bình khá	
30	DH51501515	Võ Đỗ Trường	Sang	D15_TH08	10	6	8	25	10	5	2	66	Trung bình khá	
31	DH51501527	Trần Văn	Tài	D15_TH08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
32	DH51501528	Phạm Linh	Tâm	D15_TH08	8	6	8	23	10	10	2	67	Trung bình khá	
33	DH51501526	Ngô Trung	Tấn	D15_TH08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
34	DH51501543	Nguyễn Hồng	Thái	D15_TH08	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
35	DH51501522	Bùi Ngọc Phương	Thảo	D15_TH08	10	8	8	25	12	12	2	77	Khá	
36	DH51501533	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D15_TH08	10	8	8	25	14	10	9	84	Tốt	
37	DH51501521	Lê Đức	Thắng	D15_TH08	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
38	DH51501514	Trịnh Ngọc Bảo	Trần	D15_TH08	10	8	6	25	6	9	2	66	Trung bình khá	
39	DH51501548	Trần Minh	Trí	D15_TH08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
40	DH51501511	Lý Quốc	Trung	D15_TH08	10	6	6	24	6	10	2	64	Trung bình khá	
41	DH51501552	Trần Đức	Trung	D15_TH08	9	6	2	25	10	10	2	64	Trung bình khá	
42	DH51501531	Lê Hoàng	Tuấn	D15_TH08	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
43	DH51501541	Trần Thái Thảo	Uyên	D15_TH08	9	10	0	25	14	10	2	70	Khá	
44	DH51501551	Nguyễn Văn	Việt	D15_TH08	10	6	8	25	7	10	2	68	Trung bình khá	
45	DH51501516	Nguyễn Công	Vinh	D15_TH08	9	6	8	25	7	10	9	74	Khá	
1	DH51502245	Huỳnh Chí	Bảo	D15_TH09	10	10	4	25	4	15	2	70	Khá	
2	DH51502116	Ngô Thành	Cang	D15_TH09	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
3	DH51502234	Dương Hoàng Hoài	Châu	D15_TH09	9	10	4	25	10	15	2	75	Khá	
4	DH51501937	Lại Tiến	Cường	D15_TH09	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	DH51501558	Vũ Đức Cường		D15_TH09	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
6	DH51501932	Dương Gia Dũng		D15_TH09	10	10	6	25	8	15	2	76	Khá	
7	DH51501207	Lê Thanh Duy		D15_TH09	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
8	DH51502113	Nguyễn Bá Hai		D15_TH09	10	10	6	25	6	15	2	74	Khá	
9	DH51501934	Nguyễn Thanh Hiền		D15_TH09	10	10	4	25	5	15	2	71	Khá	
10	DH51502115	Nguyễn Duy Hòa		D15_TH09	10	9	6	25	7	10	2	69	Trung bình khá	
11	DH51501877	Trần Quốc Hòa		D15_TH09	10	8	2	25	6	15	10	76	Khá	
12	DH51501840	Chung Cẩm Hùng		D15_TH09	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
13	DH51501208	Huỳnh Quốc Hưng		D15_TH09	10	6	4	25	6	15	10	76	Khá	
14	DH51502237	Huỳnh Nguyễn Trọng Khang		D15_TH09	9	9	4	25	7	15	2	71	Khá	
15	DH51502114	Nguyễn Ngọc Khánh		D15_TH09	10	9	4	25	8	0	2	58	Trung bình	
16	DH51502242	Nguyễn Quốc Khánh		D15_TH09	10	9	2	25	10	15	10	81	Tốt	
17	DH51502239	Hứa Trần Đăng Khoa		D15_TH09	10	11	2	25	8	15	2	73	Khá	
18	DH51501841	Mai Anh Kiệt		D15_TH09	7	8	4	25	7	0	2	53	Trung bình	
19	DH51502356	Lê Duy Mạnh		D15_TH09	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
20	DH51502352	Lê Minh		D15_TH09	10	10	4	25	7	15	2	73	Khá	
21	DH51501993	Trương Quốc Nghĩa		D15_TH09	10	8	6	25	7	5	2	63	Trung bình khá	
22	DH51502109	Trần Ngọc Đăng Nguyên		D15_TH09	10	9	6	25	11	15	10	86	Tốt	
23	DH51502036	Nguyễn Thị Thanh Nhã		D15_TH09	10	10	4	25	7	15	10	81	Tốt	
24	DH51501936	Lê Thị Thảo Như		D15_TH09	10	9	4	25	10	15	2	75	Khá	
25	DH51502110	Lê Huỳnh Minh Nhựt		D15_TH09	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	
26	DH51502353	Đặng Tân Phú		D15_TH09	10	10	6	25	5	15	2	73	Khá	
27	DH51501994	Triệu Uy Phú		D15_TH09	10	9	4	25	6	15	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
28	DH51502241	Phùng Thanh	Quân	D15_TH09	10	10	6	25	3	15	2	71	Khá	
29	DH51502238	Thái Bảo	Quân	D15_TH09	10	11	2	25	8	15	10	81	Tốt	
30	DH51501933	Lai Văn	Sang	D15_TH09	10	10	2	25	8	15	2	72	Khá	
31	DH51502355	Đỗ Nguyễn	Sĩ	D15_TH09	10	8	4	25	5	10	10	72	Khá	
32	DH51501992	Nguyễn Hồ Minh	Tâm	D15_TH09	10	8	4	25	10	0	2	59	Trung bình	
33	DH51501843	Lê Nhật	Tân	D15_TH09	10	8	2	25	7	10	2	64	Trung bình khá	
34	DH51502111	Võ Việt	Thanh	D15_TH09	10	6	4	25	7	15	10	77	Khá	
35	DH51502240	Lê Văn	Thắng	D15_TH09	10	6	6	25	6	15	2	70	Khá	
36	DH51501935	Nguyễn Trần Hoàng	Thắng	D15_TH09	9	9	4	25	6	15	2	70	Khá	
37	DH51502236	Huỳnh Phúc	Thiện	D15_TH09	10	11	4	25	8	15	2	75	Khá	
38	DH51502244	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D15_TH09	10	10	2	25	8	15	2	72	Khá	
39	DH51501868	Đỗ Khánh	Toàn	D15_TH09	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
40	DH51502235	Nguyễn Minh	Trí	D15_TH09	10	9	6	25	6	15	2	73	Khá	
41	DH51502112	Lê Minh	Triều	D15_TH09	10	9	4	25	6	15	2	71	Khá	
42	DH51501842	Hoàng Long	Trường	D15_TH09	10	6	4	23	6	10	2	61	Trung bình khá	
43	DH51502357	Nguyễn Văn	Trường	D15_TH09	10	10	4	25	2	10	10	71	Khá	
44	DH51502243	Trần Minh	Tuấn	D15_TH09	10	10	4	25	10	15	2	76	Khá	
45	DH51502117	Hồ Văn	Tuyển	D15_TH09	10	9	2	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
46	DH51502118	Lê Diễm	Tường	D15_TH09	10	11	4	25	7	10	2	69	Trung bình khá	
47	DH51501844	Phạm Nguyễn Khánh	Vân	D15_TH09	10	9	2	25	10	15	2	73	Khá	
48	DH51502354	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy	D15_TH09	10	10	2	25	7	15	2	71	Khá	
1	DH51501216	Huỳnh Giang	ái	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
2	DH51502455	Nguyễn Ngọc Huỳnh	An	D15_TH10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3	DH51501235	Nguyễn Thị	Chinh	D15_TH10	0	6	0	0	0	0	9	15	Kém	
4	DH51501248	Huỳnh Duy	Cường	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
5	DH51502454	Nguyễn Minh	Cường	D15_TH10	10	6	0	25	20	15	2	78	Khá	
6	DH51502563	Nguyễn Xuân	Đạt	D15_TH10	10	10	6	25	12	10	9	82	Tốt	
7	DH51501226	Nguyễn Lâm Đình	Hiếu	D15_TH10	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
8	DH51502358	Nguyễn Văn	Hiếu	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
9	DH51501553	Bùi Minh	Hoàng	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
10	DH51501554	Nguyễn Việt	Hoàng	D15_TH10	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
11	DH51501228	Huỳnh Huy	Khang	D15_TH10	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
12	DH51501218	Huỳnh Trọng	Khang	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
13	DH51502560	Lưu Trọng	Khang	D15_TH10	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
14	DH51501234	Âu Dương	Khoa	D15_TH10	10	6	6	25	12	15	2	76	Khá	
15	DH51501227	Nguyễn Thanh	Liên	D15_TH10	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
16	DH51501253	Nguyễn Việt	Long	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
17	DH51501225	Lê Hùng	Mãnh	D15_TH10	10	6	6	25	12	15	2	76	Khá	
18	DH51501254	Nguyễn Minh	Mẫn	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
19	DH51501246	Nguyễn Đào Anh	Minh	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
20	DH51502460	Tô Khả	Minh	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
21	DH51501244	Nguyễn Chí	Nguyên	D15_TH10	10	10	6	25	12	15	2	80	Tốt	
22	DH51501245	Thiều Hoàng	Nhân	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	9	86	Tốt	
23	DH51501215	Trần Thị Mỹ	Nhung	D15_TH10	10	8	6	25	15	15	9	88	Tốt	
24	DH51502458	Nguyễn Thiên	Phúc	D15_TH10	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
25	DH51501557	Trần	Phương	D15_TH10	10	8	6	25	18	8	9	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
26	DH51502457	Lê Đoàn	Quang	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	9	85	Tốt	
27	DH51502456	Tăng Khánh	Quang	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
28	DH51502562	Phạm Huỳnh Anh	Tài	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
29	DH51501217	Nguyễn Minh	Thắng	D15_TH10	10	6	6	25	12	15	2	76	Khá	
30	DH51501258	Trần Hữu	Thân	D15_TH10	10	6	6	25	12	15	2	76	Khá	
31	DH51502561	Đặng Văn Nam Nhật	Thoảng	D15_TH10	10	9	6	25	12	10	2	74	Khá	
32	DH51502459	Võ Văn	Tiên	D15_TH10	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
33	DH51501256	Đào Minh	Tiến	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
34	DH51501214	Nguyễn Thanh	Tiến	D15_TH10	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
35	DH51501257	Đào Trung	Tín	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
36	DH51501236	Trần Hữu	Tính	D15_TH10	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
37	DH51501255	Đặng Minh	Trí	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	9	85	Tốt	
38	DH51502559	Ngô Minh	Trình	D15_TH10	10	9	6	25	18	15	9	92	Xuất sắc	
39	DH51501247	Phạm Bá	Trình	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
40	DH51501878	Nguyễn Hiếu	Trung	D15_TH10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
41	DH51501556	Nguyễn Xuân	Trường	D15_TH10	10	9	6	25	12	10	2	74	Khá	
42	DH51501238	Trần Thị Cẩm	Tú	D15_TH10	10	6	6	25	15	15	9	86	Tốt	
43	DH51502453	Lê Văn	Tuân	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
44	DH51501224	Lương Thế	Vinh	D15_TH10	10	9	6	25	12	15	9	86	Tốt	
45	DH51501555	Trần Xuân	Vinh	D15_TH10	10	10	6	25	12	15	2	80	Tốt	
1	CD31301674	Đặng Đình	Cừ	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2	CD31301665	Lê Văn	Cường	C13_DDT01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3	CD31301686	Huỳnh Ngọc	Dũng	C13_DDT01	10	12	8	15	20	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	CD31301701	Huỳnh Tấn	Giàu	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
5	CD31301716	Châu Kim	Hải	C13_DDT01	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
6	CD31301756	Lê Phúc	Huy	C13_DDT01	10	9	8	15	20	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
7	CD31301769	Trần Đỗ Quốc	Khanh	C13_DDT01	10	6	8	15	20	15	2	76	Khá	
8	CD31301813	Nguyễn Minh	Mẫn	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
9	CD31301892	Đỗ Hoàng	Phúc	C13_DDT01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
10	CD31301912	Vũ Duy	Quang	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
11	CD31301933	Nguyễn Thanh	Tâm	C13_DDT01	10	12	8	15	20	15	2	82	Tốt	
12	CD31301958	Bùi Văn	Thành	C13_DDT01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
13	CD31301983	Ngô Công	Thức	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
14	CD31302053	Lê Hoàng	Tuân	C13_DDT01	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
15	CD31302054	Lê Minh	Tuấn	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
16	CD31302056	Nguyễn Quốc	Tuấn	C13_DDT01	10	9	8	15	20	15	2	79	Khá	
17	CD31302005	Nguyễn Hữu Xuân	Tùng	C13_DDT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
18	CD31302061	Đoàn Minh	Tuyển	C13_DDT01	10	8	8	15	18	15	2	76	Khá	
19	CD31200802	Bùi Xuân	Vĩnh	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
20	CD31302085	Nguyễn Tuấn	Vũ	C13_DDT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
21	CD31302086	Trà Lê Anh	Vũ	C13_DDT01	8	12	4	15	10	15	2	66	Trung bình khá	
1	CD41301644	Lê Thị Trường	An	C13_VT01	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
2	CD41301666	Nguyễn Tấn	Cường	C13_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3	CD41301718	Phạm Văn	Hải	C13_VT01	10	12	8	15	10	10	2	67	Trung bình khá	
4	CD41301897	Đỗ Truy	Phong	C13_VT01	10	10	4	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
5	CD41301882	Võ Trần Hoài	Phương	C13_VT01	10	12	6	15	6	10	2	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	CD41301928	Võ Thành	Sang	C13_VT01	10	12	8	25	16	10	9	90	Xuất sắc	
7	CD41301996	Nguyễn Mai	Thy	C13_VT01	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
8	CD41302046	Trương Minh	Trung	C13_VT01	10	8	6	15	12	10	2	63	Trung bình khá	
9	CD41302090	Trần Thị Hồng	Vy	C13_VT01	10	12	6	25	14	15	9	91	Xuất sắc	
1	CD31400183	Hồ Văn Thanh	Duy	C14_DDT01	6	12	2	15	0	10	2	47	Yếu	
2	CD31400394	Dương Hoàng	Hiếu	C14_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
3	CD31400608	Võ Hữu	Lợi	C14_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
4	CD31400679	Nguyễn Minh	Mẫn	C14_DDT01	9	12	2	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
5	CD31400716	Nguyễn Châu	Mỹ	C14_DDT01	10	9	6	25	6	5	2	63	Trung bình khá	
6	CD31400731	Châu Hoài	Nam	C14_DDT01	9	8	2	25	3	10	2	59	Trung bình	
7	CD31400876	Nguyễn Thế	Nhân	C14_DDT01	10	12	2	15	10	10	2	61	Trung bình khá	
8	CD31400996	Lê Trần Đình	Phúc	C14_DDT01	10	9	2	25	3	10	9	68	Trung bình khá	
9	CD31401148	Trần Tấn	Tài	C14_DDT01	10	8	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
10	CD31401498	Lê Thanh	Tuấn	C14_DDT01	10	12	2	15	5	10	2	56	Trung bình	
11	CD31401565	Lăng Chấn	Vinh	C14_DDT01	7	12	2	25	0	10	2	58	Trung bình	
1	CD41400065	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	C14_VT01	9	9	2	25	6	15	9	75	Khá	
2	CD41400186	Nguyễn Anh	Duy	C14_VT01	9	9	2	25	11	15	2	73	Khá	
3	CD41400892	Hoàng Ngọc	Nhi	C14_VT01	10	9	2	25	3	15	9	73	Khá	
4	CD41401691	Nguyễn Tấn	Tài	C14_VT01	0	10	0	0	-10	0	0	0	Kém	
5	CD41401112	Nguyễn Thanh	Tâm	C14_VT01	9	12	4	25	10	15	9	84	Tốt	
1	CD31500578	Nguyễn Phạm Hoài	Bảo	C15_DDT01	9	8	6	25	3	5	9	65	Trung bình khá	
2	CD31500161	Trần Quốc	Cường	C15_DDT01	9	9	6	25	3	10	9	71	Khá	
3	CD31501804	Nguyễn Hoàng	Kha	C15_DDT01	6	6	6	25	3	11	2	59	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	CD31502151	Đỗ Hồng	Khoa	C15_DDT01	9	9	6	25	3	10	9	71	Khá	
5	CD31500001	Nguyễn Thành	Phúc	C15_DDT01	6	6	6	25	3	10	2	58	Trung bình	
6	CD31501891	Nguyễn Hoàng	Thiện	C15_DDT01	9	8	6	25	3	5	9	65	Trung bình khá	
7	CD31502290	Đặng Minh	Thủ	C15_DDT01	9	8	6	25	3	5	2	58	Trung bình	
1	CD41502154	Tạ Thành	An	C15_VT01	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
2	CD41501949	Phạm Chí	Bảo	C15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	CD41500800	Trương Phi Phúc	Duy	C15_VT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
4	CD41501805	Kiều Minh	Khang	C15_VT01	10	6	8	25	9	15	2	75	Khá	
5	CD41501412	Nguyễn Hữu	Mạnh	C15_VT01	10	6	8	25	6	15	8	78	Khá	
6	CD41500801	Trần Ngọc	Nam	C15_VT01	10	8	8	25	9	15	2	77	Khá	
7	CD41500002	Nguyễn Minh	Nhật	C15_VT01	9	6	7	25	6	13	2	68	Trung bình khá	
8	CD41502153	Lê Văn	Tài	C15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
9	CD41502152	Nguyễn Hoàng	Tân	C15_VT01	10	8	8	25	6	15	9	81	Tốt	
10	CD41500579	Trần Thái Thành	Thuận	C15_VT01	9	9	8	25	6	15	2	74	Khá	
11	CD41500802	Lê Thanh	Tùng	C15_VT01	10	6	8	25	9	15	2	75	Khá	
1	DH31200774	Hồ Quốc	Bảo	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
2	DH31200008	Huỳnh Quang	Bình	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3	DH31200009	Nguyễn Hoàng	Duy	D12_DDT01	10	12	6	25	18	15	9	95	Xuất sắc	
4	DH31200653	Phạm Minh	Đức	D12_DDT01	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
5	DH31201929	Nguyễn Phú	Hải	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
6	DH31201980	Lưu Kim	Hiền	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
7	DH31200790	Đoàn Thanh	Qui	D12_DDT01	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	
8	DH31200011	Phạm Minh	Tâm	D12_DDT01	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH31100028	Nguyễn Hữu	Thành	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
10	DH31200012	Bùi Công	Tiến	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
11	DH31200014	Phạm Minh	Tuấn	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1	DH41201721	Châu Thế	Cường	D12_VT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2	DH41200652	Nguyễn Mạnh	Đạt	D12_VT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
3	DH41201769	Nguyễn Tiến	Đạt	D12_VT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
4	DH41200654	Phan Trường	Giang	D12_VT01	10	10	8	15	10	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
5	DH41200656	Phạm Trọng	Nhân	D12_VT01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
6	DH41200660	Lâm Quang	Vũ	D12_VT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1	DH31300122	Chế Thanh	Bảo	D13_DDT01	10	10	4	15	13	10	2	64	Trung bình khá	
2	DH31300210	Lê Tiến	Dũng	D13_DDT01	10	12	4	15	-2	15	2	56	Trung bình	
3	DH31300216	Nguyễn Thành	Dũng	D13_DDT01	10	12	7	25	7	15	2	78	Khá	
4	DH31300036	Nguyễn Thành	Đạt	D13_DDT01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
5	DH31300345	Nguyễn Hữu	Hải	D13_DDT01	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
6	DH31300338	Võ Thế	Hào	D13_DDT01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
7	DH31300394	Nguyễn Văn	Hiệp	D13_DDT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
8	DH31300402	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_DDT01	10	9	8	25	0	15	9	76	Khá	
9	DH31300301	Trần Đại	Hữu	D13_DDT01	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
10	DH31300497	Vưu	Khải	D13_DDT01	10	12	8	15	15	15	2	77	Khá	
11	DH31300507	Lê Anh	Khang	D13_DDT01	10	12	8	15	20	15	2	82	Tốt	
12	DH31300487	Nhiều Thuận	Khánh	D13_DDT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
13	DH31300518	Huỳnh Minh	Khoa	D13_DDT01	10	12	4	15	12	10	2	65	Trung bình khá	
14	DH31300530	Trần Lâm Thanh	Khoa	D13_DDT01	10	12	8	25	16	15	10	96	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH31300493	Lý Diên	Khôi	D13_DDT01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
16	DH31300593	Nguyễn Thanh	Liêm	D13_DDT01	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
17	DH31300720	Trần Cón	Mừng	D13_DDT01	10	12	4	15	14	15	2	72	Khá	
18	DH31300738	Nguyễn Hoàng	Nam	D13_DDT01	10	8	2	15	6	15	2	58	Trung bình	
19	DH31300739	Nguyễn Nhựt	Nam	D13_DDT01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
20	DH31300741	Phạm Thành	Nam	D13_DDT01	10	12	4	15	13	15	2	71	Khá	
21	DH31300793	Bùi Trọng	Nghĩa	D13_DDT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
22	DH31300794	Cù Văn	Nghĩa	D13_DDT01	10	12	4	15	13	15	9	78	Khá	
23	DH31300812	Võ Hồng	Nguyên	D13_DDT01	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	
24	DH31300841	Võ Thanh	Nhân	D13_DDT01	10	9	6	25	11	15	2	78	Khá	
25	DH31300972	Nguyễn Hồng	Phúc	D13_DDT01	10	9	4	25	19	15	2	84	Tốt	
26	DH31300981	Phạm Ngọc Thiên	Phúc	D13_DDT01	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	
27	DH31300932	Nguyễn Khắc Nhị	Phương	D13_DDT01	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
28	DH31300934	Nguyễn Thanh	Phương	D13_DDT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
29	DH31301035	Nguyễn Trọng	Quý	D13_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	Không khám sức khỏe
30	DH31301082	Trần Tấn	Sang	D13_DDT01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
31	DH31301086	Đỗ Tiến	Sĩ	D13_DDT01	10	12	8	15	15	15	2	77	Khá	
32	DH31301085	Giang Tiên Đắc	Sinh	D13_DDT01	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
33	DH31301118	Nguyễn Tấn	Tài	D13_DDT01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
34	DH31301087	Đặng Chí	Tâm	D13_DDT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
35	DH31301102	Hoàng Kỳ	Tân	D13_DDT01	0	12	0	-10	-10	-5	0	-13	Kém	Không khám sức khỏe
36	DH31301160	Huỳnh Công	Thành	D13_DDT01	10	12	2	25	12	10	2	73	Khá	
37	DH31301246	Phạm Lê Minh	Thiện	D13_DDT01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
38	DH31301277	Nguyễn Duy	Thuận	D13_DDT01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
39	DH31301311	Lê Hoàng	Tiến	D13_DDT01	10	12	6	25	9	15	2	79	Khá	
40	DH31301317	Nguyễn Năng	Tiến	D13_DDT01	10	12	7	15	7	15	2	68	Trung bình khá	
41	DH31301345	Nguyễn Thanh	Toàn	D13_DDT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
42	DH31301443	Đường Minh	Trung	D13_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
43	DH31301336	Nguyễn Tuấn	Tú	D13_DDT01	10	12	8	25	16	15	10	96	Xuất sắc	
44	DH31301337	Phan Đình Minh	Tú	D13_DDT01	10	12	6	15	10	15	2	70	Khá	
45	DH31301338	Trần Nguyễn Anh	Tú	D13_DDT01	10	12	4	15	13	15	2	71	Khá	
46	DH31301467	Nguyễn Đình	Tuấn	D13_DDT01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
47	DH31301297	Nguyễn Ngô	Tùng	D13_DDT01	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	
48	DH31301305	Trần Duy	Tùng	D13_DDT01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
49	DH31301545	Võ Lan	Vi	D13_DDT01	10	9	8	25	14	15	9	90	Xuất sắc	
50	DH31301554	Nguyễn Trí	Vinh	D13_DDT01	10	12	6	25	7	15	2	77	Khá	
51	DH31301556	Phạm Văn	Vinh	D13_DDT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
52	DH31301599	Đỗ	ý	D13_DDT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
1	DH41300172	Trần Thị Thu	Chang	D13_VT01	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
2	DH41300158	Lê Quang	Chánh	D13_VT01	10	12	2	25	4	15	2	70	Khá	
3	DH41300179	Phan Duy	Chinh	D13_VT01	10	8	4	15	4	15	0	56	Trung bình	
4	DH41300152	Hoàng Xuân	Cường	D13_VT01	10	8	8	25	4	15	0	70	Khá	
5	DH41300215	Nguyễn Quốc	Dũng	D13_VT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
6	DH41300331	Tô Nguyễn Chiêu	Hà	D13_VT01	10	12	8	15	19	15	2	81	Tốt	
7	DH41300355	Nguyễn Lê Anh	Hạ	D13_VT01	10	12	8	25	18	15	10	98	Xuất sắc	
8	DH41300339	Chung Ngọc	Hải	D13_VT01	10	8	2	15	16	5	2	58	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH41300344	Mai Thanh	Hải	D13_VT01	10	12	4	25	12	5	2	70	Khá	
10	DH41300356	Nguyễn Kiều	Hạnh	D13_VT01	10	12	8	25	20	12	10	97	Xuất sắc	
11	DH41300444	Trần Thị Ngọc	Hòa	D13_VT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
12	DH41300426	Hồ Minh	Hoàng	D13_VT01	10	12	6	15	0	15	2	60	Trung bình khá	
13	DH41300377	Lê Minh	Hùng	D13_VT01	10	12	6	15	16	15	2	76	Khá	
14	DH41300462	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_VT01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
15	DH41300498	Hoàng Nguyên	Kha	D13_VT01	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
16	DH41300502	Văn Phan Nhật	Kha	D13_VT01	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
17	DH41300508	Lê Trọng	Khang	D13_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	DH41300528	Phạm Đăng	Khoa	D13_VT01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
19	DH41300544	Phạm Diệp Anh	Kiệt	D13_VT01	10	12	6	15	20	15	2	80	Tốt	
20	DH41300536	Hồ Văn	Kim	D13_VT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
21	DH41300618	Nguyễn Nhật	Linh	D13_VT01	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
22	DH41300629	Trần Hoài	Linh	D13_VT01	10	12	8	25	18	5	10	88	Tốt	
23	DH41300643	Đỗ Phạm Hoàng	Long	D13_VT01	10	12	6	15	0	5	2	50	Trung bình	
24	DH41300650	Trần Thành	Long	D13_VT01	10	8	6	15	18	10	2	69	Trung bình khá	
25	DH41300591	Võ Văn	Lộc	D13_VT01	10	12	2	15	20	10	2	71	Khá	
26	DH41300847	Tô Thanh	Nhà	D13_VT01	10	9	6	25	17	15	2	84	Tốt	
27	DH41300910	Lương Tấn	Phát	D13_VT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
28	DH41300953	Trần Hồng	Phước	D13_VT01	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	
29	DH41301037	Trịnh Minh	Quý	D13_VT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
30	DH41301080	Trương Quảng	Sang	D13_VT01	10	8	8	15	20	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH41301065	Lê Thị ái	Sương	D13_VT01	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH41301205	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D13_VT01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
33	DH41301235	Nguyễn Hữu	Thậm	D13_VT01	10	8	2	25	11	15	2	73	Khá	
34	DH41301316	Nguyễn Mạnh	Tiến	D13_VT01	10	6	8	15	12	10	2	63	Trung bình khá	
35	DH41301500	Nguyễn Vũ Trung	Tín	D13_VT01	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
36	DH41301505	Nguyễn Tuát	Tính	D13_VT01	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
37	DH41301347	Võ Duy	Toàn	D13_VT01	10	12	4	25	8	10	2	71	Khá	
38	DH41301455	Nguyễn Thành	Trí	D13_VT01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
39	DH41301473	Nguyễn Thanh	Tuấn	D13_VT01	0	10	0	0	0	-5	0	5	Kém	
40	DH41301480	Trần Anh	Tuấn	D13_VT01	10	12	6	25	20	0	2	75	Khá	
41	DH41301298	Nguyễn Sơn	Tùng	D13_VT01	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
42	DH41301491	Huỳnh Thanh	Tuyền	D13_VT01	10	9	6	25	19	15	2	86	Tốt	
43	DH41301559	Trần Quốc	Việt	D13_VT01	10	8	8	15	20	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
44	DH41301551	Nguyễn Hữu	Vinh	D13_VT01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
45	DH41301562	Nguyễn Đức	Vũ	D13_VT01	10	8	6	15	10	12	2	63	Trung bình khá	
46	DH41301567	Trần Quang	Vũ	D13_VT01	10	12	8	15	9	5	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
47	DH41301539	Võ Hoàng	Vương	D13_VT01	10	8	6	15	6	10	2	57	Trung bình	
48	DH41301608	Nguyễn Văn	ý	D13_VT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
1	DH31400046	Trát Hoàng Quốc	Anh	D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
2	DH31401714	Nguyễn Văn	Bằng	D14_DDT01	10	12	8	15	16	12	9	82	Tốt	
3	DH31400184	Lê Khả	Duy	D14_DDT01	10	10	6	15	16	15	2	74	Khá	
4	DH31400185	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D14_DDT01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
5	DH31400222	Huỳnh Phát	Đạt	D14_DDT01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
6	DH31400210	Hoàng Tuệ	Đăng	D14_DDT01	10	9	8	25	16	12	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH31400259	Nguyễn Hoàng	Gia	D14_DDT01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
8	DH31400319	Dương Phạm Thanh	Hải	D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
9	DH31401642	Lê Thanh	Hải	D14_DDT01	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	
10	DH31400282	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	D14_DDT01	10	12	8	25	11	10	9	85	Tốt	
11	DH31400392	Đỗ Trí	Hiếu	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	2	85	Tốt	
12	DH31400368	Đoàn Hình	Hùng	D14_DDT01	10	9	8	25	13	15	9	89	Tốt	
13	DH31400527	Nguyễn Duy	Khang	D14_DDT01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
14	DH31400565	Huỳnh Tuấn	Kiệt	D14_DDT01	10	8	6	15	16	15	2	72	Khá	
15	DH31400649	Lưu Trần Giang	Long	D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
16	DH31400710	Võ Duy	Minh	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	2	85	Tốt	
17	DH31400738	Nguyễn Quốc	Nam	D14_DDT01	10	8	6	25	16	15	2	82	Tốt	
18	DH31400742	Nguyễn Việt	Nam	D14_DDT01	10	12	8	15	20	15	9	89	Tốt	
19	DH31400827	Phòng Nhật	Nghĩa	D14_DDT01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
20	DH31400828	Trần Đại	Nghĩa	D14_DDT01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
21	DH31400815	Trần Văn	Nghiêm	D14_DDT01	10	9	6	15	16	15	2	73	Khá	
22	DH31400874	Nguyễn Thành	Nhân	D14_DDT01	10	6	8	15	16	15	2	72	Khá	
23	DH31400886	Nguyễn Hoàng	Nhật	D14_DDT01	10	9	8	25	16	12	2	82	Tốt	
24	DH31401003	Nguyễn Xuân	Phúc	D14_DDT01	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
25	DH31401013	Trịnh Đình Hoàn	Phúc	D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
26	DH31400957	Nguyễn Hùng	Phương	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	2	85	Tốt	
27	DH31400961	Văn Công	Phương	D14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
28	DH31401096	Đình Minh	Sang	D14_DDT01	10	9	8	25	16	12	9	89	Tốt	
29	DH31401079	Đào Ngọc	Sơn	D14_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH31401089	Phạm Thanh	Son	D14_DDT01	10	6	8	25	16	12	2	79	Khá	
31	DH31401144	Phạm Chí	Tài	D14_DDT01	10	9	8	25	16	12	2	82	Tốt	
32	DH31401146	Trần Đức Anh	Tài	D14_DDT01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
33	DH31401737	Võ Tiến	Tài	D14_DDT01	10	12	8	15	16	12	2	75	Khá	
34	DH31401116	Nguyễn Trần Minh	Tâm	D14_DDT01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
35	DH31401128	Nguyễn Thành	Tân	D14_DDT01	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	Không khám sức khỏe
36	DH31401184	Nguyễn Hoàng	Thành	D14_DDT01	10	12	8	25	13	15	9	92	Xuất sắc	
37	DH31401212	Đỗ Công	Thắng	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	2	85	Tốt	
38	DH31401254	Phạm Hoàng	Thiên	D14_DDT01	10	12	8	25	10	12	2	79	Khá	
39	DH31401276	Lâm Phú	Thịnh	D14_DDT01	10	9	8	15	16	12	9	79	Khá	
40	DH31401244	Huỳnh Đại	Thời	D14_DDT01	10	12	6	15	16	15	2	76	Khá	
41	DH31401335	Nguyễn Minh	Tiến	D14_DDT01	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	Không khám sức khỏe
42	DH31401780	Phạm Minh	Tiến	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	2	85	Tốt	
43	DH31401358	Đoàn Thanh	Toàn	D14_DDT01	10	12	8	15	16	12	2	75	Khá	
44	DH31401478	Lê Minh	Trí	D14_DDT01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
45	DH31401483	Nguyễn Hữu	Trí	D14_DDT01	10	10	8	25	16	12	2	83	Tốt	
46	DH31401469	Nguyễn Hiếu	Trung	D14_DDT01	10	12	6	25	14	12	2	81	Tốt	
47	DH31401515	Võ Trí	Tuệ	D14_DDT01	10	12	6	15	16	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
48	DH31401327	Nguyễn Nhật	Tùng	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	9	92	Xuất sắc	
49	DH31401587	Trần Minh	Vệ	D14_DDT01	10	12	8	25	16	12	2	85	Tốt	
50	DH31401575	Lê Nguyễn Hoàng	Việt	D14_DDT01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
51	DH31401665	Nguyễn Quốc	Việt	D14_DDT01	10	12	6	15	16	15	2	76	Khá	
1	DH41400033	Nguyễn Hữu Bảo	Anh	D14_VT01	10	8	8	25	2	10	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2	DH41400053	Hà Thanh	Bình	D14_VT01	10	9	6	25	3	15	2	70	Khá	
3	DH41400088	Nguyễn Trọng Chí	Cao	D14_VT01	9	12	8	15	15	15	2	76	Khá	
4	DH41400091	Nguyễn Cao	Cường	D14_VT01	10	12	6	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
5	DH41401715	Nguyễn Doãn Mạnh	Cường	D14_VT01	10	12	8	25	4	5	2	66	Trung bình khá	
6	DH41400096	Trần Quốc	Cường	D14_VT01	10	12	4	25	0	5	2	58	Trung bình	
7	DH41400170	Nguyễn Việt	Dũng	D14_VT01	7	6	4	15	6	5	2	45	Yếu	
8	DH41400228	Nguyễn Quốc	Đạt	D14_VT01	10	12	4	15	4	10	2	57	Trung bình	
9	DH41400436	Nguyễn Trọng	Hoàng	D14_VT01	10	12	4	25	4	10	2	67	Trung bình khá	
10	DH41400437	Nguyễn Việt	Hoàng	D14_VT01	10	12	6	25	4	10	2	69	Trung bình khá	
11	DH41400438	Nguyễn Vũ Phương	Hoàng	D14_VT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
12	DH41400444	Vũ Duy	Hoàng	D14_VT01	10	12	8	25	0	10	2	67	Trung bình khá	
13	DH41400362	Đặng Quang	Hội	D14_VT01	9	12	6	15	7	5	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
14	DH41400375	Trần Văn	Hùng	D14_VT01	8	9	6	25	10	10	2	70	Khá	
15	DH41400491	Võ Thái	Huy	D14_VT01	9	12	4	25	2	5	2	59	Trung bình	
16	DH41400539	Bùi Anh	Khoa	D14_VT01	7	6	4	15	-10	10	2	34	Yếu	Không khám sức khỏe
17	DH41400612	Đoàn Võ Phương	Linh	D14_VT01	10	12	4	25	0	10	2	63	Trung bình khá	
18	DH41400655	Trịnh Văn	Luu	D14_VT01	10	12	6	25	4	10	2	69	Trung bình khá	
19	DH41400680	Trần Công	Mẫn	D14_VT01	10	12	6	25	2	10	2	67	Trung bình khá	
20	DH41400696	Mai Quang	Minh	D14_VT01	10	12	4	15	0	5	2	48	Yếu	Không khám sức khỏe
21	DH41400765	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D14_VT01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
22	DH41400826	Phạm Trung	Nghĩa	D14_VT01	10	8	4	15	0	10	2	49	Yếu	
23	DH41401689	Nguyễn Vĩnh	Nghiệp	D14_VT01	7	10	6	15	0	5	2	45	Yếu	
24	DH41400842	Nguyễn Quốc	Nguyên	D14_VT01	10	10	8	25	2	10	9	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
25	DH41400913	Huỳnh Thị Minh	Nhụy	D14_VT01	10	12	6	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
26	DH41400964	Nguyễn Quốc	Phâm	D14_VT01	10	9	6	25	14	10	2	76	Khá	
27	DH41401021	Nguyễn Hoài	Phong	D14_VT01	10	8	6	25	5	10	9	73	Khá	
28	DH41400973	Lê Hoàng	Phước	D14_VT01	6	9	6	25	4	15	2	67	Trung bình khá	
29	DH41401043	Dương Duy	Quang	D14_VT01	10	9	4	25	0	10	2	60	Trung bình khá	
30	DH41401081	Cao Trung	Son	D14_VT01	10	8	4	15	3	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH41401087	Phạm Hoàng	Son	D14_VT01	10	8	4	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
32	DH41401126	Nguyễn Duy	Tân	D14_VT01	8	8	4	25	2	10	2	59	Trung bình	
33	DH41401127	Nguyễn Minh	Tân	D14_VT01	9	9	6	15	8	5	2	54	Trung bình	
34	DH41401283	Nguyễn Xa Trường	Thịnh	D14_VT01	10	9	6	25	7	5	2	64	Trung bình khá	
35	DH41401153	Cao Nguyễn Xuân	Thư	D14_VT01	10	12	6	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
36	DH41401317	Phan Thảo	Tiên	D14_VT01	8	8	6	25	0	10	2	59	Trung bình	
37	DH41401533	Nguyễn Trương Trung	Tín	D14_VT01	9	6	4	15	0	5	2	41	Yếu	
38	DH41401422	Võ Phước	Trọng	D14_VT01	10	10	8	25	15	15	2	85	Tốt	
39	DH41401580	Dương Đoàn	Vũ	D14_VT01	10	12	4	25	2	10	2	65	Trung bình khá	
40	DH41401581	Lê Hoàng	Vũ	D14_VT01	10	12	4	25	0	10	2	63	Trung bình khá	
1	DH31500376	Lê Tuấn	Anh	D15_DDT01	10	8	2	25	0	7	9	61	Trung bình khá	
2	DH31500380	Nguyễn Đức	Anh	D15_DDT01	9	8	8	25	2	5	2	59	Trung bình	
3	DH31500068	Nguyễn Phạm Nhật	Anh	D15_DDT01	9	6	2	25	7	-5	0	44	Yếu	
4	DH31500609	Trương Tuấn	Anh	D15_DDT01	8	6	1	25	3	5	0	48	Yếu	
5	DH31500201	Bùi Văn	Cầm	D15_DDT01	10	6	3	25	8	3	9	64	Trung bình khá	
6	DH31500619	Nguyễn Phú	Cường	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
7	DH31500067	Trần Duy	Cường	D15_DDT01	10	6	0	25	0	10	0	51	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH31500382	Nguyễn Trần Hoàng	Duy	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
9	DH31500617	Nguyễn Văn	Đạt	D15_DDT01	9	6	7	25	3	0	2	52	Trung bình	
10	DH31500206	Phạm Minh	Hải	D15_DDT01	0	9	0	0	0	-5	0	4	Kém	
11	DH31500070	Nguyễn Văn	Hiền	D15_DDT01	8	8	5	25	5	0	2	53	Trung bình	
12	DH31500611	Lê Xuân	Hiếu	D15_DDT01	10	6	2	25	2	0	2	47	Yếu	
13	DH31500378	Vương Gia	Hòa	D15_DDT01	8	6	4	25	0	0	0	43	Yếu	
14	DH31500069	Bùi Huy	Hoàng	D15_DDT01	9	6	2	25	0	0	2	44	Yếu	
15	DH31500614	Nguyễn Vũ	Hoàng	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
16	DH31500199	Võ	Huy	D15_DDT01	8	6	1	20	1	6	0	42	Yếu	
17	DH31500066	Phạm Ngọc	Hưng	D15_DDT01	9	6	4	25	0	1	0	45	Yếu	
18	DH31500009	Lê Đình	Khang	D15_DDT01	9	8	4	22	12	0	2	57	Trung bình	
19	DH31502081	Lê Xuân Minh	Khang	D15_DDT01	8	8	0	25	6	3	0	50	Trung bình	
20	DH31500204	Huỳnh Vỹ	Kỳ	D15_DDT01	9	6	7	25	5	5	9	66	Trung bình khá	
21	DH31500207	Ngô Tấn	Phát	D15_DDT01	8	8	5	22	10	0	2	55	Trung bình	
22	DH31500196	Võ Tấn Trần Duy	Phong	D15_DDT01	10	6	2	25	2	0	2	47	Yếu	
23	DH31500200	Hà Trung	Phúc	D15_DDT01	9	6	2	25	3	0	2	47	Yếu	
24	DH31500384	Mai Hoàng	Phúc	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
25	DH31500616	Nguyễn Duy	Phúc	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
26	DH31500010	Vũ Tuấn	Quang	D15_DDT01	9	6	5	25	4	0	2	51	Trung bình	
27	DH31500194	Lưu Quang	Son	D15_DDT01	8	6	2	25	9	0	2	52	Trung bình	
28	DH31500379	Trần Đặng Trường	Son	D15_DDT01	8	6	2	25	6	5	0	52	Trung bình	
29	DH31500198	Phạm Ngọc	Thạch	D15_DDT01	10	8	8	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
30	DH31500385	Bùi Quang	Thành	D15_DDT01	9	6	2	25	3	0	2	47	Yếu	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH31500610	Nguyễn Công	Thành	D15_DDT01	10	8	2	25	3	0	2	50	Trung bình	
32	DH31500377	Trần Vĩ	Thành	D15_DDT01	10	8	6	25	8	5	2	64	Trung bình khá	
33	DH31500615	Nguyễn Minh	Thảo	D15_DDT01	9	6	7	25	10	10	0	67	Trung bình khá	
34	DH31500071	Lê Hiếu	Thiện	D15_DDT01	9	8	2	25	0	0	2	46	Yếu	
35	DH31500072	Nguyễn Văn	Thiện	D15_DDT01	10	6	4	23	0	1	0	44	Yếu	
36	DH31500197	Nguyễn Tuấn	Thọ	D15_DDT01	9	8	5	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
37	DH31500375	Cao Minh	Thông	D15_DDT01	0	9	0	0	0	-5	0	4	Kém	
38	DH31500202	Trương Chiêu	Thông	D15_DDT01	10	9	2	25	0	0	2	48	Yếu	
39	DH31500193	Ngô Trung	Tiến	D15_DDT01	10	8	2	25	2	0	2	49	Yếu	
40	DH31500203	Nguyễn Trung	Tín	D15_DDT01	8	6	4	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
41	DH31500612	Võ Lý Minh	Toàn	D15_DDT01	10	6	8	25	3	0	0	52	Trung bình	
42	DH31500618	Trương Trần Phước	Trí	D15_DDT01	9	6	7	25	18	10	0	75	Khá	
43	DH31500613	Nguyễn Nhật	Trường	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
44	DH31500195	Võ Thanh	Tú	D15_DDT01	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
45	DH31500381	Lê Hoàng	Tuấn	D15_DDT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
1	DH31501467	Nguyễn Bảo	An	D15_DDT02	8	6	6	25	16	5	2	68	Trung bình khá	
2	DH31501190	Nguyễn Công	Cần	D15_DDT02	9	8	4	25	18	10	8	82	Tốt	
3	DH31500855	Nguyễn Thành	Công	D15_DDT02	9	6	6	25	12	10	2	70	Khá	
4	DH31501184	Bùi Phú	Cường	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
5	DH31501175	Nguyễn Văn	Dũng	D15_DDT02	9	6	6	25	18	10	2	76	Khá	
6	DH31501470	Nguyễn Đức	Duy	D15_DDT02	9	6	8	25	18	5	2	73	Khá	
7	DH31501186	Nguyễn Trọng	Duy	D15_DDT02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
8	DH31501468	Dương Văn	Đạt	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH31500854	Võ Nhật	Hào	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
10	DH31500865	Nguyễn Văn	Hóa	D15_DDT02	10	6	8	25	18	7	2	76	Khá	
11	DH31500858	Nguyễn Thanh	Hoàng	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
12	DH31500862	Quách Gia	Huy	D15_DDT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
13	DH31500849	Trần Quang	Huy	D15_DDT02	9	6	6	25	18	10	2	76	Khá	
14	DH31502196	Đào Công	Khanh	D15_DDT02	9	8	8	25	18	10	2	80	Tốt	
15	DH31501183	Lưu Nguyễn Vy	Khanh	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
16	DH31500853	Trang Nguyễn Anh	Kiệt	D15_DDT02	9	6	8	25	18	5	2	73	Khá	
17	DH31500864	Võ Nguyễn Duy	Linh	D15_DDT02	9	8	6	25	18	10	2	78	Khá	
18	DH31501179	Mai Quách	Lĩnh	D15_DDT02	10	8	8	25	18	10	8	87	Tốt	
19	DH31501180	Trần Châu	Long	D15_DDT02	9	6	6	25	18	10	2	76	Khá	
20	DH31500861	Đình Thanh	Luận	D15_DDT02	10	8	8	25	18	10	8	87	Tốt	
21	DH31501178	Nguyễn Thanh	Ngoan	D15_DDT02	9	8	8	25	13	10	2	75	Khá	
22	DH31501187	Lê Xuân	Phượng	D15_DDT02	10	8	6	25	10	10	2	71	Khá	
23	DH31500848	Nguyễn Văn	Quỳ	D15_DDT02	9	6	8	25	18	5	2	73	Khá	
24	DH31500852	Đình Văn	Quý	D15_DDT02	9	8	8	25	12	5	2	69	Trung bình khá	
25	DH31501469	Nguyễn Thanh	Quyền	D15_DDT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
26	DH31501185	Nguyễn Văn	Rin	D15_DDT02	9	8	8	25	18	10	2	80	Tốt	
27	DH31500856	Trần Duy	Sang	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
28	DH31501181	Lê Huỳnh Thanh	Son	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
29	DH31501174	Ngô Phước	Tài	D15_DDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
30	DH31501182	Phan Tấn	Tài	D15_DDT02	9	8	8	25	17	10	2	79	Khá	
31	DH31500860	Nguyễn Thành	Thắng	D15_DDT02	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH31501176	Tạ Minh	Tiến	D15_DDT02	9	8	8	25	18	10	2	80	Tốt	
33	DH31501189	Trần Quốc	Tiến	D15_DDT02	9	9	8	25	18	10	9	88	Tốt	
34	DH31500859	Nguyễn Trung	Tín	D15_DDT02	9	6	8	25	18	5	2	73	Khá	
35	DH31500857	Trần Thanh	Toàn	D15_DDT02	9	8	8	25	18	10	2	80	Tốt	
36	DH31501177	Nguyễn Minh	Trí	D15_DDT02	10	6	8	25	18	5	2	74	Khá	
37	DH31500850	Chu Minh	Tú	D15_DDT02	9	8	8	25	16	10	2	78	Khá	
38	DH31501466	Nguyễn Văn	Tuấn	D15_DDT02	9	6	6	25	20	10	2	78	Khá	
39	DH31500863	Phùng Đức	Tuấn	D15_DDT02	9	9	8	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
40	DH31500851	Bùi Anh	Vũ	D15_DDT02	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
41	DH31501188	Huỳnh Đặng	Vương	D15_DDT02	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
1	DH31501474	Lê Hồ Thanh	Duy	D15_DDT03	10	8	8	25	10	15	2	78	Khá	
2	DH31501484	Nguyễn Thành	Duy	D15_DDT03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
3	DH31501487	Nguyễn Trần Khánh	Duy	D15_DDT03	10	9	6	24	18	15	2	84	Tốt	
4	DH31501485	Lê Tiến	Đạt	D15_DDT03	10	8	4	25	17	15	9	88	Tốt	
5	DH31501970	Trần Minh	Đăng	D15_DDT03	10	8	4	25	17	13	2	79	Khá	
6	DH31502192	Nguyễn Thanh	Huy	D15_DDT03	10	9	4	25	10	15	2	75	Khá	
7	DH31501478	Nguyễn Thành	Hưng	D15_DDT03	10	11	8	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
8	DH31501486	Trần Phát	Hưng	D15_DDT03	10	8	6	25	19	15	2	85	Tốt	
9	DH31501974	Trần Phương	Kha	D15_DDT03	10	10	4	25	13	15	2	79	Khá	
10	DH31501975	Trần Phương	Khánh	D15_DDT03	10	10	4	25	20	15	2	86	Tốt	
11	DH31501916	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa	D15_DDT03	10	6	0	25	8	15	2	66	Trung bình khá	
12	DH31501923	Võ Anh	Khoa	D15_DDT03	10	8	4	25	17	15	9	88	Tốt	
13	DH31501926	Nguyễn Lê Đăng	Khương	D15_DDT03	10	10	4	25	13	15	9	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH31501920	Nguyễn Hoàng	Long	D15_DDT03	10	9	4	25	17	15	9	89	Tốt	
15	DH31501921	Trần Phương	Nam	D15_DDT03	10	9	2	25	7	15	2	70	Khá	
16	DH31501976	Võ Tấn	Nghĩa	D15_DDT03	10	8	2	25	12	15	2	74	Khá	
17	DH31501971	Nguyễn Hoài	Nhân	D15_DDT03	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
18	DH31501482	Đỗ Tấn	Phúc	D15_DDT03	10	8	4	25	17	15	9	88	Tốt	
19	DH31501922	Đoàn Minh	Phương	D15_DDT03	10	9	6	25	8	14	2	74	Khá	
20	DH31501479	Ngô Ngọc	Quan	D15_DDT03	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
21	DH31501475	Trương Nguyễn Vinh	Quang	D15_DDT03	10	9	4	25	15	15	2	80	Tốt	
22	DH31501917	Đặng Công	Sang	D15_DDT03	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
23	DH31501925	Lê Trọng	Sang	D15_DDT03	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
24	DH31501924	Nguyễn Anh	Tâm	D15_DDT03	10	8	4	25	20	13	2	82	Tốt	
25	DH31501477	Nguyễn Minh	Tâm	D15_DDT03	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
26	DH31501476	Nguyễn Đỗ Bảo	Thanh	D15_DDT03	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
27	DH31501972	Nguyễn Trần Nhật	Thanh	D15_DDT03	10	6	2	25	15	15	2	75	Khá	
28	DH31501838	Nguyễn Tuấn	Thanh	D15_DDT03	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
29	DH31501480	Lê Quang	Thắng	D15_DDT03	9	8	4	25	13	15	2	76	Khá	
30	DH31501969	Nguyễn Tấn	Thuận	D15_DDT03	10	8	4	25	15	13	2	77	Khá	
31	DH31501973	Lý Minh	Tiên	D15_DDT03	10	9	2	25	7	15	2	70	Khá	
32	DH31501473	Nguyễn Công	Toàn	D15_DDT03	10	9	2	25	13	15	2	76	Khá	
33	DH31501472	Nguyễn Ký	Toán	D15_DDT03	10	9	2	25	13	15	2	76	Khá	
34	DH31501919	Huỳnh Chí	Trọng	D15_DDT03	10	8	4	25	7	15	2	71	Khá	
35	DH31501918	Nguyễn Đức	Trung	D15_DDT03	10	6	4	25	13	13	2	73	Khá	
36	DH31501481	Nguyễn Hoàng Thanh	Tú	D15_DDT03	10	6	2	25	19	15	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
37	DH31501471	Nguyễn Thanh	Tuấn	D15_DDT03	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
38	DH31501483	Phạm Minh	Tuấn	D15_DDT03	10	6	4	25	13	10	2	70	Khá	
39	DH31501488	Trần Minh	Tuấn	D15_DDT03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
40	DH31501927	Nguyễn Thành	Văn	D15_DDT03	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
1	DH31502086	Thái Quốc	An	D15_DDT04	10	8	2	25	13	5	2	65	Trung bình khá	
2	DH31502077	Đặng Hoàng	Bảo	D15_DDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH31501984	Trần Thái	Bảo	D15_DDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4	DH31502091	Nguyễn Sơn	Dũng	D15_DDT04	10	8	2	25	6	5	10	66	Trung bình khá	
5	DH31502078	Nguyễn Thanh	Đạt	D15_DDT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
6	DH31502027	Hoàng Như	Hà	D15_DDT04	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
7	DH31502028	Nguyễn Văn	Hậu	D15_DDT04	10	9	6	25	19	5	10	84	Tốt	
8	DH31502070	Nguyễn Duy	Hiếu	D15_DDT04	10	9	6	25	11	10	2	73	Khá	
9	DH31501985	Nguyễn Trung	Hiếu	D15_DDT04	10	6	6	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
10	DH31502090	Lê Huy	Hoàng	D15_DDT04	10	8	8	25	8	10	2	71	Khá	
11	DH31502072	Huỳnh Gia	Huy	D15_DDT04	10	6	6	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
12	DH31502026	Trần Quốc	Huy	D15_DDT04	10	6	8	25	20	5	10	84	Tốt	
13	DH31502024	Huỳnh Trung	Lập	D15_DDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	DH31502074	Nguyễn Trường	Lễ	D15_DDT04	10	6	6	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
15	DH31502023	Nguyễn Lương Hoàng	Liên	D15_DDT04	10	9	2	25	5	5	2	58	Trung bình	
16	DH31502083	Phan Quý	Lời	D15_DDT04	10	10	0	25	5	5	2	57	Trung bình	
17	DH31501979	Lê Hữu	Lợi	D15_DDT04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
18	DH31502076	Trần Ngọc	Luận	D15_DDT04	10	9	6	25	11	10	2	73	Khá	
19	DH31502075	Lê Hoàng	Minh	D15_DDT04	10	9	6	25	18	5	10	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
20	DH31501983	Võ Hoài	Nam	D15_DDT04	10	6	4	25	13	10	2	70	Khá	
21	DH31501986	Kiều Trọng	Nghĩa	D15_DDT04	9	9	2	25	0	5	2	52	Trung bình	
22	DH31502079	Võ Trung	Nghĩa	D15_DDT04	10	8	8	25	20	5	10	86	Tốt	
23	DH31502071	Trần Thanh	Nhật	D15_DDT04	10	8	4	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
24	DH31501982	Lê Thanh	Phong	D15_DDT04	9	10	2	25	5	5	2	58	Trung bình	
25	DH31501980	Hồ Sĩ	Phú	D15_DDT04	10	6	6	25	20	10	10	87	Tốt	
26	DH31502025	Thái Trần	Phú	D15_DDT04	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
27	DH31501981	Lê Trịnh	Phúc	D15_DDT04	7	6	0	25	5	5	2	50	Trung bình	
28	DH31502073	Lâm Hải	Son	D15_DDT04	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
29	DH31502089	Trần Minh	Son	D15_DDT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
30	DH31502088	Huỳnh Minh	Thành	D15_DDT04	10	9	2	25	8	5	2	61	Trung bình khá	
31	DH31501978	Nguyễn Ngọc	Thành	D15_DDT04	6	6	2	25	6	5	2	52	Trung bình	
32	DH31501977	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D15_DDT04	10	6	4	25	6	10	10	71	Khá	
33	DH31502087	Lê Đức Quang	Thiện	D15_DDT04	10	9	2	25	8	5	2	61	Trung bình khá	
34	DH31502080	Lâm Quốc	Tín	D15_DDT04	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
35	DH31502193	Huỳnh Tấn	Trung	D15_DDT04	10	9	2	25	13	15	2	76	Khá	
36	DH31502085	Trần Lê Tuấn	Trung	D15_DDT04	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
37	DH31502082	Phạm Thanh	Tùng	D15_DDT04	10	10	8	25	19	5	10	87	Tốt	
38	DH31502022	Nguyễn Đình	Vũ	D15_DDT04	9	6	8	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
1	DH31502203	Nguyễn Thiên	Ân	D15_DDT05	10	8	4	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
2	DH31502202	Lê Huỳnh	Đức	D15_DDT05	9	8	4	25	5	5	2	58	Trung bình	
3	DH31502210	Trần Hoàng	Hiệp	D15_DDT05	10	8	4	25	15	13	2	77	Khá	
4	DH31502322	Trần Minh	Hiếu	D15_DDT05	9	8	4	25	2	5	8	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	DH31502333	Diệp Thê	Huy	D15_DDT05	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
6	DH31502331	Nguyễn Phan Lê	Huỳnh	D15_DDT05	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
7	DH31502214	Nguyễn Tổng	Hung	D15_DDT05	9	8	0	25	10	5	2	59	Trung bình	
8	DH31502324	Lê Châu	Khải	D15_DDT05	10	11	6	25	5	5	2	64	Trung bình khá	
9	DH31502329	Tô Công Tuấn	Khanh	D15_DDT05	9	6	6	25	5	5	2	58	Trung bình	
10	DH31502330	Trần Công Vũ	Khanh	D15_DDT05	10	10	4	25	4	5	2	60	Trung bình khá	
11	DH31502215	Nguyễn Quốc	Khánh	D15_DDT05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
12	DH31502195	Nguyễn Minh	Khôi	D15_DDT05	9	6	2	25	7	5	2	56	Trung bình	
13	DH31502200	Nguyễn Ngọc	Lâm	D15_DDT05	9	10	4	25	5	5	2	60	Trung bình khá	
14	DH31502209	Nguyễn Văn	Lâm	D15_DDT05	9	9	4	25	7	5	2	61	Trung bình khá	
15	DH31502194	Nguyễn Đức	Lộc	D15_DDT05	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
16	DH31502212	Nguyễn Thành	Nam	D15_DDT05	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
17	DH31502198	Lê Quang	Nghị	D15_DDT05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	DH31502211	Lê Trung	Nghĩa	D15_DDT05	10	9	6	25	5	10	2	67	Trung bình khá	
19	DH31502321	Nguyễn Minh	Phát	D15_DDT05	10	6	7	25	11	13	2	74	Khá	
20	DH31502325	Nguyễn Duy	Phi	D15_DDT05	10	6	6	25	10	10	8	75	Khá	
21	DH31502328	Nguyễn Minh	Quang	D15_DDT05	9	9	6	25	5	5	2	61	Trung bình khá	
22	DH31502335	Lại Đỗ Công	Quyền	D15_DDT05	9	8	2	25	5	10	8	67	Trung bình khá	
23	DH31502320	Trương Hồng	Son	D15_DDT05	9	9	6	25	5	5	2	61	Trung bình khá	
24	DH31502208	Lê Nhật	Tân	D15_DDT05	10	8	6	25	2	5	2	58	Trung bình	
25	DH31502327	Nguyễn Hữu	Thắng	D15_DDT05	9	9	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
26	DH31502206	Châu Minh	Thiên	D15_DDT05	10	6	6	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
27	DH31502326	Đặng Phước	Thiên	D15_DDT05	10	6	0	25	3	10	2	56	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
28	DH31502332	Đình Hữu	Thọ	D15_DDT05	10	8	6	25	3	5	2	59	Trung bình	
29	DH31502216	Nguyễn Ngọc	Thoại	D15_DDT05	9	9	6	25	5	5	2	61	Trung bình khá	
30	DH31502207	Lê Hữu	Thông	D15_DDT05	10	6	6	25	0	10	2	59	Trung bình	
31	DH31502323	Phạm Văn	Thống	D15_DDT05	9	8	0	25	8	15	8	73	Khá	
32	DH31502213	Trần Văn	Trọng	D15_DDT05	10	6	6	25	0	10	9	66	Trung bình khá	
33	DH31502217	Huỳnh Đức	Trung	D15_DDT05	10	10	6	25	0	10	2	63	Trung bình khá	
34	DH31502205	Bùi Công	Trực	D15_DDT05	10	6	0	25	3	10	2	56	Trung bình	
35	DH31502199	Lê Anh	Tuấn	D15_DDT05	10	10	6	25	5	5	2	63	Trung bình khá	
36	DH31502197	Nguyễn Anh	Tuấn	D15_DDT05	9	9	2	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
37	DH31502204	Châu Kim	Vinh	D15_DDT05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
38	DH31502201	Lê Hữu	Vinh	D15_DDT05	10	6	4	25	4	5	2	56	Trung bình	
39	DH31502334	Nhiếp Thế	Xuân	D15_DDT05	9	6	6	25	5	14	2	67	Trung bình khá	
1	DH31502336	Trương Nguyễn	Anh	D15_DDT06	10	9	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
2	DH31502547	Phan Công	Bình	D15_DDT06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH31502439	Phạm Thái	Châu	D15_DDT06	9	10	0	25	0	5	9	58	Trung bình	
4	DH31502434	Lê Hữu	Dinh	D15_DDT06	8	9	0	25	0	10	2	54	Trung bình	
5	DH31502540	Khê Văn	Đạt	D15_DDT06	9	8	0	25	0	5	9	56	Trung bình	
6	DH31502550	Nguyễn Tấn	Đức	D15_DDT06	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
7	DH31502340	Nguyễn Thanh	Hải	D15_DDT06	10	11	5	25	0	5	2	58	Trung bình	
8	DH31502441	Huỳnh Xuân	Hào	D15_DDT06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
9	DH31502432	Nguyễn Thành	Hùng	D15_DDT06	10	6	0	25	0	5	2	48	Yếu	
10	DH31502546	Đỗ Đình	Huy	D15_DDT06	9	6	0	25	0	0	2	42	Yếu	
11	DH31502538	Võ Thanh	Hưng	D15_DDT06	7	6	2	25	0	5	9	54	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH31502430	Trần Gia	Khánh	D15_DDT06	8	6	0	25	0	5	2	46	Yếu	
13	DH31502337	Mai Hữu	Lợi	D15_DDT06	10	9	4	25	6	15	2	71	Khá	
14	DH31502435	Tăng Siêu	Minh	D15_DDT06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
15	DH31502536	Nguyễn Đức	Nhân	D15_DDT06	10	10	8	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
16	DH31502549	Lê	Phong	D15_DDT06	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
17	DH31502440	Đặng Võ Ti	Phông	D15_DDT06	9	10	0	25	0	5	9	58	Trung bình	
18	DH31502545	Lâm Hoàng	Phúc	D15_DDT06	10	6	0	25	0	5	0	46	Yếu	
19	DH31502338	Trần Lê	Quang	D15_DDT06	9	9	0	25	0	5	0	48	Yếu	
20	DH31502436	Huỳnh Quốc	Quân	D15_DDT06	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
21	DH31502429	Nguyễn Lê Bá	Quốc	D15_DDT06	9	6	0	25	0	5	2	47	Yếu	
22	DH31502543	Triệu Quang	Sáng	D15_DDT06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
23	DH31502542	Trần Quốc	Sĩ	D15_DDT06	10	10	8	25	0	5	2	60	Trung bình khá	
24	DH31502541	Lý Thanh	Son	D15_DDT06	10	11	7	25	0	5	2	60	Trung bình khá	
25	DH31502537	Võ Quang	Thạch	D15_DDT06	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
26	DH31502442	Hoàng Trọng	Thành	D15_DDT06	8	8	7	25	0	5	9	62	Trung bình khá	
27	DH31502544	Chế Minh	Thế	D15_DDT06	10	9	4	25	5	10	9	72	Khá	
28	DH31502431	Hoàng Đức	Thiện	D15_DDT06	10	9	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
29	DH31502437	Võ Duy	Thịnh	D15_DDT06	10	10	8	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
30	DH31502426	Nguyễn Minh	Thuận	D15_DDT06	9	6	0	25	0	5	0	45	Yếu	
31	DH31502535	Cao Tấn	Tiến	D15_DDT06	9	10	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
32	DH31502438	Nguyễn Đức	Tín	D15_DDT06	10	9	2	25	0	5	2	53	Trung bình	
33	DH31502427	Lê Chí	Toàn	D15_DDT06	10	8	2	25	0	10	2	57	Trung bình	
34	DH31502443	Phạm Thế	Toàn	D15_DDT06	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH31502339	Lê Đức	Trọng	D15_DDT06	10	10	8	25	2	10	9	74	Khá	
36	DH31502433	Nguyễn Hữu	Trực	D15_DDT06	10	9	4	25	6	5	0	59	Trung bình	
37	DH31502428	Đoàn Thanh	Tuấn	D15_DDT06	9	6	2	25	0	5	2	49	Yếu	
1	DH41501192	Phạm Thành	An	D15_VT01	8	6	6	25	0	10	2	57	Trung bình	
2	DH41502231	Phạm Nguyễn Duy	Anh	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH41502225	Nguyễn Minh	Ân	D15_VT01	9	6	4	25	0	10	2	56	Trung bình	
4	DH41500873	Đỗ Trường	Biên	D15_VT01	10	8	8	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
5	DH41500389	Đỗ Đông	Châu	D15_VT01	9	8	6	25	0	10	2	60	Trung bình khá	
6	DH41500386	Trần Mạnh	Cường	D15_VT01	9	6	2	25	0	10	2	54	Trung bình	
7	DH41501195	Đình Hữu	Danh	D15_VT01	9	6	0	25	8	8	2	58	Trung bình	
8	DH41500209	Đào Tiến	Dũng	D15_VT01	9	8	8	25	17	10	2	79	Khá	
9	DH41502222	Huỳnh Phương	Duy	D15_VT01	8	6	2	25	6	5	2	54	Trung bình	
10	DH41502346	Phạm Văn	Duy	D15_VT01	8	8	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
11	DH41500868	Bùi Thiên	Đạo	D15_VT01	8	6	2	25	0	10	2	53	Trung bình	
12	DH41500872	Nguyễn Tiến	Đạt	D15_VT01	10	8	0	25	3	10	2	58	Trung bình	
13	DH41500012	Nhâm Tiến	Đạt	D15_VT01	8	6	6	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
14	DH41501196	Lê Hoàng	Đức	D15_VT01	9	10	0	25	8	10	2	64	Trung bình khá	
15	DH41502230	Trần Nguyễn Trí	Hải	D15_VT01	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
16	DH41501194	Nguyễn Văn	Hiếu	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
17	DH41500391	Phạm Thanh	Hiếu	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	DH41502223	Phan Trung	Hiếu	D15_VT01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
19	DH41501928	Trần Minh	Hiếu	D15_VT01	7	6	0	25	6	5	2	51	Trung bình	
20	DH41501490	Lê Nguyễn Gia	Huy	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
21	DH41502347	Nguyễn Minh	Huy	D15_VT01	9	8	4	25	8	10	2	66	Trung bình khá	
22	DH41500621	Nguyễn Thiện	Huy	D15_VT01	9	8	0	25	12	5	2	61	Trung bình khá	
23	DH41502219	Trương Thị Cẩm	Hường	D15_VT01	8	8	0	25	0	5	8	54	Trung bình	
24	DH41502227	Ngô Quang	Khải	D15_VT01	7	8	2	25	6	5	2	55	Trung bình	
25	DH41500870	Lê Duy	Khánh	D15_VT01	8	6	0	25	2	5	2	48	Yếu	
26	DH41500622	Lê Hữu	Khoa	D15_VT01	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	
27	DH41501193	Phạm Thành	Khương	D15_VT01	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
28	DH41502345	Lê Huỳnh	Long	D15_VT01	9	10	0	25	0	10	2	56	Trung bình	
29	DH41500390	Bùi Bảo	Lộc	D15_VT01	9	6	8	25	9	15	8	80	Tốt	
30	DH41502342	Nguyễn Thành	Luân	D15_VT01	7	6	0	25	20	0	2	60	Trung bình khá	
31	DH41500075	Đình Ngọc	Minh	D15_VT01	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
32	DH41502221	La Quốc	Minh	D15_VT01	10	8	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
33	DH41500387	Uông Chí	Minh	D15_VT01	9	8	0	25	12	10	2	66	Trung bình khá	
34	DH41500388	Nguy Chí	Nghị	D15_VT01	9	8	0	25	13	10	2	67	Trung bình khá	
35	DH41500620	Phan Hữu Lê	Nguyễn	D15_VT01	8	6	0	25	6	5	2	52	Trung bình	
36	DH41502232	Nguyễn Anh	Nhật	D15_VT01	9	9	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
37	DH41502226	Huỳnh Thanh	Phong	D15_VT01	9	8	0	25	0	10	2	54	Trung bình	
38	DH41502233	Lương Công	Phú	D15_VT01	8	6	8	25	18	10	9	84	Tốt	
39	DH41500011	Từ Tăng Tấn	Phú	D15_VT01	9	9	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
40	DH41500867	Lê Hoàng	Phúc	D15_VT01	9	9	8	25	12	5	2	70	Khá	
41	DH41500211	Nguyễn Hồng	Phúc	D15_VT01	9	9	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
42	DH41501197	Nguyễn Đăng Nhật	Quang	D15_VT01	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
43	DH41502343	Trần Việt	Quang	D15_VT01	9	8	0	25	15	10	2	69	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
44	DH41502228	Võ Anh	Quốc	D15_VT01	9	9	0	25	12	15	2	72	Khá	
45	DH41500869	Nguyễn Tấn	Sĩ	D15_VT01	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
46	DH41500208	Trần Quốc	Tài	D15_VT01	9	8	4	25	0	10	2	58	Trung bình	
47	DH41500392	Đàm Thiện	Tâm	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
48	DH41502341	Nguyễn Phúc	Tâm	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
49	DH41500074	Đào Nghị	Tấn	D15_VT01	9.5	10	8	25	18	15	2	87.5	Tốt	
50	DH41500073	Trương Quốc	Thái	D15_VT01	9	6	4	25	0	5	2	51	Trung bình	
51	DH41500874	Nguyễn Huy	Thanh	D15_VT01	9	8	0	25	7	12	2	63	Trung bình khá	
52	DH41500866	Luong Văn	Thành	D15_VT01	7	6	0	25	12	10	2	62	Trung bình khá	
53	DH41501191	Phạm Duy	Thông	D15_VT01	8	8	4	25	3	10	2	60	Trung bình khá	
54	DH41502218	Nguyễn Đức	Toàn	D15_VT01	10	9	6	25	10	15	9	84	Tốt	
55	DH41501489	Luong Hữu	Trí	D15_VT01	9	6	0	25	0	10	2	52	Trung bình	
56	DH41501198	Nguyễn Thiện	Trí	D15_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
57	DH41502344	Võ Thành	Trung	D15_VT01	9	6	0	25	6	10	2	58	Trung bình	
58	DH41502224	Lê Thị Linh	Truyền	D15_VT01	8	8	0	25	0	5	2	48	Yếu	
59	DH41502229	Tô Khánh	Tùng	D15_VT01	8	9	2	25	0	10	2	56	Trung bình	
60	DH41502084	Lê Phước	Tường	D15_VT01	9	9	0	25	15	10	2	70	Khá	
61	DH41502220	Nguyễn Huỳnh Quốc	Việt	D15_VT01	8	6	2	25	0	15	2	58	Trung bình	
62	DH41500623	Phạm Trần Quốc	Vinh	D15_VT01	10	9	0	25	4	5	2	55	Trung bình	
63	DH41500871	Cao Thị Hồng	Yến	D15_VT01	8	8	2	25	0	10	9	62	Trung bình khá	
1	DH41501491	Nguyễn Thuận	An	D15_VT02	10	9	2	25	12	15	2	75	Khá	
2	DH41502102	Nguyễn Đức	Anh	D15_VT02	10	10	6	25	10	15	2	78	Khá	
3	DH41501492	Phạm Quốc	Bảo	D15_VT02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	DH41501874	Nguyễn Chí Cường	D15_VT02	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt		
5	DH41502099	Nguyễn Quốc Cường	D15_VT02	10	9	4	25	19	5	2	74	Khá		
6	DH41502032	Nguyễn Văn Cường	D15_VT02	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá		
7	DH41502103	Võ Thanh Diên	D15_VT02	10	9	8	25	5	11	2	70	Khá		
8	DH41502034	Đặng Hoàng Duy	D15_VT02	10	10	8	25	18	15	10	96	Xuất sắc		
9	DH41502451	Lê Đức Duy	D15_VT02	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá		
10	DH41502095	Quan Lý Dương	D15_VT02	9	9	2	25	20	5	2	72	Khá		
11	DH41502035	Phạm Ngọc Đang	D15_VT02	10	9	8	25	19	15	10	96	Xuất sắc		
12	DH41501493	Nguyễn Thanh Điền	D15_VT02	9	8	8	25	10	15	2	77	Khá		
13	DH41502097	Đình Quang Hiền	D15_VT02	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá		
14	DH41502554	Đặng Minh Hiếu	D15_VT02	10	8	4	25	19	5	2	73	Khá		
15	DH41501988	Đình Văn Hiếu	D15_VT02	10	9	4	25	20	15	10	93	Xuất sắc		
16	DH41501931	Nguyễn Thừa Hiếu	D15_VT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém		
17	DH41502106	Trần Minh Hiếu	D15_VT02	10	9	8	25	13	12	2	79	Khá		
18	DH41502100	Vương Văn Hiếu	D15_VT02	9	6	4	25	10	15	2	71	Khá		
19	DH41501990	Hồ Gia Huy	D15_VT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém		
20	DH41502558	Ngô Khánh Huy	D15_VT02	9	6	4	25	19	5	2	70	Khá		
21	DH41501495	Phạm Nguyễn Gia Huy	D15_VT02	9	8	8	25	19	5	2	76	Khá		
22	DH41502445	Nguyễn Thị Khánh Huyền	D15_VT02	9	10	8	25	18	15	9	94	Xuất sắc		
23	DH41502030	Lê Nhiều Hưng	D15_VT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém		
24	DH41502350	Trương Hoài Khang	D15_VT02	10	9	8	22	20	15	2	86	Tốt		
25	DH41502104	Lê Đăng Khoa	D15_VT02	9	8	8	25	20	10	9	89	Tốt		
26	DH41502557	Võ Xuân Khuê	D15_VT02	10	9	6	25	20	15	9	94	Xuất sắc		

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
27	DH41501989	Phan Thế Viễn	Khương	D15_VT02	6	6	8	25	10	15	2	72	Khá	
28	DH41502556	Nguyễn Thị	Linh	D15_VT02	10	10	6	25	10	15	2	78	Khá	
29	DH41502448	Bùi Đoàn	Long	D15_VT02	9	10	8	25	9	15	2	78	Khá	
30	DH41501930	Nguyễn Hoàng	Long	D15_VT02	10	8	4	25	16	5	2	70	Khá	
31	DH41502029	Phạm Hoàng	Long	D15_VT02	9	8	6	25	2	10	2	62	Trung bình khá	
32	DH41502348	Nguyễn Ngọc	Lộc	D15_VT02	9	8	4	25	19	13	2	80	Tốt	
33	DH41502031	Lê Thái Minh	Mẫn	D15_VT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
34	DH41501839	Quách Lê	Minh	D15_VT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
35	DH41502450	Phạm Phương	Nam	D15_VT02	10	9	0	25	7	15	2	68	Trung bình khá	
36	DH41502555	Vũ Hồng	Nam	D15_VT02	10	10	4	25	19	5	2	75	Khá	
37	DH41501496	Lê Huy	Nghĩa	D15_VT02	8	8	4	25	19	5	2	71	Khá	
38	DH41502101	Lâm Thành	Nguyên	D15_VT02	8	8	4	20	20	4	2	66	Trung bình khá	
39	DH41502446	Trần Văn	Ni	D15_VT02	8	6	6	25	20	5	2	72	Khá	
40	DH41502551	Đặng Thị Kiều	Oanh	D15_VT02	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
41	DH41502552	Vương Thị	Philippin	D15_VT02	9	8	8	25	13	15	9	87	Tốt	
42	DH41502096	Huỳnh Hữu	Phong	D15_VT02	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
43	DH41502349	Nguyễn Hưng	Phú	D15_VT02	9	8	4	25	19	5	2	72	Khá	
44	DH41501991	Bùi Mỹ	Phương	D15_VT02	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
45	DH41502098	Lưu Nam	Phương	D15_VT02	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
46	DH41502108	Võ Thị Kim	Phương	D15_VT02	10	10	8	25	8	10	9	80	Tốt	
47	DH41502094	Trần Lê	Quý	D15_VT02	10	6	4	25	19	10	2	76	Khá	
48	DH41502107	Bùi Vũ Ngọc	Quyên	D15_VT02	10	9	2	25	20	5	2	73	Khá	
49	DH41501494	Nguyễn Phúc	Sơn	D15_VT02	10	9	4	25	12	15	0	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
50	DH41502093	Phạm Minh	Tâm	D15_VT02	0	6	0	0	0	0	9	15	Kém	
51	DH41501929	Trần Xuân	Tâm	D15_VT02	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
52	DH41502105	Hồ	Thành	D15_VT02	10	6	4	25	8	14	2	69	Trung bình khá	
53	DH41502092	Võ Ngọc Minh	Thành	D15_VT02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
54	DH41502553	Phạm Thành	Thiện	D15_VT02	9	6	8	25	4	15	2	69	Trung bình khá	
55	DH41502033	Hà Xuân	Thùy	D15_VT02	10	6	4	25	14	10	2	71	Khá	
56	DH41502351	Phan Văn Minh	Tiến	D15_VT02	10	9	8	25	20	13	9	94	Xuất sắc	
57	DH41501517	Trịnh Đức	Toàn	D15_VT02	10	8	4	25	20	5	2	74	Khá	
58	DH41502444	Nguyễn Thị Thu	Trà	D15_VT02	8	10	8	20	13	15	9	83	Tốt	
59	DH41502447	Đặng Thị	Trang	D15_VT02	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
60	DH41501987	Phan Lê Đình	Trung	D15_VT02	9	6	4	25	20	15	2	81	Tốt	
61	DH41502449	Dương Thanh	Tùng	D15_VT02	6	6	4	25	19	15	2	77	Khá	
1	CD91301848	Võ Công	Nguyên	C13_MT2TT	10	12	4	25	7	10	2	70	Khá	
2	CD91301963	Đào Thị Thanh	Thảo	C13_MT2TT	10	6	4	15	9	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
3	CD91002113	Đình Thị Minh	Thư	C13_MT2TT	10	10	6	25	10	10	2	73	Khá	
1	CD91301647	Hồ	Anh	C13_MT3DH	10	12	5	25	11	15	2	80	Tốt	
2	CD91301631	Nguyễn Ngọc Trung Bình	Đặng	C13_MT3DH	10	12	5	25	11	10	2	75	Khá	
3	CD91301712	La Bảo	Hào	C13_MT3DH	10	12	5	25	16	10	2	80	Tốt	
4	CD91301950	Phương Bá	Thông	C13_MT3DH	10	8	2	25	8	15	9	77	Khá	
1	CD91302098	Văn Thị	Hòa	C13_MT4NT	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
2	CD91301753	Trần Thị Như	Hoàng	C13_MT4NT	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
3	CD91301833	Võ Thị Tuyết	Nga	C13_MT4NT	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
4	CD91301910	Lê Hồng	Quang	C13_MT4NT	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	CD91301948	Bùi Kim	Thái	C13_MT4NT	0	0	0	-10	-10	0	0	-20	Kém	Không khám sức khỏe
6	CD91301997	Tạ Thanh	Thy	C13_MT4NT	10	6	6	15	13	0	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
1	CD91502180	Nguyễn Bảo	Anh	C15_MT01	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
2	CD91501440	Nguyễn Văn	Hoàng	C15_MT01	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
3	CD91501875	Đặng Thanh	Huy	C15_MT01	10	9	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
4	CD91500591	Phan Nam	Khánh	C15_MT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
5	CD91502413	Dư Hải	My	C15_MT01	10	10	0	25	0	5	9	59	Trung bình	
6	CD91501439	Phạm Hoàng	Phúc	C15_MT01	10	9	0	25	8	10	9	71	Khá	
7	CD91501441	Quách Phôi	Phụng	C15_MT01	10	6	0	25	0	5	9	55	Trung bình	
8	CD91501834	Nguyễn Dũng	Tân	C15_MT01	10	9	0	25	0	5	9	58	Trung bình	
9	CD91501442	Thạch Long Uyên	Uyên	C15_MT01	10	9	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
1	DH91200205	Trương Thị Mỹ	Diệu	D12_MT1TD	10	6	8	12	10	15	2	63	Trung bình khá	
2	DH91200019	Nguyễn Cao	Duy	D12_MT1TD	10	12	4	25	20	15	6	92	Xuất sắc	
3	DH91200168	Nguyễn Tuấn Phúc	Đại	D12_MT1TD	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
4	DH91200023	Ninh Thị	Giang	D12_MT1TD	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
5	DH91200172	Nguyễn Ngọc	Hiền	D12_MT1TD	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
6	DH91200028	Nguyễn Tô Thế	Huy	D12_MT1TD	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
7	DH91200175	Tường Nguyễn Phương	Khanh	D12_MT1TD	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
8	DH91200178	Nguyễn Thị Minh	Kim	D12_MT1TD	10	12	6	15	20	12	2	77	Khá	
9	DH91200179	Nguyễn Ngô Khánh	Lam	D12_MT1TD	10	8	6	15	-6	15	6	54	Trung bình	
10	DH91200072	Lợi Cẩm	Nguyễn	D12_MT1TD	10	12	7	25	20	15	10	99	Xuất sắc	
11	DH91200184	Hồ Thành	Phát	D12_MT1TD	10	8	6	25	4	15	2	70	Khá	
12	DH91200114	Huỳnh Thị	Tâm	D12_MT1TD	10	8	8	25	20	14	10	95	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	DH91200194	Nguyễn Thanh	Thiện	D12_MT1TD	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
14	DH91201737	Tăng Thị Thanh	Thùy	D12_MT1TD	10	12	8	15	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
15	DH91200191	Hồ Thị Minh	Thư	D12_MT1TD	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
16	DH91200236	Nguyễn Thành	Triệu	D12_MT1TD	10	12	8	15	20	14	2	81	Tốt	
1	DH91200092	Hứa Thị	Chung	D12_MT2TT	10	12	8	25	20	5	9	89	Tốt	
2	DH91100539	Phan Thị Kiều	Diễm	D12_MT2TT	10	12	7	15	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
3	DH91200020	Trần Quang	Duy	D12_MT2TT	10	10	7	25	20	5	10	87	Tốt	
4	DH91200207	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D12_MT2TT	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
5	DH91200133	Huỳnh Thái	Đình	D12_MT2TT	10	12	7	25	18	5	9	86	Tốt	
6	DH91200061	Châu Minh	Đức	D12_MT2TT	10	10	7	25	18	5	10	85	Tốt	
7	DH91200136	Văn Thị Diệu	Huyền	D12_MT2TT	10	12	7	25	20	5	10	89	Tốt	
8	DH91200141	Thang Thi	Kỳ	D12_MT2TT	10	12	8	25	16	5	2	78	Khá	
9	DH91200109	Nguyễn Thụy Hồng	Nhung	D12_MT2TT	0	6	0	0	0	-5	8	9	Kém	
10	DH91200039	Huỳnh Lee Trúc	Quân	D12_MT2TT	10	10	7	25	19	5	2	78	Khá	
11	DH91200115	Phan Thị Thanh	Tâm	D12_MT2TT	10	8	8	15	16	10	2	69	Trung bình khá	
12	DH91200118	Trần Thị	Tin	D12_MT2TT	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
13	DH91200122	Hà Bảo	Trâm	D12_MT2TT	10	10	7	25	16	7	2	77	Khá	
14	DH91200195	Nguyễn Ngọc Khánh	Trân	D12_MT2TT	10	12	7	25	16	7	2	79	Khá	
1	DH91200054	Nguyễn Bá	An	D12_MT3DH	10	12	6	25	16	5	2	76	Khá	
2	DH91200165	Hồ Ngọc Kim	Anh	D12_MT3DH	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3	DH91200204	Phạm Thị Thúy	Diễm	D12_MT3DH	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
4	DH91200018	Trần Viễn	Du	D12_MT3DH	10	12	8	25	16	5	2	78	Khá	
5	DH91200059	Trần Duy	Đạt	D12_MT3DH	9	12	0	25	17	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH91200022	Phan Thành	Được	D12_MT3DH	10	6	8	25	16	5	2	72	Khá	
7	DH91200135	Trần Văn	Hải	D12_MT3DH	10	8	8	25	16	5	2	74	Khá	
8	DH91200062	Ngô Chí	Hiền	D12_MT3DH	10	9	2	25	3	10	2	61	Trung bình khá	
9	DH91200171	Trần Chấn	Hồng	D12_MT3DH	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
10	DH91200098	Đoàn Thị Kim	Huệ	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
11	DH91200174	Lê Thị Thanh	Huyền	D12_MT3DH	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
12	DH91200213	Đặng Văn	Kết	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	12	2	89	Tốt	
13	DH91200030	Phan Duy	Khánh	D12_MT3DH	8	12	0	13	-3	10	2	42	Yếu	Không khám sức khỏe
14	DH91200212	Trần Đình Anh	Khoa	D12_MT3DH	10	10	6	25	17	12	2	82	Tốt	
15	DH91200140	Trịnh Thị	Khuyên	D12_MT3DH	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
16	DH91200138	Nguyễn Đình An	Khương	D12_MT3DH	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
17	DH91200064	Lê Từ Y	Linh	D12_MT3DH	10	12	8	20	7	10	2	69	Trung bình khá	
18	DH91200065	Trần Nguyễn Khánh	Linh	D12_MT3DH	10	12	8	20	14	15	2	81	Tốt	
19	DH91200143	Đặng Thái	Long	D12_MT3DH	7	6	2	20	0	15	2	52	Trung bình	
20	DH91200066	Nguyễn Hữu	Long	D12_MT3DH	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
21	DH91200144	Nguyễn Hoàng Thảo	Ly	D12_MT3DH	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
22	DH91200031	Đặng Quang	Minh	D12_MT3DH	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
23	DH91200103	Trương Hoàng	Mỹ	D12_MT3DH	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
24	DH91200067	Đoàn Thanh	Nam	D12_MT3DH	10	6	0	15	0	5	2	38	Yếu	
25	DH91200069	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D12_MT3DH	10	12	7	20	8	5	2	64	Trung bình khá	
26	DH91200215	Đoàn Đỗ Uyên	Nhã	D12_MT3DH	10	12	8	20	19	14	2	85	Tốt	
27	DH91200035	Nguyễn Thanh	Nhàn	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
28	DH91200217	Phạm Nguyễn Bảo	Nhi	D12_MT3DH	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH91200073	Nguyễn Minh	Nhật	D12_MT3DH	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
30	DH91200218	Hồ Thị Kim	Oanh	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
31	DH91200185	Nguyễn Hoàng	Phát	D12_MT3DH	10	9	4	25	-4	5	2	51	Trung bình	
32	DH91200038	Phan Thanh	Phong	D12_MT3DH	10	8	8	25	4	15	2	72	Khá	
33	DH91200221	Võ Huỳnh	Phú	D12_MT3DH	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
34	DH91200077	Huỳnh Đông Bảo	Phúc	D12_MT3DH	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
35	DH91200224	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D12_MT3DH	10	12	6	25	15	15	9	92	Xuất sắc	
36	DH91200152	Văn Trương Cẩm	Phụng	D12_MT3DH	10	12	6	20	6	15	2	71	Khá	
37	DH91200075	Nguyễn Đặng Bảo	Phương	D12_MT3DH	10	10	8	25	3	15	2	73	Khá	
38	DH91100602	Trần Lê Thiện ái Bảo	Phương	D12_MT3DH	10	9	6	15	15	5	2	62	Trung bình khá	
39	DH91200036	Võ Thị Mỹ	Phượng	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
40	DH91200078	Trần Hoàng	Quyên	D12_MT3DH	10	10	8	23	15	15	2	83	Tốt	
41	DH91201736	Huỳnh Thị Nguyệt	Sương	D12_MT3DH	10	12	6	20	8	15	2	73	Khá	
42	DH91200113	Trương Thị Thu	Sương	D12_MT3DH	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
43	DH91200229	Huỳnh Bá	Tài	D12_MT3DH	10	12	6	15	6	5	2	56	Trung bình	
44	DH91200227	Nguyễn Văn	Tân	D12_MT3DH	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
45	DH91200040	Võ Hoàng Nguyên	Thảo	D12_MT3DH	10	12	4	15	2	10	2	55	Trung bình	
46	DH91200043	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
47	DH91200116	Trần Thị Thanh	Thúy	D12_MT3DH	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
48	DH91200156	Hoàng Song Uyên	Thư	D12_MT3DH	10	12	8	15	13	15	2	75	Khá	
49	DH91200121	Lê Hữu	Toàn	D12_MT3DH	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	
50	DH91200046	Đỗ Đoàn Huyền	Trang	D12_MT3DH	9	12	8	25	20	5	2	81	Tốt	
51	DH91200161	Hà Nguyễn Khánh	Trang	D12_MT3DH	10	10	8	25	8	15	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
52	DH91200123	Nguyễn Thùy	Trang	D12_MT3DH	10	12	8	15	17	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
53	DH91200083	Nguyễn Đăng Thùy	Trâm	D12_MT3DH	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
54	DH91200198	Nguyễn Bá	Trí	D12_MT3DH	7	6	2	20	0	15	2	52	Trung bình	
55	DH91200162	Lê	Triều	D12_MT3DH	10	12	8	15	13	15	2	75	Khá	
56	DH91200084	Lâm Thục	Trinh	D12_MT3DH	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	
57	DH91200085	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	D12_MT3DH	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
58	DH91200119	Nguyễn Vũ Thạch	Tú	D12_MT3DH	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
59	DH91200086	Lê Anh	Tuấn	D12_MT3DH	10	9	4	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
60	DH91200087	Nguyễn Quốc	Tuấn	D12_MT3DH	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
61	DH91200237	Tô Anh	Tuấn	D12_MT3DH	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
62	DH91201862	Nguyễn Hữu	Tuyên	D12_MT3DH	10	6	4	15	0	15	2	52	Trung bình	
63	DH91200088	Trần Kim	Tuyên	D12_MT3DH	10	10	8	25	8	15	2	78	Khá	
64	DH91200164	Trần Thị Phương	Uyên	D12_MT3DH	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
65	DH91200200	Lương Hoàng	Vũ	D12_MT3DH	0	0	0	-10	0	0	0	-10	Kém	
66	DH91200050	Nguyễn Lê Uyên	Vy	D12_MT3DH	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
67	DH91200238	Phạm Vũ Phương	Vy	D12_MT3DH	10	9	4	15	6	10	2	56	Trung bình	
68	DH91200051	Võ Tường	Vy	D12_MT3DH	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
69	DH91200052	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	D12_MT3DH	10	12	6	15	2	15	2	62	Trung bình khá	
1	DH91200091	Trần Diệp	Anh	D12_MT4NT	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
2	DH91200016	Nguyễn Vũ	Bảo	D12_MT4NT	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
3	DH91201735	Bùi Danh	Ca	D12_MT4NT	10	12	0	25	14	15	2	78	Khá	
4	DH91200130	Chu Thị Kim	Chi	D12_MT4NT	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
5	DH91200167	Hà Kiều	Diễm	D12_MT4NT	10	6	4	25	0	15	2	62	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH91200093	Huỳnh Kim	Dũng	D12_MT4NT	10	12	6	25	3	15	2	73	Khá	
7	DH91200131	Huỳnh Thị Thúy	Duy	D12_MT4NT	7	6	0	25	0	15	2	55	Trung bình	
8	DH91200095	Bùi Ngọc Mỹ	Duyên	D12_MT4NT	10	12	8	25	2	15	2	74	Khá	
9	DH91200132	Phan Hà Mỹ	Duyên	D12_MT4NT	10	12	4	25	4	15	2	72	Khá	
10	DH91200017	Trương Ứng	Dương	D12_MT4NT	10	12	8	15	14	15	9	83	Tốt	
11	DH91101930	Phạm Thị Thu	Đông	D12_MT4NT	10	12	0	15	3	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
12	DH91200169	Phạm Châu	Đức	D12_MT4NT	9	8	2	15	3	15	2	54	Trung bình	
13	DH91200024	Đỗ Anh	Hào	D12_MT4NT	10	10	7	25	16	15	8	91	Xuất sắc	
14	DH91200096	Lê Trung	Hiền	D12_MT4NT	9	10	0	15	3	15	2	54	Trung bình	
15	DH91200211	Phạm Lê Trung	Hiếu	D12_MT4NT	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
16	DH91200097	Trần Trịnh	Hoàng	D12_MT4NT	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
17	DH91201977	Hồ Xuân	Hương	D12_MT4NT	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
18	DH91200139	Trần Duy	Khang	D12_MT4NT	9	6	2	15	0	15	2	49	Yếu	
19	DH91200137	Lý Vương Nhật	Khánh	D12_MT4NT	10	12	6	25	2	15	2	72	Khá	
20	DH91200176	Nguyễn Đăng	Khoa	D12_MT4NT	10	12	2	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
21	DH91200100	Nguyễn Thị Kim	Liên	D12_MT4NT	10	9	2	25	4	15	2	67	Trung bình khá	
22	DH91200142	Phạm Thị Thanh	Liễu	D12_MT4NT	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
23	DH91200180	Nguyễn Ngọc	Lợi	D12_MT4NT	10	12	6	25	9	15	2	79	Khá	
24	DH91200032	Trương Nguyễn Phương	Minh	D12_MT4NT	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	
25	DH91200146	Trần Lê Hải	Nam	D12_MT4NT	10	10	4	15	10	15	2	66	Trung bình khá	
26	DH91200104	Trần Thị Thu	Nga	D12_MT4NT	10	12	4	15	11	15	2	69	Trung bình khá	
27	DH91200181	Huỳnh Thị ánh	Ngọc	D12_MT4NT	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
28	DH91200070	Nguyễn Thị Như	Ngọc	D12_MT4NT	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH91200071	Lê Nhã	Nguyễn	D12_MT4NT	10	10	8	25	2	15	2	72	Khá	
30	DH91200106	Trần Hữu	Nhân	D12_MT4NT	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
31	DH91200105	Võ Thị Quỳnh	Như	D12_MT4NT	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
32	DH91200145	Huỳnh Nguyễn Kim	Nương	D12_MT4NT	10	12	6	25	12	15	9	89	Tốt	
33	DH91200076	Trần Nhật	Phi	D12_MT4NT	10	12	2	15	6	15	2	62	Trung bình khá	
34	DH91200223	Lý Minh	Phong	D12_MT4NT	10	6	0	15	0	15	2	48	Yếu	
35	DH91200111	Ngô Hạnh	Phúc	D12_MT4NT	9	9	4	25	11	15	8	81	Tốt	
36	DH91200151	Ngô Bội	Phụng	D12_MT4NT	8	12	0	25	8	15	2	70	Khá	
37	DH91200186	Nguyễn Hữu	Phước	D12_MT4NT	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
38	DH91200150	Phạm Hồng	Phước	D12_MT4NT	10	12	2	15	5	15	2	61	Trung bình khá	
39	DH91200074	Mạc Mỹ	Phương	D12_MT4NT	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
40	DH91200219	Nguyễn Hoài	Phương	D12_MT4NT	9	12	6	15	20	10	2	74	Khá	
41	DH91200148	Nguyễn Như	Phương	D12_MT4NT	10	12	4	15	8	15	2	66	Trung bình khá	
42	DH91200187	Đỗ Thị Bích	Phượng	D12_MT4NT	10	9	2	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
43	DH91200153	Lê Văn	Quân	D12_MT4NT	9	12	0	25	15	15	2	78	Khá	
44	DH91201863	Hoàng Đình	Thành	D12_MT4NT	10	8	2	15	8	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
45	DH91200080	Hồ Kim	Thành	D12_MT4NT	10	12	0	25	10	15	2	74	Khá	
46	DH91200192	Huỳnh Chí	Thành	D12_MT4NT	10	10	6	25	-4	15	8	70	Khá	
47	DH91200695	Đoàn Thanh	Thảo	D12_MT4NT	10	12	8	15	6	15	2	68	Trung bình khá	
48	DH91200158	Tăng Lê Vy	Thảo	D12_MT4NT	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
49	DH91200193	Nguyễn Đình	Thiên	D12_MT4NT	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
50	DH91200081	Nguyễn Hoàn	Thiện	D12_MT4NT	9	12	4	15	6	15	2	63	Trung bình khá	
51	DH91100515	Huỳnh Thị Trúc	Thơ	D12_MT4NT	7	6	0	15	3	15	2	48	Yếu	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
52	DH91201816	Nguyễn Anh	Thơ	D12_MT4NT	10	6	0	15	0	15	2	48	Yếu	
53	DH91200231	Đỗ Nguyễn Hoàng	Thuận	D12_MT4NT	7	12	2	25	18	15	2	81	Tốt	
54	DH91200230	Đào Thị Minh	Thùy	D12_MT4NT	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
55	DH91200041	Nguyễn Giang Diệu	Thùy	D12_MT4NT	10	12	6	25	6	15	8	82	Tốt	
56	DH91200157	Phạm Nguyễn Hoài	Thương	D12_MT4NT	10	12	2	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
57	DH91200044	Đỗ Ngọc Xuân	Tiến	D12_MT4NT	10	12	0	25	10	15	2	74	Khá	
58	DH91200160	Nguyễn Trung	Tiến	D12_MT4NT	10	12	0	25	8	15	2	72	Khá	
59	DH91200233	Nguyễn Khánh	Toàn	D12_MT4NT	9	12	0	15	6	15	2	59	Trung bình	
60	DH91200235	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	D12_MT4NT	10	12	4	15	-5	15	2	53	Trung bình	
61	DH91200045	Phạm Thị Bích	Trâm	D12_MT4NT	10	10	8	25	8	15	2	78	Khá	
62	DH91200126	Trần Minh	Trung	D12_MT4NT	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
63	DH91200082	Đình Cẩm	Tú	D12_MT4NT	10	12	4	15	5	15	2	63	Trung bình khá	
64	DH91200120	Phan Thành	Tú	D12_MT4NT	10	12	6	25	5	15	2	75	Khá	
65	DH91201867	Trịnh Anh	Tuấn	D12_MT4NT	10	12	8	25	4	15	9	83	Tốt	
66	DH91200047	Đặng Cao	Văn	D12_MT4NT	10	10	6	25	11	10	2	74	Khá	
67	DH91200049	Vương	Vĩ	D12_MT4NT	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
68	DH91200199	Tạ Quốc	Việt	D12_MT4NT	10	12	2	25	5	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
1	DH91300005	Nguyễn Thị	ánh	D13_MT1TD	10	10	2	15	6	8	2	53	Trung bình	
2	DH91300010	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	D13_MT1TD	9	12	2	25	9	10	2	69	Trung bình khá	
3	DH91300180	Đỗ Văn	Chung	D13_MT1TD	8	10	2	25	12	5	2	64	Trung bình khá	
4	DH91300028	Đỗ Thành	Đạt	D13_MT1TD	9	12	2	25	9	8	2	67	Trung bình khá	
5	DH91300053	Lê Hữu	Đức	D13_MT1TD	8	10	4	25	4	4	2	57	Trung bình	
6	DH91300307	Đặng Thị Thu	Hương	D13_MT1TD	10	12	0	25	9	2	9	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH91300561	Nguyễn Hoàng	Lâm	D13_MT1TD	10	6	2	25	18	10	2	73	Khá	
8	DH91300685	Trần Trí	Mẫn	D13_MT1TD	10	12	2	15	6	0	2	47	Yếu	
9	DH91300798	Trương Nguyễn Trọng	Nghĩa	D13_MT1TD	10	12	4	25	14	8	10	83	Tốt	
10	DH91300813	Bùi Thị Thu	Nguyệt	D13_MT1TD	9	12	6	25	9	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
11	DH91300822	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D13_MT1TD	10	12	2	25	6	5	9	69	Trung bình khá	
12	DH91300922	Võ Tân	Phát	D13_MT1TD	10	12	2	15	6	8	2	55	Trung bình	
13	DH91300931	Nguyễn Hoàng Trúc	Phương	D13_MT1TD	10	12	2	25	6	5	2	62	Trung bình khá	
14	DH91301177	Nguyễn Ngọc	Thảo	D13_MT1TD	8	12	2	25	-4	5	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
15	DH91301267	Nguyễn Ngọc	Thịnh	D13_MT1TD	10	12	0	25	18	5	2	72	Khá	
16	DH91301373	Nguyễn Lê Ngọc	Trà	D13_MT1TD	10	12	6	25	12	5	9	79	Khá	
17	DH91301328	Lê Hoàng Mỹ	Tú	D13_MT1TD	9	12	4	25	9	8	2	69	Trung bình khá	
18	DH91301333	Nguyễn Ngọc	Tú	D13_MT1TD	10	6	4	15	-5	0	2	32	Yếu	Không khám sức khỏe
19	DH91301484	Nguyễn Ngọc Thông	Tuệ	D13_MT1TD	10	12	7	25	6	10	2	72	Khá	
1	DH91300120	Trần Văn	Bình	D13_MT2TT	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
2	DH91300222	Đặng Thị Ngọc	Dung	D13_MT2TT	10	12	4	25	2	15	9	77	Khá	
3	DH91300038	Nguyễn Trần	Đạt	D13_MT2TT	10	12	7	15	16	15	2	77	Khá	
4	DH91300400	Ngô Thị	Hiếu	D13_MT2TT	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
5	DH91300417	Trần Ninh	Hưng	D13_MT2TT	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
6	DH91300318	Trương Dạ Lý	Hương	D13_MT2TT	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
7	DH91300612	Lê Nguyễn Thảo	Linh	D13_MT2TT	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
8	DH91300613	Lê Thị Mỹ	Linh	D13_MT2TT	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
9	DH91200068	Lê Thị	Nga	D13_MT2TT	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
10	DH91300833	Nguyễn Trọng	Nhân	D13_MT2TT	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
11	DH91300898	Huỳnh Thị	Ny	D13_MT2TT	10	12	2	15	5	15	9	68	Trung bình khá	
12	DH91300902	Nguyễn Thị Phương	Oanh	D13_MT2TT	10	12	6	15	10	15	2	70	Khá	
13	DH91301039	Chung Tô	Quyên	D13_MT2TT	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
14	DH91301196	Trần Lê Thu	Thảo	D13_MT2TT	10	12	8	15	17	15	2	79	Khá	
15	DH91301375	Hoàng Ngọc	Trang	D13_MT2TT	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
16	DH91301389	Nguyễn Thị Minh	Trang	D13_MT2TT	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
17	DH91301386	Nguyễn Thùy	Trang	D13_MT2TT	10	12	2	15	8	15	2	64	Trung bình khá	
18	DH91301398	Trần Kiều	Trang	D13_MT2TT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
19	DH91301537	Võ Thị Thu	Vân	D13_MT2TT	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
20	DH91301542	Nguyễn Phương Hoài	Vi	D13_MT2TT	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
21	DH91301621	Vũ Hoàng	Yến	D13_MT2TT	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1	DH91300074	Võ Thị Trúc	An	D13_MT3DH	10	12	2	15	9	10	2	60	Trung bình khá	
2	DH91300082	Huỳnh Tinh	Anh	D13_MT3DH	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
3	DH91300089	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_MT3DH	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
4	DH91300090	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_MT3DH	10	12	8	15	6	15	2	68	Trung bình khá	
5	DH91300109	Hoàng	Bách	D13_MT3DH	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
6	DH91300113	Et Đặng Thanh	Bình	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
7	DH91300170	Hồng Khắc	Chương	D13_MT3DH	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
8	DH91300145	Nguyễn Hoàng	Cương	D13_MT3DH	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
9	DH91300228	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	D13_MT3DH	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
10	DH91300230	Tôn Võ Thùy	Dung	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
11	DH91300239	Lê Hoàng	Duy	D13_MT3DH	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
12	DH91300258	Nguyễn Hoàng Phương	Duyên	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	DH91300042	Trần Lâm Tiến	Đạt	D13_MT3DH	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
14	DH91300056	Lê Bá	Đình	D13_MT3DH	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
15	DH91201815	Nguyễn Thị Thu	Hà	D13_MT3DH	0	12	0	-10	-10	-5	0	-13	Kém	Không khám sức khỏe
16	DH91300327	Nguyễn Thị Thu	Hà	D13_MT3DH	9	12	0	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
17	DH91300291	Nguyễn Thị Kim	Hàng	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
18	DH91300404	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_MT3DH	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
19	DH91300441	Nguyễn Ngọc	Hòa	D13_MT3DH	10	9	0	25	15	15	2	76	Khá	
20	DH91300424	Đặng Văn	Hoàng	D13_MT3DH	10	6	0	25	10	15	2	68	Trung bình khá	
21	DH91300362	Lâm Kim	Học	D13_MT3DH	10	9	5	25	12	15	2	78	Khá	
22	DH91300449	Hồ Văn	Huân	D13_MT3DH	10	12	0	15	2	15	2	56	Trung bình	
23	DH91300384	Phạm Khánh	Hùng	D13_MT3DH	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	
24	DH91300459	Lê Cẩm	Huy	D13_MT3DH	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
25	DH91300460	Lê Hoàng	Huy	D13_MT3DH	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
26	DH91300515	Lê Minh	Khiêm	D13_MT3DH	10	12	0	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
27	DH91300531	Trần Phan Đăng	Khoa	D13_MT3DH	10	10	4	25	17	10	2	78	Khá	
28	DH91300532	Nguyễn Bùi ái	Khuê	D13_MT3DH	10	12	0	25	8	15	2	72	Khá	
29	DH91200177	Lương Nguyễn Trung	Kiên	D13_MT3DH	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
30	DH91300543	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	D13_MT3DH	10	12	0	25	10	15	2	74	Khá	
31	DH91300568	Lê Thị Kim	Lài	D13_MT3DH	10	9	0	15	9	15	2	60	Trung bình khá	
32	DH91300569	Nguyễn Thị Tuyết	Lê	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
33	DH91300602	Bùi Trần Thùy	Linh	D13_MT3DH	10	12	0	15	-7	15	2	47	Yếu	
34	DH91300619	Nguyễn Thùy Phương	Linh	D13_MT3DH	10	12	0	15	-4	15	2	50	Trung bình	
35	DH91300627	Phùng Gia	Linh	D13_MT3DH	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
36	DH91300631	Trần Ngọc Mỹ	Linh	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
37	DH91300634	Võ Ngọc	Linh	D13_MT3DH	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
38	DH91300590	Võ Bảo	Lộc	D13_MT3DH	0	10	0	-10	0	-5	0	-5	Kém	
39	DH91300598	Đình Thị Ngọc	Lợi	D13_MT3DH	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
40	DH91300659	Nguyễn Đình	Lục	D13_MT3DH	9	12	0	25	0	5	2	53	Trung bình	
41	DH91300665	Lưu Ngọc	Ly	D13_MT3DH	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
42	DH91300686	Đỗ Thị Quỳnh	Mi	D13_MT3DH	10	12	2	25	9	10	2	70	Khá	
43	DH91300699	Nguyễn ánh	Minh	D13_MT3DH	10	10	7	25	15	15	2	84	Tốt	
44	DH91300704	Nguyễn Long Bảo	Minh	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	5	2	63	Trung bình khá	
45	DH91300731	Nguyễn Thị Quỳnh	My	D13_MT3DH	0	12	0	0	-10	-5	0	-3	Kém	
46	DH91300791	Nguyễn Thành	Nghiệp	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
47	DH91300828	Lý Thành	Nhân	D13_MT3DH	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
48	DH91300832	Nguyễn Thanh	Nhân	D13_MT3DH	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
49	DH91300864	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi	D13_MT3DH	10	8	0	25	15	10	2	70	Khá	
50	DH91300893	Đình ánh	Nhật	D13_MT3DH	7	6	0	25	6	15	2	61	Trung bình khá	
51	DH91300914	Nguyễn Tấn	Phát	D13_MT3DH	9	12	0	25	13	15	2	76	Khá	
52	DH91200037	Nguyễn Ngọc Thiên	Phúc	D13_MT3DH	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
53	DH91300925	Bùi Thị Kiều	Phương	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
54	DH91300928	Lê Thị Kim	Phương	D13_MT3DH	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
55	DH91300929	Lê Thị Trúc	Phương	D13_MT3DH	10	12	2	25	9	15	2	75	Khá	
56	DH91300927	Lữ Minh	Phương	D13_MT3DH	10	8	0	25	9	15	2	69	Trung bình khá	
57	DH91300935	Phạm Mai	Phương	D13_MT3DH	10	9	2	25	12	15	2	75	Khá	
58	DH91300944	Võ Thị Thanh	Phương	D13_MT3DH	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
59	DH91300959	Nguyễn Thị	Phượng	D13_MT3DH	10	12	2	25	3	15	2	69	Trung bình khá	
60	DH91301059	Lê Trần Nhật	Son	D13_MT3DH	8	12	0	25	13	15	2	75	Khá	
61	DH91301061	Nguyễn Ngọc	Son	D13_MT3DH	9	12	0	15	0	15	2	53	Trung bình	
62	DH91301106	Nghiêm Quốc	Tân	D13_MT3DH	10	10	4	15	20	15	2	76	Khá	
63	DH91301222	Lưu Thanh	Thanh	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
64	DH91301168	Cao Thái Thanh	Thảo	D13_MT3DH	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
65	DH91301167	Đỗ Thu	Thảo	D13_MT3DH	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
66	DH91301191	Phạm Thị Thanh	Thảo	D13_MT3DH	10	12	0	25	12	15	2	76	Khá	
67	DH91301204	Đàm Thị Hồng	Thắm	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
68	DH91301239	Quảng Thị Nhật	Thi	D13_MT3DH	10	6	0	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
69	DH91301245	Nguyễn Quốc	Thiện	D13_MT3DH	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
70	DH91301266	Hứa Đức	Thịnh	D13_MT3DH	10	12	0	25	17	15	2	81	Tốt	
71	DH91301252	Ngô Trần Hoài	Thủy	D13_MT3DH	9	12	0	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
72	DH91301156	Nguyễn Thị Yến	Thương	D13_MT3DH	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
73	DH91301308	Đỗ Duy	Tiến	D13_MT3DH	10	12	0	15	11	15	2	65	Trung bình khá	
74	DH91301359	Phan Nguyễn Bảo	Trâm	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
75	DH91301429	Ngô Phan Phúc	Triệu	D13_MT3DH	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
76	DH91301413	Nguyễn Phương	Trinh	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
77	DH91301433	Lê Thị Phương	Trúc	D13_MT3DH	10	12	4	25	2	15	2	70	Khá	
78	DH91301435	Nguyễn ánh	Trúc	D13_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
79	DH91301450	Dương Thanh	Truyền	D13_MT3DH	10	12	0	25	12	15	2	76	Khá	
80	DH91301327	Giáp Thị Cẩm	Tú	D13_MT3DH	8	12	0	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
81	DH91301475	Phạm Minh	Tuấn	D13_MT3DH	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
82	DH91301546	Bùi Văn	Viên	D13_MT3DH	10	12	0	25	11	15	2	75	Khá	
83	DH91301583	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	D13_MT3DH	8	12	8	25	16	15	2	86	Tốt	
84	DH91301595	Hồ Thị Kim	Xuyên	D13_MT3DH	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
85	DH91301607	Nguyễn Trịnh Như	ý	D13_MT3DH	10	12	7	25	6	15	2	77	Khá	
1	DH91200053	Lao Thị Thanh	An	D13_MT4NT	10	12	2	25	-2	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
2	DH91300100	Phan Quốc	Anh	D13_MT4NT	10	9	8	25	-4	10	2	60	Trung bình khá	
3	DH91300139	Trương Xuân	Bảo	D13_MT4NT	9	12	6	25	12	10	9	83	Tốt	
4	DH91300169	Trần Thị Ngọc	Châu	D13_MT4NT	9	6	4	15	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
5	DH91300166	Trương Ngọc	Châu	D13_MT4NT	10	12	4	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
6	DH91300227	Nguyễn Phương	Dung	D13_MT4NT	9	12	4	25	12	10	2	74	Khá	
7	DH91300233	Bùi Ngọc	Duy	D13_MT4NT	9	12	8	25	10	10	2	76	Khá	
8	DH91300246	Nguyễn Trọng Mẫn	Duy	D13_MT4NT	9	12	4	25	5	10	2	67	Trung bình khá	
9	DH91200057	Phạm Huỳnh Khắc	Duy	D13_MT4NT	9	9	4	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
10	DH91300185	Hoàng Văn	Dương	D13_MT4NT	9	12	8	25	0	10	2	66	Trung bình khá	
11	DH91300031	Lâm Minh	Đạt	D13_MT4NT	9	9	8	25	12	10	9	82	Tốt	
12	DH91300023	Trương Ngọc Vân	Đình	D13_MT4NT	10	12	4	25	11	10	9	81	Tốt	
13	DH91300020	Tăng Quý	Đông	D13_MT4NT	10	12	2	25	6	10	2	67	Trung bình khá	
14	DH91300296	Phạm Lê Mỹ	Hằng	D13_MT4NT	10	12	4	15	17	10	2	70	Khá	
15	DH91300376	Lê Huy	Hùng	D13_MT4NT	9	12	4	25	20	10	2	82	Tốt	
16	DH91300471	Phạm Tấn	Huy	D13_MT4NT	9	12	6	25	13	10	9	84	Tốt	
17	DH91300415	Nguyễn Phú	Hưng	D13_MT4NT	10	9	2	15	3	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
18	DH91300545	Phạm Trung	Kiệt	D13_MT4NT	9	12	2	25	5	10	2	65	Trung bình khá	
19	DH91300633	Văn Thị Mỹ	Linh	D13_MT4NT	9	12	4	25	-4	10	2	58	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
20	DH91300692	Huỳnh Thị Vi	Min	D13_MT4NT	10	12	2	25	11	10	2	72	Khá	
21	DH91300743	Cao Thị Kim	Ngân	D13_MT4NT	10	10	0	15	-4	10	2	43	Yếu	Không khám sức khỏe
22	DH91300775	Lưu Hoàng Bích	Ngọc	D13_MT4NT	10	12	4	25	11	10	2	74	Khá	
23	DH91300805	Mai Xuân	Nguyên	D13_MT4NT	10	12	2	25	7	15	2	73	Khá	
24	DH91300807	Nguyễn Nguyễn Kim	Nguyên	D13_MT4NT	9	12	2	25	2	5	2	57	Trung bình	
25	DH91300849	Đào Lê Minh	Nhật	D13_MT4NT	10	10	2	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
26	DH91300936	Phạm Thị Thảo	Phương	D13_MT4NT	10	12	0	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
27	DH91301115	Lê Phú	Tài	D13_MT4NT	10	12	0	25	20	10	2	79	Khá	
28	DH91301230	Trương Đỗ Thiên	Thanh	D13_MT4NT	10	12	4	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
29	DH91301243	Mã Hóa	Thiện	D13_MT4NT	9	12	4	25	3	10	2	65	Trung bình khá	
30	DH91301261	Phan Văn	Thức	D13_MT4NT	10	6	6	25	-10	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH91301322	Phạm Trung	Tiến	D13_MT4NT	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
32	DH91301324	Trần Minh	Tiến	D13_MT4NT	9	12	0	25	17	10	9	82	Tốt	
33	DH91301374	Trần Khánh Phương	Trà	D13_MT4NT	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
34	DH91301379	Lê Thị Hương	Trang	D13_MT4NT	9	12	2	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
35	DH91301414	Nguyễn Phan Phương	Trinh	D13_MT4NT	10	8	0	25	15	15	2	75	Khá	
36	DH91301402	Nguyễn Phúc	Trọng	D13_MT4NT	10	12	4	15	3	5	2	51	Trung bình	
37	DH91301442	Trần Nguyên	Trực	D13_MT4NT	10	9	4	15	2	5	2	47	Yếu	
38	DH91301331	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	D13_MT4NT	10	10	6	25	5	5	9	70	Khá	
39	DH91301294	Đỗ Anh	Tùng	D13_MT4NT	9	12	2	15	2	5	2	47	Yếu	
40	DH91301485	Nguyễn Thành	Tuyên	D13_MT4NT	10	12	4	25	2	10	2	65	Trung bình khá	
41	DH91301509	Nguyễn Bùi Bích	Uyên	D13_MT4NT	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
42	DH91301512	Nguyễn Thảo	Uyên	D13_MT4NT	10	12	0	25	6	10	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
43	DH91301514	Phạm Ngọc Phương	Uyên	D13_MT4NT	9	10	2	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
44	DH91301592	Nguyễn Thanh	Xuân	D13_MT4NT	10	12	2	25	3	10	2	64	Trung bình khá	
45	DH91301614	Lê Thị	Yến	D13_MT4NT	9	8	4	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
1	DH91400067	Phan Gia	Bảo	D14_MT1TD	9	8	0	25	16	-5	0	53	Trung bình	
2	DH91400054	Kiều Thị Trung	Bình	D14_MT1TD	10	9	0	20	3	10	2	54	Trung bình	
3	DH91400086	Nguyễn Thành	Can	D14_MT1TD	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
4	DH91400457	Nguyễn Xuân	Hòa	D14_MT1TD	9	12	0	15	3	10	2	51	Trung bình	
5	DH91400530	Nguyễn Trung	Khang	D14_MT1TD	7	12	2	10	-7	10	2	36	Yếu	
6	DH91400542	Nguyễn Đăng	Khoa	D14_MT1TD	8	12	0	25	-8	3	9	49	Yếu	
7	DH91400670	Hoàng Thị Ngọc	Mai	D14_MT1TD	0	12	0	0	0	-5	0	7	Kém	
8	DH91400838	Lê Trung	Nguyễn	D14_MT1TD	9.5	12	0	25	-7	10	2	51.5	Trung bình	
9	DH91400864	Trần Thị Hoài	Như	D14_MT1TD	0	6	0	0	-10	-5	0	-9	Kém	
10	DH91401073	Võ Thị Hoàng	Quyên	D14_MT1TD	9	12	0	25	3	10	2	61	Trung bình khá	
11	DH91401230	Trương Quang	Thạch	D14_MT1TD	7	12	0	25	-7	10	2	49	Yếu	
12	DH91401385	Lê Thị Ngọc	Trân	D14_MT1TD	10	10	8	3	10	-3	9	47	Yếu	
13	DH91401626	Đình Ngọc	Yến	D14_MT1TD	8	12	0	25	3	0	9	57	Trung bình	
1	DH91400347	Trần Thị	Hạnh	D14_MT2TT	9	6	4	25	20	10	2	76	Khá	
2	DH91401671	Tăng Thế	Hào	D14_MT2TT	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
3	DH91400507	Nguyễn Ngọc	Khánh	D14_MT2TT	10	8	6	25	10	13	2	74	Khá	
4	DH91400510	Phan Thanh	Khánh	D14_MT2TT	10	12	4	25	11	15	10	87	Tốt	
5	DH91400538	Đoàn Trọng	Khoa	D14_MT2TT	10	9	4	25	13	15	10	86	Tốt	
6	DH91400799	Nguyễn Bảo	Ngọc	D14_MT2TT	9	8	2	24	10	10	2	65	Trung bình khá	
7	DH91400889	Đoàn Huỳnh Thảo	Nhi	D14_MT2TT	9	12	4	25	6	10	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH91400911	Trần Thúy	Nhi	D14_MT2TT	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
9	DH91300903	Nguyễn Thị Tú	Oanh	D14_MT2TT	7	10	2	25	0	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
10	DH91401180	Lê Thị Thương	Thương	D14_MT2TT	7	6	4	13	2	10	2	44	Yếu	Không khám sức khỏe
11	DH91401412	Sử Thanh Huyền	Trang	D14_MT2TT	8	6	4	25	9	15	2	69	Trung bình khá	
12	DH91401662	Trần Minh	Trí	D14_MT2TT	10	12	8	25	13	15	10	93	Xuất sắc	
13	DH91401418	Nguyễn Tấn	Trọng	D14_MT2TT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
14	DH91401567	Nguyễn Ngọc Thảo	Vinh	D14_MT2TT	9	6	2	24	10	10	2	63	Trung bình khá	
1	DH91400003	Nguyễn Thị Thúy	ái	D14_MT3DH	10	9	8	25	17	5	2	76	Khá	
2	DH91400006	Phạm Ngọc	ánh	D14_MT3DH	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
3	DH91401639	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D14_MT3DH	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
4	DH91400102	Hoàng Thị Hải	Châu	D14_MT3DH	10	11	2	25	13	10	9	80	Tốt	
5	DH91400126	Phan Trần Yên	Chi	D14_MT3DH	10	8	8	15	20	10	6	49	Yếu	Không khám sức khỏe
6	DH91400094	Phan Quốc	Cường	D14_MT3DH	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
7	DH91400148	Huỳnh Đoàn Thành	Danh	D14_MT3DH	8	6	8	15	0	10	2	49	Yếu	
8	DH91401782	Hồ Phạm Quỳnh	Dung	D14_MT3DH	9	10	6	25	2	15	2	69	Trung bình khá	
9	DH91400180	Vũ Hải	Dung	D14_MT3DH	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
10	DH91401640	Bùi Chí	Dũng	D14_MT3DH	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
11	DH91400168	Nguyễn Anh	Dũng	D14_MT3DH	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
12	DH91400169	Nguyễn Văn	Dũng	D14_MT3DH	10	12	8	25	17	10	9	91	Xuất sắc	
13	DH91400208	Phan Thị Thùy	Duyên	D14_MT3DH	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
14	DH91400139	Đặng Thị Thùy	Dương	D14_MT3DH	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
15	DH91400227	Nguyễn Hà	Đạt	D14_MT3DH	10	12	8	15	18	15	2	80	Tốt	
16	DH91400251	Trần Nguyễn Minh	Đức	D14_MT3DH	0	10	0	-10	0	-5	0	-5	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
17	DH91300321	Chu Thị Thanh	Hà	D14_MT3DH	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
18	DH91400335	Lê Nhật	Hạ	D14_MT3DH	8	12	6	25	8	10	2	71	Khá	
19	DH91400341	Lê Hồng	Hạnh	D14_MT3DH	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
20	DH91400314	Lê Đức	Hào	D14_MT3DH	10	10	6	25	20	15	6	92	Xuất sắc	
21	DH91400382	Ngô Thị Ngọc	Hiền	D14_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
22	DH91400423	Đặng Thị Kim	Hoàng	D14_MT3DH	10	9	4	25	8	15	6	77	Khá	
23	DH91400432	Nguyễn Duy	Hoàng	D14_MT3DH	10	12	0	25	6	15	2	70	Khá	
24	DH91400451	Nguyễn Thị Kim	Hoanh	D14_MT3DH	10	12	0	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
25	DH91400352	Đỗ Văn Nguyên	Hồng	D14_MT3DH	10	12	4	25	15	10	2	78	Khá	
26	DH91400357	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	D14_MT3DH	10	12	2	25	7	10	2	68	Trung bình khá	
27	DH91400370	Lâm Quốc	Hùng	D14_MT3DH	10	12	4	15	3	15	2	61	Trung bình khá	
28	DH91400485	Nguyễn Xuân	Huy	D14_MT3DH	10	10	8	25	14	10	2	79	Khá	
29	DH91400488	Trần Đình	Huy	D14_MT3DH	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
30	DH91400412	Bùi Nhật Khánh	Hung	D14_MT3DH	10	10	0	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
31	DH91401643	Đỗ Quốc	Hung	D14_MT3DH	10	12	0	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
32	DH91400290	Hồ Lan	Hương	D14_MT3DH	10	10	2	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
33	DH91400298	Phạm Ngọc Thiên	Hương	D14_MT3DH	10	10	2	15	5	15	2	59	Trung bình	
34	DH91400526	Lê Vũ	Khang	D14_MT3DH	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
35	DH91400518	Phan Hồng	Khương	D14_MT3DH	10	12	0	25	10	10	8	75	Khá	
36	DH91400627	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D14_MT3DH	10	9	2	25	16	10	2	74	Khá	
37	DH91400635	Hồ Thị Kim	Loan	D14_MT3DH	10	8	2	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
38	DH91400643	Châu Trần	Long	D14_MT3DH	10	9	8	25	10	10	2	74	Khá	
39	DH91400681	Đặng Thị Y	Mần	D14_MT3DH	10	10	8	15	16	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
40	DH91400682	Nguyễn Huỳnh ái	Mi	D14_MT3DH	10	12	4	25	-2	10	2	61	Trung bình khá	
41	DH91400693	Khuất Diêm	Minh	D14_MT3DH	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
42	DH91400719	Trần Thị Ngọc	Mỹ	D14_MT3DH	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
43	DH91400734	Lê Tiến	Nam	D14_MT3DH	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
44	DH91400743	Phạm Tiến	Nam	D14_MT3DH	9	12	6	25	16	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
45	DH91400752	Bùi Thị Thu	Ngân	D14_MT3DH	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	
46	DH91400753	Dương Huỳnh Thúy	Ngân	D14_MT3DH	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
47	DH91400755	Lâm Thị Thanh	Ngân	D14_MT3DH	0	6	0	0	-10	0	0	-4	Kém	
48	DH91400830	Nguyễn Ngọc	Ngoạn	D14_MT3DH	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
49	DH91400885	Lê Minh	Nhật	D14_MT3DH	10	9	0	25	13	10	2	69	Trung bình khá	
50	DH91400912	Nguyễn Thanh	Nhiên	D14_MT3DH	10	10	6	25	16	15	9	91	Xuất sắc	
51	DH91400926	Nguyễn Minh	Nhật	D14_MT3DH	0	12	0	0	-10	0	0	2	Kém	
52	DH91300905	Trần Thị Ngọc	Oanh	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
53	DH91400940	Huỳnh Đình Tấn	Phát	D14_MT3DH	10	10	7	25	16	15	2	85	Tốt	
54	DH91400945	Trương Đại	Phát	D14_MT3DH	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
55	DH91401100	Nguyễn Thanh	Sang	D14_MT3DH	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
56	DH91401114	Nguyễn Thị Linh	Tâm	D14_MT3DH	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
57	DH91401228	Huỳnh Bá	Thạch	D14_MT3DH	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
58	DH91401238	Nguyễn Ngọc Huyền	Thanh	D14_MT3DH	10	12	4	25	14	10	2	77	Khá	
59	DH91401207	Trần Ngọc	Thảo	D14_MT3DH	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
60	DH91401208	Trần Thị Thanh	Thảo	D14_MT3DH	10	9	8	25	20	10	6	88	Tốt	
61	DH91401209	Võ Phương	Thảo	D14_MT3DH	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
62	DH91401163	Trần Giang	Thư	D14_MT3DH	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
63	DH91401540	Nguyễn Ngô Việt	Tính	D14_MT3DH	0	0	0	0	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
64	DH91401361	Lê Việt	Toàn	D14_MT3DH	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	Không khám sức khỏe
65	DH91401477	Hồ Ngọc	Trí	D14_MT3DH	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	
66	DH91401445	Trần Thị Thùy	Trình	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
67	DH91401449	Trần Uyên	Trình	D14_MT3DH	10	12	6	15	12	15	2	72	Khá	
68	DH91401443	Trương Trần Ngọc	Trình	D14_MT3DH	10	8	6	15	10	15	2	66	Trung bình khá	
69	DH91401353	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D14_MT3DH	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
70	DH91401500	Nguyễn Anh	Tuấn	D14_MT3DH	10	10	6	25	-3	10	2	60	Trung bình khá	
71	DH91401517	Phan Bá	Tuyên	D14_MT3DH	9	12	4	25	17	10	2	79	Khá	
72	DH91401525	Nguyễn Thị Bích	Tuyên	D14_MT3DH	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	
73	DH91401554	Lê Thùy	Vân	D14_MT3DH	9	10	4	25	7	15	6	76	Khá	
74	DH91401558	Đặng Thúy	Vi	D14_MT3DH	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
75	DH91301582	Lê Trương Thảo	Vy	D14_MT3DH	0	12	0	-10	-10	-5	0	-13	Kém	Không khám sức khỏe
76	DH91401613	Võ Thị Đan	Vy	D14_MT3DH	0	12	0	0	-10	0	0	2	Kém	
77	DH91401631	Nguyễn Hoàng Phi	Yến	D14_MT3DH	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
1	DH91400001	Đặng Mỹ	ái	D14_MT4NT	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
2	DH91401711	Lê Tuấn	Anh	D14_MT4NT	10	12	2	15	-1	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
3	DH91400042	Nguyễn Trần Hồng	Anh	D14_MT4NT	10	9	5	25	14	15	10	88	Tốt	
4	DH91400009	Lê Anh Hồng	Ân	D14_MT4NT	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
5	DH91400059	Cao Trương Hoài	Bảo	D14_MT4NT	9	12	2	25	20	10	2	80	Tốt	
6	DH91300128	Lê Quốc	Bảo	D14_MT4NT	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
7	DH91400068	Từ Ngọc Gia	Bảo	D14_MT4NT	9	9	2	25	14	12	9	80	Tốt	
8	DH91400072	Lê Văn	Bầy	D14_MT4NT	6	12	2	25	13	12	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH91400348	Trần Thị Hồng	Hạnh	D14_MT4NT	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
10	DH91400446	Nguyễn Quốc Hoàng	Hoa	D14_MT4NT	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
11	DH91400425	Cao Thái	Hoàng	D14_MT4NT	10	9	8	25	16	12	2	82	Tốt	
12	DH91300454	Cao Khánh	Huy	D14_MT4NT	0	10	0	-10	0	-5	0	-5	Kém	
13	DH91400468	Đặng Minh	Huy	D14_MT4NT	0	12	0	-10	0	-5	0	-3	Kém	Không khám sức khỏe
14	DH91400495	Hồ Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	D14_MT4NT	10	9	4	25	18	10	9	85	Tốt	
15	DH91300482	Trương Ngọc Mỹ	Huyền	D14_MT4NT	9	9	8	25	3	9	10	73	Khá	
16	DH91400300	Võ Ngọc Thiên	Hương	D14_MT4NT	10	12	4	25	11	12	9	83	Tốt	
17	DH91400517	Nguyễn Trung	Khương	D14_MT4NT	10	12	4	25	11	12	2	76	Khá	
18	DH91400596	Nguyễn Thanh	Lộc	D14_MT4NT	10	12	8	15	18	15	2	80	Tốt	
19	DH91400605	Phùng Bửu	Lợi	D14_MT4NT	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
20	DH91400702	Tào Quang	Minh	D14_MT4NT	9	12	2	15	16	10	2	66	Trung bình khá	
21	DH91400708	Trần Bá Hồng	Minh	D14_MT4NT	8	12	0	25	5	10	9	69	Trung bình khá	
22	DH91400726	Phùng Nguyễn Hà	My	D14_MT4NT	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
23	DH91400786	Ngô Thị Kim	Nga	D14_MT4NT	9	12	2	25	8	15	2	73	Khá	
24	DH91400758	Lê Thị Mỹ	Ngân	D14_MT4NT	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
25	DH91400796	La Thị ánh	Ngọc	D14_MT4NT	10	10	4	25	13	15	2	79	Khá	
26	DH91400832	Đỗ Thị Trinh	Nguyễn	D14_MT4NT	10	12	5	25	18	12	2	84	Tốt	
27	DH91400907	Nguyễn Yên	Nhi	D14_MT4NT	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
28	DH91400941	Nguyễn Tấn	Phát	D14_MT4NT	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	Không khám sức khỏe
29	DH91401088	Phạm Hoàng	Son	D14_MT4NT	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
30	DH91401142	Nguyễn Tấn	Tài	D14_MT4NT	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
31	DH91401197	Nguyễn Lâm Thanh	Thảo	D14_MT4NT	10	12	4	25	5	10	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH91401214	Hoàng Võ Minh	Thắng	D14_MT4NT	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
33	DH91401246	Đào Thi	Thi	D14_MT4NT	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
34	DH91401248	Ng Đình Thị Minh	Thi	D14_MT4NT	10	10	8	25	18	15	10	96	Xuất sắc	
35	DH91401278	Lưu Thế	Thịnh	D14_MT4NT	10	12	8	25	6	5	2	68	Trung bình khá	
36	DH91401261	Trần Đình	Thủ	D14_MT4NT	10	12	4	15	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
37	DH91401302	Văn Khiết	Thy	D14_MT4NT	10	10	4	25	16	13	2	80	Tốt	
38	DH91401397	Lê Nguyễn Thảo	Trang	D14_MT4NT	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
39	DH91401486	Phạm Quang	Trí	D14_MT4NT	10	12	4	25	19	15	9	94	Xuất sắc	
40	DH91401576	Nguyễn Bá	Việt	D14_MT4NT	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
41	DH91401594	Phạm Tấn	Vỹ	D14_MT4NT	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
42	DH91401622	Nguyễn Phước	Yên	D14_MT4NT	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
1	DH91501140	Lê Ngọc Nhật	An	D15_MT01	10	10	7	25	9	15	8	84	Tốt	
2	DH91500561	Nguyễn Thị Lam	Anh	D15_MT01	10	10	8	25	18	10	8	89	Tốt	
3	DH91501143	Đỗ Truy	Bảo	D15_MT01	10	10	7	25	9	15	2	78	Khá	
4	DH91500353	Lê Thị Thu	Cầm	D15_MT01	9	9	6	24	10	15	2	75	Khá	
5	DH91500562	Phạm Thị Kim	Chi	D15_MT01	10	10	2	25	4	10	8	69	Trung bình khá	
6	DH91500795	Nguyễn Thành	Đạt	D15_MT01	9	10	5	25	0	5	2	56	Trung bình	
7	DH91500560	Trương Thiên	Hào	D15_MT01	9	9	8	25	18	10	2	81	Tốt	
8	DH91500048	Huỳnh Thị ánh	Hồng	D15_MT01	10	9	4	25	17	5	2	72	Khá	
9	DH91500794	Võ Quang	Khoa	D15_MT01	8	9	2	25	0	3	2	49	Yếu	
10	DH91500357	Đỗ Nguyệt	Khương	D15_MT01	9	9	2	25	2	10	0	57	Trung bình	
11	DH91400567	Võ Tuấn	Kiệt	D15_MT01	0	9	0	0	0	-5	0	4	Kém	
12	DH91500558	Hồng Vĩnh	Lân	D15_MT01	8	9	2	25	0	6	0	50	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	DH91501146	Nguyễn Thị Khánh	Ly	D15_MT01	8	9	2	25	0	1	2	47	Yếu	
14	DH91500792	Mạc Thanh	Nhàn	D15_MT01	10	9	2	23	0	9	2	55	Trung bình	
15	DH91501144	La Thị Yến	Nhi	D15_MT01	9	9	5	25	2	10	2	62	Trung bình khá	
16	DH91501138	Nguyễn Minh Đình	Nhi	D15_MT01	9	9	7	25	9	15	2	76	Khá	
17	DH91501145	Phùng Nữ Thục	Nhi	D15_MT01	10	9	7	23	10	15	0	74	Khá	
18	DH91500797	Hồ Văn	Quý	D15_MT01	6	9	7	25	19	5	0	71	Khá	
19	DH91501141	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	D15_MT01	10	9	2	25	0	5	2	53	Trung bình	
20	DH91500793	Đặng Nguyễn Khánh	Quỳnh	D15_MT01	10	11	2	25	0	10	2	60	Trung bình khá	
21	DH91401084	Nguyễn Ngọc	Son	D15_MT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
22	DH91501876	Lê Quang	Thành	D15_MT01	10	9	2	25	10	10	2	68	Trung bình khá	
23	DH91500047	Võ Hoài Diệu	Thảo	D15_MT01	10	9	4	25	17	5	2	72	Khá	
24	DH91500564	Nguyễn Thanh	Thắng	D15_MT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
25	DH91500356	Lê Hữu	Thiện	D15_MT01	10	9	2	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
26	DH91500354	Trần Nguyễn Minh	Thư	D15_MT01	9	10	0	25	18	10	2	74	Khá	
27	DH91501137	Phạm Thụy Mai	Thy	D15_MT01	8	9	7	25	9	15	2	75	Khá	
28	DH91500355	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tiên	D15_MT01	9	10	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
29	DH91501139	Phạm Thị Thùy	Trang	D15_MT01	10	10	6	25	17	15	0	83	Tốt	
30	DH91500796	Phạm Thị Xuân	Trang	D15_MT01	9	8	4	25	10	10	2	68	Trung bình khá	
31	DH91500563	Thái Bảo	Trân	D15_MT01	10	10	4	25	15	5	2	71	Khá	
32	DH91501142	Trương Lâm Cẩm	Tú	D15_MT01	10	9	4	25	15	5	2	70	Khá	
33	DH91500791	Phạm Mộng	Tuyền	D15_MT01	9	9	4	25	15	5	2	69	Trung bình khá	
1	DH91501859	Nguyễn Trúc Chy	Bảo	D15_MT02	8	9	7	25	5	15	2	71	Khá	
2	DH91501793	Trần Dạ Minh	Châu	D15_MT02	8	9	4	25	7	11	6	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3	DH91501796	Trần Huy	Cường	D15_MT02	10	8	7	25	7	-5	6	58	Trung bình	
4	DH91501798	Nguyễn Dương Thái	Dương	D15_MT02	10	9	7	25	2	15	2	70	Khá	
5	DH91501147	Lê Thùy Lý	Đoan	D15_MT02	8	9	7	25	8	15	6	78	Khá	
6	DH91501801	Đào Duy	Đông	D15_MT02	8	9	0	25	6	15	2	65	Trung bình khá	
7	DH91501799	Thạch Trần	Hào	D15_MT02	8	9	0	25	8	-5	2	47	Yếu	
8	DH91501860	Nguyễn Đình	Huy	D15_MT02	10	10	4	25	16	10	2	77	Khá	
9	DH91501791	Lê Văn Vũ	Linh	D15_MT02	8	8	2	25	3	15	2	63	Trung bình khá	
10	DH91501148	Nguyễn Thanh	Lộc	D15_MT02	9	9	2	25	8	15	8	76	Khá	
11	DH91501797	Nguyễn Thiện	Minh	D15_MT02	10	10	7	25	5	10	6	73	Khá	
12	DH91501402	Nguyễn Hải	My	D15_MT02	10	10	2	25	0	10	2	59	Trung bình	
13	DH91501794	Nguyễn Hà Phương	Nam	D15_MT02	8	8	4	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
14	DH91501401	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	D15_MT02	8	8	2	25	8	10	6	67	Trung bình khá	
15	DH91501789	Lê Châu Anh	Nguyễn	D15_MT02	9	9	4	25	11	10	6	74	Khá	
16	DH91501406	Nguyễn Mạc Đăng	Nhân	D15_MT02	10	9	4	25	10	5	2	65	Trung bình khá	
17	DH91501405	Huỳnh Lee Gia	Quân	D15_MT02	9	9	8	25	18	10	2	81	Tốt	
18	DH91501802	Lương Thanh	Quỳnh	D15_MT02	10	10	2	25	11	10	6	74	Khá	
19	DH91501800	Trần Văn	Thảo	D15_MT02	9	9	0	25	2	10	2	57	Trung bình	
20	DH91501803	Nguyễn Thị Minh	Thy	D15_MT02	10	9	5	25	7	10	2	68	Trung bình khá	
21	DH91501862	Võ Thủy	Tiên	D15_MT02	10	10	4	25	5	15	2	71	Khá	
22	DH91501861	Lê Nguyễn Ngọc	Trang	D15_MT02	9	9	7	25	10	15	6	81	Tốt	
23	DH91501407	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	D15_MT02	9	10	4	25	5	10	2	65	Trung bình khá	
24	DH91501403	Nguyễn Hoàng Hải	Triều	D15_MT02	8	8	4	25	5	15	6	71	Khá	
25	DH91501795	Nguyễn Nữ Hoài	Trinh	D15_MT02	9	9	2	25	8	10	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
26	DH91501792	Trần Ngọc	Tú	D15_MT02	10	9	4	25	12	10	2	72	Khá	
27	DH91501790	Nguyễn Ngọc Duy	Uyên	D15_MT02	8	6	7	25	5	10	2	63	Trung bình khá	
28	DH91501788	Huỳnh Lâm Khánh	Vy	D15_MT02	9	8	8	25	10	10	6	76	Khá	
29	DH91501404	Nguyễn Thị Hạ	Vy	D15_MT02	10	8	2	25	3	10	6	64	Trung bình khá	
30	DH91501408	Trần Thị Mai	Xuân	D15_MT02	8	9	2	25	5	15	6	70	Khá	
1	DH91502012	Tổng Thị Kim	Anh	D15_MT03	7	9	0	25	4	5	2	52	Trung bình	
2	DH91502500	Nguyễn Minh	Châu	D15_MT03	10	9	6	25	12	10	8	80	Tốt	
3	DH91502043	Mai Kim	Cúc	D15_MT03	10	9	6	25	0	15	2	67	Trung bình khá	
4	DH91502011	Lê Huỳnh Trọng	Đạt	D15_MT03	9	9	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
5	DH91501155	Lê Trần Quốc	Đạt	D15_MT03	9	9	6	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
6	DH91502387	Phạm Mai	Hân	D15_MT03	10	8	6	25	0	15	6	70	Khá	
7	DH91501157	Nguyễn Thế	Hiền	D15_MT03	9	9	6	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
8	DH91502287	Nguyễn Thái Như	Huỳnh	D15_MT03	9	10	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
9	DH91501152	Võ Trọng	Khang	D15_MT03	9	9	6	25	0	10	2	61	Trung bình khá	
10	DH91502587	Hứa Đình Vân	Khanh	D15_MT03	9	10	6	25	8	10	2	70	Khá	
11	DH91501154	Lê Hồng	Khanh	D15_MT03	9	9	6	25	11	10	6	76	Khá	
12	DH91501151	Nguyễn Kim	Khánh	D15_MT03	8	9	2	25	0	13	9	66	Trung bình khá	
13	DH91501149	Tăng Mỹ	Linh	D15_MT03	9	9	0	25	2	10	6	61	Trung bình khá	
14	DH91502590	Lê Hải	Long	D15_MT03	10	10	6	25	20	5	8	84	Tốt	
15	DH91502014	Nguyễn Thế	Long	D15_MT03	9	10	4	25	0	15	2	65	Trung bình khá	
16	DH91502149	Trần Nguyễn Hoàng	Mai	D15_MT03	9	9	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
17	DH91501153	Võ Hoàng	Mẫn	D15_MT03	7	8	8	25	5	5	2	60	Trung bình khá	
18	DH91502588	Trần Bảo	Ngọc	D15_MT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	DH91501946	Nguyễn Đỗ Khôi	Nguyên	D15_MT03	7	9	0	25	0	10	0	51	Trung bình	
20	DH91502286	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	D15_MT03	10	9	0	25	19	10	6	79	Khá	
21	DH91502592	Trần Ngọc	Phông	D15_MT03	9	9	6	25	0	14	2	65	Trung bình khá	
22	DH91502591	Nguyễn Thị	Phường	D15_MT03	10	9	6	25	16	10	2	78	Khá	
23	DH91502285	Phan Thị ánh	Phượng	D15_MT03	9	10	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
24	DH91502386	Phạm Hồng	Quân	D15_MT03	9	10	0	25	0	10	8	62	Trung bình khá	
25	DH91502496	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	D15_MT03	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
26	DH91502497	Nguyễn Hoàng	Son	D15_MT03	8	6	0	25	0	5	6	50	Trung bình	
27	DH91502150	Trần Lộc	Son	D15_MT03	9	9	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
28	DH91502495	Trịnh Thanh	Son	D15_MT03	10	9	8	25	20	10	9	91	Xuất sắc	
29	DH91501948	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	D15_MT03	8	10	0	25	8	5	2	58	Trung bình	
30	DH91502499	Nguyễn Thị	Thảo	D15_MT03	10	9	2	25	16	10	9	81	Tốt	
31	DH91502498	Trần Thị Thu	Thảo	D15_MT03	9	9	6	25	6	15	2	72	Khá	
32	DH91501156	Trần Thị Hạnh	Thi	D15_MT03	8	9	6	25	12	10	2	72	Khá	
33	DH91501150	Nguyễn Thanh	Trà	D15_MT03	9	10	6	25	13	5	2	70	Khá	
34	DH91502013	Trần Hồ Kiều	Trinh	D15_MT03	9	8	0	25	0	10	6	58	Trung bình	
35	DH91501947	Lê Thanh	Trúc	D15_MT03	9	10	0	25	0	10	2	56	Trung bình	
36	DH91502385	Nguyễn Thanh	Tuấn	D15_MT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
37	DH91502494	Tăng Hiền	Tường	D15_MT03	8	8	0	25	3	15	6	65	Trung bình khá	
38	DH91501879	Nguyễn Thanh	Vinh	D15_MT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
39	DH91502589	Nguyễn Trần	Vịnh	D15_MT03	9	10	7	25	14	15	2	82	Tốt	
40	DH91502010	Tiêu Thị Ngọc	Xuân	D15_MT03	10	9	2	25	12	10	2	70	Khá	
41	DH91502288	Nguyễn Như	ý	D15_MT03	9	10	0	25	0	5	2	51	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	CD81301671	Lê Ngọc	Chúc	C13_XD01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
2	CD81301672	Nguyễn Văn	Chung	C13_XD01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
3	CD81201533	Võ Thế	Cường	C13_XD01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
4	CD81301633	Đoàn Tấn	Đạt	C13_XD01	10	12	6	25	10	15	9	87	Tốt	
5	CD81301643	Nguyễn Công	Định	C13_XD01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
6	CD81301744	Đặng Như	Hung	C13_XD01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
7	CD81301765	Dương Quốc	Khang	C13_XD01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
8	CD81301773	Hồ Anh	Khoa	C13_XD01	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	
9	CD81301825	Võ Thành	Nam	C13_XD01	10	12	5	25	8	12	6	78	Khá	
10	CD81301852	Dương Đình	Nhân	C13_XD01	10	12	8	15	12	15	8	80	Tốt	
11	CD81301871	Trương Minh	Nhật	C13_XD01	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
12	CD81301907	Phan Văn	Quân	C13_XD01	10	12	7	25	13	12	9	88	Tốt	
13	CD81301938	Nguyễn Tấn	Tài	C13_XD01	10	12	8	25	12	12	2	81	Tốt	
14	CD81301941	Phạm Thành	Tài	C13_XD01	10	8	8	25	6	13	8	78	Khá	
15	CD81301981	Nguyễn Bảo	Thoại	C13_XD01	10	12	4	25	19	10	9	89	Tốt	
16	CD81301991	Đình Minh	Thuận	C13_XD01	10	12	6	25	16	13	8	90	Xuất sắc	
17	CD81302045	Ngô Ngọc	Trung	C13_XD01	10	12	8	25	9	10	9	83	Tốt	
18	CD81302047	Trịnh Bảo	Trung	C13_XD01	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	Không khám sức khỏe
1	CD81400021	Phạm Trường	An	C14_XD01	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
2	CD81400058	Phùng Lương Phương	Bình	C14_XD01	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
3	CD81400328	Phạm Minh	Hải	C14_XD01	7	6	4	25	8	15	2	67	Trung bình khá	
4	CD81400308	Phùng Chí	Hành	C14_XD01	10	12	4	25	8	15	9	83	Tốt	
5	CD81400363	Nguyễn Phước	Hội	C14_XD01	10	12	4	15	11	13	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	CD81301787	Nguyễn Hữu	Lộc	C14_XD01	10	12	8	15	6	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
7	CD81400607	Trần Vĩnh	Lợi	C14_XD01	10	12	6	25	10	12	9	84	Tốt	
8	CD81400773	Thạch Nguyễn Thái	Ngân	C14_XD01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
9	CD81400833	Huỳnh Tấn	Nguyên	C14_XD01	10	10	4	15	8	15	2	64	Trung bình khá	
10	CD81401728	Lê Ngọc	Nhát	C14_XD01	9	6	4	25	10	13	2	69	Trung bình khá	
11	CD81400995	Lê Thanh	Phúc	C14_XD01	10	6	6	25	7	15	2	71	Khá	
12	CD81401099	Nguyễn Duy	Sang	C14_XD01	10	6	4	15	8	15	2	60	Trung bình khá	
13	CD81401080	Cao Hoàng	Son	C14_XD01	10	8	6	25	10	10	2	71	Khá	
14	CD81401192	Trần Quốc	Thành	C14_XD01	10	12	4	25	7	10	2	70	Khá	
15	CD81201668	Lê Hữu	Thiện	C14_XD01	9	10	7	10	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
16	CD81401742	Nguyễn Đình	Thuận	C14_XD01	10	12	0	15	6	15	2	60	Trung bình khá	
17	CD81401331	Huỳnh Văn	Tiền	C14_XD01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
18	CD81401473	Võ Xuân	Trung	C14_XD01	10	12	2	15	20	15	9	83	Tốt	
19	CD81401355	Nguyễn Văn	Tú	C14_XD01	7	6	4	15	10	10	2	54	Trung bình	
20	CD81401503	Nguyễn Minh	Tuấn	C14_XD01	10	6	4	15	8	15	2	60	Trung bình khá	
21	CD81401326	Ngô Thanh	Tùng	C14_XD01	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
22	CD81401590	Mai Đình	Vĩ	C14_XD01	10	12	4	15	8	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
1	CD81500574	Trần Hoài	Anh	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
2	CD81502523	Trần Công	Cường	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
3	CD81500057	Võ Minh	Cường	C15_XD01	7	8	7	25	20	10	2	79	Khá	
4	CD81501438	Võ Văn	Dũng	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
5	CD81500589	Nguyễn Hải	Dương	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
6	CD81500573	Lê Ngọc	Hải	C15_XD01	9	8	2	25	2	9	2	57	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	CD81502412	Cao Thanh	Hiếu	C15_XD01	9	6	2	22	2	10	8	59	Trung bình	
8	CD81500830	Phạm Anh	Hiếu	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
9	CD81500828	Trần Quốc	Hùng	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
10	CD81501833	Nguyễn Thành	Huy	C15_XD01	9.5	8	5.5	25	2	9	2	61	Trung bình khá	
11	CD81501958	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	C15_XD01	9	9	5	25	3	2	8	61	Trung bình khá	
12	CD81500825	Lê Đình	Linh	C15_XD01	9	6	2	25	2	10	2	56	Trung bình	
13	CD81502309	Phan Xuân	Phú	C15_XD01	9	9	5	25	2	10	2	62	Trung bình khá	
14	CD81500826	Phạm Hoàng	Phúc	C15_XD01	9.5	6	8	25	2	10	9	69.5	Trung bình khá	
15	CD81502310	Nguyễn Hữu	Phước	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
16	CD81502411	Lâm Nhựt	Phương	C15_XD01	9	6	4	25	2	9	2	57	Trung bình	
17	CD81500590	Lê Trần Minh	Quân	C15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
18	CD81500827	Lê Hoàng	Thư	C15_XD01	9	6	2	25	4	10	2	58	Trung bình	
19	CD81500171	Nguyễn Công	Tín	C15_XD01	9	6	8	25	7	10	2	67	Trung bình khá	
20	CD81500829	Hoàng Anh	Tuấn	C15_XD01	9	6	2	23	2	10	2	54	Trung bình	
1	DH81200661	Lê Việt Tuấn	Anh	D12_XD01	10	12	6	15	10	10	8	71	Khá	
2	DH81200007	Nguyễn Kỳ	Bá	D12_XD01	10	12	8	25	5	10	2	72	Khá	
3	DH81200662	Đặng Anh	Bắc	D12_XD01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	
4	DH81200665	Phạm Văn	Chúc	D12_XD01	10	12	4	25	10	7	2	70	Khá	
5	DH81100424	Phạm Việt	Chương	D12_XD01	10	12	2	15	15	10	2	66	Trung bình khá	
6	DH81200663	Ngô Hán	Cường	D12_XD01	10	12	6	15	0	5	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
7	DH81200664	Phạm Nhật	Cường	D12_XD01	10	12	8	15	15	10	2	72	Khá	
8	DH81200666	Hồ Phi	Dương	D12_XD01	10	12	8	25	18	0	2	75	Khá	
9	DH81200668	Nguyễn Nhựt	Điện	D12_XD01	10	12	4	25	10	8	8	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
10	DH81200010	Bùi Ngọc	Hậu	D12_XD01	10	12	8	15	11	8	2	66	Trung bình khá	
11	DH81200669	Trần Công	Hậu	D12_XD01	9	12	4	25	10	8	2	70	Khá	
12	DH81201860	Trần Quang	Hiếu	D12_XD01	10	9	8	25	2	10	2	66	Trung bình khá	
13	DH81200670	Mai Quốc	Hùng	D12_XD01	10	12	6	25	16	5	8	82	Tốt	
14	DH81200671	Phạm Phi	Hùng	D12_XD01	10	12	4	15	6	5	2	54	Trung bình	
15	DH81200672	Trần Thanh	Hùng	D12_XD01	10	12	6	15	10	8	2	63	Trung bình khá	
16	DH81200673	Nguyễn Anh	Huy	D12_XD01	10	6	6	15	-4	7	2	42	Yếu	Không khám sức khỏe
17	DH81200674	Võ Hữu	Huy	D12_XD01	10	12	7	15	18	10	2	74	Khá	
18	DH81200675	Nguyễn Hữu	Lập	D12_XD01	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
19	DH81200678	Nguyễn Minh	Luân	D12_XD01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
20	DH81200679	Trần Đức	Minh	D12_XD01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
21	DH81200680	Hạ Tiến	Nam	D12_XD01	10	12	4	15	12	10	2	65	Trung bình khá	
22	DH81200683	Nguyễn Văn	Nguyên	D12_XD01	0	10	0	-10	0	-5	0	-5	Kém	
23	DH81201722	Trần Hoàn	Nhật	D12_XD01	10	12	7	25	20	5	2	81	Tốt	
24	DH81200684	Võ Minh	Nhật	D12_XD01	10	12	7	25	19	5	2	80	Tốt	
25	DH81200685	Châu Nhuận	Phát	D12_XD01	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
26	DH81200686	Lâm	Phát	D12_XD01	10	12	7	25	19	5	2	80	Tốt	
27	DH81200220	Trần Văn	Phi	D12_XD01	10	12	6	25	10	5	2	70	Khá	
28	DH81201859	Phan Nhật	Phương	D12_XD01	10	12	8	25	10	5	2	72	Khá	
29	DH81200687	Phạm Minh	Quân	D12_XD01	10	9	7	25	15	5	2	73	Khá	
30	DH81200688	Đình Thanh	Sơn	D12_XD01	9	12	8	25	10	7	2	73	Khá	
31	DH81200689	Trần Khắc	Sơn	D12_XD01	10	12	6	25	10	5	2	70	Khá	
32	DH81200690	Nguyễn Thành	Tân	D12_XD01	10	12	8	25	10	7	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
33	DH81200691	Trần Văn	Tấn	D12_XD01	10	12	6	15	12	7	2	64	Trung bình khá	
34	DH81200696	Nguyễn Xuân	Thắng	D12_XD01	10	12	4	25	3	10	9	73	Khá	
35	DH81100483	Bùi Nguyễn Đình	Thị	D12_XD01	9	12	8	15	4	7	2	57	Trung bình	
36	DH81200693	Phan Kiều	Thông	D12_XD01	10	12	5	15	8	5	2	57	Trung bình	
37	DH81200698	Lê Quang	Tiến	D12_XD01	10	10	4	25	10	10	2	71	Khá	
38	DH81200700	Tạ Gia Hồng	Trang	D12_XD01	10	12	8	25	19	7	8	89	Tốt	
39	DH81200701	Võ Thiện	Triết	D12_XD01	10	12	6	25	12	5	2	72	Khá	
40	DH81200699	Lê Ngọc	Tú	D12_XD01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
41	DH81200702	Nguyễn Minh	Tuấn	D12_XD01	10	12	6	15	8	7	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
42	DH81200703	Bạch Ngọc	Vương	D12_XD01	10	12	8	25	10	5	2	72	Khá	
1	DH81200704	Lê Văn Tuấn	Anh	D12_XD02	10	12	8	25	10	15	9	89	Tốt	
2	DH81200705	Hồ Việt	Cao	D12_XD02	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
3	DH81200706	Đoàn Phương	Đông	D12_XD02	10	12	6	25	18	7	2	80	Tốt	
4	DH81201814	Phạm Quốc	Hiển	D12_XD02	8	12	3	15	20	15	2	75	Khá	
5	DH81200710	Bùi Trọng	Hiếu	D12_XD02	9	9	0	15	12	10	2	57	Trung bình	
6	DH81200711	Đặng Ngọc	Huy	D12_XD02	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
7	DH81200712	Lưu Khánh	Huy	D12_XD02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
8	DH81200714	Trần Thiện	Khiêm	D12_XD02	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
9	DH81200715	Lê Tiến	Khoa	D12_XD02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
10	DH81200716	Lê Phước	Kiệt	D12_XD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
11	DH81200717	Lưu Tuấn	Kiệt	D12_XD02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
12	DH81200719	Huỳnh Văn Vũ	Linh	D12_XD02	9	12	0	15	12	10	2	60	Trung bình khá	
13	DH81200718	Trương Hoàng Đại	Lợi	D12_XD02	10	12	8	15	0	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH81201776	Ung Nho	Luu	D12_XD02	9	12	0	25	12	10	2	70	Khá	
15	DH81200720	Mai Văn	Minh	D12_XD02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
16	DH81200722	Nguyễn Hoàng	Nguyễn	D12_XD02	9	6	0	15	2	10	2	44	Yếu	Không khám sức khỏe
17	DH81200723	Võ Hồng	Nguyễn	D12_XD02	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
18	DH81200724	Nguyễn Văn	Nguyễn	D12_XD02	9	6	0	25	12	10	2	64	Trung bình khá	
19	DH81200725	Nguyễn Tấn	Như	D12_XD02	10	12	8	25	18	0	2	75	Khá	
20	DH81201734	Trần Trung	Phong	D12_XD02	9	6	0	15	2	10	2	44	Yếu	Không khám sức khỏe
21	DH81200734	Trần	Tài	D12_XD02	10	12	2	25	19	13	2	83	Tốt	
22	DH81200729	Nguyễn Minh	Tâm	D12_XD02	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
23	DH81200731	Lâm Trọng	Tân	D12_XD02	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
24	DH81200732	Nguyễn Duy	Tân	D12_XD02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
25	DH81200737	Cao Anh	Thiện	D12_XD02	10	12	8	25	14	13	2	84	Tốt	
26	DH81200427	Trần Ngọc	Thiện	D12_XD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
27	DH81200738	Phạm Văn	Thủy	D12_XD02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
28	DH81200740	Lê Anh	Tiến	D12_XD02	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
29	DH81200742	Đặng Minh	Trí	D12_XD02	9	12	0	15	2	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
30	DH81200743	Nguyễn Minh	Trí	D12_XD02	10	12	8	25	20	8	2	85	Tốt	
31	DH81200741	Nguyễn Thành	Trung	D12_XD02	10	9	4	25	8	15	2	73	Khá	
32	DH81200744	Phạm Thanh	Tuấn	D12_XD02	10	12	2	25	14	15	9	87	Tốt	
33	DH81200745	Trần Ngọc	Tuấn	D12_XD02	10	12	8	15	10	10	2	67	Trung bình khá	
34	DH81200739	Trần Minh	Tùng	D12_XD02	9	12	0	15	12	15	2	65	Trung bình khá	
35	DH81201937	Võ Quốc	Tùng	D12_XD02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
36	DH81200746	Nguyễn Trần Thịnh	Vượng	D12_XD02	10	12	6	15	10	13	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH81300096	Nguyễn Tuấn	Anh	D13_XD01	10	9	4	15	4	3	2	47	Yếu	
2	DH81300106	Trần Tuấn	Anh	D13_XD01	9	6	4	15	-7	5	2	34	Yếu	
3	DH81300267	Nguyễn Việt	ấn	D13_XD01	8	6	4	15	2	10	2	47	Yếu	
4	DH81300127	Lê Khắc	Bảo	D13_XD01	10	12	8	25	7	0	2	64	Trung bình khá	
5	DH81300130	Nguyễn Cao Duy	Bảo	D13_XD01	8	6	4	25	0	10	6	59	Trung bình	
6	DH81300135	Phạm Quốc	Bảo	D13_XD01	10	12	4	25	2	10	2	65	Trung bình khá	
7	DH81300111	Trần Ngô Công	Bằng	D13_XD01	10	12	7	25	14	5	2	75	Khá	
8	DH81300116	Ngô Thanh	Bình	D13_XD01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
9	DH81300121	Trịnh Thái	Bình	D13_XD01	9	6	0	15	-7	5	2	30	Yếu	Không khám sức khỏe
10	DH81300032	Lê Tiến	Đạt	D13_XD01	10	8	4	15	0	10	2	49	Yếu	
11	DH81300044	Trần Tuấn	Đạt	D13_XD01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
12	DH81200708	Lưu Tiến	Định	D13_XD01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
13	DH81300347	Nguyễn Minh	Hải	D13_XD01	10	6	4	25	4	0	2	51	Trung bình	
14	DH81300410	Trần Vũ Chí	Hiếu	D13_XD01	9	8	0	15	-10	10	2	34	Yếu	Không khám sức khỏe
15	DH81300422	Huỳnh Văn	Hoài	D13_XD01	9	6	2	25	3	10	2	57	Trung bình	
16	DH81200709	Phan Thanh	Học	D13_XD01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
17	DH81300464	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_XD01	9	6	4	25	4	3	2	53	Trung bình	
18	DH81300475	Vũ Quốc	Huy	D13_XD01	10	12	2	15	2	10	2	53	Trung bình	
19	DH81300416	Nguyễn Văn	Hưng	D13_XD01	10	12	6	25	7	10	2	72	Khá	
20	DH81300538	Châu Tuấn	Kiệt	D13_XD01	10	6	4	15	0	10	2	47	Yếu	
21	DH81300559	Huỳnh Thanh	Lâm	D13_XD01	9	6	0	15	2	5	2	39	Yếu	Không khám sức khỏe
22	DH81300644	Hồ Hoàng	Long	D13_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
23	DH81300646	Lại Trần Kim	Long	D13_XD01	7	6	4	15	-4	-5	2	25	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH81300649	Phan Bảo	Long	D13_XD01	10	12	6	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
25	DH81300588	Trần Đắc	Lộc	D13_XD01	9	6	4	15	3	5	2	44	Yếu	
26	DH81300661	Nguyễn Văn	Luận	D13_XD01	8	8	8	25	11	10	9	79	Khá	
27	DH81300678	Trương Huỳnh Xuân	Mai	D13_XD01	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
28	DH81300792	Đặng Hoàng	Nghĩa	D13_XD01	10	12	0	15	7	10	2	56	Trung bình	
29	DH81300797	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D13_XD01	9	6	4	25	0	10	2	56	Trung bình	
30	DH81302103	Trịnh Thanh	Nghĩa	D13_XD01	10	12	4	25	3	10	2	66	Trung bình khá	
31	DH81300790	Trương Hoài	Nghiêm	D13_XD01	10	12	4	15	3	10	2	56	Trung bình	
32	DH81300768	Đặng Bích	Ngọc	D13_XD01	8	6	4	25	0	10	8	61	Trung bình khá	
33	DH81300808	Phù Cẩm	Nguyên	D13_XD01	9	6	4	25	0	10	2	56	Trung bình	
34	DH81300851	Nguyễn Thanh	Nhật	D13_XD01	9	6	4	15	6	10	2	52	Trung bình	
35	DH81300894	Lê Minh	Nhật	D13_XD01	0	12	0	0	0	-5	0	7	Kém	
36	DH81300961	Lê Nhật	Phú	D13_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
37	DH81300965	Nguyễn Vĩnh	Phú	D13_XD01	10	9	2	15	2	10	2	50	Trung bình	
38	DH81300975	Nguyễn Thành	Phúc	D13_XD01	10	12	6	25	11	5	2	71	Khá	
39	DH81300985	Trần Hữu	Phúc	D13_XD01	8	6	2	25	20	10	2	73	Khá	
40	DH81300938	Thái Huỳnh	Phương	D13_XD01	9	6	0	15	0	10	2	42	Yếu	
41	DH81301002	Nguyễn Hoàng	Quân	D13_XD01	9	12	4	25	7	3	2	62	Trung bình khá	
42	DH81301028	Đặng Phước	Quý	D13_XD01	10	9	4	15	9	0	2	49	Yếu	
43	DH81301031	Lê Duy	Quý	D13_XD01	8	6	0	15	-7	5	2	29	Kém	
44	DH81301052	Viên Trí	Quyền	D13_XD01	9	8	4	15	-10	10	2	38	Yếu	Không khám sức khỏe
45	DH81301079	Phạm Tuấn	Sang	D13_XD01	10	8	4	15	8	5	2	52	Trung bình	
46	DH81301100	Vũ Quốc Duy	Tâm	D13_XD01	10	12	6	25	5	5	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
47	DH81301143	Nguyễn Duy	Thái	D13_XD01	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
48	DH81301163	Nguyễn Minh	Thành	D13_XD01	10	8	4	15	2	10	2	51	Trung bình	
49	DH81301212	Trần Quang	Thắng	D13_XD01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	
50	DH81301268	Nguyễn Phan Nguyên	Thịnh	D13_XD01	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	
51	DH81301269	Nguyễn Trường	Thịnh	D13_XD01	10	12	6	25	8	5	2	68	Trung bình khá	
52	DH81301271	Tổng Hữu	Thịnh	D13_XD01	8	6	4	15	0	10	2	45	Yếu	
53	DH81301315	Nguyễn Hoàng	Tiến	D13_XD01	10	12	4	15	3	10	2	56	Trung bình	
54	DH81301499	Nguyễn Cửu Trung	Tín	D13_XD01	10	12	6	15	3	10	2	58	Trung bình	
55	DH81301445	Huỳnh Lê Minh	Trung	D13_XD01	10	8	4	15	0	10	2	49	Yếu	
56	DH81301461	Đỗ Lê	Tuấn	D13_XD01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	
57	DH81301296	Nguyễn Minh	Tùng	D13_XD01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
58	DH81301125	Lê Phú Cát	Tường	D13_XD01	7	6	8	25	15	10	6	77	Khá	
1	DH81300131	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	D13_XD02	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
2	DH81300141	Triệu Quốc	Bảo	D13_XD02	10	8	4	15	5	5	2	49	Yếu	
3	DH81300114	Hoàng Lê Việt	Bình	D13_XD02	10	6	4	25	7	5	2	59	Trung bình	
4	DH81300147	Trần Thanh	Cầu	D13_XD02	10	6	2	25	7	5	2	57	Trung bình	
5	DH81300168	Trần Thái	Châu	D13_XD02	10	6	4	25	7	5	2	59	Trung bình	
6	DH81300182	Vũ Ngô Phương	Chuyên	D13_XD02	10	6	8	25	11	5	2	67	Trung bình khá	
7	DH81300274	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	D13_XD02	10	8	2	25	8	5	9	67	Trung bình khá	
8	DH81300268	Ngô Thị Ngọc	Giàu	D13_XD02	10	12	7	25	14	5	9	82	Tốt	
9	DH81300342	Huỳnh Đình	Hải	D13_XD02	10	8	7	15	12	5	2	59	Trung bình	
10	DH81300370	Ngô Minh	Hậu	D13_XD02	10	12	4	15	7	5	2	55	Trung bình	
11	DH81300401	Nguyễn Minh	Hiếu	D13_XD02	10	8	7	15	8	5	2	55	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH81300379	Mai Văn	Hùng	D13_XD02	10	8	4	25	16	5	9	77	Khá	
13	DH81302100	Nguyễn Thanh	Hung	D13_XD02	10	12	2	15	16	5	2	62	Trung bình khá	
14	DH81300496	Huỳnh Công	Khải	D13_XD02	10	6	7	15	2	5	2	47	Yếu	
15	DH81300504	Huỳnh Duy	Khang	D13_XD02	10	12	8	25	14	5	2	76	Khá	
16	DH81300511	Trần Minh	Khang	D13_XD02	10	10	4	25	11	5	2	67	Trung bình khá	
17	DH81300547	Trần Thái Anh	Kiệt	D13_XD02	10	6	4	25	7	5	2	59	Trung bình	
18	DH81300556	Cao Hoài	Lâm	D13_XD02	10	12	4	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
19	DH81300558	Huỳnh Quốc	Lâm	D13_XD02	10	6	4	15	11	5	2	53	Trung bình	
20	DH81300647	Lê Hoàng	Long	D13_XD02	10	9	4	25	11	5	9	73	Khá	
21	DH81300654	Hà Ngọc Thành	Luân	D13_XD02	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
22	DH81300660	Lê Công	Luận	D13_XD02	10	12	4	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
23	DH81300708	Nguyễn Nhật	Minh	D13_XD02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
24	DH81300714	Trần Quang	Minh	D13_XD02	10	6	2	15	7	5	2	47	Yếu	Không khám sức khỏe
25	DH81300782	Phạm Vũ	Ngọc	D13_XD02	10	12	7	25	14	5	9	82	Tốt	
26	DH81300824	Huỳnh Ngọc	Nhân	D13_XD02	10	9	7	25	16	5	9	81	Tốt	
27	DH81300829	Mai Quang	Nhân	D13_XD02	10	9	4	25	5	5	2	60	Trung bình khá	
28	DH81300852	Nguyễn Trường Quang	Nhật	D13_XD02	10	6	4	15	8	5	2	50	Trung bình	
29	DH81300823	Yang Kar	Nhì	D13_XD02	10	6	4	15	7	5	2	49	Yếu	
30	DH81300897	Tạ Văn	Niệm	D13_XD02	10	6	7	15	20	5	2	65	Trung bình khá	
31	DH81300900	Lê Thị	Oanh	D13_XD02	10	8	2	25	8	5	1	59	Trung bình	
32	DH81300919	Từ Tấn	Phát	D13_XD02	10	6	4	25	10	5	2	62	Trung bình khá	
33	DH81300986	Trần Hoàng	Phúc	D13_XD02	10	12	8	15	12	5	2	64	Trung bình khá	
34	DH81301009	Đình Duy	Quang	D13_XD02	10	8	4	25	11	5	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH81301018	Nguyễn Anh	Quốc	D13_XD02	10	12	6	25	13	5	2	73	Khá	
36	DH81301077	Phạm Tấn	Sang	D13_XD02	10	6	4	15	5	5	2	47	Yếu	
37	DH81301062	Nguyễn Văn	Son	D13_XD02	10	9	8	25	11	5	9	77	Khá	
38	DH81301105	Liêu Minh	Tân	D13_XD02	10	9	7	25	10	5	2	68	Trung bình khá	
39	DH81301124	Nguyễn Văn	Tấn	D13_XD02	10	6	8	25	12	5	2	68	Trung bình khá	
40	DH81301214	Lưu Đức	Thạch	D13_XD02	10	9	7	25	14	5	9	79	Khá	
41	DH81301223	Nguyễn Đức	Thanh	D13_XD02	10	8	7	15	16	5	2	63	Trung bình khá	
42	DH81301207	Lê Quốc Dũng	Thắng	D13_XD02	10	6	4	15	0	5	2	42	Yếu	
43	DH81301281	Quách Đại	Thuận	D13_XD02	10	9	2	25	16	5	2	69	Trung bình khá	
44	DH81301248	Mai Minh	Thùy	D13_XD02	10	8	8	25	16	5	9	81	Tốt	
45	DH81301344	Nguyễn Hữu	Toàn	D13_XD02	10	6	8	25	14	5	2	70	Khá	
46	DH81301405	Nguyễn Văn	Trường	D13_XD02	10	8	4	25	8	5	2	62	Trung bình khá	
47	DH81301407	Phan Đình	Trường	D13_XD02	10	12	7	15	4	5	2	55	Trung bình	
48	DH81301469	Nguyễn Anh	Tuấn	D13_XD02	10	9	4	25	16	5	2	71	Khá	
49	DH81301506	Bùi Hạ	Uy	D13_XD02	10	6	4	15	7	5	2	49	Yếu	
50	DH81301518	Lê Trọng	Văn	D13_XD02	10	6	4	15	-8	5	2	34	Yếu	Không khám sức khỏe
51	DH81301560	Hồ Phi	Vũ	D13_XD02	10	12	7	25	14	5	2	75	Khá	
1	DH81400087	Lê Thiên	Cang	D14_XD01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
2	DH81400085	Nguyễn Minh	Cương	D14_XD01	8	9	6	15	5	15	2	60	Trung bình khá	
3	DH81400238	Trần Đình	Đỗ	D14_XD01	9	6	2	25	2	15	2	61	Trung bình khá	
4	DH81401669	Nguyễn Hữu Minh	Đức	D14_XD01	10	12	8	15	12	15	2	74	Khá	
5	DH81400307	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	D14_XD01	10	12	6	15	15	12	2	72	Khá	
6	DH81400327	Nguyễn Triều	Hải	D14_XD01	0	6	0	-10	0	-5	0	-9	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH81400330	Phạm Việt	Hải	D14_XD01	6	10	0	15	-10	10	2	33	Yếu	Không khám sức khỏe
8	DH81400365	Lê Phúc	Hậu	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
9	DH81400377	Lê Minh	Hiển	D14_XD01	10	12	4	25	5	15	10	81	Tốt	
10	DH81400402	Phạm Ngọc	Hiếu	D14_XD01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	
11	DH81400426	Dương Lê Minh	Hoàng	D14_XD01	7	8	2	15	7	10	2	51	Trung bình	
12	DH81400374	Trần Quốc	Hùng	D14_XD01	4	12	8	15	0	10	2	51	Trung bình	
13	DH81400471	Cao Đăng	Huy	D14_XD01	10	9	6	15	0	15	9	64	Trung bình khá	
14	DH81400469	Đặng Quốc	Huy	D14_XD01	7	6	0	15	0	10	2	40	Yếu	
15	DH81400482	Nguyễn Ngọc Xuân	Huy	D14_XD01	10	9	6	25	7	15	10	82	Tốt	
16	DH81400418	Nguyễn Quốc	Hưng	D14_XD01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
17	DH81400533	Trần Tuấn	Khang	D14_XD01	7	8	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
18	DH81400547	Phạm Việt	Khoa	D14_XD01	7	8	4	15	2	10	2	48	Yếu	
19	DH81401752	Phạm Anh	Kiệt	D14_XD01	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
20	DH81400562	Nguyễn Bá	Kim	D14_XD01	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
21	DH81401673	Trương Minh	Lợi	D14_XD01	8	9	6	15	5	10	2	55	Trung bình	
22	DH81400661	Phạm Lê Minh	Luân	D14_XD01	7	8	2	15	2	5	2	41	Yếu	
23	DH81400735	Nguyễn Bảo	Nam	D14_XD01	6	6	4	15	2	10	2	45	Yếu	
24	DH81400740	Nguyễn Thành	Nam	D14_XD01	10	8	4	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
25	DH81400821	Hồ Văn	Nghĩa	D14_XD01	7	12	0	15	0	10	2	46	Yếu	
26	DH81400930	Phan Vạn	Ninh	D14_XD01	6	10	2	15	0	15	2	50	Trung bình	
27	DH81400938	Huỳnh Trọng	Pháp	D14_XD01	7	8	6	15	0	15	2	53	Trung bình	
28	DH81400969	Nguyễn Kim	Phi	D14_XD01	10	12	8	25	18	15	9	97	Xuất sắc	
29	DH81401040	Trần Nhật Khoa	Quân	D14_XD01	10	12	0	25	14	10	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH81401653	Phan Trọng	Sinh	D14_XD01	9	6	0	15	3	10	2	45	Yếu	
31	DH81401133	Cao Hữu	Tài	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
32	DH81401122	Bùi Duy	Tân	D14_XD01	10	8	2	15	4	15	2	56	Trung bình	
33	DH81401229	Phan Ngọc Hoàng	Thạch	D14_XD01	9	8	2	15	0	5	2	41	Yếu	
34	DH81401166	Lê	Thái	D14_XD01	8	8	6	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
35	DH81401257	Lê Thành	Thiện	D14_XD01	7	12	6	15	0	15	2	57	Trung bình	
36	DH81401280	Nguyễn Đức	Thịnh	D14_XD01	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
37	DH81401284	Tiêu Phú	Thịnh	D14_XD01	10	8	0	25	20	7	2	72	Khá	
38	DH81401287	Võ Nhật	Thịnh	D14_XD01	6	12	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
39	DH81401340	Võ Văn	Tiếng	D14_XD01	10	12	4	25	5	15	2	73	Khá	
40	DH81401367	Võ Thanh	Toàn	D14_XD01	9	9	8	25	17	15	9	92	Xuất sắc	
41	DH81401481	Lê Võ Thiên	Trí	D14_XD01	7	6	2	25	0	15	2	57	Trung bình	
42	DH81401488	Trần Minh	Trí	D14_XD01	9	12	0	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
43	DH81301440	Trần Minh	Trị	D14_XD01	9	12	0	15	-10	10	2	38	Yếu	
44	DH81401451	Phan Bá	Triết	D14_XD01	7	10	6	25	14	15	2	79	Khá	
45	DH81401510	Phan Đình	Tuấn	D14_XD01	8	8	0	15	2	15	2	50	Trung bình	
46	DH81401512	Trần Văn	Tuấn	D14_XD01	7	6	4	15	2	15	2	51	Trung bình	
47	DH81401563	Trần Thiện	Vi	D14_XD01	10	8	0	25	7	10	10	70	Khá	
48	DH81401585	Phạm Tuấn	Vũ	D14_XD01	7	6	2	15	4	15	2	51	Trung bình	
49	DH81401605	Phạm Thúy	Vy	D14_XD01	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
1	DH81400048	Triệu Huỳnh	Anh	D14_XD02	10	12	6	24	15	10	2	79	Khá	
2	DH81400008	Hà Hoàng	Ân	D14_XD02	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
3	DH81400132	Bùi Hữu	Chinh	D14_XD02	10	9	6	25	8	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	DH81400187	Nguyễn Hoàng	Duy	D14_XD02	10	12	6	15	16	15	2	76	Khá	
5	DH81400189	Nguyễn Khánh	Duy	D14_XD02	8	10	4	15	8	15	2	62	Trung bình khá	
6	DH81400195	Trương Đình Bảo	Duy	D14_XD02	10	6	8	25	16	10	2	77	Khá	
7	DH81400140	Bùi Thanh	Dương	D14_XD02	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
8	DH81400220	Hồ Tấn	Đạt	D14_XD02	10	12	8	25	12	10	2	79	Khá	
9	DH81400252	Hoàng Huy	Định	D14_XD02	10	12	6	25	6	15	8	82	Tốt	
10	DH81400247	Nguyễn Việt	Đức	D14_XD02	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
11	DH81400256	Võ Ngọc	Giàu	D14_XD02	10	8	2	25	13	15	2	75	Khá	
12	DH81400303	Cao Kế	Hà	D14_XD02	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
13	DH81400276	Trịnh Thị Diễm	Hằng	D14_XD02	10	12	8	20	17	10	2	79	Khá	
14	DH81401672	Nguyễn Chí	Hiếu	D14_XD02	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
15	DH81400406	Phạm Văn	Hiếu	D14_XD02	10	6	8	10	12	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
16	DH81400372	Nguyễn Việt	Hùng	D14_XD02	10	12	8	15	7	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
17	DH81400500	Nguyễn Thị	Huyền	D14_XD02	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
18	DH81400420	Trần Quốc	Hưng	D14_XD02	10	8	6	25	14	10	2	75	Khá	
19	DH81400584	Nguyễn Quốc	Lam	D14_XD02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
20	DH81400604	Nguyễn Thành	Lợi	D14_XD02	10	6	7	25	16	15	2	81	Tốt	
21	DH81400707	Trương Quốc	Minh	D14_XD02	10	12	6	25	14	10	2	79	Khá	
22	DH81400746	Trương Nhật	Nam	D14_XD02	10	12	6	25	15	12	2	82	Tốt	
23	DH81400845	Nguyễn Trần Minh	Nguyên	D14_XD02	10	12	8	15	16	5	8	74	Khá	
24	DH81401751	Bùi Hữu	Nhân	D14_XD02	10	12	4	25	16	5	2	74	Khá	
25	DH81401730	Võ	Ninh	D14_XD02	10	9	4	15	19	15	8	80	Tốt	
26	DH81400968	Nguyễn Hoàng	Phi	D14_XD02	10	12	8	15	12	15	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
27	DH81400992	Vũ Văn	Phú	D14_XD02	10	12	4	15	14	10	8	73	Khá	
28	DH81401004	Phùng Kim	Phúc	D14_XD02	10	6	8	15	12	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
29	DH81401046	Nguyễn Đăng	Quang	D14_XD02	10	12	8	25	12	5	2	74	Khá	
30	DH81401039	Trần Anh	Quân	D14_XD02	10	12	8	15	17	0	2	64	Trung bình khá	
31	DH81401065	Phạm Huy	Quý	D14_XD02	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
32	DH81401098	Lý Trường	Sang	D14_XD02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
33	DH81401086	Nguyễn Tiến	Son	D14_XD02	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
34	DH81401109	Huỳnh Văn Minh	Tâm	D14_XD02	8	10	7	25	15	15	2	82	Tốt	
35	DH81401115	Nguyễn Thị Thu	Tâm	D14_XD02	10	12	4	25	17	5	2	75	Khá	
36	DH81401124	Lê Minh	Tân	D14_XD02	10	6	8	15	8	15	2	64	Trung bình khá	
37	DH81401168	Lê Văn	Thái	D14_XD02	10	12	8	25	12	15	9	91	Xuất sắc	
38	DH81401170	Nguyễn Bá	Thái	D14_XD02	10	6	8	25	12	10	2	73	Khá	
39	DH81401221	Nguyễn Xuân	Thắng	D14_XD02	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
40	DH81401393	Đặng Huyền	Trang	D14_XD02	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
41	DH81401420	Trần Hữu	Trọng	D14_XD02	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
42	DH81401470	Nguyễn Minh	Trung	D14_XD02	10	9	8	15	13	15	2	72	Khá	
43	DH81401759	Nguyễn Hữu	Trường	D14_XD02	10	8	8	25	18	15	8	92	Xuất sắc	
44	DH81401430	Vương Hữu	Trường	D14_XD02	10	12	8	25	16	10	9	90	Xuất sắc	
45	DH81401497	Lê Quốc	Tuấn	D14_XD02	10	12	2	25	12	12	2	75	Khá	
46	DH81401663	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D14_XD02	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
47	DH81401516	Đặng Vũ	Tuyên	D14_XD02	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
48	DH81401543	Võ Trí	Uy	D14_XD02	8	10	4	15	19	15	2	73	Khá	
1	DH81500346	Nguyễn Trường	An	D15_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2	DH81501110	Trần Thanh	An	D15_XD01	10	9	6	25	4	10	0	64	Trung bình khá	
3	DH81500552	Cao Tuấn	Anh	D15_XD01	8	8	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
4	DH81502578	Nguyễn Thị Huế	Anh	D15_XD01	10	10	4	25	11	5	9	74	Khá	
5	DH81300009	Lê Quốc	Ân	D15_XD01	9	9	4	25	6	10	0	63	Trung bình khá	
6	DH81300012	Tô Hoàng	Ân	D15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
7	DH81500548	Đình Hoàng	Bảo	D15_XD01	8	6	4	25	2	10	2	57	Trung bình	
8	DH81501113	Nguyễn Phước	Bảo	D15_XD01	10	8	0	25	5	10	2	60	Trung bình khá	
9	DH81500783	Trần Kim	Bảo	D15_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
10	DH81500785	Đỗ Thành	Biên	D15_XD01	8	8	4	25	2	10	2	59	Trung bình	
11	DH81500046	Lâm Anh	Cát	D15_XD01	9	6	4	25	0	10	0	54	Trung bình	
12	DH81500343	Nguyễn Liêm	Chính	D15_XD01	10	9	4	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
13	DH81500789	Lê Huy	Chương	D15_XD01	8	8	2	24	0	13	2	57	Trung bình	
14	DH81500344	Từ Thành	Công	D15_XD01	10	10	4	25	11	10	9	79	Khá	
15	DH81500549	Nguyễn Minh	Cường	D15_XD01	9	8	4	25	10	5	0	61	Trung bình khá	
16	DH81500348	Phạm Thành	Danh	D15_XD01	10	8	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
17	DH81500780	Nguyễn Hồng Khánh	Duy	D15_XD01	8	8	4	25	2	10	2	59	Trung bình	
18	DH81500157	Trần Đình	Duy	D15_XD01	9	8	4	25	0	5	2	53	Trung bình	
19	DH81500779	Nguyễn Tấn	Dương	D15_XD01	7	8	2	25	7	10	2	61	Trung bình khá	
20	DH81500790	Phạm Văn Thái	Dương	D15_XD01	9	8	4	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
21	DH81500556	Trần Vũ Tiên	Đạt	D15_XD01	10	6	4	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
22	DH81502577	Trần Ngọc Hoài	Hận	D15_XD01	9	8	2	25	3	10	0	57	Trung bình	
23	DH81500776	Phạm Hồ Minh	Hoàng	D15_XD01	8	6	0	24	4	10	2	54	Trung bình	
24	DH81500555	Lê Quang	Huy	D15_XD01	8.5	8	4	25	2	10	2	59.5	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
25	DH81500158	Nguyễn Thanh	Huy	D15_XD01	7	6	0	25	0	10	2	50	Trung bình	
26	DH81501387	Lê Minh	Lộc	D15_XD01	9	8	0	25	2	10	0	54	Trung bình	
27	DH81500345	Đào Công	Mẫn	D15_XD01	8	8	4	24	2	10	0	56	Trung bình	
28	DH81500784	Nguyễn Nhật	Minh	D15_XD01	8	8	8	25	13	5	2	69	Trung bình khá	
29	DH81500786	Đỗ Kỳ	Nam	D15_XD01	10	8	4	25	6	5	8	66	Trung bình khá	
30	DH81300746	Mai Hồng	Ngân	D15_XD01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
31	DH81500350	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D15_XD01	10	8	2	25	6	10	9	70	Khá	
32	DH81500787	Nguyễn Phạm Thanh	Nguyên	D15_XD01	8	6	2	24	0	10	2	52	Trung bình	
33	DH81501109	Huỳnh Minh	Nhật	D15_XD01	8	8	4	24	2	10	2	58	Trung bình	
34	DH81500554	Dương Tấn	Phát	D15_XD01	9	9	2	25	6	5	2	58	Trung bình	
35	DH81500777	Dương Đông	Phong	D15_XD01	8	8	0	23	10	5	8	62	Trung bình khá	
36	DH81500788	Nguyễn Hồng	Phúc	D15_XD01	9	8	0	25	18	10	2	72	Khá	
37	DH81500351	Trần Văn Bảo	Phước	D15_XD01	7	6	0	25	0	10	2	50	Trung bình	
38	DH81501114	Dương Như ý	Quỳnh	D15_XD01	10	9	6	25	6	10	8	74	Khá	
39	DH81501116	Phạm Vũ Trường	Sinh	D15_XD01	9	8	2	25	5	5	2	56	Trung bình	
40	DH81500159	Trần Văn	Tài	D15_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
41	DH81501112	Đoàn Anh	Tân	D15_XD01	10	8	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
42	DH81500781	Mai Thành	Thái	D15_XD01	9	8	4	25	10	5	0	61	Trung bình khá	
43	DH81500349	Trương Thái Uyển	Thị	D15_XD01	10	9	4	25	3	10	8	69	Trung bình khá	
44	DH81500551	Hoàng Nhật	Thịnh	D15_XD01	10	6	4	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
45	DH81500347	Phạm Thanh	Thoại	D15_XD01	10	8	4	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
46	DH81501111	Nguyễn Minh	Thông	D15_XD01	9	6	0	25	0	10	2	52	Trung bình	
47	DH81500550	Võ Thanh	Thông	D15_XD01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
48	DH81500553	Nguyễn Tuấn	Toàn	D15_XD01	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
49	DH81500341	Bùi Thành	Trung	D15_XD01	8	6	2	25	13	10	2	66	Trung bình khá	
50	DH81500160	Nguyễn Trọng	Tú	D15_XD01	10	10	2	25	13	7	2	69	Trung bình khá	
51	DH81500782	Nguyễn Minh	Tuấn	D15_XD01	9	6	4	25	10	5	0	59	Trung bình	
52	DH81500342	Nguyễn Văn	Tuấn	D15_XD01	9	8	4	25	6	10	0	62	Trung bình khá	
53	DH81500352	Biện Xuân Mạnh	Tường	D15_XD01	8	8	4	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
54	DH81500156	Trần Văn	Tường	D15_XD01	10	8	6	20	8	7	2	61	Trung bình khá	
55	DH81500557	Trần Quốc	Việt	D15_XD01	7	9	2	25	4	5	0	52	Trung bình	
1	DH81501761	Nguyễn Tấn	Bình	D15_XD02	9	8	2	25	10	10	2	66	Trung bình khá	
2	DH81502482	Phan Minh	Chí	D15_XD02	9	6	0	25	0	5	2	47	Yếu	
3	DH81502580	Lê Hùng	Cường	D15_XD02	9	6	8	25	10	13	9	80	Tốt	
4	DH81501129	Nguyễn Thanh	Đại	D15_XD02	9	6	5	25	4	15	2	66	Trung bình khá	
5	DH81501393	Đặng Văn	Đạt	D15_XD02	9	6	2	25	5	10	2	59	Trung bình	
6	DH81501126	Huỳnh Tấn	Đạt	D15_XD02	9	9	2	25	2	5	2	54	Trung bình	
7	DH81501388	Phạm Văn	Định	D15_XD02	9	6	2	25	6	0	2	50	Trung bình	
8	DH81501131	Nguyễn Huỳnh	Đức	D15_XD02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
9	DH81501120	Nguyễn Nghi	Gia	D15_XD02	9	8	2	25	5	10	2	61	Trung bình khá	
10	DH81501399	Nguyễn Đức	Hạnh	D15_XD02	9	8	4	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
11	DH81501135	Huỳnh Công	Hào	D15_XD02	9	8	4	25	14	15	2	77	Khá	
12	DH81501379	Nguyễn Trung	Hậu	D15_XD02	9	8	5	25	5	0	2	54	Trung bình	
13	DH81501124	Nguyễn Hoàng	Hiếu	D15_XD02	9	9	7	25	2	10	9	71	Khá	
14	DH81501394	Thái Trung	Hiếu	D15_XD02	9	8	3	25	8	8	2	63	Trung bình khá	
15	DH81501128	Lê Thế Đại	Hùng	D15_XD02	8	8	0	20	5	10	2	53	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
16	DH81501121	Lê Vũ Hoàng	Huy	D15_XD02	9	8	4	25	5	10	9	70	Khá	
17	DH81502579	Lữ Đình	Huy	D15_XD02	9	9	4	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
18	DH81501389	Châu Nhất	Kha	D15_XD02	9	10	2	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
19	DH81501383	Trần Ngọc	Linh	D15_XD02	9	9	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
20	DH81502481	Võ Hữu	Lộc	D15_XD02	10	9	7	25	8	5	8	72	Khá	
21	DH81501390	Lưu Quốc	Luân	D15_XD02	9	10	6	25	12	10	9	81	Tốt	
22	DH81501119	Văn Đức	Minh	D15_XD02	9	8	4	25	2	3	2	53	Trung bình	
23	DH81501386	Nguyễn Hoàng	Nam	D15_XD02	9	6	2	25	18	15	2	77	Khá	
24	DH81501391	Lê Quốc Anh	Nguyên	D15_XD02	8	6	0	20	5	10	2	51	Trung bình	
25	DH81501130	Nguyễn Tam	Nguyên	D15_XD02	9	8	8	25	20	5	9	84	Tốt	
26	DH81501380	Vũ Ngô Thế	Phiệt	D15_XD02	8	6	0	20	5	5	2	46	Yếu	
27	DH81501117	Dương Thanh	Phong	D15_XD02	9	6	0	23	0	10	2	50	Trung bình	
28	DH81501118	Lê Vũ Hoàng	Phú	D15_XD02	9	8	6	25	2	15	9	74	Khá	
29	DH81502484	Nguyễn Hoàng	Phúc	D15_XD02	9	9	2	25	0	0	2	47	Yếu	
30	DH81501378	Lê Nhật	Quang	D15_XD02	9	6	4	25	7	15	8	74	Khá	
31	DH81501122	Nguyễn Văn Phú	Quý	D15_XD02	9	8	8	25	6	10	9	75	Khá	
32	DH81501125	Nguyễn Đình	Son	D15_XD02	9	8	8	25	2	10	8	70	Khá	
33	DH81501384	Võ Hoài	Son	D15_XD02	9	6	4	25	0	10	2	56	Trung bình	
34	DH81501396	Nguyễn Tấn	Tài	D15_XD02	9	8	3	25	3	5	9	62	Trung bình khá	
35	DH81501134	Nguyễn Thanh	Tâm	D15_XD02	9	6	0	25	4	5	2	51	Trung bình	
36	DH81501133	Trần Đức	Tân	D15_XD02	9	8	0	25	2	5	2	51	Trung bình	
37	DH81501400	Tô Ny	Thái	D15_XD02	9	8	4	25	0	10	2	58	Trung bình	
38	DH81501398	Lê Minh	Thắng	D15_XD02	9	6	4	25	12	13	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
39	DH81501385	Đỗ Hồng	Thâu	D15_XD02	8	6	0	20	5	10	2	51	Trung bình	
40	DH81501127	Nguyễn Hoàng	Thiện	D15_XD02	9	9	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
41	DH81502581	Trần Quang	Thịnh	D15_XD02	8	6	0	20	5	10	2	51	Trung bình	
42	DH81501397	Đoàn Lê Công	Tiến	D15_XD02	9	10	0	25	0	10	2	56	Trung bình	
43	DH81501395	Đặng Hoàng	Trúc	D15_XD02	9	8	8	25	10	13	2	75	Khá	
44	DH81501381	Đặng Phương	Trung	D15_XD02	9	8	8	25	6	10	2	68	Trung bình khá	
45	DH81501123	Nguyễn Hữu	Trung	D15_XD02	9	6	4	25	4	3	2	53	Trung bình	
46	DH81501392	Ngô Văn	Trượng	D15_XD02	9	8	8	24	0	10	2	61	Trung bình khá	
47	DH81501132	Cao Quang	Vinh	D15_XD02	9	8	7	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
48	DH81501382	Tô Lâm Hoàng	Vũ	D15_XD02	9	6	4	25	6	10	2	62	Trung bình khá	
49	DH81501136	Trần Hoàng	Vũ	D15_XD02	9	8	2	25	6	10	2	62	Trung bình khá	
1	DH81502381	Đỗ Thành	An	D15_XD03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
2	DH81501941	Lê Quang Duy	An	D15_XD03	8	8	2	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
3	DH81501768	Chu Huy	Anh	D15_XD03	7	6	2	25	8	5	2	55	Trung bình	
4	DH81501785	Lê Văn Tuấn	Anh	D15_XD03	10	6	6	25	10	5	2	64	Trung bình khá	
5	DH81501781	Nguyễn Xuân	Anh	D15_XD03	10	8	0	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
6	DH81502380	Võ Trọng	Ân	D15_XD03	7	6	0	25	8	15	2	63	Trung bình khá	
7	DH81501779	Nguyễn Đức	Duy	D15_XD03	7	9	2	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
8	DH81501782	Nguyễn Thanh	Dương	D15_XD03	8	8	4	25	8	8	2	63	Trung bình khá	
9	DH81502006	Lê Tấn	Đạt	D15_XD03	8	6	4	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
10	DH81501943	Nguyễn Quốc	Đạt	D15_XD03	10	9	6	25	13	10	2	75	Khá	
11	DH81501856	Hồ Quang Anh	Hào	D15_XD03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
12	DH81502378	Trần Thanh	Hậu	D15_XD03	10	6	0	25	5	10	2	58	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	DH81501855	Nguyễn Trọng	Hiếu	D15_XD03	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
14	DH81502584	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	D15_XD03	10	8	6	25	10	10	2	71	Khá	
15	DH81501767	Nguyễn Hồ	Hữu	D15_XD03	7	6	4	25	8	10	2	62	Trung bình khá	
16	DH81501774	Trương Mạnh	Kha	D15_XD03	8	8	4	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
17	DH81501778	Nguyễn Gia	Khang	D15_XD03	7	6	3.5	25	12	5	2	60.5	Trung bình khá	
18	DH81502005	Nguyễn Hồng	Khánh	D15_XD03	9	8	6	25	10	5	2	65	Trung bình khá	
19	DH81501765	Trần Văn	Mạnh	D15_XD03	10	8	0	25	5	10	2	60	Trung bình khá	
20	DH81502004	Nguyễn Hồng	Minh	D15_XD03	10	6	6	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
21	DH81502485	Nguyễn Xuân	Nghĩa	D15_XD03	8	8	2	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
22	DH81502379	Lê Nguyễn Khôi	Nguyên	D15_XD03	7	9	4	25	20	10	2	77	Khá	
23	DH81501776	Trần Khoa	Nguyên	D15_XD03	7	6	2	25	8	10	2	60	Trung bình khá	
24	DH81502376	Trương Văn	Nhân	D15_XD03	9	9	4	25	8	15	2	72	Khá	
25	DH81501945	Nguyễn Tấn	Phát	D15_XD03	8	8	4	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
26	DH81501787	Võ Hồng	Phi	D15_XD03	10	8	5	25	19	10	2	79	Khá	
27	DH81501777	Thái Ngọc Hoài	Phong	D15_XD03	10	8	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
28	DH81501786	Tô Văn	Phong	D15_XD03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
29	DH81502002	Trần Thanh	Phong	D15_XD03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
30	DH81501772	Đình Công	Phú	D15_XD03	10	8	8	25	20	5	2	78	Khá	
31	DH81501942	Nguyễn Ngọc	Phú	D15_XD03	10	8	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
32	DH81501784	Nguyễn Trần Huy	Quang	D15_XD03	10	6	7	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
33	DH81501766	Trần Ngọc Anh	Quang	D15_XD03	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
34	DH81501775	Phạm Trung	Quân	D15_XD03	10	6	2	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
35	DH81501770	Phạm Quang	Sáng	D15_XD03	7	6	6	25	8	10	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
36	DH81502377	Phạm Công	Tài	D15_XD03	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
37	DH81502003	Trương Anh	Tài	D15_XD03	7	6	2	25	10	5	2	57	Trung bình	
38	DH81500778	Nguyễn Ngọc	Tấn	D15_XD03	10	6	2	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
39	DH81501858	Hoàng Quốc	Thái	D15_XD03	7	6	2	25	8	10	2	60	Trung bình khá	
40	DH81502384	Nguyễn Công	Thành	D15_XD03	7	8	8	25	20	12	2	82	Tốt	
41	DH81501944	Huỳnh Thanh	Thuận	D15_XD03	10	8	4	25	12	5	2	66	Trung bình khá	
42	DH81501783	Huỳnh Hoàng	Tiền	D15_XD03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
43	DH81501857	Phạm Sĩ	Tiến	D15_XD03	7	8	2	25	8	10	2	62	Trung bình khá	
44	DH81502582	Nguyễn Đức	Toàn	D15_XD03	10	9	2	25	7	5	2	60	Trung bình khá	
45	DH81501763	Đoàn Trọng Duy	Trình	D15_XD03	10	6	2	25	11	10	2	66	Trung bình khá	
46	DH81501771	Huỳnh Minh	Trường	D15_XD03	7	8	2	25	10	10	2	64	Trung bình khá	
47	DH81501764	Lê Trung	Tuấn	D15_XD03	10	10	3	25	15	6	2	71	Khá	
48	DH81501762	Phạm Quốc	Tùng	D15_XD03	10	8	4	25	11	10	2	70	Khá	
49	DH81501773	Nguyễn Lâm	Vàng	D15_XD03	10	9	6	25	13	10	2	75	Khá	
50	DH81502583	Đặng Lê	Xuân	D15_XD03	10	10	2	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
1	DH81502585	Phạm Tuấn	An	D15_XD04	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
2	DH81502278	Phan Nguyễn Duy	An	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
3	DH81502271	Lê Ngọc	Bảo	D15_XD04	8	8	4	25	2	5	2	54	Trung bình	
4	DH81502269	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	D15_XD04	10	8	4	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
5	DH81502274	Dương Minh	Chánh	D15_XD04	10	8	2	25	0	3	2	50	Trung bình	
6	DH81502009	Trần Thị Thái	Châu	D15_XD04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
7	DH81502491	Lê Tấn	Cường	D15_XD04	8	6	2	25	7	10	2	60	Trung bình khá	
8	DH81502575	Lê Thành	Danh	D15_XD04	8	9	4	25	5	15	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH81502140	Lâm Thanh	Dũng	D15_XD04	8	8	4	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
10	DH81502008	Vũ Tuấn	Dũng	D15_XD04	9	8	2	25	4	10	2	60	Trung bình khá	
11	DH81502146	Nguyễn Quan	Đại	D15_XD04	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
12	DH81502266	Trần Quân	Đạt	D15_XD04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
13	DH81502489	Nguyễn Văn	Ghi	D15_XD04	8	6	0	25	4	7	2	52	Trung bình	
14	DH81502277	Nguyễn Thúy	Hằng	D15_XD04	10	9	2	25	6	5	2	59	Trung bình	
15	DH81502148	Vũ Hữu	Hậu	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
16	DH81502576	La Văn	Hiếu	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
17	DH81502280	Trần Minh	Hùng	D15_XD04	9	6	5	25	2	5	2	54	Trung bình	
18	DH81502144	Bùi Lâm Hoàng	Huy	D15_XD04	9	8	0	25	0	10	2	54	Trung bình	
19	DH81502282	Nguyễn Tiến	Huy	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
20	DH81502276	Võ Thành	Hung	D15_XD04	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
21	DH81502492	Trần Ngọc	Khiết	D15_XD04	10	8	4	25	2	5	2	56	Trung bình	
22	DH81502145	Bùi Đăng	Khoa	D15_XD04	9	8	6	25	12	15	2	77	Khá	
23	DH81502273	Nguyễn Đăng	Khoa	D15_XD04	10	8	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
24	DH81502284	Trần Thành	Khoa	D15_XD04	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
25	DH81502486	Phạm Trung	Kiên	D15_XD04	8	8	4	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
26	DH81502142	Nguyễn Tường	Long	D15_XD04	10	9	2	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
27	DH81502263	Trần Trung	Lực	D15_XD04	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
28	DH81502267	Đặng Ngọc	Minh	D15_XD04	10	8	8	25	11	13	2	77	Khá	
29	DH81502275	Huỳnh Nhân	Nghĩa	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
30	DH81502483	Đình Ngọc Thảo	Nhi	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
31	DH81502493	Hồ Nhuận	Phát	D15_XD04	9	8	6	25	8	5	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH81502143	Nguyễn Ngô Hoài	Phong	D15_XD04	9	8	0	25	0	10	2	54	Trung bình	
33	DH81502040	Nguyễn Như	Phong	D15_XD04	9	8	2	25	0	8	2	54	Trung bình	
34	DH81502264	Võ Kỳ	Phong	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
35	DH81502141	Nguyễn Trọng	Phúc	D15_XD04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
36	DH81502139	Nguyễn Đăng	Quang	D15_XD04	10	8	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
37	DH81502147	Tạ Nhật	Quang	D15_XD04	0	6	0	0	0	0	6	12	Kém	
38	DH81502007	Hồ Hữu Giàu	Sang	D15_XD04	10	10	5	25	17	10	2	79	Khá	
39	DH81502383	Khổng Hữu	Son	D15_XD04	7	6	0	25	0	5	2	45	Yếu	
40	DH81502586	Võ Hải	Son	D15_XD04	10	9	0	25	4	10	2	60	Trung bình khá	
41	DH81502382	Danh	Tài	D15_XD04	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
42	DH81502042	Trần Văn	Tàu	D15_XD04	9	8	6	25	11	13	2	74	Khá	
43	DH81502283	Nguyễn Nho Minh	Tâm	D15_XD04	8	6	0	25	5	5	2	51	Trung bình	
44	DH81502281	Nguyễn Đình	Thanh	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
45	DH81501780	Trương Quốc	Thịnh	D15_XD04	8	6	0	25	2	2	2	45	Yếu	
46	DH81502574	Nguyễn Quốc	Toàn	D15_XD04	10	9	6	25	16	13	9	88	Tốt	
47	DH81502487	Phạm Minh	Toàn	D15_XD04	8	8	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
48	DH81502265	Bùi Thanh	Trang	D15_XD04	7	6	0	25	2	8	2	50	Trung bình	
49	DH81502279	Đỗ Thanh	Trọng	D15_XD04	10	6	4	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
50	DH81502268	Nguyễn	Tuấn	D15_XD04	8	8	3	25	2	5	2	53	Trung bình	
51	DH81501115	Thân Vĩnh	Tuấn	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
52	DH81502041	Võ Duy Quốc	Vĩ	D15_XD04	10	8	5	25	0	10	6	64	Trung bình khá	
53	DH81502488	Lê Quang	Vinh	D15_XD04	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
54	DH81502270	Phạm Hữu	Vinh	D15_XD04	8	9	0	25	0	10	2	54	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
55	DH81502272	Phan Hoàng	Vũ	D15_XD04	8	8	4	25	2	5	2	54	Trung bình	
56	DH81502138	Phan Quốc	Vũ	D15_XD04	10	8	4	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
57	DH81502490	Võ Thanh	Vũ	D15_XD04	10	9	6	25	11	13	2	76	Khá	
1	CD71301622	Hậu Tuệ	ái	C13_KD01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
2	CD71301623	Lâm Mỹ	ái	C13_KD01	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
3	CD71301626	Huỳnh	Âu	C13_KD01	10	12	4	25	18	15	8	92	Xuất sắc	
4	CD71100345	Nguyễn Xuân Thạch	Cương	C13_KD01	10	10	2	25	15	15	2	79	Khá	
5	CD71301700	Trần Kế	Duyên	C13_KD01	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
6	CD71301637	Phạm Tấn	Đạt	C13_KD01	10	8	8	25	11	15	2	79	Khá	
7	CD71301713	Phùng Vĩnh	Hào	C13_KD01	10	12	7	25	13	15	2	84	Tốt	
8	CD71201837	Văn Thị Kim	Hằng	C13_KD01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
9	CD71301725	Huỳnh Thiên	Hồng	C13_KD01	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
10	CD71301726	Nguyễn Thị Thu	Hồng	C13_KD01	10	6	7	25	2	15	2	67	Trung bình khá	
11	CD71301760	Võ Thị Thanh	Huyền	C13_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
12	CD71301801	Đình Gia	Lệ	C13_KD01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
13	CD71301796	Nguyễn Ngọc Tường	Linh	C13_KD01	10	9	4	25	18	15	2	83	Tốt	
14	CD71201699	Nguyễn Hồng	Loan	C13_KD01	10	12	4	15	12	15	2	70	Khá	
15	CD71301822	Lê Huỳnh	Nam	C13_KD01	10	12	8	25	11	15	10	91	Xuất sắc	
16	CD71301844	Nguyễn Trọng	Nghĩa	C13_KD01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
17	CD71301851	Vũ Huỳnh	Như	C13_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
18	CD71301869	Huỳnh Thanh	Nhật	C13_KD01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
19	CD71201161	Trương Nhuận	Phát	C13_KD01	9	12	2	15	-1	10	2	49	Yếu	
20	CD71301902	Nguyễn Khắc	Phụng	C13_KD01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
21	CD71301880	Nguyễn Thị Mai	Phuong	C13_KD01	10	9	6	25	14	15	2	81	Tốt	
22	CD71201000	Võ Thị Mai	Phuong	C13_KD01	10	12	2	15	20	10	2	71	Khá	
23	CD71301909	Khâu Ngọc	Quang	C13_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
24	CD71301923	Nguyễn Kim	Son	C13_KD01	10	9	2	25	16	15	2	79	Khá	
25	CD71301929	Nguyễn Thị Hồng	Sự	C13_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
26	CD71301966	Phạm Thị Hồng	Thắm	C13_KD01	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
27	CD71201175	Nguyễn Thị Thảo	Trang	C13_KD01	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
28	CD71302022	Võ Hoàng	Trâm	C13_KD01	10	12	4	15	3	15	2	61	Trung bình khá	
29	CD71302024	Lâm Soái	Trân	C13_KD01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
30	CD71302025	Nguyễn Ngọc	Trân	C13_KD01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
31	CD71302036	Trương Văn	Trường	C13_KD01	8	12	8	25	16	10	2	81	Tốt	
32	CD71302084	Nguyễn Hoàng	Vũ	C13_KD01	10	9	2	25	16	15	2	79	Khá	
1	CD71301649	Mai Vương Tiểu	Anh	C13_KD02	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
2	CD71301675	Lê Thị Thu	Cúc	C13_KD02	10	12	6	25	7	15	10	85	Tốt	
3	CD71301711	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	C13_KD02	10	8	2	25	11	15	2	73	Khá	
4	CD71301720	Trần Nguyễn Thanh	Hải	C13_KD02	9	10	4	25	8	15	2	73	Khá	
5	CD71301704	Dương Thị Thu	Hằng	C13_KD02	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
6	CD71301757	Nguyễn Ngô Minh	Huy	C13_KD02	10	10	6	15	5	15	2	63	Trung bình khá	
7	CD71301774	Huỳnh Đăng	Khoa	C13_KD02	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
8	CD71301782	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	C13_KD02	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
9	CD71301802	Võ Thanh	Loan	C13_KD02	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
10	CD71301810	Trần Thị Thanh	Mai	C13_KD02	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
11	CD71301811	Trần Thị Trúc	Mai	C13_KD02	10	12	2	15	8	15	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	CD71301818	Trần Phạm Kiều	Minh	C13_KD02	10	10	8	25	16	15	10	94	Xuất sắc	
13	CD71301823	Phạm Hải	Nam	C13_KD02	10	10	6	25	13	15	2	81	Tốt	
14	CD71301832	Trang Thị Thanh	Nga	C13_KD02	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
15	CD71301828	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	C13_KD02	9	12	4	15	8	15	2	65	Trung bình khá	
16	CD71301842	Trần Hồng	Ngọc	C13_KD02	10	8	8	15	12	10	2	65	Trung bình khá	
17	CD71301845	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	C13_KD02	10	12	4	25	18	15	10	94	Xuất sắc	
18	CD71301883	Đặng Ngọc	Phước	C13_KD02	10	8	2	15	8	15	2	60	Trung bình khá	
19	CD71301917	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	C13_KD02	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
20	CD71301940	Phạm Huỳnh Tấn	Tài	C13_KD02	9	6	2	15	11	15	2	60	Trung bình khá	
21	CD71301965	Trần Thị Thu	Thảo	C13_KD02	10	9	2	15	14	15	2	67	Trung bình khá	
22	CD71301994	Phạm Minh	Thuận	C13_KD02	10	6	2	15	14	15	2	64	Trung bình khá	
23	CD71301995	Trương Quang Mỹ	Thuận	C13_KD02	10	12	4	15	8	15	2	66	Trung bình khá	
24	CD71301957	Nguyễn Nhật Thương	Thương	C13_KD02	8	8	0	25	16	10	6	73	Khá	
25	CD71302026	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	C13_KD02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
26	CD71302043	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	C13_KD02	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
27	CD71302034	Nguyễn Minh	Trường	C13_KD02	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
28	CD71302013	Nguyễn Tuấn	Tú	C13_KD02	10	9	6	25	11	15	2	78	Khá	
1	CD71301648	Huỳnh Ngọc Vân	Anh	C13_KD03	10	6	4	25	18	5	2	70	Khá	
2	CD71301651	Trần Tuyết	Anh	C13_KD03	10	12	4	25	15	5	9	80	Tốt	
3	CD71301663	Trần Gia	Bội	C13_KD03	9	12	0	25	16	10	2	74	Khá	
4	CD71301676	Nguyễn Thị Thu	Cúc	C13_KD03	10	10	0	15	0	5	2	42	Yếu	Không khám sức khỏe
5	CD71301683	Thái Thanh	Diễm	C13_KD03	10	12	4	25	3	5	2	61	Trung bình khá	
6	CD71301636	Nguyễn Thành	Đạt	C13_KD03	9	10	0	15	6	5	2	47	Yếu	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	CD71301751	Hồ Công Quốc	Hoàng	C13_KD03	10	12	4	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
8	CD71301724	Dương Thị	Hồng	C13_KD03	10	8	6	25	12	5	2	68	Trung bình khá	
9	CD71301754	Lê Trúc	Huỳnh	C13_KD03	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
10	CD71301762	Phan Nhật	Khánh	C13_KD03	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
11	CD71301799	Nguyễn Thị Thùy	Linh	C13_KD03	10	8	8	25	18	5	2	76	Khá	
12	CD71301807	Nguyễn Lê Quỳnh	Mai	C13_KD03	9	8	6	25	12	10	2	72	Khá	
13	CD71301812	Đặng Gia	Mẫn	C13_KD03	10	8	6	25	3	5	2	59	Trung bình	
14	CD71301831	Lê Thị Tuyết	Nga	C13_KD03	10	8	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
15	CD71301834	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	C13_KD03	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
16	CD71301846	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	C13_KD03	10	12	6	25	13	10	2	78	Khá	
17	CD71301847	Tôn Bình	Nguyên	C13_KD03	10	10	4	15	8	5	2	54	Trung bình	
18	CD71301855	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	C13_KD03	9	10	2	25	0	10	2	58	Trung bình	
19	CD71301859	Ninh Trần Thủy	Nhi	C13_KD03	10	12	4	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
20	CD71301898	Hồ Thanh	Phong	C13_KD03	10	12	0	15	2	10	2	51	Trung bình	
21	CD71301949	Nguyễn Anh	Thái	C13_KD03	10	12	4	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
22	CD71301961	Nguyễn Thị Kim	Thành	C13_KD03	10	6	0	15	0	10	2	43	Yếu	
23	CD71301980	Lâm Gia	Thoại	C13_KD03	10	10	4	15	2	5	2	48	Yếu	
24	CD71302018	Đỗ Thị Mai	Trâm	C13_KD03	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
25	CD71302052	Võ Minh	Trí	C13_KD03	10	6	4	15	8	5	2	50	Trung bình	
26	CD71302081	Trần Hoàng	Vinh	C13_KD03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
27	CD71302088	Huỳnh Hồ Thúy	Vy	C13_KD03	10	12	0	25	18	10	2	77	Khá	
28	CD71302089	Trần Thùy	Vy	C13_KD03	10	12	2	25	0	10	2	61	Trung bình khá	
29	CD71302096	Huỳnh Phi	Yến	C13_KD03	9	12	6	25	12	10	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	CD71301690	Lê Thị Mỹ	Dung	C13_KD04	10	9	8	25	15	3	2	72	Khá	
2	CD71301699	Thái Hà Mỹ	Duyên	C13_KD04	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
3	CD71301640	Lê Thị Hồng	Điểm	C13_KD04	10	12	6	25	9	10	2	74	Khá	
4	CD71301629	Trần Tú	Đình	C13_KD04	10	8	8	25	15	3	2	71	Khá	
5	CD71301702	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	C13_KD04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
6	CD71301736	Nguyễn Thị Thu	Hiền	C13_KD04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
7	CD71301804	Tăng Tài	Luân	C13_KD04	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
8	CD71301861	Trần Tiểu	Nhi	C13_KD04	10	12	6	25	15	10	9	87	Tốt	
9	CD71301868	Trần Thị Hồng	Nhung	C13_KD04	10	9	2	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
10	CD71301905	Trương Nghi	Phụng	C13_KD04	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
11	CD71301876	Nguyễn Bình	Phương	C13_KD04	10	12	6	25	7	10	2	72	Khá	
12	CD71301906	Nguyễn Minh	Quân	C13_KD04	10	12	4	25	10	15	9	85	Tốt	
13	CD71301918	Nguyễn Thị	Quỳnh	C13_KD04	10	9	0	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
14	CD71301953	Ngô Anh	Thơ	C13_KD04	10	9	6	25	7	10	2	69	Trung bình khá	
15	CD71301992	Lê Lưu	Thuận	C13_KD04	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
16	CD71301979	Ngô Lý Như	Thùy	C13_KD04	9	12	6	25	19	10	9	90	Xuất sắc	
17	CD71302004	Trần Ng Kim Thùy	Tiên	C13_KD04	10	10	4	25	19	10	2	80	Tốt	
18	CD71302016	Thái Chí	Toàn	C13_KD04	9	9	6	25	18	13	9	89	Tốt	
19	CD71302027	Huỳnh Thị Mai	Trang	C13_KD04	10	9	2	25	12	10	2	70	Khá	
20	CD71302028	Lâm Lê Thùy	Trang	C13_KD04	10	12	4	25	5	10	2	68	Trung bình khá	
21	CD71302031	Trần Thị Thùy	Trang	C13_KD04	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
22	CD71302019	Trương Hoàng Yên	Trâm	C13_KD04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
23	CD71302042	Huỳnh Thanh	Trúc	C13_KD04	10	12	8	25	15	13	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	CD71302109	Huỳnh Ngọc Kim	Tuyền	C13_KD04	10	12	0	25	10	3	2	62	Trung bình khá	
25	CD71302069	Hà Võ Bích	Vân	C13_KD04	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
26	CD71302070	Nguyễn Thị Thanh	Vân	C13_KD04	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
27	CD71302072	Phan Thị Thu	Vân	C13_KD04	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
28	CD71302091	Lê Hữu Yên	Xuân	C13_KD04	10	12	4	25	5	10	2	68	Trung bình khá	
1	CD71301678	Lê Thị Thúy	Dương	C13_KT01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
2	CD71301679	Lục Duy	Dương	C13_KT01	10	9	6	25	17	10	2	79	Khá	
3	CD71301710	Âu Thị Ngọc	Hà	C13_KT01	8	8	6	25	20	10	2	79	Khá	
4	CD71301748	Lê Thanh	Hoài	C13_KT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
5	CD71301759	Lâm Phạm Thanh	Huyền	C13_KT01	10	12	8	25	17	10	6	88	Tốt	
6	CD71301746	Nguyễn Đăng	Hung	C13_KT01	10	6	8	15	11	10	2	62	Trung bình khá	
7	CD71301783	Mã Hiểu	Kỳ	C13_KT01	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
8	CD71301800	Phạm Thị	Linh	C13_KT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
9	CD71301820	Nguyễn Hương	Mỹ	C13_KT01	9	8	6	25	20	10	2	80	Tốt	
10	CD71301836	Nguyễn Phương Như	Ngọc	C13_KT01	10	8	8	12	17	10	2	67	Trung bình khá	
11	CD71301839	Trương Thị Kim	Ngọc	C13_KT01	10	8	8	25	11	10	2	74	Khá	
12	CD71301858	Lê Thị Yên	Nhi	C13_KT01	10	8	8	24	14	10	2	76	Khá	
13	CD71301863	Vũ Thị Yên	Nhi	C13_KT01	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
14	CD71301865	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	C13_KT01	10	9	8	25	20	5	2	79	Khá	
15	CD71301867	Trần Hồng	Nhung	C13_KT01	10	12	8	15	11	10	2	68	Trung bình khá	
16	CD71301873	Lê Tấn	Phát	C13_KT01	8	6	8	12	19	10	2	65	Trung bình khá	
17	CD71301903	Nguyễn Thị Yên	Phụng	C13_KT01	7	6	6	15	9	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
18	CD71301888	Lê Thị Bích	Phượng	C13_KT01	10	6	8	25	17	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	CD71301954	Nguyễn Thị Thanh	Thơ	C13_KT01	10	12	8	13	19	10	2	74	Khá	
20	CD71301990	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	C13_KT01	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
21	CD71301976	Dương Thị Biên	Thùy	C13_KT01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
22	CD71301978	Bùi Thị Minh	Thùy	C13_KT01	10	6	2	25	20	10	2	75	Khá	
23	CD71301947	Trần Thị Anh	Thư	C13_KT01	10	6	6	13	20	10	2	67	Trung bình khá	
24	CD71302001	Lê Thị Cẩm	Tiên	C13_KT01	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
25	CD71302003	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	C13_KT01	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
26	CD71302020	Trần Thị Bích	Trâm	C13_KT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
27	CD71302021	Trần Thị Mộng	Trâm	C13_KT01	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
28	CD71302064	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	C13_KT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
29	CD71302065	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	C13_KT01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
30	CD71302066	Võ Thị ánh	Tuyết	C13_KT01	10	8	6	15	20	10	9	78	Khá	
31	CD71302092	Võ Thị	Xuân	C13_KT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
32	CD71302094	Bành Thị Hoàng	Yến	C13_KT01	10	8	8	25	17	10	2	80	Tốt	
33	CD71302095	Hồ Thị Kim	Yến	C13_KT01	10	6	8	15	12	10	2	63	Trung bình khá	
1	CD71400034	Nguyễn Hồ Mai	Anh	C14_KD01	10	8	4	25	12	5	2	66	Trung bình khá	
2	CD71400039	Nguyễn Thị Kim	Anh	C14_KD01	7	6	8	25	10	12	2	70	Khá	
3	CD71400005	Nguyễn Thị Kim	ánh	C14_KD01	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
4	CD71400071	Nguyễn Thị	Bọt	C14_KD01	9	8	6	25	16	15	2	81	Tốt	
5	CD71400110	Trần Ngọc Bảo	Châu	C14_KD01	9	12	4	25	20	5	2	77	Khá	
6	CD71401774	Trương Minh	Châu	C14_KD01	9	12	6	25	10	10	2	74	Khá	
7	CD71400123	Phạm Thị Mỹ	Chi	C14_KD01	9	12	8	25	8	15	2	79	Khá	
8	CD71400142	Nguyễn Đại	Dương	C14_KD01	9	9	4	25	18	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	CD71400237	Vũ Thành	Đạt	C14_KD01	10	8	5	15	13	5	2	58	Trung bình	
10	CD71400266	Đoàn Quỳnh	Giao	C14_KD01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	Không khám sức khỏe
11	CD71400318	Đỗ Huy	Hải	C14_KD01	10	12	2	15	0	15	2	56	Trung bình	
12	CD71400311	Dư Trí	Hào	C14_KD01	10	8	2	25	20	10	2	77	Khá	
13	CD71301706	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	C14_KD01	0	12	0	-10	0	0	0	2	Kém	Không khám sức khỏe
14	CD71401758	Nguyễn Võ Lệ	Hằng	C14_KD01	9	6	2	25	14	5	2	63	Trung bình khá	
15	CD71400360	Trần Thị Tuyết	Hồng	C14_KD01	10	12	8	25	10	9	2	76	Khá	
16	CD71400462	Quách Thị	Hua	C14_KD01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
17	CD71400474	Lâm Thiên	Huy	C14_KD01	9	6	4	15	14	10	8	66	Trung bình khá	
18	CD71400478	Ngô Phúc	Huy	C14_KD01	9	6	6	15	3	15	2	56	Trung bình	
19	CD71400528	Nguyễn Hoài Đăng	Khang	C14_KD01	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
20	CD71400515	Huỳnh Ngô Ngọc	Khương	C14_KD01	10	9	2	25	12	15	2	75	Khá	
21	CD71400588	Trịnh Phương	Lan	C14_KD01	9	6	5	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
22	CD71400619	Lê Xuân	Linh	C14_KD01	9	8	0	25	17	13	2	74	Khá	
23	CD71400640	Trần Nhuệ	Loan	C14_KD01	9	9	4	25	20	8	2	77	Khá	
24	CD71400721	Lê Phước	My	C14_KD01	9	8	6	25	16	10	2	76	Khá	
25	CD71400774	Trương ái Kim	Ngân	C14_KD01	8	12	4	25	17	10	2	78	Khá	
26	CD71400795	Lê Bá	Ngọc	C14_KD01	9	8	6	25	16	15	2	81	Tốt	
27	CD71400837	Lê Thị Kim	Nguyên	C14_KD01	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
28	CD71400919	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhung	C14_KD01	10	12	4	25	20	5	2	78	Khá	
29	CD71400923	Phan Hồng	Nhung	C14_KD01	9	6	6	25	11	10	2	69	Trung bình khá	
30	CD71400936	Tạ Khải	Oanh	C14_KD01	9	8	2	25	15	10	9	78	Khá	
31	CD71400970	Võ Thế	Phi	C14_KD01	9	6	2	15	10	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	CD71401008	Trần Đại	Phúc	C14_KD01	9	8	2	25	10	15	2	71	Khá	
33	CD71401058	Trần Bảo	Quỳnh	C14_KD01	9	6	4	15	5	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
34	CD71301922	Ngô Quang Tin	Son	C14_KD01	0	10	8	-10	-10	-5	0	-7	Kém	Không khám sức khỏe
35	CD71401118	Phạm Huỳnh Xuân	Tâm	C14_KD01	9	9	5	25	18	15	2	83	Tốt	
36	CD71401186	Nguyễn Thái Đức	Thành	C14_KD01	9	12	2	25	18	15	2	83	Tốt	
37	CD71401202	Nguyễn Thị Yên	Thảo	C14_KD01	9	8	4	25	15	15	2	78	Khá	
38	CD71401703	Tôn Diễm	Thư	C14_KD01	9	12	2	25	9	10	2	69	Trung bình khá	
39	CD71401304	Lê Thị Mỹ	Tiên	C14_KD01	9	8	4	25	20	15	10	91	Xuất sắc	
40	CD71401311	Nguyễn Thụy Thủy	Tiên	C14_KD01	9	12	4	25	19	10	2	81	Tốt	
41	CD71401436	Nguyễn Thị Mai	Trình	C14_KD01	10	9	2	25	18	5	2	71	Khá	
42	CD71401775	Cao Hoàng	Tú	C14_KD01	9	8	4	25	11	10	2	69	Trung bình khá	
43	CD71401356	Trương Cẩm	Tú	C14_KD01	9	12	8	15	8	15	2	69	Trung bình khá	
44	CD71401598	Hoàng Hà	Vy	C14_KD01	9	8	4	25	18	10	2	76	Khá	
45	CD71302093	Ngô Thị Như	ý	C14_KD01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
46	CD71401627	Dương Ngọc	Yến	C14_KD01	8	8	4	25	12	15	2	74	Khá	
47	CD71401624	Đào Minh	Yến	C14_KD01	9	8	4	25	20	8	2	76	Khá	
1	CD71400224	Lê Phan Tấn	Đạt	C14_KD02	10	12	4	25	16	2	2	71	Khá	
2	CD71400278	Đào Thị Ngọc	Hân	C14_KD02	8	6	5	5	5	5	2	36	Yếu	Không khám sức khỏe
3	CD71401748	Nguyễn Duy	Huân	C14_KD02	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
4	CD71400484	Nguyễn Văn	Huy	C14_KD02	10	6	5	5	15	5	2	48	Yếu	
5	CD71400511	Phùng Gia	Khánh	C14_KD02	10	6	6	10	15	5	2	54	Trung bình	
6	CD71400589	Nguyễn Thị	Lên	C14_KD02	10	8	6	20	15	5	2	66	Trung bình khá	
7	CD71401778	Huỳnh Trúc	Liên	C14_KD02	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	CD71401646	Nguyễn Phạm	Lin-Đa	C14_KD02	10	6	6	25	5	5	2	59	Trung bình	
9	CD71400617	Lê Thị Phương	Linh	C14_KD02	7	6	8	25	7	10	2	65	Trung bình khá	
10	CD71400629	Nguyễn Trần Quỳnh	Linh	C14_KD02	10	6	4	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
11	CD71400662	Phạm Minh	Luân	C14_KD02	10	6	7	10	7	10	2	52	Trung bình	
12	CD71400665	Trần Hoàn Anh	Luân	C14_KD02	10	6	7	25	3	5	2	58	Trung bình	
13	CD71400672	Huỳnh	Mai	C14_KD02	10	8	8	25	7	0	2	60	Trung bình khá	
14	CD71400684	Nguyễn Thảo	Mi	C14_KD02	10	6	4	25	7	10	2	64	Trung bình khá	
15	CD71400737	Nguyễn Hoàng	Nam	C14_KD02	10	6	7	25	10	10	2	70	Khá	
16	CD71400790	Võ Thị Bích	Nga	C14_KD02	10	6	7	25	12	7	2	69	Trung bình khá	
17	CD71400803	Phạm Thị Hồng	Ngọc	C14_KD02	10	6	8	15	5	10	2	56	Trung bình	
18	CD71400841	Nguyễn Phúc	Nguyễn	C14_KD02	10	8	7	25	13	5	2	70	Khá	
19	CD71401032	Công Nhật	Phu	C14_KD02	10	10	6	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
20	CD71400959	Nguyễn Lam	Phương	C14_KD02	10	8	5	25	8	7	2	65	Trung bình khá	
21	CD71400980	Nguyễn Khánh	Phượng	C14_KD02	10	6	8	10	7	7	2	50	Trung bình	
22	CD71400983	Trần Thị Thanh	Phượng	C14_KD02	10	6	4	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
23	CD71401062	Nguyễn Hoàng	Quý	C14_KD02	10	12	2	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
24	CD71401060	Trần Trúc	Quỳnh	C14_KD02	10	10	8	25	16	5	2	76	Khá	
25	CD71401083	Nguyễn Hoàng	Son	C14_KD02	10	6	7	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
26	CD71401094	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	C14_KD02	10	10	8	15	10	5	2	60	Trung bình khá	
27	CD71401740	Nguy Như	Thắng	C14_KD02	10	10	8	25	7	5	2	67	Trung bình khá	
28	CD71401225	Trần Quốc	Thắng	C14_KD02	10	6	6	25	10	5	2	64	Trung bình khá	
29	CD71401306	Ngô Thị Mỹ	Tiên	C14_KD02	10	8	6	20	7	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
30	CD71401308	Nguyễn Ngọc Xuân	Tiên	C14_KD02	10	12	6	25	16	5	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	CD71401334	Nguyễn Mậu	Tiến	C14_KD02	10	12	6	15	-2	5	2	48	Yếu	Không khám sức khỏe
32	CD71401400	Nguyễn Ngọc Hương	Trang	C14_KD02	10	6	8	15	10	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
33	CD71401370	Hồ Thị Bích	Trâm	C14_KD02	10	8	5	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
34	CD71401377	Nguyễn Thị Bích	Trâm	C14_KD02	10	8	7	25	16	5	2	73	Khá	
35	CD71401548	Phan Thị Thục	Uyên	C14_KD02	8	6	5	20	8	5	2	54	Trung bình	
36	CD71401541	Võ Hoàng	Uớc	C14_KD02	10	8	2	25	8	8	2	63	Trung bình khá	
37	CD71401599	Huỳnh Ngọc Khánh	Vy	C14_KD02	10	12	6	25	16	5	2	76	Khá	
38	CD71401611	Võ Huỳnh Thanh	Vy	C14_KD02	10	6	6	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
39	CD71401706	Lê Tuấn	Vỹ	C14_KD02	10	12	5	25	8	10	2	72	Khá	
40	CD71401694	Võ Hoàng Thanh	Xuân	C14_KD02	10	6	7	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
41	CD71401636	Trần Thị Ngọc	Yến	C14_KD02	10	6	6	10	13	10	2	57	Trung bình	
1	CD71400174	Vũ Quốc	Dũng	C14_KT01	8	6	6	25	10	9	2	66	Trung bình khá	
2	CD71400205	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	C14_KT01	9	6	8	25	8	13	8	77	Khá	
3	CD71400262	Lê Thị Cẩm	Giang	C14_KT01	10	8	4	25	10	14	2	73	Khá	
4	CD71400324	Lý Trần Hoàng	Hải	C14_KT01	8	6	4	25	13	9	2	67	Trung bình khá	
5	CD71400274	Trần Thị Thanh	Hằng	C14_KT01	10	8	6	25	13	10	2	74	Khá	
6	CD71400459	Trần Thị Phương	Hòa	C14_KT01	10	8	4	25	16	8	2	73	Khá	
7	CD71400450	Hồ Trần Ngọc	Hoan	C14_KT01	8	6	6	25	16	9	2	72	Khá	
8	CD71400354	Ngô Phương	Hồng	C14_KT01	9	6	8	25	10	13	8	79	Khá	
9	CD71400494	Dương Thị Thu	Huyền	C14_KT01	10	6	8	15	0	9	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
10	CD71400722	Nguyễn Đoàn Trúc	My	C14_KT01	9	6	8	25	13	10	9	80	Tốt	
11	CD71400757	Lê Thị Kim	Ngân	C14_KT01	10	8	6	15	8	14	2	63	Trung bình khá	
12	CD71400767	Nguyễn Thị Trung	Ngân	C14_KT01	10	8	6	25	10	13	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	CD71400797	Lê Thị Thanh	Ngọc	C14_KT01	9	6	8	25	10	12	2	72	Khá	
14	CD71401729	Nguyễn Yên	Nhi	C14_KT01	9	6	6	25	10	14	2	72	Khá	
15	CD71400922	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	C14_KT01	10	6	4	25	13	13	2	73	Khá	
16	CD71401031	Trần Thị Vân	Phụng	C14_KT01	10	6	6	25	8	15	2	72	Khá	
17	CD71301887	Trần Thị Thiên	Phước	C14_KT01	8	10	4	15	-2	8	2	45	Yếu	Không khám sức khỏe
18	CD71401054	Đỗ Thị Trang	Quỳnh	C14_KT01	8	6	6	15	-1	9	2	45	Yếu	Không khám sức khỏe
19	CD71401093	Lê Diệp	Sương	C14_KT01	8	6	4	15	5	13	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
20	CD71401195	Đoàn Thị	Thảo	C14_KT01	10	8	6	25	13	9	8	79	Khá	
21	CD71401206	Phan Thị	Thảo	C14_KT01	0	6	0	-10	-10	0	0	-14	Kém	Không khám sức khỏe
22	CD71401222	Phạm Đại	Thắng	C14_KT01	9	6	6	25	11	10	9	76	Khá	
23	CD71401319	Trương Thị Thùy	Tiên	C14_KT01	10	6	8	25	8	13	2	72	Khá	
24	CD71401659	Lê Xuân	Trang	C14_KT01	10	6	4	15	10	14	2	61	Trung bình khá	
25	CD71401435	Nguyễn Thị Băng	Trinh	C14_KT01	10	8	6	15	16	8	2	65	Trung bình khá	
26	CD71401444	Trần Ngọc Phương	Trinh	C14_KT01	10	8	6	25	11	14	2	76	Khá	
27	CD71401448	Trần Thị Yên	Trinh	C14_KT01	10	6	6	25	11	10	2	70	Khá	
28	CD71401455	Bùi Thanh	Trúc	C14_KT01	8	6	4	15	1	9	2	45	Yếu	Không khám sức khỏe
29	CD71401526	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	C14_KT01	10	6	8	25	10	9	2	70	Khá	
30	CD71401618	Vũ Thị	Xuân	C14_KT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
1	CD71501437	Nguyễn Hà	Anh	C15_QT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
2	CD71500814	Ngô Quốc	Bảo	C15_QT01	8	8	8	25	11	10	2	72	Khá	
3	CD71500169	Huỳnh Minh	Chánh	C15_QT01	9	6	8	25	10	10	2	70	Khá	
4	CD71500055	Võ Ngọc	Dương	C15_QT01	8	6	8	25	15	10	2	74	Khá	
5	CD71500052	Lê Thị Trúc	Đào	C15_QT01	9	8	8	25	10	10	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	CD71502510	Huỳnh Nguyễn Mộng	Đoan	C15_QT01	9	6	8	25	10	8	2	68	Trung bình khá	
7	CD71500050	Lê Trần Ngọc	Hà	C15_QT01	8	6	7	25	13	8	2	69	Trung bình khá	
8	CD71501435	Phạm Thị Thanh	Hằng	C15_QT01	8	8	8	25	10	10	2	71	Khá	
9	CD71500818	Thái Thị Thu	Hằng	C15_QT01	9	8	8	25	10	10	2	72	Khá	
10	CD71502515	Nhữ Thị Thanh	Hiền	C15_QT01	9	8	8	25	20	10	2	82	Tốt	
11	CD71501432	Đào Xuân	Hiếu	C15_QT01	8	9	8	25	20	10	2	82	Tốt	
12	CD71502296	Lê Thái	Huy	C15_QT01	8	10	8	25	9	10	2	72	Khá	
13	CD71502301	Lê Thị Quỳnh	Hương	C15_QT01	9	9	8	25	20	10	2	83	Tốt	
14	CD71501436	Võ Thanh	Hương	C15_QT01	8	6	7	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
15	CD71501822	Lê Thị Thanh	Hường	C15_QT01	8	9	8	25	9	10	2	71	Khá	
16	CD71500588	Trần Nguyễn Yên	Khánh	C15_QT01	10	6	8	25	14	5	2	70	Khá	
17	CD71502300	Trần Duy	Khương	C15_QT01	8	8	8	25	8	8	2	67	Trung bình khá	
18	CD71500822	Lê Thị Thùy	Linh	C15_QT01	0	9	0	0	0	-5	0	4	Kém	
19	CD71502297	Trịnh Gia	Linh	C15_QT01	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
20	CD71500051	Vũ Thanh	Loan	C15_QT01	8	6	8	25	10	8	2	67	Trung bình khá	
21	CD71500054	Trần Nguyễn Trúc	Luy	C15_QT01	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
22	CD71500053	Phan Nhật	Minh	C15_QT01	9	8	8	25	13	10	0	73	Khá	
23	CD71501821	Nguyễn Thị Diễm	My	C15_QT01	9	8	8	25	17	10	2	79	Khá	
24	CD71500585	Nguyễn Thị Hà	My	C15_QT01	9	8	5	25	11	8	2	68	Trung bình khá	
25	CD71502172	Phạm Kim	Ngân	C15_QT01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
26	CD71501823	Trương Thị Hoàng	Ngân	C15_QT01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
27	CD71502405	Trương Thị Kim	Ngân	C15_QT01	8	10	2	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
28	CD71502403	Lê Thị Xuân	Ngọc	C15_QT01	0	9	0	0	0	-5	0	4	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	CD71500056	Tăng Mỹ	Ngọc	C15_QT01	9	8	8	25	20	10	2	82	Tốt	
30	CD71500584	Phạm Trung	Nhân	C15_QT01	9	8	8	25	16	10	2	78	Khá	
31	CD71500816	Quan Tú	Nhi	C15_QT01	8	8	8	25	20	10	2	81	Tốt	
32	CD71502512	Trần Thảo	Nhi	C15_QT01	7	6	8	25	9	10	2	67	Trung bình khá	
33	CD71502173	Nguyễn Thị Thúy	Nhung	C15_QT01	9	9	8	25	19	10	2	82	Tốt	
34	CD71501431	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	C15_QT01	8	8	8	25	16	10	2	77	Khá	
35	CD71500571	Đặng Đình	Phi	C15_QT01	7	8	8	25	10	8	2	68	Trung bình khá	
36	CD71502308	Dương Hoàng	Phong	C15_QT01	8	8	8	25	10	10	2	71	Khá	
37	CD71500820	Vương Thiệu	Phong	C15_QT01	10	8	8	25	10	8	0	69	Trung bình khá	
38	CD71502174	Trần Thiện	Phúc	C15_QT01	9	9	8	25	16	10	2	79	Khá	
39	CD71500824	Mạc Thanh	Phương	C15_QT01	9	8	8	25	13	10	2	75	Khá	
40	CD71502513	Đặng Đình	Quang	C15_QT01	9	6	7	25	12	10	2	71	Khá	
41	CD71500170	Tạ Anh	Quốc	C15_QT01	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
42	CD71500819	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	C15_QT01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
43	CD71500821	Huỳnh Lan	Thanh	C15_QT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
44	CD71502514	Nguyễn Ngọc	Thảo	C15_QT01	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
45	CD71502177	Nguyễn Thị Thu	Thắm	C15_QT01	9	8	8	25	10	10	2	72	Khá	
46	CD71500587	Đào Thị Bích	Thi	C15_QT01	9	8	8	25	12	10	2	74	Khá	
47	CD71502511	Lý Gia	Thiện	C15_QT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
48	CD71500817	Võ Thị Minh	Thơ	C15_QT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
49	CD71502175	Nguyễn Thị Thúy	Tiên	C15_QT01	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
50	CD71502299	Trần Thị Mỹ	Tiên	C15_QT01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
51	CD71502176	Hoàng Quốc	Tính	C15_QT01	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
52	CD71502402	Nguyễn Mạnh	Tùng	C15_QT01	8	8	8	25	10	9	2	70	Khá	
53	CD71502179	Kiều Thị Xuân	Trang	C15_QT01	9	9	8	25	20	10	2	83	Tốt	
54	CD71501824	Trần Thị Hồng	Trang	C15_QT01	9	8	8	25	6	8	2	66	Trung bình khá	
55	CD71501433	Đặng Thị Mai	Trâm	C15_QT01	9	8	8	25	14	10	2	76	Khá	
56	CD71500586	Trần Huyền	Trân	C15_QT01	9	9	8	25	14	10	2	77	Khá	
57	CD71500572	Phạm Thị Thanh	Trúc	C15_QT01	10	6	8	25	12	5	2	68	Trung bình khá	
58	CD71501434	Dương Hữu	Trường	C15_QT01	8	6	8	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
59	CD71500823	Nguyễn Ngọc	Tuấn	C15_QT01	9	8	8	25	12	10	2	74	Khá	
60	CD71502178	Lý Dịch	Tuyên	C15_QT01	9	8	8	25	9	10	2	71	Khá	
61	CD71502406	Trần Thị	Tuyết	C15_QT01	10	9	8	25	17	10	2	81	Tốt	
62	CD71500815	Lê Hoàng Thảo	Uyên	C15_QT01	8	8	8	25	10	10	2	71	Khá	
63	CD71502298	Nguyễn Thị Tường	Vi	C15_QT01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
64	CD71500583	Lê Nguyễn Khánh	Vy	C15_QT01	8	6	8	25	12	10	2	71	Khá	
65	CD71500049	Phan Đế	Xương	C15_QT01	8	8	8	25	10	10	2	71	Khá	
66	CD71502404	Võ Nữ Hải	Yến	C15_QT01	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
1	CD71501829	Dương Tuấn	Anh	C15_QT02	9	10	2	25	9	15	0	70	Khá	
2	CD71502166	Ô Quế	Anh	C15_QT02	10	9	0	25	9	15	9	77	Khá	
3	CD71502304	Trần Thị Lan	Anh	C15_QT02	7	8	4	25	12	15	0	71	Khá	
4	CD71501826	Văng Thị Tú	Anh	C15_QT02	10	8	0	25	18	15	0	76	Khá	
5	CD71501901	Nguyễn Minh	Dung	C15_QT02	10	8	0	25	18	15	0	76	Khá	
6	CD71502052	Hồng Tuấn	Dũng	C15_QT02	9	9	2	25	9	15	0	69	Trung bình khá	
7	CD71502168	Phan Hoàng	Duy	C15_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
8	CD71501954	Tô Luynh	Đa	C15_QT02	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	CD71502409	Lê Thị Thanh	Đào	C15_QT02	10	8	2	25	3	15	0	63	Trung bình khá	
10	CD71501828	Quách ái	Đào	C15_QT02	8	6	2	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
11	CD71502305	Đỗ Thị Bích	Hà	C15_QT02	10	10	2	25	9	15	9	80	Tốt	
12	CD71501002	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	C15_QT02	8	9	2	25	20	15	0	79	Khá	
13	CD71501906	Trần Ngọc	Hải	C15_QT02	10	9	2	25	3	15	0	64	Trung bình khá	
14	CD71502517	Liu Nhữ	Hiền	C15_QT02	8	6	0	25	3	15	0	57	Trung bình	
15	CD71502516	Nguyễn Thị Thu	Hiền	C15_QT02	10	9	0	25	6	15	0	65	Trung bình khá	
16	CD71501827	Trần Lê Diệu	Hiền	C15_QT02	10	8	0	25	3	15	0	61	Trung bình khá	
17	CD71502169	Võ Thị Thanh	Huệ	C15_QT02	6	10	2	25	5	15	0	63	Trung bình khá	
18	CD71502307	Trần Hữu	Khoa	C15_QT02	9	8	4	25	20	10	0	76	Khá	
19	CD71502302	Phạm Thị Thúy	Kiều	C15_QT02	10	8	2	25	0	15	0	60	Trung bình khá	
20	CD71501955	Lê Khánh	Linh	C15_QT02	10	9	0	25	18	15	0	77	Khá	
21	CD71501830	Phan Thị Cẩm	Linh	C15_QT02	10	8	0	25	3	14	0	60	Trung bình khá	
22	CD71502522	Nguyễn Tường Thục	Mẫn	C15_QT02	8	8	0	25	15	2	0	58	Trung bình	
23	CD71502055	Lê Nguyễn Trà	My	C15_QT02	8	9	2	25	5	15	2	66	Trung bình khá	
24	CD71502306	Lê Thị Bảo	Ngân	C15_QT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
25	CD71501866	Nguyễn Minh	Ngân	C15_QT02	9	8	2	25	3	15	0	62	Trung bình khá	
26	CD71501899	Trần Thị Thanh	Ngân	C15_QT02	10	9	2	25	19	15	0	80	Tốt	
27	CD71501957	Trương Thị Kim	Ngân	C15_QT02	10	8	0	25	18	15	0	76	Khá	
28	CD71502018	Hồ Thị Thanh	Ngọc	C15_QT02	10	9	0	25	3	15	0	62	Trung bình khá	
29	CD71502054	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	C15_QT02	9	8	0	25	3	15	0	60	Trung bình khá	
30	CD71502407	Lê Thị Hà	Nhi	C15_QT02	10	8	0	25	3	14	0	60	Trung bình khá	
31	CD71502165	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	C15_QT02	10	10	0	25	3	14	0	62	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	CD71501956	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	C15_QT02	8	9	2	25	3	15	0	62	Trung bình khá	
33	CD71502167	Quan Huệ	Như	C15_QT02	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
34	CD71502163	Lâm Hoàng	Phát	C15_QT02	8	6	2	25	6	10	0	57	Trung bình	
35	CD71502303	Nguyễn Duy	Phong	C15_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
36	CD71501865	Nguyễn Mỹ	Phụng	C15_QT02	10	8	2	25	3	10	0	58	Trung bình	
37	CD71502520	Nguyễn Thị Mỹ	Phuong	C15_QT02	10	6	0	25	18	10	0	69	Trung bình khá	
38	CD71502521	Thái Tùng	Phuong	C15_QT02	10	8	2	25	3	15	0	63	Trung bình khá	
39	CD71502164	Phan Vũ Khánh	Quỳnh	C15_QT02	9	8	7	25	5	15	0	69	Trung bình khá	
40	CD71501867	Nguyễn Tấn	Tài	C15_QT02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
41	CD71502410	Nguyễn Thị Tịnh	Tâm	C15_QT02	10	9	2	25	19	12	2	79	Khá	
42	CD71501904	Châu Thanh	Thảo	C15_QT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
43	CD71502056	Lê Thị Thanh	Thảo	C15_QT02	10	9	2	25	0	15	0	61	Trung bình khá	
44	CD71501832	Mạch Phương	Thảo	C15_QT02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
45	CD71502408	Nguyễn Phương	Thảo	C15_QT02	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
46	CD71501898	Trần Hồ Thanh	Thảo	C15_QT02	9	8	2	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
47	CD71501900	Nguyễn Châu Kim	Thu	C15_QT02	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
48	CD71501953	Lý Thị Thanh	Thủy	C15_QT02	10	6	2	20	8	15	0	61	Trung bình khá	
49	CD71501902	Bùi Anh	Thư	C15_QT02	10	8	0	25	3	15	0	61	Trung bình khá	
50	CD71502161	Lưu Hà	Tiên	C15_QT02	8	8	2	25	3	15	0	61	Trung bình khá	
51	CD71501903	Thái Vĩnh	Tiến	C15_QT02	7	6	2	25	2	15	0	57	Trung bình	
52	CD71502053	Nguyễn Thị Thùy	Trang	C15_QT02	10	9	0	25	18	15	0	77	Khá	
53	CD71502019	Lê Thái Bảo	Trâm	C15_QT02	10	9	0	25	3	14	0	61	Trung bình khá	
54	CD71502051	Đặng Trần Phương	Trình	C15_QT02	10	9	0	25	3	15	0	62	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
55	CD71502057	Trần Thị Ngọc	Trình	C15_QT02	10	10	2	25	3	15	0	65	Trung bình khá	
56	CD71501831	Trần Lê Hoàng	Trúc	C15_QT02	10	8	2	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
57	CD71502518	Nguyễn Minh	Tuyền	C15_QT02	10	8	0	25	3	15	0	61	Trung bình khá	
58	CD71502162	Trịnh Kim	Tuyền	C15_QT02	10	8	0	25	3	14	0	60	Trung bình khá	
59	CD71502519	Trần Thị Tú	Uyên	C15_QT02	10	8	0	25	18	15	0	76	Khá	
60	CD71502050	Nguyễn Thị Bích	Vân	C15_QT02	10	10	0	25	20	15	2	82	Tốt	
61	CD71501825	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Vinh	C15_QT02	10	6	0	25	3	15	0	59	Trung bình	
62	CD71501905	Lê Trần Thảo	Vy	C15_QT02	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
63	CD71501952	Lưu Thị Kim	Xuân	C15_QT02	10	10	2	25	3	10	0	60	Trung bình khá	
1	DH71200280	Nguyễn Tân	An	D12_KD01	10	12	0	15	0	15	2	54	Trung bình	
2	DH71200362	Nguyễn Mai	Anh	D12_KD01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
3	DH71200239	Nguyễn Thị Phương	Anh	D12_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
4	DH71200363	Huỳnh Nữ Linh	Châu	D12_KD01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
5	DH71200364	Nguyễn Thị Mỹ	Chính	D12_KD01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
6	DH71201856	Nguyễn Thị Bách	Dung	D12_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
7	DH71200366	Dương Bá	Duy	D12_KD01	10	12	6	25	17	10	2	82	Tốt	
8	DH71201810	Đoàn Minh	Duy	D12_KD01	8	12	8	25	16	15	2	86	Tốt	
9	DH71200367	Nguyễn Khánh	Duy	D12_KD01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
10	DH71200365	Chu Thị Thùy	Dương	D12_KD01	9	12	8	25	14	10	2	80	Tốt	
11	DH71200405	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D12_KD01	10	12	7	25	15	10	2	81	Tốt	
12	DH71200368	Võ Tấn	Đạt	D12_KD01	10	12	2	15	8	15	2	64	Trung bình khá	
13	DH71201723	Nguyễn Minh	Hằng	D12_KD01	10	12	8	25	14	15	9	93	Xuất sắc	
14	DH71200370	Phạm Trí	Hiếu	D12_KD01	10	12	8	25	18	12	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH71200292	Hồ Thanh	Huy	D12_KD01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
16	DH71200371	Huỳnh Thị Diệu	Huyền	D12_KD01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
17	DH71200332	Trần Ngọc	Huyền	D12_KD01	10	9	4	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
18	DH71200372	Trần Minh	Khôi	D12_KD01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
19	DH71200251	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D12_KD01	10	9	7	25	12	15	2	80	Tốt	
20	DH71200301	Phùng Bích	Ngọc	D12_KD01	10	12	8	15	18	10	2	75	Khá	
21	DH71200253	Thái Gia	Ngọc	D12_KD01	10	12	6	25	18	12	2	85	Tốt	
22	DH71200262	Lâm Thị Thảo	Nhi	D12_KD01	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
23	DH71200261	Tăng Thị Quỳnh	Như	D12_KD01	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
24	DH71201745	Vũ Thái Bảo Ngọc	Oánh	D12_KD01	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
25	DH71200305	Huỳnh	Phát	D12_KD01	10	9	7	25	9	15	2	77	Khá	
26	DH71200266	Hồ Vũ Thanh	Phong	D12_KD01	8	12	8	15	4	10	2	59	Trung bình	
27	DH71200265	Lý Hoàng	Phúc	D12_KD01	0	0	0	-10	0	-5	0	-15	Kém	
28	DH71201855	Nguyễn Thị	Phượng	D12_KD01	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
29	DH71200268	Ngô Minh	Quang	D12_KD01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
30	DH71200348	Trương Tấn	Sang	D12_KD01	8	0	0	15	-10	5	2	20	Kém	Không khám sức khỏe
31	DH71201744	Huỳnh Ngọc	Sâm	D12_KD01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
32	DH71200350	Vương Đình	Thắng	D12_KD01	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
33	DH71201726	Nguyễn Lê Mai	Thơ	D12_KD01	10	9	8	25	20	12	9	93	Xuất sắc	
34	DH71200358	Võ Nhật	Trường	D12_KD01	10	12	6	25	5	15	9	82	Tốt	
35	DH71200317	Nguyễn Kim	Tuyền	D12_KD01	10	12	4	25	17	10	9	87	Tốt	
36	DH71200278	Nguyễn Công	Vinh	D12_KD01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
37	DH71200319	Phạm Khắc	Vỹ	D12_KD01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
38	DH71200320	Phạm Thái Lê	Xuân	D12_KD01	10	12	4	25	17	10	2	80	Tốt	
39	DH71201811	Trần Ngọc	Xuân	D12_KD01	10	12	2	25	10	10	2	71	Khá	
1	DH71200442	Võ Khánh	An	D12_KD02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
2	DH71200404	Nguyễn Thái	Bảo	D12_KD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3	DH71200446	Vương Dũng	Cầm	D12_KD02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
4	DH71200447	Nguyễn Thị Kim	Chăm	D12_KD02	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
5	DH71200406	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	D12_KD02	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
6	DH71200408	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	D12_KD02	10	12	8	25	18	5	2	80	Tốt	
7	DH71200409	Nguyễn Thanh	Hậu	D12_KD02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
8	DH71200373	Đông Đông	Khang	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
9	DH71200375	Thiệu Vi ý	Lan	D12_KD02	10	12	8	15	19	15	2	81	Tốt	
10	DH71200376	Cao Huỳnh Gia	Linh	D12_KD02	8	9	8	25	19	15	2	86	Tốt	
11	DH71200377	Lê Thị Huyền	Linh	D12_KD02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
12	DH71200379	Lưu Bội	Linh	D12_KD02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
13	DH71200418	Triệu Thị Kim	Loan	D12_KD02	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
14	DH71200419	Kim Thanh	Long	D12_KD02	10	11	8	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
15	DH71200421	Thị Xuân	Mai	D12_KD02	10	12	8	25	12	10	2	79	Khá	
16	DH71200380	Phạm Văn	Mạnh	D12_KD02	10	12	6	15	3	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
17	DH71200381	Lê Tú	Mi	D12_KD02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
18	DH71200383	Trần Thị	Ngọc	D12_KD02	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
19	DH71200424	Nguyễn Nga	Nguyên	D12_KD02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
20	DH71200426	Lê Hữu	Nhân	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
21	DH71201774	Nguyễn Văn	Nhân	D12_KD02	10	12	2	25	11	15	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
22	DH71200385	Nguyễn Đình Kiều	Nhi	D12_KD02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
23	DH71201941	Nguyễn Thị Yên	Oanh	D12_KD02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
24	DH71200427	Nguyễn Thanh	Phương	D12_KD02	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
25	DH71200466	Phan Văn	Quang	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
26	DH71200430	Nguyễn Như	Quỳnh	D12_KD02	10	12	7	25	18	15	2	89	Tốt	
27	DH71200389	Đoàn Trúc	Son	D12_KD02	9	12	2	15	12	15	2	67	Trung bình khá	
28	DH71200432	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
29	DH71200470	Đỗ Hoàng	Thắng	D12_KD02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
30	DH71201853	Đặng Thị Đan	Thùy	D12_KD02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
31	DH71200391	Lê Thị Minh	Thư	D12_KD02	10	12	4	25	18	12	2	83	Tốt	
32	DH71200478	Lê Hoài	Tín	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
33	DH71200477	Nguyễn Thị	Trang	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
34	DH71200475	Đào Thị Huyền	Trân	D12_KD02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
35	DH71201808	Quảng Thị Hải	Triều	D12_KD02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
36	DH71200397	Bùi Thị Ngọc	Trúc	D12_KD02	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
37	DH71200440	Hồ Thị	Trúc	D12_KD02	10	10	8	25	18	15	2	88	Tốt	
38	DH71200437	Đặng Thị Cẩm	Tú	D12_KD02	8	12	2	25	19	15	2	83	Tốt	
39	DH71200398	Lê Thị Thanh	Tuyền	D12_KD02	10	12	8	15	19	15	2	81	Tốt	
40	DH71200479	Trần Thị Cẩm	Vân	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1	DH71200281	Trịnh Mai Ngọc	Anh	D12_MAR01	10	8	4	25	9	15	2	73	Khá	
2	DH71200282	Nguyễn Vũ	Bằng	D12_MAR01	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
3	DH71200240	Đình Thái	Bình	D12_MAR01	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
4	DH71200325	Lê Thị Mỹ	Chi	D12_MAR01	9	8	7	25	14	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	DH71200326	Nguyễn Thị Mai	Chi	D12_MAR01	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
6	DH71200327	Phạm Linh	Đan	D12_MAR01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
7	DH71200285	Nguyễn Thị Anh	Đào	D12_MAR01	10	9	7	25	20	12	8	91	Xuất sắc	
8	DH71200242	Tạ Tấn	Đạt	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
9	DH71200243	Huỳnh Thị Ngọc	Điệp	D12_MAR01	10	12	6	25	13	15	9	90	Xuất sắc	
10	DH71200244	Nguyễn Thị Hồng	Điều	D12_MAR01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
11	DH71200288	Lưu Thanh	Hải	D12_MAR01	9	9	5	25	18	15	2	83	Tốt	
12	DH71200286	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	D12_MAR01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
13	DH71200289	Dương Ngọc	Hiền	D12_MAR01	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
14	DH71200330	Huỳnh Gia	Huệ	D12_MAR01	9	12	6	25	19	15	10	96	Xuất sắc	
15	DH71200334	Trần Đăng	Khoa	D12_MAR01	10	12	6	25	17	12	8	90	Xuất sắc	
16	DH71200374	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	D12_MAR01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
17	DH71200246	Nguyễn Bá	Lộc	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
18	DH71200339	Hồng Quang	Minh	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
19	DH71200249	Đào Thị Nhật	My	D12_MAR01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
20	DH71200250	Mai Kim	Ngân	D12_MAR01	10	10	6	25	13	15	2	81	Tốt	
21	DH71200341	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D12_MAR01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
22	DH71200300	Trần Kim	Ngân	D12_MAR01	10	10	8	25	10	15	2	80	Tốt	
23	DH71200302	Tăng Phôn	Nghĩa	D12_MAR01	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
24	DH71200257	Hàng Trọng	Nguyên	D12_MAR01	10	12	8	15	10	15	2	72	Khá	
25	DH71200258	Hồ Dương Quỳnh	Nguyên	D12_MAR01	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
26	DH71200304	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D12_MAR01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
27	DH71200260	Phạm Xuân Mỹ	Như	D12_MAR01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
28	DH71200263	Ông Bích	Phuong	D12_MAR01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
29	DH71200264	Phạm Cao Minh	Phuong	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
30	DH71201948	Trần Thụy Nhật	Quỳnh	D12_MAR01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
31	DH71200308	Huỳnh Phan Thanh	Tâm	D12_MAR01	10	9	8	25	20	13	2	87	Tốt	
32	DH71200270	Huỳnh Thị Phương	Thảo	D12_MAR01	10	12	7	25	16	15	2	87	Tốt	
33	DH71200310	Phạm Thị Phương	Thảo	D12_MAR01	10	9	8	15	17	10	2	71	Khá	
34	DH71200311	Nguyễn Ngọc	Thức	D12_MAR01	10	12	4	25	9	15	10	85	Tốt	
35	DH71200273	Lê Công	Toàn	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
36	DH71200354	Mai Thị Ngọc	Trâm	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
37	DH71200313	Nguyễn Ngọc	Trâm	D12_MAR01	10	10	8	25	18	15	2	88	Tốt	
38	DH71200314	Phạm Ngọc	Trâm	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
39	DH71200315	Lê Văn Thành	Trúc	D12_MAR01	9	12	8	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
40	DH71200277	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D12_MAR01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
41	DH71200318	Phùng Nguyễn Phương	Uyên	D12_MAR01	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
42	DH71201920	Ngô Thị Như	Yến	D12_MAR01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
1	DH71200443	Lục Thị Ngọc	Anh	D12_MAR02	10	9	8	15	19	15	2	78	Khá	
2	DH71200444	Phan Như Quỳnh	Anh	D12_MAR02	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
3	DH71200445	Trần Thanh	Bình	D12_MAR02	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
4	DH71201905	Nguyễn Thị	Chinh	D12_MAR02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
5	DH71200448	Nguyễn Phạm Kim	Chung	D12_MAR02	9	12	8	25	18	10	9	91	Xuất sắc	
6	DH71200451	Trần Thị	Duyên	D12_MAR02	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
7	DH71201854	Đào Thị Thu	Hà	D12_MAR02	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
8	DH71200412	Nguyễn Thị Mai	Hoa	D12_MAR02	10	12	2	25	20	15	10	94	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH71200455	Lê Đức	Huy	D12_MAR02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
10	DH71200453	Trần Thị Thanh	Hương	D12_MAR02	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
11	DH71201729	Thái Thị Hồng	Khánh	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
12	DH71200456	Trần Phú	Khánh	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
13	DH71200414	Phan Hoàng	Kim	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
14	DH71200415	Trần Công Xuân	Liên	D12_MAR02	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
15	DH71200417	Trần Thị Ngọc	Loan	D12_MAR02	10	11	8	25	12	15	9	90	Xuất sắc	
16	DH71200460	Phạm Thị Trúc	Ly	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
17	DH71200461	Lê Tấn	Mạnh	D12_MAR02	10	12	8	25	18	15	9	97	Xuất sắc	
18	DH71200252	Phan Hồng Bảo	Ngọc	D12_MAR02	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
19	DH71200343	Trương Thị Xuân	Nhi	D12_MAR02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
20	DH71200465	Ngô Thị Diễm	Phúc	D12_MAR02	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
21	DH71200346	Nguyễn Lê	Phúc	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
22	DH71200463	Lê Thị Ngọc	Phương	D12_MAR02	10	12	8	15	20	15	2	82	Tốt	
23	DH71200464	Nguyễn Lương Tri	Phương	D12_MAR02	10	12	8	25	14	5	2	76	Khá	
24	DH71200345	Lê Thị Ngọc	Phượng	D12_MAR02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
25	DH71200388	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
26	DH71200390	Đỗ Thị Thu	Sương	D12_MAR02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
27	DH71200471	Võ Huỳnh Thị	Thạch	D12_MAR02	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
28	DH71200434	Mai Thị Thanh	Thanh	D12_MAR02	10	11	8	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
29	DH71201946	Nguyễn Kim	Thào	D12_MAR02	10	12	8	25	18	15	8	96	Xuất sắc	
30	DH71200433	Lê Thị	Thêm	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	8	97	Xuất sắc	
31	DH71200351	Đỗ Nhật	Thoại	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH71201773	Hồ Đình	Thông	D12_MAR02	10	9	8	25	20	12	9	93	Xuất sắc	
33	DH71201252	Nguyễn Thị Diệu	Thủy	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
34	DH71200353	Nguyễn Hoàng Thanh	Thúy	D12_MAR02	10	12	4	25	20	12	2	85	Tốt	
35	DH71200349	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D12_MAR02	10	10	8	25	17	15	2	87	Tốt	
36	DH71200431	Đỗ Thị Kiều	Thương	D12_MAR02	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	
37	DH71200436	Hồ Thị Thủy	Tiên	D12_MAR02	10	12	7	25	19	15	2	90	Xuất sắc	
38	DH71200439	Nguyễn Thị Xuân	Trang	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
39	DH71200474	Lê Huỳnh Thủy	Trâm	D12_MAR02	10	12	7	25	20	12	2	88	Tốt	
40	DH71200438	Lê Ngọc Phương	Trâm	D12_MAR02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
41	DH71201728	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	D12_MAR02	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
42	DH71200357	Đỗ Nguyên Thanh	Trường	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
43	DH71201857	Huỳnh Bích	Tuyền	D12_MAR02	10	10	6	25	18	12	2	83	Tốt	
44	DH71200361	Nguyễn Trần Tường	Vi	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
45	DH71200480	Phạm Phú	Vinh	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
46	DH71201775	Lê Quang	Vũ	D12_MAR02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
47	DH71200481	Trần Thị Thanh	Yến	D12_MAR02	10	12	8	15	18	15	2	80	Tốt	
1	DH71200323	Lê Công Tuấn	Anh	D12_TC01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
2	DH71200324	Phạm Ngọc	Anh	D12_TC01	0	6	0	-10	-10	-5	0	-19	Kém	
3	DH71200241	Nguyễn Trần Việt	Bắc	D12_TC01	10	12	7	25	14	15	2	85	Tốt	
4	DH71201852	Võ Thị Hồng	Cầm	D12_TC01	10	12	4	15	18	15	2	76	Khá	
5	DH71200245	Nguyễn Lê Thu	Giàu	D12_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
6	DH71200287	Lê Thị Ngọc	Hà	D12_TC01	10	10	7	25	9	15	8	84	Tốt	
7	DH71200329	Nguyễn Thị Minh	Hiền	D12_TC01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH71200290	Nguyễn Trọng Trung	Hiếu	D12_TC01	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
9	DH71200331	Lý Thị Mỹ	Huyền	D12_TC01	10	12	7	25	18	10	2	84	Tốt	
10	DH71201970	Trần Ngọc Lan	Hương	D12_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
11	DH71200294	Nguyễn Duy	Khải	D12_TC01	10	12	8	25	18	13	2	88	Tốt	
12	DH71200293	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	D12_TC01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
13	DH71200295	Lưu Minh	Kiệt	D12_TC01	10	10	7	25	1	10	9	72	Khá	
14	DH71200297	Lê Thị Ngọc	Liên	D12_TC01	10	10	6	25	17	15	6	89	Tốt	
15	DH71200336	Nguyễn Uyên	Linh	D12_TC01	10	12	7	25	18	12	2	86	Tốt	
16	DH71200247	Tiêu Minh	Long	D12_TC01	10	12	7	15	14	15	2	75	Khá	
17	DH71200338	Hà Yên	Mi	D12_TC01	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
18	DH71200340	Lê Thị Diễm	My	D12_TC01	10	10	7	25	20	15	2	89	Tốt	
19	DH71200254	Thân Thị ánh	Ngọc	D12_TC01	10	12	8	25	19	15	8	97	Xuất sắc	
20	DH71200256	Đỗ Tân Thanh	Nguyên	D12_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
21	DH71200303	Hồ Yên	Nhi	D12_TC01	10	12	7	25	11	10	9	84	Tốt	
22	DH71200259	Lê Thị Huỳnh	Như	D12_TC01	10	11	8	25	15	10	9	88	Tốt	
23	DH71200306	Nguyễn Thanh	Phú	D12_TC01	10	12	8	25	10	8	2	75	Khá	
24	DH71200344	Đặng ánh	Phương	D12_TC01	10	12	5	25	19	15	2	88	Tốt	
25	DH71200267	Hồ Thanh	Quân	D12_TC01	10	12	7	25	11	10	9	84	Tốt	
26	DH71200347	Thôi Nghệ	Quỳnh	D12_TC01	10	10	7	25	20	5	2	79	Khá	
27	DH71200309	Huỳnh Kim	Tân	D12_TC01	10	12	7	25	20	12	8	94	Xuất sắc	
28	DH71200269	Hồ Thị Thanh	Thảo	D12_TC01	10	12	5	25	14	15	8	89	Tốt	
29	DH71200271	Lê Thị Ngọc	Thảo	D12_TC01	10	11	8	25	20	10	9	93	Xuất sắc	
30	DH71200272	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D12_TC01	10	10	5	25	14	15	8	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH71200352	Đinh Thị Diễm	Thúy	D12_TC01	10	12	7	25	18	10	2	84	Tốt	
32	DH71100378	Trần Thị Ngọc	Trâm	D12_TC01	10	12	7	15	19	13	2	78	Khá	
33	DH71200356	Thái Du Tú	Trân	D12_TC01	10	12	7	25	19	15	2	90	Xuất sắc	
34	DH71200274	Nguyễn Minh	Trọng	D12_TC01	10	12	6	25	9	10	9	81	Tốt	
35	DH71200360	Phan Thị Minh	Tuyền	D12_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
36	DH71200279	Phạm Hoàng	Yến	D12_TC01	10	8	8	15	18	15	2	76	Khá	
1	DH71200403	Nguyễn Văn	Bửu	D12_TC02	10	12	5	25	12	15	2	81	Tốt	
2	DH71201955	Phùng Thụy Băng	Cầm	D12_TC02	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
3	DH71200449	Nguyễn Chí	Dũng	D12_TC02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
4	DH71200450	Phạm Đỗ Hương	Duyên	D12_TC02	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
5	DH71200407	Phạm Thị Mỹ	Duyên	D12_TC02	10	12	7	25	16	15	2	87	Tốt	
6	DH71201731	Trần Tiến	Dương	D12_TC02	10	10	7	25	19	10	2	83	Tốt	
7	DH71200452	Huỳnh Hải	Đặng	D12_TC02	10	12	8	15	10	15	2	72	Khá	
8	DH71201813	Nguyễn Thị	Hải	D12_TC02	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
9	DH71200369	Trương Thị Ngọc	Hân	D12_TC02	10	12	7	25	20	10	9	93	Xuất sắc	
10	DH71200410	Hoàng Đăng	Hiếu	D12_TC02	10	12	7	25	14	15	2	85	Tốt	
11	DH71200411	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	D12_TC02	10	10	8	25	13	15	2	83	Tốt	
12	DH71201742	Dương Cầm	Hùng	D12_TC02	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
13	DH71201964	Nguyễn Thị Việt	Hương	D12_TC02	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
14	DH71200457	Lương Xuân	Khải	D12_TC02	7	6	5	10	12	10	2	52	Trung bình	
15	DH71200413	Huỳnh Duy	Khang	D12_TC02	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
16	DH71200458	Dương ái	Linh	D12_TC02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
17	DH71200378	Lê Thị Thùy	Linh	D12_TC02	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	DH71200416	Văn Ngọc	Tiêu Linh	D12_TC02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
19	DH71200459	Lâm Cẩm	Loan	D12_TC02	10	12	5	25	11	15	2	80	Tốt	
20	DH71201812	Huỳnh Trúc	Mai	D12_TC02	10	12	8	25	16	10	9	90	Xuất sắc	
21	DH71200382	Nguyễn Thanh	Hoài Nam	D12_TC02	10	8	8	15	10	15	2	68	Trung bình khá	
22	DH71200423	Võ Huỳnh	Như Ngọc	D12_TC02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
23	DH71200386	Lưu Thị	Nhung	D12_TC02	10	11	8	25	20	10	2	86	Tốt	
24	DH71200387	Nguyễn Thị	Nhung	D12_TC02	10	10	7	25	15	10	2	79	Khá	
25	DH71200462	Bùi Thanh	Hoài Phương	D12_TC02	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
26	DH71200307	Trần Cẩm	Quỳnh	D12_TC02	10	10	7	25	14	15	2	83	Tốt	
27	DH71201858	Phạm Thị	Tâm	D12_TC02	10	12	6	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
28	DH71200393	Ngô Thị	Thu Thảo	D12_TC02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
29	DH71200469	Phạm Thị	Thu Thảo	D12_TC02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
30	DH71200435	Hồ Thị	Thanh Thúy	D12_TC02	10	12	8	25	17	15	10	97	Xuất sắc	
31	DH71200394	Phạm Thị	Thanh Thúy	D12_TC02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
32	DH71200473	Nguyễn Lê	Kim Thuyền	D12_TC02	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
33	DH71200392	Nguyễn Lâm	Anh Thư	D12_TC02	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
34	DH71200396	Nguyễn Thị	Quế Trân	D12_TC02	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
35	DH71201904	Trần Thị	Thùy Trinh	D12_TC02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
36	DH71201730	Trương Hoàng	Thu Yên	D12_TC02	10	12	7	25	13	15	2	84	Tốt	
1	DH71100304	Tạ Thùy	An	D13_KD01	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
2	DH71300083	Lê Thị	Kim Anh	D13_KD01	10	12	4	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
3	DH71300133	Nguyễn Quốc	Bảo	D13_KD01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
4	DH71300171	Trần Doãn	Chương	D13_KD01	7	6	2	25	13	15	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	DH71300150	Đặng Quang	Cường	D13_KD01	8	12	2	25	14	14	6	81	Tốt	
6	DH71300196	Lương Thị	Diễm	D13_KD01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
7	DH71300241	Nguyễn Đình	Duy	D13_KD01	10	12	0	25	7	15	2	71	Khá	
8	DH71300188	Trần Phan Thùy	Dương	D13_KD01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
9	DH71300035	Nguyễn Tấn	Đạt	D13_KD01	10	6	0	25	10	15	2	68	Trung bình khá	
10	DH71300041	Tiêu Tiến	Đạt	D13_KD01	10	9	6	25	14	15	2	81	Tốt	
11	DH71300045	Võ Tiến	Đạt	D13_KD01	8	12	4	25	14	15	2	80	Tốt	
12	DH71300335	Nguyễn Tuấn	Hào	D13_KD01	10	12	2	25	14	15	6	84	Tốt	
13	DH71302107	Trần Minh	Hào	D13_KD01	10	12	8	15	16	15	2	78	Khá	
14	DH71300286	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_KD01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
15	DH71300405	Phạm Minh	Hiếu	D13_KD01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
16	DH71300463	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_KD01	10	9	4	25	15	15	2	80	Tốt	
17	DH71200298	Đình Thanh	Long	D13_KD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
18	DH71300664	Lê Thị	Ly	D13_KD01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
19	DH71300696	Lê Hoàng	Minh	D13_KD01	8	12	4	15	0	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
20	DH71300803	Lê Sỹ	Nguyễn	D13_KD01	9	8	4	25	11	15	2	74	Khá	
21	DH71300933	Nguyễn Kiều	Phương	D13_KD01	9	12	8	25	18	10	9	91	Xuất sắc	
22	DH71301042	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	D13_KD01	10	10	6	25	19	15	2	87	Tốt	
23	DH71301056	Nguyễn Thị Bích	Sâm	D13_KD01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
24	DH71301164	Nguyễn Văn Tiến	Thành	D13_KD01	10	12	6	25	14	10	2	79	Khá	
25	DH71301186	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_KD01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
26	DH71301240	Nguyễn Ngọc Thanh	Thiên	D13_KD01	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
27	DH71302110	Lâm Hiếu	Thiện	D13_KD01	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
28	DH71301137	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	D13_KD01	10	10	4	25	15	15	2	81	Tốt	
29	DH71301289	Bùi Thị Cẩm	Tiên	D13_KD01	10	10	6	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
30	DH71301351	Lê Hạnh	Trâm	D13_KD01	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
31	DH71301412	Lê Thị Tuyết	Trinh	D13_KD01	10	12	8	25	19	10	9	93	Xuất sắc	
32	DH71301329	Lê Tấn	Tú	D13_KD01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
33	DH71301463	Huỳnh Công	Tuấn	D13_KD01	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
34	DH71301521	Đỗ Nguyễn Thùy	Vân	D13_KD01	10	10	6	25	16	15	10	92	Xuất sắc	
35	DH71301571	Đào Ngọc Hoàng	Vy	D13_KD01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
36	DH71301578	Lâm Trường	Vy	D13_KD01	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
37	DH71301594	Trịnh Thị Minh	Xuân	D13_KD01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1	DH71300266	Nguyễn Cao Thiên	ấn	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
2	DH71300163	Phạm Đỗ Bảo	Châu	D13_KD02	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
3	DH71300195	Bùi Ngọc	Diễm	D13_KD02	10	12	8	15	20	10	2	77	Khá	
4	DH71300263	Nguyễn Thị Tuyền	Duyên	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	8	91	Xuất sắc	
5	DH71300026	Bùi Thị Anh	Đào	D13_KD02	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
6	DH71300334	Lữ Gia	Hào	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
7	DH71300288	Nguy Thị Diễm	Hằng	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
8	DH71300304	Lâm Phụng	Hân	D13_KD02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
9	DH71300409	Trần Văn	Hiếu	D13_KD02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
10	DH71300435	Võ Huy	Hoàng	D13_KD02	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
11	DH71300372	Đàm Hỷ	Hùng	D13_KD02	10	12	8	25	18	10	8	91	Xuất sắc	
12	DH71300382	Nguyễn Quốc	Hùng	D13_KD02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
13	DH71300457	Huỳnh Võ Minh	Huy	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH71300476	Lý Kim	Huyền	D13_KD02	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
15	DH71300505	Lâm Chí	Khang	D13_KD02	10	12	4	15	20	10	2	73	Khá	
16	DH71300529	Phạm Nguyễn Đình	Khoa	D13_KD02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
17	DH71300552	Trần Mỹ	Kỳ	D13_KD02	10	8	6	25	18	10	2	79	Khá	
18	DH71300620	Nguyễn Thị Hoài	Linh	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
19	DH71300637	Đình Thị Bích	Loan	D13_KD02	10	12	8	25	19	10	8	92	Xuất sắc	
20	DH71300671	Phạm Thị	Mãnh	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
21	DH71300703	Nguyễn Lê Đăng	Minh	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	8	93	Xuất sắc	
22	DH71300711	Phạm Ngọc	Minh	D13_KD02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
23	DH71300713	Trần Quang	Minh	D13_KD02	10	11	8	25	20	10	8	92	Xuất sắc	
24	DH71300717	Vương Hữu	Minh	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
25	DH71300727	Phạm Thị	Muội	D13_KD02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
26	DH71300730	Nguyễn Hoàng	My	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	8	91	Xuất sắc	
27	DH71300781	Nguyễn Tú	Ngọc	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
28	DH71300830	Nguyễn Đình Trí	Nhân	D13_KD02	10	10	6	25	20	10	2	83	Tốt	
29	DH71300831	Nguyễn Minh	Nhân	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
30	DH71300854	Đông Thị Yến	Nhi	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	8	91	Xuất sắc	
31	DH71300859	Huỳnh Trần Yến	Nhi	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
32	DH71300867	Phạm Huỳnh Oanh	Nhi	D13_KD02	10	9	8	25	20	10	8	90	Xuất sắc	
33	DH71300901	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
34	DH71301007	Vương Thúy	Quân	D13_KD02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
35	DH71301072	Lê Hà Thịnh	Sang	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
36	DH71301099	Trần Hoài	Tâm	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
37	DH71301181	Nguyễn Thị	Thảo	D13_KD02	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
38	DH71301278	Nguyễn Ngọc	Thuận	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
39	DH71301128	Phan Minh	Tường	D13_KD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
40	DH71301525	Lâm Thị Hiếu	Vân	D13_KD02	10	12	6	25	20	10	8	91	Xuất sắc	
41	DH71301529	Nguyễn Thị Kim	Vân	D13_KD02	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
42	DH71301603	Lý Mỹ	ý	D13_KD02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
43	DH71301619	Trần Thị Kim	Yến	D13_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1	DH71300071	Nguyễn Văn	An	D13_KD03	10	12	2	25	11	10	2	72	Khá	
2	DH71300081	Huỳnh Ngọc Lan	Anh	D13_KD03	10	12	6	25	8	10	2	73	Khá	
3	DH71300107	Võ Lâm	Anh	D13_KD03	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
4	DH71300075	Đào Thị Trâm	Anh	D13_KD03	10	12	0	25	10	15	2	74	Khá	
5	DH71300125	Huỳnh Gia	Bảo	D13_KD03	10	6	2	25	18	15	2	78	Khá	
6	DH71300178	Trương Kỳ	Chi	D13_KD03	10	11	8	25	15	15	10	94	Xuất sắc	
7	DH71300221	Lý Trọng	Dĩ	D13_KD03	10	12	2	25	7	15	2	73	Khá	
8	DH71300197	Nguyễn Ngọc	Diễm	D13_KD03	10	8	2	25	4	15	2	66	Trung bình khá	
9	DH71300200	Trương Thị Hồng	Diễm	D13_KD03	10	6	4	25	11	15	2	73	Khá	
10	DH71300209	La Quốc	Dũng	D13_KD03	10	12	2	25	16	15	6	86	Tốt	
11	DH71300250	Trần Thị Ngọc	Duy	D13_KD03	9	6	2	15	-8	15	2	41	Yếu	
12	DH71300255	Lê Huỳnh Mỹ	Duyên	D13_KD03	10	9	6	25	11	15	2	78	Khá	
13	DH71300256	Lê Thị	Duyên	D13_KD03	10	12	2	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
14	DH71300257	Lê Thị Mỹ	Duyên	D13_KD03	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
15	DH71300047	Nguyễn Ngọc Sĩ	Đan	D13_KD03	10	9	4	25	20	12	8	88	Tốt	
16	DH71300043	Trần Tiến	Đạt	D13_KD03	10	8	0	25	20	15	8	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
17	DH71300281	Đoàn Thị Thanh	Hằng	D13_KD03	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
18	DH71300278	Đỗ Thị	Hằng	D13_KD03	10	6	2	15	3	15	2	53	Trung bình	
19	DH71300386	Đặng Thị Thu	Hiền	D13_KD03	10	9	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
20	DH71300363	Lê Thị Diễm	Hồng	D13_KD03	10	12	5	25	4	15	2	73	Khá	
21	DH71300448	Liêu	Huê	D13_KD03	10	9	2	25	2	15	2	65	Trung bình khá	
22	DH71300319	Trần Thu	Hương	D13_KD03	10	12	6	25	2	15	2	72	Khá	
23	DH71300636	Lăng Nhật	Lệ	D13_KD03	10	8	2	15	14	15	2	66	Trung bình khá	
24	DH71300626	Phạm Hoàng Tú	Linh	D13_KD03	10	8	2	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
25	DH71300715	Trần Thị Hoàng	Minh	D13_KD03	10	6	2	15	6	15	2	56	Trung bình	
26	DH71300718	Võ Hoàng	Minh	D13_KD03	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
27	DH71300745	Lương Thị Mỹ	Ngân	D13_KD03	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
28	DH71300752	Nguyễn Trọng	Ngân	D13_KD03	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
29	DH71300785	Trần Thị Hồng	Ngọc	D13_KD03	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
30	DH71300734	Trương Thị Thùy	Nương	D13_KD03	10	10	8	25	16	15	8	92	Xuất sắc	
31	DH71300995	Dương Ngọc	Phụng	D13_KD03	10	12	6	25	5	10	2	70	Khá	
32	DH71300956	Diệp Ngọc	Phượng	D13_KD03	10	9	6	25	14	15	8	87	Tốt	
33	DH71301032	Lê Văn	Quý	D13_KD03	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
34	DH71301076	Nguyễn Thị Hồng	Sang	D13_KD03	10	12	8	25	11	15	10	91	Xuất sắc	
35	DH71301213	Huỳnh Ngọc	Thạch	D13_KD03	10	12	6	25	10	15	6	84	Tốt	
36	DH71301201	Võ Thị Thanh	Thảo	D13_KD03	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
37	DH71301203	Dương Phương	Thắm	D13_KD03	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
38	DH71301152	Phan Văn	Thân	D13_KD03	10	12	2	25	8	15	6	78	Khá	
39	DH71301237	Mai Phương	Thi	D13_KD03	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
40	DH71301264	Nguyễn Thị Hoàng	Thúy	D13_KD03	10	6	4	25	14	10	2	71	Khá	
41	DH71301309	Đình Thị Kim	Tiến	D13_KD03	10	6	6	25	16	10	2	75	Khá	
42	DH71301503	Dương Trung	Tính	D13_KD03	10	8	2	25	18	15	2	80	Tốt	
43	DH71301342	Lê Bảo	Toàn	D13_KD03	10	6	2	15	2	15	2	52	Trung bình	
44	DH71301385	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	D13_KD03	8	10	2	15	-8	15	2	44	Yếu	
45	DH71301354	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	D13_KD03	10	8	4	25	0	10	2	59	Trung bình	
46	DH71301416	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	D13_KD03	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
47	DH71301434	Lê Thị Thanh	Trúc	D13_KD03	10	10	6	25	11	15	6	83	Tốt	
48	DH71301300	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_KD03	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
49	DH71301515	Trần Phương	Uyên	D13_KD03	9	10	4	15	3	15	2	58	Trung bình	
50	DH71301520	Võ Đình	Văn	D13_KD03	10	12	2	25	20	10	6	85	Tốt	
51	DH71301550	Ngô Đắc	Vinh	D13_KD03	10	12	6	25	12	10	6	81	Tốt	
52	DH71301617	Lưu Thục	Yến	D13_KD03	10	8	6	25	7	15	2	73	Khá	
1	DH71300064	Lê Thúy	An	D13_KD04	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
2	DH71300086	Nguyễn Đình Duyên	Anh	D13_KD04	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
3	DH71300231	Võ Thùy	Dung	D13_KD04	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
4	DH71300390	Nhâm Quốc	Hiền	D13_KD04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
5	DH71300411	Võ Thị Thu	Hiếu	D13_KD04	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
6	DH71300432	Quách Thu	Hoàng	D13_KD04	10	10	4	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
7	DH71300453	Bùi Thị Tường	Huy	D13_KD04	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
8	DH71300450	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	D13_KD04	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
9	DH71300609	Lê Khánh	Linh	D13_KD04	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
10	DH71300630	Trần Khánh	Linh	D13_KD04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
11	DH71300639	Phạm Quý	Loan	D13_KD04	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
12	DH71300674	Lê Phạm Diễm	Mai	D13_KD04	10	10	4	25	20	10	2	81	Tốt	
13	DH71300700	Nguyễn Công	Minh	D13_KD04	0	6	0	0	0	0	8	14	Kém	
14	DH71300784	Trương Thị Hồng	Ngọc	D13_KD04	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
15	DH71300868	Phạm Trần Tú	Nhi	D13_KD04	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
16	DH71300877	Trần Thị Yên	Nhi	D13_KD04	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
17	DH71300880	Đỗ Thị Hồng	Nhung	D13_KD04	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
18	DH71300998	Nguyễn Thị	Phí	D13_KD04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
19	DH71300954	Võ Quốc	Phước	D13_KD04	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
20	DH71300955	Vũ Hoàng Minh	Phước	D13_KD04	10	9	8	25	20	10	8	90	Xuất sắc	
21	DH71301045	Quách Mỹ	Quyên	D13_KD04	10	12	0	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
22	DH71301021	Bùi Vũ Tố	Quỳnh	D13_KD04	10	12	7	25	20	15	10	99	Xuất sắc	
23	DH71301170	Huỳnh Phương	Thảo	D13_KD04	10	9	4	25	20	15	8	91	Xuất sắc	
24	DH71302101	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_KD04	10	8	4	25	12	5	8	72	Khá	
25	DH71301270	Phạm Tấn	Thịnh	D13_KD04	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
26	DH71301154	Nguyễn Thị Huỳnh	Thơ	D13_KD04	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
27	DH71302108	Nguyễn Kim	Thuận	D13_KD04	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
28	DH71301394	Phạm Thị Phương	Trang	D13_KD04	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
29	DH71301365	Lê Ngọc Nguyên	Trân	D13_KD04	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
30	DH71301417	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D13_KD04	10	9	6	25	14	10	2	76	Khá	
31	DH71301481	Trần Hoàng	Tuấn	D13_KD04	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
32	DH71301483	Vũ Minh	Tuấn	D13_KD04	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
33	DH71301126	Lê Quang Vũ	Tường	D13_KD04	10	6	4	15	16	10	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
34	DH71301513	Nguyễn Xuân Khánh	Uyên	D13_KD04	10	12	4	25	11	15	2	79	Khá	
35	DH71301536	Võ Thị Bích	Vân	D13_KD04	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
36	DH71301602	Lê Thị Như	ý	D13_KD04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
37	DH71301620	Trần Thị Ngọc	Yến	D13_KD04	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
1	DH71300063	Lê Thúy	An	D13_MAR01	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
2	DH71300097	Nguyễn Xuân Phương	Anh	D13_MAR01	10	10	8	25	20	13	2	88	Tốt	
3	DH71300102	Trương Ngọc Hoàng	Anh	D13_MAR01	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
4	DH71300004	Lê Ngọc	ánh	D13_MAR01	10	12	6	25	8	10	2	73	Khá	
5	DH71300011	Nguyễn Thị Hồng	Ân	D13_MAR01	10	6	4	25	14	10	2	71	Khá	
6	DH71300115	Lư Cẩm	Bình	D13_MAR01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
7	DH71300207	Nguyễn Trường	Dũ	D13_MAR01	8	12	0	25	0	10	2	57	Trung bình	
8	DH71300212	Ngô Trung	Dũng	D13_MAR01	9	6	0	25	2	13	2	57	Trung bình	
9	DH71300260	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	D13_MAR01	9	6	6	25	4	15	2	67	Trung bình khá	
10	DH71300282	Bùi Thị Thu	Hằng	D13_MAR01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
11	DH71300290	Nguyễn Thúy	Hằng	D13_MAR01	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
12	DH71300367	Đặng Quốc	Hận	D13_MAR01	8	6	2	25	0	15	2	58	Trung bình	
13	DH71300456	Huỳnh Khâm	Huy	D13_MAR01	10	12	0	25	19	15	2	83	Tốt	
14	DH71300506	Lương Bảo	Khang	D13_MAR01	10	6	8	15	4	10	2	55	Trung bình	
15	DH71300517	Cao Minh	Khoa	D13_MAR01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
16	DH71300492	Hoàng Lê	Khôi	D13_MAR01	10	12	2	25	3	10	2	64	Trung bình khá	
17	DH71300621	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D13_MAR01	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
18	DH71300679	Trần Nguyễn Xuân	Mai	D13_MAR01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
19	DH71300681	Cheng Huệ	Mẫn	D13_MAR01	10	10	4	25	19	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
20	DH71300789	Trương Thục Nghi		D13_MAR01	10	10	6	25	10	15	10	86	Tốt	
21	DH71300771	Dương Lê Bích Ngọc		D13_MAR01	0	6	0	0	-10	0	0	-4	Kém	
22	DH71300786	Vũ Huỳnh Bảo Ngọc		D13_MAR01	0	6	0	0	-10	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
23	DH71300869	Phạm Yến Nhi		D13_MAR01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
24	DH71300871	Thiệu Bảo Nhi		D13_MAR01	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
25	DH71300885	Lê Đặng Hồng Nhung		D13_MAR01	9	10	8	25	20	10	2	84	Tốt	
26	DH71300921	Trần Tấn Phát		D13_MAR01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
27	DH71301001	Nguyễn Hùng Minh Quân		D13_MAR01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
28	DH71301006	Triệu Mỹ Quân		D13_MAR01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
29	DH71301041	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		D13_MAR01	10	11	8	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
30	DH71301220	Huỳnh Thị Thu Thanh		D13_MAR01	0	10	0	-10	0	0	0	0	Kém	
31	DH71301227	Phạm Nguyễn Việt Thanh		D13_MAR01	10	10	7	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
32	DH71301174	Lê Vũ Thị Thu Thảo		D13_MAR01	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
33	DH71301183	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		D13_MAR01	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
34	DH71301138	Trần Hồ Anh Thư		D13_MAR01	10	6	8	25	15	15	2	81	Tốt	
35	DH71301141	Trịnh Thái Anh Thư		D13_MAR01	9	10	4	25	3	5	0	56	Trung bình	
36	DH71301411	Lê Hồ Đoan Trinh		D13_MAR01	10	6	8	15	9	15	2	65	Trung bình khá	
37	DH71301423	Trần Ngọc Nguyên Trinh		D13_MAR01	10	12	0	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
38	DH71301335	Nguyễn Thị Thanh Tú		D13_MAR01	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
39	DH71301464	Lê Hoàng Tuấn		D13_MAR01	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
40	DH71200276	Trần Lê Minh Tuấn		D13_MAR01	7	12	8	15	9	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
41	DH71301586	Trần Hồng Thảo Vy		D13_MAR01	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
42	DH71301612	Đào Kim Yến		D13_MAR01	10	9	7	25	19	15	10	95	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH71300062	Lâm Thái	An	D13_MAR02	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
2	DH71300160	Ngô Huệ	Châu	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3	DH71300254	Huỳnh Thị Phương	Duyên	D13_MAR02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
4	DH71300261	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	D13_MAR02	10	12	8	25	19	10	10	94	Xuất sắc	
5	DH71300025	Bùi Mai Trang	Đài	D13_MAR02	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
6	DH71300333	Âu Huỳnh Kiến	Hào	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
7	DH71300283	Lương Minh	Hằng	D13_MAR02	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
8	DH71300289	Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	D13_MAR02	10	10	8	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
9	DH71300302	Dương Đài Các	Hân	D13_MAR02	10	10	4	15	6	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
10	DH71300442	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	D13_MAR02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
11	DH71300360	Võ Đông	Hồ	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	10	91	Xuất sắc	
12	DH71300451	Đặng Nhật	Huy	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
13	DH71300468	Nguyễn Trần Gia	Huy	D13_MAR02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
14	DH71300472	Từ Đức	Huy	D13_MAR02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
15	DH71300526	Nguyễn Tấn	Khoa	D13_MAR02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
16	DH71300608	Lâm Ngọc	Linh	D13_MAR02	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
17	DH71300614	Lý Bảo	Linh	D13_MAR02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
18	DH71300622	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D13_MAR02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
19	DH71300672	Đào Lý Huỳnh	Mai	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
20	DH71300721	Chiêm Gia	Mỹ	D13_MAR02	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
21	DH71300747	Mai Thanh Hoàng	Ngân	D13_MAR02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
22	DH71300756	Phạm Thị Tuyết	Ngân	D13_MAR02	10	12	4	25	19	10	10	90	Xuất sắc	
23	DH71300779	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH71300802	Dương Huỳnh Trúc	Nguyễn	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
25	DH71300815	Nguyễn Thị ánh	Nguyễn	D13_MAR02	10	8	4	25	17	10	2	76	Khá	
26	DH71300844	Nguyễn Thị	Nhàn	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
27	DH71300866	Nguyễn Thị ý	Nhi	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
28	DH71300916	Nguyễn Văn	Phát	D13_MAR02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
29	DH71300939	Thân Hồ Minh	Phương	D13_MAR02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
30	DH71300945	Vũ Tuyết	Phương	D13_MAR02	10	8	8	25	20	10	10	91	Xuất sắc	
31	DH71301034	Nguyễn Thanh	Quý	D13_MAR02	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
32	DH71301038	Cao Thị Ngọc	Quyên	D13_MAR02	10	12	8	25	20	10	6	91	Xuất sắc	
33	DH71301043	Nguyễn Thị Thoại	Quyên	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
34	DH71301075	Nguyễn Tấn	Sang	D13_MAR02	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
35	DH71301224	Nguyễn Hoàng Vân	Thanh	D13_MAR02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
36	DH71301171	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	D13_MAR02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
37	DH71301175	Nguyễn Đoàn Mộng	Thảo	D13_MAR02	10	8	8	25	20	12	10	93	Xuất sắc	
38	DH71301176	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	D13_MAR02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
39	DH71301187	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
40	DH71301209	Nguyễn Phương	Thắng	D13_MAR02	10	10	6	25	20	10	2	83	Tốt	
41	DH71301284	Lê Ngọc Phương	Thy	D13_MAR02	10	9	2	25	16	10	2	74	Khá	
42	DH71301399	Trần Thị	Trang	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	6	87	Tốt	
43	DH71301360	Trần Thị Phương	Trâm	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	6	87	Tốt	
44	DH71301366	Lê Thị Huỳnh	Trân	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	8	89	Tốt	
45	DH71301371	Trần Ngọc Bảo	Trân	D13_MAR02	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
46	DH71301436	Nguyễn Thị Phương	Trúc	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
47	DH71301438	Võ Trang Thanh	Trúc	D13_MAR02	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
48	DH71301326	Đoàn Cẩm	Tú	D13_MAR02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
49	DH71301299	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_MAR02	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
50	DH71301495	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
51	DH71301581	Lê Phạm Thanh	Vy	D13_MAR02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
1	DH71300075	Đào Thị Trâm	Anh	D13_MAR03	10	12	0	25	10	15	2	74	Khá	
2	DH71300080	Hồ Thị Trâm	Anh	D13_MAR03	10	6	6	25	18	5	2	72	Khá	
3	DH71300094	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	D13_MAR03	10	12	6	15	9	10	2	64	Trung bình khá	
4	DH71300103	Trần Ngọc Trâm	Anh	D13_MAR03	10	12	8	25	14	13	2	84	Tốt	
5	DH71300144	Trương Thị Ngọc	Bích	D13_MAR03	0	12	0	25	0	0	2	39	Yếu	
6	DH71300162	Nguyễn Trần Minh	Châu	D13_MAR03	8	6	4	15	-1	15	2	49	Yếu	
7	DH71300205	Nguyễn Xuân	Diệu	D13_MAR03	9	12	8	15	17	10	2	73	Khá	
8	DH71300224	Lê Thị Ngọc	Dung	D13_MAR03	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
9	DH71300458	Lê Đức	Huy	D13_MAR03	10	6	3	25	20	15	2	81	Tốt	
10	DH71300484	Trần Thị Ngọc	Huyền	D13_MAR03	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
11	DH71300503	Hà Thê	Khang	D13_MAR03	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
12	DH71300514	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	D13_MAR03	9	12	8	25	17	10	2	83	Tốt	
13	DH71300491	Võ Quốc	Khánh	D13_MAR03	10	12	5	25	16	10	2	80	Tốt	
14	DH71300572	Nguyễn Hà Danh	Lam	D13_MAR03	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
15	DH71300596	Trần Phương	Liên	D13_MAR03	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
16	DH71300733	Tô Nguyễn Uyên	My	D13_MAR03	9	12	8	25	12	10	2	78	Khá	
17	DH71300787	Huỳnh Ngọc Đông	Nghi	D13_MAR03	10	10	8	25	12	10	2	77	Khá	
18	DH71300780	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	D13_MAR03	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	DH71300804	Lê Thị Thảo	Nguyễn	D13_MAR03	8	8	6	25	11	12	2	72	Khá	
20	DH71300811	Trần Thanh Thảo	Nguyễn	D13_MAR03	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
21	DH71300843	Nguyễn Thanh	Nhàn	D13_MAR03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
22	DH71300862	Ngô Thị Huỳnh	Nhi	D13_MAR03	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
23	DH71300948	Nguyễn Văn	Phi	D13_MAR03	10	6	4	15	-4	5	2	38	Yếu	Không khám sức khỏe
24	DH71300926	Huỳnh Tú	Phương	D13_MAR03	10	12	0	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
25	DH71300942	Võ Hoàng	Phương	D13_MAR03	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
26	DH71300943	Võ Thanh	Phương	D13_MAR03	10	12	2	25	5	10	2	66	Trung bình khá	
27	DH71301040	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D13_MAR03	10	10	2	25	20	10	2	79	Khá	
28	DH71301188	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_MAR03	10	12	2	25	17	10	2	78	Khá	
29	DH71301273	Nguyễn Cẩm	Thu	D13_MAR03	9	12	6	25	17	10	2	81	Tốt	
30	DH71301274	Huỳnh Trung	Thuận	D13_MAR03	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
31	DH71301341	Bùi Phạm Minh	Toàn	D13_MAR03	10	10	8	25	4	10	2	69	Trung bình khá	
32	DH71301364	Lê Hồng Bảo	Trân	D13_MAR03	10	12	6	25	6	5	2	66	Trung bình khá	
33	DH71301419	Phạm Ngọc	Trinh	D13_MAR03	10	12	6	25	20	12	2	87	Tốt	
34	DH71301430	Nguyễn Thị Minh	Trứ	D13_MAR03	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
35	DH71301527	Nguyễn Phương	Vân	D13_MAR03	10	8	6	15	20	10	2	71	Khá	
36	DH71301613	Giang Kim	Yến	D13_MAR03	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
1	DH71300066	Nguyễn Hoài	An	D13_MAR04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
2	DH71300183	Nguyễn Văn	Chí	D13_MAR04	10	10	8	25	6	15	2	76	Khá	
3	DH71300223	Đỗ Thị Hoàng	Dung	D13_MAR04	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
4	DH71300247	Trương Cảnh	Duy	D13_MAR04	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
5	DH71300033	Ngô Quốc	Đạt	D13_MAR04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH71300276	Hứa Tuyết	Giao	D13_MAR04	10	12	7	25	19	15	2	90	Xuất sắc	
7	DH71300320	Cao Nhật Phương	Hà	D13_MAR04	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
8	DH71300336	Trương Chấn	Hào	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
9	DH71300294	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D13_MAR04	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
10	DH71300300	Vũ Thị	Hằng	D13_MAR04	10	12	8	15	9	15	2	71	Khá	
11	DH71300479	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D13_MAR04	10	12	6	25	20	5	2	80	Tốt	
12	DH71300554	Nguyễn Thị Linh	Lăng	D13_MAR04	10	9	8	25	-1	15	2	68	Trung bình khá	
13	DH71300653	Mai Xuân	Lịch	D13_MAR04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
14	DH71300606	Huỳnh Thái Diệu	Linh	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
15	DH71300607	Khổng Thị Mỹ	Linh	D13_MAR04	10	10	6	25	16	15	2	84	Tốt	
16	DH71300673	Đặng Huỳnh Tố	Mai	D13_MAR04	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
17	DH71300835	Phan Vũ	Nhân	D13_MAR04	10	12	6	25	3	13	2	71	Khá	
18	DH71300820	Nghiêm Xuân Quỳnh	Như	D13_MAR04	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
19	DH71300967	Đinh Thị Hồng	Phúc	D13_MAR04	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
20	DH71300940	Trần Thị Thu	Phương	D13_MAR04	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
21	DH71301048	Trần Hoàng Quyên	Quyên	D13_MAR04	10	12	8	15	19	12	2	78	Khá	
22	DH71301022	Bùi Vũ Thu	Quỳnh	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
23	DH71301026	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	D13_MAR04	10	10	0	25	19	12	2	78	Khá	
24	DH71301081	Trương Văn	Sang	D13_MAR04	10	12	6	25	18	7	2	80	Tốt	
25	DH71301055	Phòng Bắc	Sáng	D13_MAR04	10	10	6	25	2	13	2	68	Trung bình khá	
26	DH71301068	Võ Thị Thảo	Strong	D13_MAR04	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
27	DH71301172	Lê Thị Phương	Thảo	D13_MAR04	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
28	DH71301178	Nguyễn Ngọc Thạch	Thảo	D13_MAR04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH71301182	Nguyễn Thị	Thảo	D13_MAR04	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
30	DH71301184	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
31	DH71301256	Trương Thị Thanh	Thùy	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
32	DH71301286	Phan Thị Anh	Thy	D13_MAR04	10	9	8	25	11	15	2	80	Tốt	
33	DH71301291	Phạm Thị Thủy	Tiên	D13_MAR04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
34	DH71301387	Nguyễn Thùy Ngọc	Trang	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
35	DH71301370	Phạm Ngọc	Trân	D13_MAR04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
36	DH71301489	Cao Thị Linh	Tuyền	D13_MAR04	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
37	DH71301487	Đoàn Thạch	Tuyền	D13_MAR04	0	10	0	0	-10	-5	0	-5	Kém	
38	DH71301497	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	D13_MAR04	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
39	DH71300906	Nguyễn Như	út	D13_MAR04	10	12	8	15	-1	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
40	DH71301585	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D13_MAR04	10	9	7	25	18	10	2	81	Tốt	
41	DH71301587	Trần Tường	Vy	D13_MAR04	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
42	DH71301615	Lê Thị Hải	Yến	D13_MAR04	10	12	8	15	20	5	2	72	Khá	
1	DH71300001	Hứa Thị Mỹ	ái	D13_TC01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
2	DH71300118	Trần Gia	Bình	D13_TC01	10	12	7	25	16	15	2	87	Tốt	
3	DH71300167	Trần Dương Ngũ	Châu	D13_TC01	10	6	4	15	11	10	2	58	Trung bình	
4	DH71300156	Trần Mạnh	Cường	D13_TC01	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
5	DH71300219	Dương Ngọc	Dịu	D13_TC01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
6	DH71300248	Trương Phạm Nhật	Duy	D13_TC01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
7	DH71300055	Nguyễn Huỳnh	Đức	D13_TC01	10	9	8	15	16	15	2	75	Khá	
8	DH71300272	Bùi Ngọc Trà	Giang	D13_TC01	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
9	DH71300273	Hoàng Thị Hương	Giang	D13_TC01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
10	DH71300322	Danh Thị	Hà	D13_TC01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
11	DH71300323	Lê Thị	Hà	D13_TC01	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
12	DH71300332	Võ Ngọc Ngân	Hà	D13_TC01	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
13	DH71300285	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_TC01	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	
14	DH71300287	Ngô Thị Thanh	Hằng	D13_TC01	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
15	DH71300293	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_TC01	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
16	DH71300388	Lê Thị	Hiên	D13_TC01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
17	DH71300315	Phạm Thị Xuân	Hương	D13_TC01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
18	DH71300519	Lê Đăng	Khoa	D13_TC01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
19	DH71300576	Bạch Ngọc	Lan	D13_TC01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
20	DH71300578	Nguyễn Lê Yên	Lan	D13_TC01	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
21	DH71300579	Thái Phương	Lan	D13_TC01	10	6	8	25	10	15	2	76	Khá	
22	DH71300594	Lâm Tú	Liên	D13_TC01	10	9	6	25	19	15	2	86	Tốt	
23	DH71300611	Lê Ngọc Tuyết	Linh	D13_TC01	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
24	DH71300638	Nguyễn Hồng	Loan	D13_TC01	10	12	6	25	20	5	2	80	Tốt	
25	DH71300652	Trần Thị Hải	Long	D13_TC01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
26	DH71300669	Võ Trần Ngọc Thị Mai	Lý	D13_TC01	10	10	6	25	19	10	2	82	Tốt	
27	DH71300695	Hà Đức	Minh	D13_TC01	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
28	DH71300767	Văn Thị Thiên	Nga	D13_TC01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
29	DH71300744	Hoàng Nguyễn Phương	Ngân	D13_TC01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
30	DH71300749	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	D13_TC01	8	12	8	25	19	15	2	89	Tốt	
31	DH71300771	Dương Lê Bích	Ngọc	D13_TC01	0	6	0	0	-10	0	0	-4	Kém	
32	DH71300778	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D13_TC01	10	12	2	25	9	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
33	DH71300826	Lữ Thành	Nhân	D13_TC01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
34	DH71300865	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	D13_TC01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
35	DH71300881	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	D13_TC01	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
36	DH71300882	Huỳnh Thị	Nhung	D13_TC01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
37	DH71300911	Lưu Kiến	Phát	D13_TC01	10	12	7	25	16	12	2	84	Tốt	
38	DH71300962	Nguyễn Đắc	Phú	D13_TC01	10	8	2	25	13	15	2	75	Khá	
39	DH71300996	Phạm Kim	Phụng	D13_TC01	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
40	DH71300997	Tăng Ngọc	Phụng	D13_TC01	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
41	DH71301114	Lâm Phát	Tài	D13_TC01	10	9	6	25	18	10	2	80	Tốt	
42	DH71301145	Nguyễn Minh	Thái	D13_TC01	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
43	DH71301233	Trịnh Lê Lan	Thanh	D13_TC01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
44	DH71301193	Tăng Kim	Thảo	D13_TC01	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
45	DH71301139	Trần Minh	Thư	D13_TC01	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
46	DH71301157	Võ Văn	Thương	D13_TC01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
47	DH71301377	Lê Phương	Trang	D13_TC01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
48	DH71301378	Lê Thị	Trang	D13_TC01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
49	DH71301384	Nguyễn Hồ Nguyên	Trang	D13_TC01	10	9	4	25	18	15	2	83	Tốt	
50	DH71301397	Tạ Thu	Trang	D13_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
51	DH71301358	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	D13_TC01	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
52	DH71301452	Nguyễn Minh	Trí	D13_TC01	8	12	4	25	7	15	2	73	Khá	
53	DH71301428	Văn Thị Hải	Triều	D13_TC01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
54	DH71301422	Trần Ngọc	Trình	D13_TC01	9	12	8	25	11	11	2	78	Khá	
55	DH71301431	Hồng Thanh	Trúc	D13_TC01	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
56	DH71301432	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D13_TC01	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
57	DH71301496	Trần Thị Thanh	Tuyền	D13_TC01	10	12	4	25	14	5	2	72	Khá	
58	DH71301498	Phạm Thị Hồng	Tuyết	D13_TC01	10	8	8	25	16	10	2	79	Khá	
59	DH71301579	Lê Khánh	Vy	D13_TC01	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
60	DH71301606	Nguyễn Thị Như	ý	D13_TC01	10	12	0	25	19	15	2	83	Tốt	
61	DH71301618	Nguyễn Ngọc	Yến	D13_TC01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1	DH71300099	Phạm Thị Kim	Anh	D13_TC02	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
2	DH71300101	Trương Hồ Lan	Anh	D13_TC02	9	8	8	25	20	15	2	87	Tốt	
3	DH71300108	Võ Thị Thảo	Anh	D13_TC02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
4	DH71300003	Đặng Thị Hồng	ánh	D13_TC02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
5	DH71300174	Huỳnh Thị Yến	Chi	D13_TC02	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	
6	DH71300192	Thái Nguyễn Chí	Danh	D13_TC02	10	12	8	25	14	15	10	94	Xuất sắc	
7	DH71300225	Mạch Thu	Dung	D13_TC02	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
8	DH71300253	Huỳnh Thị Kim	Duyên	D13_TC02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
9	DH71300024	Đỗ Hoàng Trang	Đài	D13_TC02	10	12	4	25	5	15	2	73	Khá	
10	DH71300027	Võ Thị Xuân	Đào	D13_TC02	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
11	DH71300040	Phạm Hữu	Đạt	D13_TC02	10	9	7	25	20	15	2	88	Tốt	
12	DH71300051	Nguyễn Ngọc	Diệp	D13_TC02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
13	DH71300305	Nguyễn Ngọc	Hân	D13_TC02	10	9	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
14	DH71300430	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_TC02	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
15	DH71300480	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D13_TC02	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
16	DH71300483	Trần Thị Lệ	Huyền	D13_TC02	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
17	DH71300488	Trần Kim	Khánh	D13_TC02	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
18	DH71300577	Nguyễn Hương	Lan	D13_TC02	10	10	0	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
19	DH71300595	Nguyễn Thị ánh	Liên	D13_TC02	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
20	DH71300623	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D13_TC02	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
21	DH71300641	Đặng Huy	Long	D13_TC02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
22	DH71300585	Nguyễn Hoàng	Lộc	D13_TC02	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
23	DH71300667	Nguyễn Thị Trúc	Ly	D13_TC02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
24	DH71300676	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D13_TC02	10	9	8	15	14	15	2	73	Khá	
25	DH71300723	Nguyễn Ngọc	Mỹ	D13_TC02	9	12	4	25	14	15	2	81	Tốt	
26	DH71300763	Nguyễn Quỳnh	Nga	D13_TC02	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
27	DH71300750	Nguyễn Mai Tuyết	Ngân	D13_TC02	10	10	8	25	15	15	2	85	Tốt	
28	DH71300788	Lê Xuân	Nghi	D13_TC02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
29	DH71300773	Hoàng Thị Kim	Ngọc	D13_TC02	10	12	2	25	19	15	10	93	Xuất sắc	
30	DH71300855	Hà Thị Tuyết	Nhi	D13_TC02	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
31	DH71300870	Phú Phụng ý	Nhi	D13_TC02	10	9	6	25	7	15	2	74	Khá	
32	DH71300904	Trần Thị Kim	Oanh	D13_TC02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
33	DH71300920	Trương Hồng	Phát	D13_TC02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
34	DH71300957	Hồ Bích	Phượng	D13_TC02	10	10	4	25	16	15	2	82	Tốt	
35	DH71300999	Châu Mỹ	Quân	D13_TC02	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
36	DH71301024	Nghiêm Thị Như	Quỳnh	D13_TC02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
37	DH71301025	Nguyễn Lưu Hương	Quỳnh	D13_TC02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
38	DH71301066	Nguyễn Lê Tuyết	Sương	D13_TC02	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
39	DH71301108	Nguyễn Hồng	Tân	D13_TC02	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
40	DH71301109	Trương Nhật	Tân	D13_TC02	10	12	4	15	9	15	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
41	DH71301228	Phạm Thiên	Thanh	D13_TC02	10	12	8	25	12	15	10	92	Xuất sắc	
42	DH71301197	Trần Ngọc	Thảo	D13_TC02	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
43	DH71301198	Trịnh Phương	Thảo	D13_TC02	10	8	6	25	16	15	2	82	Tốt	
44	DH71301199	Võ Chi	Thảo	D13_TC02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
45	DH71301283	Vũ Huỳnh Bảo	Thuận	D13_TC02	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
46	DH71301253	Nguyễn Hồng	Thùy	D13_TC02	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
47	DH71301262	Đinh Thị Như	Thúy	D13_TC02	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
48	DH71301155	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D13_TC02	10	10	8	25	18	15	2	88	Tốt	
49	DH71301292	Trần Lê Cẩm	Tiên	D13_TC02	9	10	4	15	14	15	2	69	Trung bình khá	
50	DH71301372	Hoàng Thị	Trà	D13_TC02	10	10	4	15	-1	10	2	50	Trung bình	
51	DH71301392	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TC02	10	12	4	25	5	15	2	73	Khá	
52	DH71301457	Nguyễn Văn	Trí	D13_TC02	10	12	7	15	12	15	2	73	Khá	
53	DH71301441	Nguyễn Minh	Trực	D13_TC02	10	12	8	25	6	15	10	86	Tốt	
54	DH71301530	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	D13_TC02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
55	DH71301590	Phạm Thị	Xinh	D13_TC02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
56	DH71301591	Chế Nguyễn Thanh	Xuân	D13_TC02	10	6	4	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
57	DH71301610	Nguyễn Thị	Yên	D13_TC02	10	10	6	25	18	15	2	86	Tốt	
1	DH71401709	Hồ Bảo	Anh	D14_QT01	10	6	8	15	12	15	2	68	Trung bình khá	
2	DH71400062	Huỳnh Quốc	Bảo	D14_QT01	10	6	4	15	7	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
3	DH71400120	La Minh	Chi	D14_QT01	10	12	4	25	17	10	2	80	Tốt	
4	DH71400089	Hứa Trí	Cường	D14_QT01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
5	DH71400098	Võ Minh	Cường	D14_QT01	10	9	8	25	11	15	2	80	Tốt	
6	DH71400179	Mạch Mỹ	Dung	D14_QT01	10	8	4	25	17	10	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH71400166	Bùi Văn	Dũng	D14_QT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
8	DH71400217	Đỗ Tiến	Đạt	D14_QT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
9	DH71400236	Vương Quốc	Đạt	D14_QT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
10	DH71400244	Lê Hồng	Đức	D14_QT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
11	DH71401755	Vương Tiến	Đức	D14_QT01	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	
12	DH71400339	Bá Thụy Thiện	Hạnh	D14_QT01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
13	DH71400279	Dương Thị Ngọc	Hân	D14_QT01	10	10	7	25	11	15	2	80	Tốt	
14	DH71400281	Nguyễn Bảo	Hân	D14_QT01	10	9	6	25	14	15	2	81	Tốt	
15	DH71400448	Trần ái	Hoa	D14_QT01	10	8	4	25	17	10	2	76	Khá	
16	DH71300375	Huỳnh Cảnh	Hùng	D14_QT01	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
17	DH71400476	Lý Gia	Huy	D14_QT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
18	DH71302116	Trương Quốc	Huy	D14_QT01	10	12	8	15	2	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
19	DH71400288	Đỗ Ngọc Thanh	Hương	D14_QT01	10	9	7	25	11	15	2	79	Khá	
20	DH71400512	Trần Ngọc	Khánh	D14_QT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
21	DH71400572	Chiềng Mẫn	Kỳ	D14_QT01	10	9	4	25	14	15	2	79	Khá	
22	DH71400603	Võ Thị Mỹ	Liên	D14_QT01	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
23	DH71400598	Phạm Văn	Lộc	D14_QT01	10	8	4	25	17	10	2	76	Khá	
24	DH71400671	Hoàng Thị Thanh	Mai	D14_QT01	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
25	DH71401650	Trần Thị Huỳnh	Mai	D14_QT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
26	DH71302112	Phạm Thị Thanh	Mến	D14_QT01	10	6	8	25	12	15	2	78	Khá	
27	DH71400701	Quan Khải	Minh	D14_QT01	10	6	8	15	12	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
28	DH71400733	Huỳnh Thanh	Nam	D14_QT01	10	12	8	15	2	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
29	DH71400780	Văn Thị Kim	Ngân	D14_QT01	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH71400806	Quách Hồng	Ngọc	D14_QT01	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
31	DH71400849	Từ Thuận	Nguyễn	D14_QT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
32	DH71300875	Trần Thị Thủy	Nhi	D14_QT01	0	0	0	-10	-10	0	0	-20	Kém	Không khám sức khỏe
33	DH71300884	Lã Thị Phương	Nhung	D14_QT01	10	12	8	15	2	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
34	DH71400860	Trần Đặng Gia	Như	D14_QT01	10	6	8	25	12	15	2	78	Khá	
35	DH71400927	Nguyễn Thanh Minh	Nhật	D14_QT01	10	10	4	25	16	15	2	82	Tốt	
36	DH71400984	Chung Đạt	Phú	D14_QT01	10	8	8	25	10	15	2	78	Khá	
37	DH71301029	Hồ Bảo Anh	Quý	D14_QT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
38	DH71401069	Nguyễn Hoàng Ngọc	Quyên	D14_QT01	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
39	DH71401103	Nguyễn Thị Kim	Sen	D14_QT01	10	12	8	15	12	15	2	74	Khá	
40	DH71401113	Nguyễn Thị Băng	Tâm	D14_QT01	10	8	8	25	9	15	2	77	Khá	
41	DH71401117	Nguyễn Võ Minh	Tâm	D14_QT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
42	DH71301215	Phạm Thị Cẩm	Thạch	D14_QT01	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
43	DH71401265	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D14_QT01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
44	DH71401300	Trần Ngọc Nhã	Thy	D14_QT01	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
45	DH71401307	Nguyễn Mai	Tiên	D14_QT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
46	DH71401316	Phạm Thị Đào	Tiên	D14_QT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
47	DH71401465	Lư Cẩm	Trung	D14_QT01	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
48	DH71401496	Lê Hoàng	Tuấn	D14_QT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
49	DH71301482	Võ Trang Anh	Tuấn	D14_QT01	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
50	DH71401529	Trần Lê Thanh	Tuyền	D14_QT01	10	8	7	25	11	15	2	78	Khá	
51	DH71401597	Dương Thúy	Vy	D14_QT01	10	10	4	15	17	10	2	68	Trung bình khá	
52	DH71401623	Phạm Gia	Yên	D14_QT01	10	12	4	25	11	15	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH71400030	Liêu Thị Vân	Anh	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
2	DH71401712	Phạm Trâm	Anh	D14_QT02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
3	DH71400075	Châu Thụy Ngọc	Bích	D14_QT02	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
4	DH71400108	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	D14_QT02	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
5	DH71400117	Đoàn Thị Kim	Chi	D14_QT02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
6	DH71400121	Ngô Quế	Chi	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
7	DH71401696	Trần Khánh	Chương	D14_QT02	10	6	0	25	10	10	2	63	Trung bình khá	
8	DH71401776	Nguyễn Thị Mai	Duyên	D14_QT02	10	8	2	25	20	15	2	82	Tốt	
9	DH71400209	Võ Nguyễn Khánh	Dy	D14_QT02	10	8	2	25	18	15	2	80	Tốt	
10	DH71400234	Tạ Huỳnh	Đạt	D14_QT02	10	8	2	25	20	15	2	82	Tốt	
11	DH71400404	Phạm Trung	Hiếu	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
12	DH71400408	Trần Minh	Hiếu	D14_QT02	10	0	0	25	0	15	2	52	Trung bình	
13	DH71400409	Trần Ngọc Minh	Hiếu	D14_QT02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
14	DH71400430	Lưu Nhật	Hoàng	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
15	DH71400414	Lê Thị Kim	Hưng	D14_QT02	10	9	2	25	18	15	2	81	Tốt	
16	DH71400529	Nguyễn Hoàng	Khang	D14_QT02	10	6	0	15	0	15	2	48	Yếu	
17	DH71401756	Danh Chúc	Linh	D14_QT02	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
18	DH71400615	Dương Thị Mỹ	Linh	D14_QT02	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
19	DH71400645	Dương Thanh	Long	D14_QT02	10	0	0	15	0	10	2	37	Yếu	Không khám sức khỏe
20	DH71400677	Trần Ngọc	Mai	D14_QT02	10	0	0	15	10	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
21	DH71400777	Trần Thị Tuyết	Ngân	D14_QT02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
22	DH71400778	Trần Tuyết	Ngân	D14_QT02	10	12	2	15	5	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
23	DH71400811	Nguyễn Lưu	Nghi	D14_QT02	10	0	0	15	0	10	2	37	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH71400812	Nguyễn Thảo	Nghi	D14_QT02	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
25	DH71401651	Trần Lê Bảo	Ngọc	D14_QT02	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
26	DH71400905	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D14_QT02	10	8	2	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
27	DH71400917	Bùi Thị Tuyết	Nhung	D14_QT02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
28	DH71400943	Phạm Thành	Phát	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
29	DH71400999	Nguyễn Hoàng	Phúc	D14_QT02	10	12	2	15	13	15	2	69	Trung bình khá	
30	DH71400955	Ngô Thị Tây	Phương	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
31	DH71401045	Huỳnh Nhật	Quang	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
32	DH71401052	Võ Trần Minh	Quốc	D14_QT02	10	9	2	25	15	15	2	78	Khá	
33	DH71401070	Nguyễn Thụy Hoàng	Quyên	D14_QT02	10	6	0	25	15	15	2	73	Khá	
34	DH71401120	Trần Thanh	Tâm	D14_QT02	10	9	2	25	15	15	2	78	Khá	
35	DH71401251	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	D14_QT02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
36	DH71401179	Cao Ngọc Huyền	Thơ	D14_QT02	10	6	2	25	15	15	2	75	Khá	
37	DH71401164	Trần Ngọc Kim	Thư	D14_QT02	10	6	0	15	10	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
38	DH71401301	Trần Thị Mai	Thy	D14_QT02	10	9	2	25	15	15	2	78	Khá	
39	DH71401536	Huỳnh Hữu	Tính	D14_QT02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
40	DH71401386	Nguyễn Ngọc	Trân	D14_QT02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
41	DH71401507	Nguyễn Thành	Tuấn	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
42	DH71401562	Phan Nguyễn Thụy	Vi	D14_QT02	10	6	0	25	18	15	2	76	Khá	
43	DH71401628	Hồ Ngọc	Yến	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
1	DH71400044	Nguyễn Việt	Anh	D14_QT03	10	12	4	15	5	10	8	64	Trung bình khá	
2	DH71401713	Trần Thị Lan	Anh	D14_QT03	10	9	4	25	20	10	10	88	Tốt	
3	DH71400052	Dương Kim	Bình	D14_QT03	10	6	6	25	19	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4	DH71400129	Trần Thị Kim	Chi	D14_QT03	10	8	6	25	19	10	2	80	Tốt	
5	DH71400084	Bùi Thái Kim	Cuong	D14_QT03	10	9	0	25	3	10	2	59	Trung bình	
6	DH71400138	Chung Khánh	Dân	D14_QT03	10	8	2	25	19	10	2	76	Khá	
7	DH71400156	Huỳnh Ngọc	Diễm	D14_QT03	10	8	2	25	13	10	9	77	Khá	
8	DH71400165	Lê Ngọc Thùy	Dương	D14_QT03	10	8	6	25	19	10	2	80	Tốt	
9	DH71400345	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	D14_QT03	10	10	2	15	11	10	2	60	Trung bình khá	
10	DH71400439	Phạm Kim	Hoàng	D14_QT03	10	8	6	25	16	10	2	77	Khá	
11	DH71400353	Châu ánh	Hồng	D14_QT03	10	6	2	15	9	10	2	54	Trung bình	
12	DH71400376	Văn Chí	Hùng	D14_QT03	10	8	4	25	19	10	2	78	Khá	
13	DH71400497	Lại Thị Thu	Huyền	D14_QT03	10	6	0	15	8	10	2	51	Trung bình	
14	DH71401685	Nguyễn Văn	Khương	D14_QT03	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
15	DH71401794	Đình Thị Ngọc	Kiều	D14_QT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
16	DH71400561	Nguyễn Đức Huệ	Kim	D14_QT03	10	8	2	25	19	10	2	76	Khá	
17	DH71400563	Nguyễn Phạm Mỹ	Kim	D14_QT03	10	8	0	25	3	10	2	58	Trung bình	
18	DH71400587	Nguyễn Vũ Hoàng	Lan	D14_QT03	10	6	4	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
19	DH71400621	Nguyễn Ngọc	Linh	D14_QT03	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	
20	DH71400749	Đặng Hữu Kim	Ngân	D14_QT03	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
21	DH71401757	Phạm Thị Trang	Nhã	D14_QT03	9	6	5	15	8	10	2	55	Trung bình	
22	DH71400893	Hoàng Thị Yến	Nhi	D14_QT03	10	9	6	25	20	10	8	88	Tốt	
23	DH71400914	Đoàn Thị Tiểu	Nhu	D14_QT03	10	9	6	25	18	10	2	80	Tốt	
24	DH71401029	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D14_QT03	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
25	DH71400950	Đoàn Thị Kiều	Phương	D14_QT03	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
26	DH71401064	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	D14_QT03	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
27	DH71401227	Bùi Thái Ngọc	Thạch	D14_QT03	10	9	4	25	19	10	8	85	Tốt	
28	DH71401655	Huỳnh Kim	Thoa	D14_QT03	10	9	8	25	19	10	9	90	Xuất sắc	
29	DH71401269	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D14_QT03	10	8	0	25	20	10	2	75	Khá	
30	DH71401152	Bùi Ngô Anh	Thư	D14_QT03	10	8	0	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
31	DH71401338	Trần Minh	Tiến	D14_QT03	10	8	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
32	DH71401394	Đặng Phạm Thu	Trang	D14_QT03	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
33	DH71401410	Phan Thị Xuân	Trang	D14_QT03	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
34	DH71401379	Nguyễn Thị Phương	Trâm	D14_QT03	10	8	6	25	20	10	9	88	Tốt	
35	DH71401489	Trần Minh	Trí	D14_QT03	10	8	4	25	20	10	9	86	Tốt	
36	DH71401439	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D14_QT03	10	9	6	25	19	10	2	81	Tốt	
37	DH71401456	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D14_QT03	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
38	DH71401459	Phan Nhã	Trúc	D14_QT03	10	9	4	25	18	10	2	78	Khá	
39	DH71401527	Phạm Thị Mộng	Tuyền	D14_QT03	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
40	DH71401573	Đặng Quốc	Việt	D14_QT03	10	6	2	15	18	10	2	63	Trung bình khá	
41	DH71401568	Nguyễn Thái	Vinh	D14_QT03	9	10	4	15	8	10	2	58	Trung bình	
42	DH71401604	Nguyễn Thúy	Vy	D14_QT03	10	8	6	25	18	10	2	79	Khá	
43	DH71401612	Võ Ngọc Thảo	Vy	D14_QT03	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
44	DH71401617	Trần Thị Bạch	Xuân	D14_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
1	DH71400078	Khuông Thành	Công	D14_QT04	0	10	0	-10	-10	0	0	-10	Kém	Không khám sức khỏe
2	DH71400199	Lê Ngọc Minh	Duyên	D14_QT04	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
3	DH71401716	Hà Thị	Dương	D14_QT04	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
4	DH71400143	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D14_QT04	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
5	DH71401761	Huỳnh Thanh	Hà	D14_QT04	10	12	8	25	9	15	6	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH71400349	Trần Trần Mỹ	Hạnh	D14_QT04	10	10	0	25	11	15	2	73	Khá	
7	DH71400350	Văn Lê Hữu	Hạnh	D14_QT04	10	9	8	25	20	12	9	93	Xuất sắc	
8	DH71400411	Bùi Đức	Hưng	D14_QT04	10	10	0	15	5	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
9	DH71400417	Nguyễn Quốc	Hưng	D14_QT04	10	9	3	25	8	15	2	72	Khá	
10	DH71401697	Nguyễn Thị	Hương	D14_QT04	10	12	4	25	9	15	6	81	Tốt	
11	DH71400532	Trần Duy	Khang	D14_QT04	10	12	0	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
12	DH71400616	Lê Khánh	Linh	D14_QT04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
13	DH71400630	Phạm Huỳnh Trúc	Linh	D14_QT04	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
14	DH71400632	Trần Lệ	Linh	D14_QT04	10	12	4	25	12	12	6	81	Tốt	
15	DH71400646	Hà Thanh	Long	D14_QT04	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
16	DH71400590	Đặng Thế	Lộc	D14_QT04	10	6	0	15	16	15	2	64	Trung bình khá	
17	DH71400595	Nguyễn Tấn	Lộc	D14_QT04	10	6	2	15	8	15	2	58	Trung bình	
18	DH71400606	Trần Thạch	Lợi	D14_QT04	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	Không khám sức khỏe
19	DH71400768	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	D14_QT04	10	6	0	25	15	15	2	73	Khá	
20	DH71400808	Trần Hoàng Mỹ	Ngọc	D14_QT04	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
21	DH71400834	Lâm Thảo	Nguyễn	D14_QT04	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
22	DH71400967	Nguyễn Gia	Phi	D14_QT04	10	12	0	25	8	15	2	72	Khá	
23	DH71401022	Nguyễn Thanh	Phong	D14_QT04	10	8	3	25	10	15	2	73	Khá	
24	DH71401024	Trương Hẹ	Phong	D14_QT04	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
25	DH71400979	Đoàn Thị Kim	Phượng	D14_QT04	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
26	DH71401035	Khuê Tô	Quân	D14_QT04	10	12	4	25	15	15	9	90	Xuất sắc	
27	DH71401053	Cao Thị Ngọc	Quế	D14_QT04	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
28	DH71401211	Đào Ngọc	Thắng	D14_QT04	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH71401157	Nguyễn Anh	Thư	D14_QT04	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	
30	DH71401320	Trần Thị Thùy	Tiên	D14_QT04	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
31	DH71401382	Võ Ngọc Quyên	Trâm	D14_QT04	10	12	4	25	13	15	9	88	Tốt	
32	DH71401480	Lê Thành	Trí	D14_QT04	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
33	DH71401661	Nguyễn Thành	Trung	D14_QT04	10	6	0	25	8	15	2	66	Trung bình khá	
34	DH71401344	Hoàng Lê Cẩm	Tú	D14_QT04	10	8	4	25	9	15	2	73	Khá	
35	DH71401345	Huỳnh Cẩm	Tú	D14_QT04	10	12	8	25	20	12	2	89	Tốt	
36	DH71401514	Dương Gia	Tuệ	D14_QT04	10	6	0	25	11	15	2	69	Trung bình khá	
37	DH71401520	Đoàn Thị Ngọc	Tuyền	D14_QT04	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
38	DH71401553	Lê Mộng Tuyết	Vân	D14_QT04	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	
39	DH71401606	Phạm Thị Tường	Vy	D14_QT04	10	8	2	25	11	15	2	73	Khá	
40	DH71401632	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	D14_QT04	10	6	0	25	11	15	2	69	Trung bình khá	
1	DH71400028	Lê Quốc	Anh	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
2	DH71400119	Lương Mỹ	Chi	D14_QT05	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
3	DH71400239	Nguyễn Trọng Hải	Đường	D14_QT05	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
4	DH71400255	Trần Anh	Giàu	D14_QT05	10	6	8	15	10	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
5	DH71400309	Đào Chí	Hào	D14_QT05	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
6	DH71400283	Nguyễn Vương Huỳnh	Hân	D14_QT05	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
7	DH71401777	Nguyễn Thị Bé	Hiền	D14_QT05	10	9	8	25	19	15	10	96	Xuất sắc	
8	DH71400427	Huỳnh Lu Khánh	Hoàng	D14_QT05	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
9	DH71401721	Nguyễn Minh	Hoàng	D14_QT05	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
10	DH71400361	Võ Thị Phương	Hồng	D14_QT05	10	8	8	15	16	15	2	74	Khá	
11	DH71400463	Huỳnh Thị Hạnh	Huê	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
12	DH71400373	Phạm Văn	Hùng	D14_QT05	10	10	8	15	6	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
13	DH71400481	Nguyễn Lâm Hoàng	Huy	D14_QT05	10	6	6	25	17	15	2	81	Tốt	
14	DH71400293	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	D14_QT05	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
15	DH71401686	Lê Ngọc ý	Lan	D14_QT05	10	6	8	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
16	DH71400591	Đình Ngọc Trường	Lộc	D14_QT05	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
17	DH71400593	Nguyễn Cao Hồng	Lộc	D14_QT05	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
18	DH71400666	Trịnh Trường	Luân	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
19	DH71400705	Từ Võ Quốc	Minh	D14_QT05	10	6	8	25	16	15	9	89	Tốt	
20	DH71400718	Trần Ngọc	Mỹ	D14_QT05	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
21	DH71400788	Nguyễn Thị	Nga	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
22	DH71400754	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	D14_QT05	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
23	DH71400873	Nguyễn Hoài	Nhân	D14_QT05	10	6	8	15	19	8	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
24	DH71400880	Quan Thiện	Nhân	D14_QT05	8	6	8	25	6	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
25	DH71400881	Trần Thiện	Nhân	D14_QT05	10	6	8	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
26	DH71400855	Nguyễn Thị ý	Như	D14_QT05	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
27	DH71401016	Đặng Tuấn	Phong	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
28	DH71400963	Lợi Gia	Phối	D14_QT05	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
29	DH71401005	Phan Hoàng	Phúc	D14_QT05	10	6	8	25	17	15	2	83	Tốt	
30	DH71400958	Nguyễn Huỳnh Mai	Phương	D14_QT05	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
31	DH71401048	Phan Nhật	Quang	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
32	DH71401061	Lê Mạc	Quý	D14_QT05	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
33	DH71401788	Phạm Đức Minh	Tâm	D14_QT05	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
34	DH71401237	Nguyễn Lan	Thanh	D14_QT05	0	12	0	0	-10	0	0	2	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
35	DH71401203	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	D14_QT05	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
36	DH71401226	Vũ Đức	Thắng	D14_QT05	10	6	8	15	16	10	2	67	Trung bình khá	
37	DH71401233	Lê Xuân	Thọ	D14_QT05	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
38	DH71401411	Phùng Thúy	Trang	D14_QT05	10	9	8	25	17	15	2	86	Tốt	
39	DH71401388	Phan Thị Ngọc	Trân	D14_QT05	10	9	8	25	16	15	10	93	Xuất sắc	
40	DH71401468	Nguyễn Chánh	Trung	D14_QT05	10	8	8	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
41	DH71401329	Trần Ngọc	Tùng	D14_QT05	10	6	8	25	15	15	9	88	Tốt	
42	DH71401546	Lê Trần Phương	Uyên	D14_QT05	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
43	DH71401664	Châu Gia	Vân	D14_QT05	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
44	DH71401610	Trần Lê Thanh	Vy	D14_QT05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1	DH71400012	Cao Thị Mỹ	An	D14_QT06	10	6	4	25	16	13	2	76	Khá	
2	DH71401784	Nguyễn Thị Lan	Anh	D14_QT06	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
3	DH71401783	Vi Đình	Bảo	D14_QT06	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
4	DH71400093	Phạm Mạnh	Cường	D14_QT06	10	8	4	15	10	10	2	59	Trung bình	
5	DH71400146	Phan Thị Thùy	Dương	D14_QT06	10	10	7	25	19	15	2	88	Tốt	
6	DH71401638	Nguyễn Ngân	Điện	D14_QT06	10	8	6	15	8	15	2	64	Trung bình khá	
7	DH71400280	Huỳnh Lê Ngọc	Hân	D14_QT06	9	8	0	25	12	10	2	66	Trung bình khá	
8	DH71400379	Cao Ngọc Thanh	Hiền	D14_QT06	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
9	DH71400388	Nguyễn Hoàng	Hiệp	D14_QT06	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
10	DH71400389	Nguyễn Thị Khánh	Hiệp	D14_QT06	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
11	DH71400490	Trần Gia	Huy	D14_QT06	10	10	4	25	10	10	2	71	Khá	
12	DH71401723	Lê Việt	Khánh	D14_QT06	10	8	4	15	0	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
13	DH71400573	Mai Nhật	Lâm	D14_QT06	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
14	DH71400650	Nguyễn Hoàng	Long	D14_QT06	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
15	DH71400728	Văn Thanh Hải	My	D14_QT06	9	8	0	15	2	10	2	46	Yếu	
16	DH71400744	Phan Bảo Kỳ	Nam	D14_QT06	10	9	4	25	12	10	2	72	Khá	
17	DH71400769	Phạm Thị Diễm	Ngân	D14_QT06	10	8	4	15	16	15	2	70	Khá	
18	DH71400814	Phạm Trần Xuân	Nghi	D14_QT06	9	12	4	25	14	15	2	81	Tốt	
19	DH71400801	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	D14_QT06	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
20	DH71400902	Nguyễn Thị ánh	Nhi	D14_QT06	10	8	6	25	16	15	2	82	Tốt	
21	DH71400915	Đặng Thị Hồng	Nhung	D14_QT06	0	0	0	-10	-10	0	0	-20	Kém	Không khám sức khỏe
22	DH71400853	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
23	DH71401700	Nguyễn Trúc	Như	D14_QT06	9	12	4	25	16	15	2	83	Tốt	
24	DH71401205	Phan Huỳnh Thanh	Thảo	D14_QT06	10	12	4	15	0	10	2	53	Trung bình	
25	DH71401291	Nguyễn Tri Hoài	Thu	D14_QT06	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
26	DH71401260	Trần Diễm	Thùy	D14_QT06	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
27	DH71401270	Đinh Thị Diễm	Thúy	D14_QT06	9	6	4	25	14	15	2	75	Khá	
28	DH71401151	Đặng Nguyễn Minh	Thư	D14_QT06	10	12	4	15	0	5	2	48	Yếu	Không khám sức khỏe
29	DH71401738	Nguyễn Thị Hoàng	Thư	D14_QT06	9	6	4	25	16	15	2	77	Khá	
30	DH71401324	Võ Thị Kiều	Tiên	D14_QT06	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
31	DH71401330	Huỳnh Thị Hồng	Tiên	D14_QT06	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
32	DH71401373	Lê Ngọc	Trâm	D14_QT06	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
33	DH71401374	Mạch Nguyệt	Trâm	D14_QT06	9	8	4	25	14	15	2	77	Khá	
34	DH71401376	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D14_QT06	9	12	4	25	14	15	2	81	Tốt	
35	DH71401423	Trần Thị Ngọc	Trâm	D14_QT06	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
36	DH71401387	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D14_QT06	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
37	DH71401438	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	D14_QT06	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
38	DH71401460	Trần Hồ Xuân	Trúc	D14_QT06	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
39	DH71401518	Thái Dương Thanh	Tuyên	D14_QT06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
40	DH71401523	Nguyễn Đỗ Bội	Tuyên	D14_QT06	9	8	4	15	6	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
41	DH71401524	Nguyễn Minh	Tuyên	D14_QT06	9	6	4	15	6	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
42	DH71401666	Phạm Tấn	Việt	D14_QT06	9	6	4	15	8	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
43	DH71401619	Trương Thị Kim	Xuyến	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
1	DH71400024	Dương Hoàng	Anh	D14_QT07	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
2	DH71400027	Lê Nhật	Anh	D14_QT07	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
3	DH71400066	Nguyễn Quốc	Bảo	D14_QT07	10	6	2	15	11	13	2	59	Trung bình	
4	DH71400076	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D14_QT07	10	12	8	25	15	12	2	84	Tốt	
5	DH71400125	Phạm Trần Phương	Chi	D14_QT07	10	9	4	25	19	15	2	84	Tốt	
6	DH71401641	Hoàng Lê	Duẩn	D14_QT07	10	6	7	15	15	15	2	70	Khá	
7	DH71400172	Tạ Tuấn	Dũng	D14_QT07	10	6	8	15	5	2	2	48	Yếu	
8	DH71400223	Huỳnh Phan Thế	Đạt	D14_QT07	10	12	5	25	11	15	2	80	Tốt	
9	DH71400230	Nguyễn Thành	Đạt	D14_QT07	10	8	7	25	13	13	2	78	Khá	
10	DH71401668	Hồ Ngọc	Diệp	D14_QT07	10	8	5	25	15	15	2	80	Tốt	
11	DH71400265	Trần Thị Thanh	Giang	D14_QT07	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
12	DH71400268	Cao Thị Thanh	Hằng	D14_QT07	10	9	8	18	13	12	2	72	Khá	
13	DH71400398	Nguyễn Phúc	Hiếu	D14_QT07	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
14	DH71400447	Tăng Huỳnh	Hoa	D14_QT07	10	8	2	25	13	10	2	70	Khá	
15	DH71400358	Trần Thị	Hồng	D14_QT07	10	12	6	19	10	15	2	74	Khá	
16	DH71400496	Lâm Mỹ	Huyền	D14_QT07	10	9	2	25	16	10	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
17	DH71400502	Trần Thị Ngọc	Huyền	D14_QT07	10	12	7	25	16	10	2	82	Tốt	
18	DH71400642	Cao Nguyễn Tiểu	Long	D14_QT07	10	9	8	15	10	13	2	67	Trung bình khá	
19	DH71401688	Phạm Thị	Lý	D14_QT07	10	9	3	25	20	15	2	84	Tốt	
20	DH71400711	Võ Nguyễn Quốc	Minh	D14_QT07	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
21	DH71400729	Võ Thị Kiều	My	D14_QT07	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
22	DH71400900	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	D14_QT07	10	10	4	25	19	15	2	85	Tốt	
23	DH71400903	Nguyễn Thị Linh	Nhi	D14_QT07	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
24	DH71400867	Võ Thị Huỳnh	Như	D14_QT07	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
25	DH71400934	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	D14_QT07	10	8	8	25	-4	15	2	64	Trung bình khá	
26	DH71400947	Trần Tiến	Phát	D14_QT07	10	12	7	25	4	0	2	60	Trung bình khá	
27	DH71400994	Lê Phan Thiên	Phúc	D14_QT07	10	12	8	25	19	12	2	88	Tốt	
28	DH71400982	Nguyễn Trần Bích	Phượng	D14_QT07	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
29	DH71401066	Huỳnh Ngọc Tố	Quyên	D14_QT07	10	12	7	25	13	15	2	84	Tốt	
30	DH71401068	Nguyễn Hoàng	Quyên	D14_QT07	10	12	8	19	10	15	2	76	Khá	
31	DH71401074	Võ Thị Tuyết	Quyên	D14_QT07	10	10	7	25	20	15	2	89	Tốt	
32	DH71401741	Trần Lê Trường	Thanh	D14_QT07	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
33	DH71401250	Ngô Thị Mai	Thi	D14_QT07	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
34	DH71401275	Trương Thị Thanh	Thúy	D14_QT07	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
35	DH71401535	Phan Trung	Tín	D14_QT07	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
36	DH71401472	Trần Tất Minh	Trung	D14_QT07	10	10	7	15	15	15	2	74	Khá	
37	DH71401522	Lâm Mộng	Tuyền	D14_QT07	9	12	0	25	17	15	2	80	Tốt	
38	DH71401550	Trần Quốc	Văn	D14_QT07	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
39	DH71401555	Trần Thị Kiều	Vân	D14_QT07	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
40	DH71401633	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	D14_QT07	10	6	6	25	16	15	2	80	Tốt	
1	DH71400018	Nguyễn Thị	An	D14_QT08	8	10	2	15	2	10	2	49	Yếu	
2	DH71400032	Nguyễn Duy	Anh	D14_QT08	8	10	2	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
3	DH71400176	Đặng Tú	Dung	D14_QT08	10	8	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
4	DH71400167	Lê Tiến	Dũng	D14_QT08	7	8	2	25	11	10	2	65	Trung bình khá	
5	DH71400144	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D14_QT08	10	8	7	25	5	10	2	67	Trung bình khá	
6	DH71400304	Chu Thị Thu	Hà	D14_QT08	7	10	2	25	8	10	2	64	Trung bình khá	
7	DH71400351	Võ Thị Mỹ	Hạnh	D14_QT08	10	9	2	25	8	10	2	66	Trung bình khá	
8	DH71400449	Hồ Tâm	Hoan	D14_QT08	9	9	4	25	19	10	2	78	Khá	
9	DH71400359	Trần Thị Thúy	Hồng	D14_QT08	10	8	6	25	11	10	2	72	Khá	
10	DH71400559	Vòng Chí	Kiên	D14_QT08	10	8	7	25	20	15	2	87	Tốt	
11	DH71400583	Nguyễn Ngọc Yên	Lam	D14_QT08	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
12	DH71400602	Trương Hà	Liên	D14_QT08	10	8	8	25	11	10	2	74	Khá	
13	DH71400613	Bùi Ngọc Khánh	Linh	D14_QT08	8	10	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
14	DH71400625	Nguyễn Thị Như	Linh	D14_QT08	8	8	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
15	DH71401674	Nguyễn Trang Trúc	Linh	D14_QT08	10	8	2	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
16	DH71400634	Võ Thị Ngọc	Linh	D14_QT08	10	9	2	25	11	10	2	69	Trung bình khá	
17	DH71400699	Nguyễn Văn	Minh	D14_QT08	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
18	DH71400730	Đặng Quốc	Nam	D14_QT08	10	12	2	25	13	10	2	74	Khá	
19	DH71400784	Kha Minh	Ngà	D14_QT08	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
20	DH71400772	Tăng Thị Kim	Ngân	D14_QT08	9	8	4	25	9	15	2	72	Khá	
21	DH71400779	Trần Tuyết	Ngân	D14_QT08	8	6	2	25	5	10	2	58	Trung bình	
22	DH71400807	Từ Kim	Ngọc	D14_QT08	9	8	8	25	11	10	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
23	DH71400883	Ngô Mỹ	Nhàn	D14_QT08	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
24	DH71400960	Phạm Thanh	Phuong	D14_QT08	8	6	2	25	11	10	2	64	Trung bình khá	
25	DH71401077	Mai Xuân	Sâm	D14_QT08	10	12	2	25	13	10	2	74	Khá	
26	DH71401085	Nguyễn Ngọc	Son	D14_QT08	10	9	4	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
27	DH71401702	Lê Thị	Strong	D14_QT08	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
28	DH71401136	Lê Thành	Tài	D14_QT08	10	9	4	25	11	15	2	76	Khá	
29	DH71401200	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D14_QT08	10	8	2	25	14	10	2	71	Khá	
30	DH71401215	Hứa Hiếu	Thắng	D14_QT08	10	9	4	25	11	10	2	71	Khá	
31	DH71401155	Lý Minh	Thư	D14_QT08	10	9	8	25	12	10	2	76	Khá	
32	DH71401337	Nguyễn Thị Kim	Tiến	D14_QT08	9	9	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
33	DH71401743	Nguyễn Chung	Toàn	D14_QT08	9	8	2	15	2	10	2	48	Yếu	
34	DH71401402	Nguyễn Thị ái	Trang	D14_QT08	8	8	4	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
35	DH71401383	Dương Ngọc Lệ	Trân	D14_QT08	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
36	DH71401440	Phạm Hoàng Phương	Trình	D14_QT08	10	8	2	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
37	DH71401528	Trần Lê Minh	Tuyền	D14_QT08	10	8	2	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
38	DH71401519	Nguyễn Trọng	Tuyền	D14_QT08	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
39	DH71401556	Dương Thị Vỹ	Vương	D14_QT08	9	8	2	25	8	10	2	64	Trung bình khá	
40	DH71401621	Nguyễn Lâm Như	ý	D14_QT08	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1	DH71400002	Lê Thanh Diệu	ái	D14_QT09	10	12	6	15	15	10	2	70	Khá	
2	DH71400049	Vương Huỳnh	Anh	D14_QT09	10	8	6	25	16	5	2	72	Khá	
3	DH71400007	Dương Ngọc	Ân	D14_QT09	10	8	5	25	12	12	2	74	Khá	
4	DH71401790	Hồ Quốc	Bảo	D14_QT09	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
5	DH71400111	Trần Ngọc Bảo	Châu	D14_QT09	10	8	0	15	12	10	2	57	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
6	DH71400201	Nguyễn Kỳ	Duyên	D14_QT09	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
7	DH71400203	Nguyễn Thị	Duyên	D14_QT09	10	9	6	25	9	10	2	71	Khá	
8	DH71400331	Tô Thế	Hải	D14_QT09	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
9	DH71400380	Lê Thanh	Hiền	D14_QT09	10	10	4	15	11	9	2	61	Trung bình khá	
10	DH71400387	Ngô Sĩ	Hiệp	D14_QT09	10	10	0	25	17	10	2	74	Khá	
11	DH71400445	Lê Thị	Hoa	D14_QT09	10	12	4	15	13	10	8	72	Khá	
12	DH71400441	Trương Huy	Hoàng	D14_QT09	8	6	0	25	0	5	2	46	Yếu	
13	DH71400291	Lại Thị Cẩm	Hương	D14_QT09	10	8	8	25	18	5	2	76	Khá	
14	DH71400580	Huỳnh Thị Bích	Lê	D14_QT09	10	8	0	25	20	7	2	72	Khá	
15	DH71400651	Nguyễn Trọng Bảo	Long	D14_QT09	0	10	0	-10	-10	-5	0	-15	Kém	Không khám sức khỏe
16	DH71400654	Trần Nguyễn Thành	Long	D14_QT09	10	12	8	25	15	10	9	89	Tốt	
17	DH71400706	Trương Hoàng	Minh	D14_QT09	10	12	0	25	17	10	9	83	Tốt	
18	DH71400745	Phùng Nhật	Nam	D14_QT09	10	12	8	15	4	5	2	56	Trung bình	
19	DH71400747	Vũ Trần Phương	Nam	D14_QT09	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
20	DH71400766	Nguyễn Thị Thu	Ngân	D14_QT09	10	12	0	15	12	10	2	61	Trung bình khá	
21	DH71400775	Trần Bảo	Ngân	D14_QT09	10	12	4	25	9	5	2	67	Trung bình khá	
22	DH71400781	Vân Thị Thu	Ngân	D14_QT09	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
23	DH71400793	Du Mỹ	Ngọc	D14_QT09	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
24	DH71400800	Nguyễn Hồng	Ngọc	D14_QT09	10	12	8	25	12	10	2	79	Khá	
25	DH71401676	Trần Thy Thảo	Ngọc	D14_QT09	10	12	4	15	9	5	2	57	Trung bình	
26	DH71400810	Vũ Thị Kim	Ngọc	D14_QT09	10	6	0	25	12	10	2	65	Trung bình khá	
27	DH71400840	Ngô Thị Bình	Nguyễn	D14_QT09	10	12	4	15	15	10	2	68	Trung bình khá	
28	DH71400899	Nguyễn Phương	Nhi	D14_QT09	10	12	2	25	20	12	9	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
29	DH71400956	Nguyễn Đình	Phương	D14_QT09	10	6	4	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
30	DH71401036	Lê Huỳnh Minh	Quân	D14_QT09	10	10	0	25	0	10	9	64	Trung bình khá	
31	DH71401056	Nguyễn Như	Quỳnh	D14_QT09	10	10	2	25	14	10	2	73	Khá	
32	DH71401105	Đình Minh	Tâm	D14_QT09	10	10	0	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
33	DH71401169	Lý Văn	Thái	D14_QT09	10	10	0	25	7	10	2	64	Trung bình khá	
34	DH71401236	Nguyễn Hoàng Thiên	Thanh	D14_QT09	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
35	DH71401298	Nguyễn Thị Thu	Thuyết	D14_QT09	8	6	0	25	0	5	2	46	Yếu	
36	DH71401325	Vũ Nguyễn Cẩm	Tiên	D14_QT09	10	12	4	25	20	10	8	89	Tốt	
37	DH71401461	Võ Mộng	Trúc	D14_QT09	10	8	6	25	15	10	2	76	Khá	
38	DH71401357	Võ Thị Cẩm	Tú	D14_QT09	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
39	DH71401692	Phan Phương	Tuyền	D14_QT09	10	8	4	25	18	5	2	72	Khá	
40	DH71401746	Nguyễn Thị Thùy	Vân	D14_QT09	0	6	0	-10	0	0	0	-4	Kém	
41	DH71401608	Phan Ngọc Tường	Vy	D14_QT09	10	8	0	25	2	10	2	57	Trung bình	
1	DH71400057	Nguyễn Hoàng Như	Bình	D14_QT10	10	8	2	25	19	10	2	76	Khá	
2	DH71400118	Bùi Thị Mỹ	Chi	D14_QT10	10	12	2	15	20	10	2	71	Khá	
3	DH71400177	Huỳnh Hoài Diệu	Dung	D14_QT10	10	12	4	25	0	10	8	69	Trung bình khá	
4	DH71400242	Phạm Nguyễn Thanh	Điện	D14_QT10	10	12	0	15	0	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
5	DH71400273	Phan Thị	Hằng	D14_QT10	10	12	6	15	20	10	2	75	Khá	
6	DH71400393	Đình Thị Minh	Hiếu	D14_QT10	10	12	6	15	10	10	2	65	Trung bình khá	
7	DH71400289	Dương Thị	Hương	D14_QT10	10	8	6	15	20	10	2	71	Khá	
8	DH71400292	Nguyễn Huỳnh Quế	Hương	D14_QT10	10	9	8	25	11	10	2	75	Khá	
9	DH71400294	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	D14_QT10	10	8	8	25	16	10	2	79	Khá	
10	DH71400551	Trần Nguyễn Tuấn	Khoa	D14_QT10	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
11	DH71400664	Thi Hải	Luân	D14_QT10	10	12	2	25	14	10	2	75	Khá	
12	DH71400698	Nguyễn Trần	Minh	D14_QT10	10	12	6	15	20	10	2	75	Khá	
13	DH71400776	Trần Thanh	Ngân	D14_QT10	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
14	DH71400847	Quách Văn	Nguyên	D14_QT10	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
15	DH71400869	Hồ Thị	Nhân	D14_QT10	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
16	DH71400888	Đình Ngọc Yến	Nhi	D14_QT10	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
17	DH71401677	Ngô Hoàng Yến	Nhi	D14_QT10	10	9	8	25	20	10	9	91	Xuất sắc	
18	DH71400909	Thiều Yến	Nhi	D14_QT10	9	6	2	25	14	10	2	68	Trung bình khá	
19	DH71400921	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	D14_QT10	10	8	6	25	0	10	2	61	Trung bình khá	
20	DH71400998	Nguyễn Hồng	Phúc	D14_QT10	10	8	4	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
21	DH71400951	Huỳnh Kim Anh	Phương	D14_QT10	8	8	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
22	DH71401055	Huỳnh Thị Hương	Quỳnh	D14_QT10	10	8	8	25	13	0	2	66	Trung bình khá	
23	DH71401057	Nguyễn Xuân	Quỳnh	D14_QT10	10	9	4	25	7	10	2	67	Trung bình khá	
24	DH71401187	Nguyễn Thế	Thành	D14_QT10	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
25	DH71401704	Nguyễn Phương	Thảo	D14_QT10	10	8	8	25	18	10	9	88	Tốt	
26	DH71401231	Đặng Kim	Thọ	D14_QT10	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
27	DH71401268	Nguyễn Thị	Thoại	D14_QT10	10	8	2	25	11	9	2	67	Trung bình khá	
28	DH71401159	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	D14_QT10	10	6	4	25	9	10	9	73	Khá	
29	DH71401161	Nguyễn Thị Anh	Thư	D14_QT10	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
30	DH71401309	Nguyễn Nhật	Tiên	D14_QT10	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	
31	DH71401405	Nguyễn Thị Phương	Trang	D14_QT10	10	12	6	25	20	10	8	91	Xuất sắc	
32	DH71401413	Trương Thị Thùy	Trang	D14_QT10	10	8	0	25	11	10	2	66	Trung bình khá	
33	DH71401371	Hoàng Thị Quỳnh	Trâm	D14_QT10	10	12	0	25	19	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
34	DH71401372	Lê Hoài Bích	Trâm	D14_QT10	9	6	2	15	14	12	2	60	Trung bình khá	
35	DH71401432	Đặng Ngọc Phương	Trinh	D14_QT10	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
36	DH71401747	Nguyễn Thị	Xuyên	D14_QT10	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
1	DH71400047	Trần Thị Trâm	Anh	D14_QT11	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
2	DH71400160	Võ Thị Mỹ	Diễm	D14_QT11	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3	DH71400198	Lê Hà	Duyên	D14_QT11	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
4	DH71401753	Lê Thị Hồng	Duyên	D14_QT11	10	10	8	25	19	10	2	84	Tốt	
5	DH71400141	Ngô Nguyễn T Thùy	Dương	D14_QT11	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
6	DH71400261	Hồng Trường	Giang	D14_QT11	10	10	8	25	16	10	2	81	Tốt	
7	DH71400336	Phạm Thanh Đan	Hạ	D14_QT11	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
8	DH71400270	Nguyễn Ngọc Thanh	Hằng	D14_QT11	10	12	6	25	7	15	2	77	Khá	
9	DH71400287	Võ Thị	Hân	D14_QT11	10	12	6	25	16	15	10	94	Xuất sắc	
10	DH71400391	Đỗ Trung	Hiếu	D14_QT11	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
11	DH71400458	Phạm Đặng Ngọc Mộng	Hòa	D14_QT11	10	12	8	25	19	10	9	93	Xuất sắc	
12	DH71400521	Trần Ngọc	Khải	D14_QT11	9	12	5	15	17	15	9	82	Tốt	
13	DH71400578	Thái Thị Thanh	Lành	D14_QT11	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
14	DH71400636	Hồ Thị Phụng	Loan	D14_QT11	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
15	DH71400637	Ngô Thị Hồng	Loan	D14_QT11	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
16	DH71400663	Tất Diệu	Luân	D14_QT11	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
17	DH71400787	Nguyễn Thị	Nga	D14_QT11	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
18	DH71400789	Nguyễn Thị Việt	Nga	D14_QT11	10	8	8	25	19	15	9	94	Xuất sắc	
19	DH71400863	Trần Nguyễn Huỳnh	Như	D14_QT11	10	12	8	25	18	10	10	93	Xuất sắc	
20	DH71400989	Nguyễn Trung	Phú	D14_QT11	10	12	5	15	18	10	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
21	DH71401044	Hồ Thiện	Quang	D14_QT11	10	9	5	25	18	15	2	84	Tốt	
22	DH71401067	Lê Thị Thảo	Quyên	D14_QT11	10	10	8	25	18	10	10	91	Xuất sắc	
23	DH71401240	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	D14_QT11	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
24	DH71401264	Nguyễn Đào	Thủy	D14_QT11	10	9	8	25	18	15	10	95	Xuất sắc	
25	DH71401273	Nguyễn Thị	Thúy	D14_QT11	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
26	DH71401181	Võ Thị Phương	Thương	D14_QT11	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
27	DH71401401	Nguyễn Thái	Trang	D14_QT11	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
28	DH71401403	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D14_QT11	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
29	DH71401407	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D14_QT11	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
30	DH71401463	Hồng Trị	Trung	D14_QT11	9	6	4	15	-8	15	2	43	Yếu	Không khám sức khỏe
31	DH71401342	Hồ Anh	Tú	D14_QT11	10	9	2	25	18	5	2	71	Khá	
32	DH71401150	Lê Nguyễn Mạnh	Tường	D14_QT11	9	12	4	15	7	15	2	64	Trung bình khá	
33	DH71401679	Nguyễn Thị Kim	Vân	D14_QT11	10	12	8	25	15	15	9	94	Xuất sắc	
34	DH71401582	Nguyễn Anh	Vũ	D14_QT11	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
35	DH71401600	Lưu Thị Thúy	Vy	D14_QT11	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
36	DH71401767	Nguyễn Ngọc	Xuyến	D14_QT11	10	9	4	25	18	15	2	83	Tốt	
1	DH71400045	Phạm Quang Huỳnh	Anh	D14_QT12	10	8	8	15	12	15	2	70	Khá	
2	DH71400106	Ngô Ngọc Thanh	Châu	D14_QT12	10	9	0	25	20	15	2	81	Tốt	
3	DH71400097	Trần Quốc	Cường	D14_QT12	10	6	8	15	15	15	2	71	Khá	
4	DH71400162	Vũ Thị Vy	Diệu	D14_QT12	10	8	4	25	12	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
5	DH71400154	Dương Bội	Dinh	D14_QT12	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
6	DH71400171	Phan Quốc	Dũng	D14_QT12	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
7	DH71401680	Huỳnh Chí	Đạt	D14_QT12	10	12	8	25	9	10	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH71400286	Phan Thị Bảo	Hân	D14_QT12	9	12	2	25	20	15	2	85	Tốt	
9	DH71400297	Nguyễn Võ Thiên	Hương	D14_QT12	10	12	6	25	14	10	2	79	Khá	
10	DH71400531	Trương Cẩm	Khang	D14_QT12	10	10	8	15	17	10	2	72	Khá	
11	DH71400557	Phạm Thành	Khuyên	D14_QT12	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
12	DH71400581	Nguyễn Thùy	Lê	D14_QT12	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
13	DH71400624	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D14_QT12	10	10	2	15	20	5	2	64	Trung bình khá	
14	DH71400652	Trương Hữu	Long	D14_QT12	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
15	DH71400771	Phan Tô Kim	Ngân	D14_QT12	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
16	DH71400901	Nguyễn Thục	Nhi	D14_QT12	10	10	8	25	19	10	2	84	Tốt	
17	DH71400908	Phạm Thị Tuyết	Nhi	D14_QT12	10	12	8	15	19	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
18	DH71401135	Hồ Ngọc Tấn	Tài	D14_QT12	10	8	2	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
19	DH71401106	Dương Chí	Tâm	D14_QT12	10	9	8	15	20	5	2	69	Trung bình khá	
20	DH71401107	Hứa Thị Thanh	Tâm	D14_QT12	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
21	DH71401259	Nguyễn Minh	Thiện	D14_QT12	10	10	8	25	19	10	2	84	Tốt	
22	DH71401315	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	D14_QT12	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
23	DH71401359	Bùi Quốc	Toàn	D14_QT12	10	6	8	15	8	10	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe
24	DH71401404	Nguyễn Thị Minh	Trang	D14_QT12	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
25	DH71401414	Trần Lệ Phương	Trang	D14_QT12	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
26	DH71401381	Trần Thị Bích	Trâm	D14_QT12	10	8	7	15	15	10	2	67	Trung bình khá	
27	DH71401384	Lê Ngọc Bảo	Trân	D14_QT12	10	9	4	25	14	15	2	79	Khá	
28	DH71401441	Phạm Thị	Trinh	D14_QT12	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
29	DH71401450	Võ Việt	Trinh	D14_QT12	9	8	7	25	15	10	2	76	Khá	
30	DH71401351	Nguyễn Minh Tuấn	Tú	D14_QT12	10	6	8	15	10	15	2	49	Yếu	Không khám sức khỏe

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH71401545	Hồ Thái Phương	Uyên	D14_QT12	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
32	DH71401574	Đặng Quốc	Việt	D14_QT12	10	12	8	15	16	10	2	73	Khá	
33	DH71401566	Mai Thế	Vinh	D14_QT12	0	0	0	-10	-10	-5	0	-25	Kém	Không khám sức khỏe
1	DH71500027	Nguyễn Công	Danh	D15_QT01	9	8	4	25	8	5	2	61	Trung bình khá	
2	DH71400159	Võ Thị Kiều	Diễm	D15_QT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3	DH71500042	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	D15_QT01	10	8	4	25	8	5	2	62	Trung bình khá	
4	DH71500124	Phạm Thị Ngọc	Diệp	D15_QT01	10	8	6	25	9	5	2	65	Trung bình khá	
5	DH71500125	Châu Phương	Đình	D15_QT01	10	6	4	25	15	5	2	67	Trung bình khá	
6	DH71500025	Vũ Thị Hương	Giang	D15_QT01	9	8	6	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
7	DH71500034	Huỳnh Nhật	Hào	D15_QT01	9	8	6	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
8	DH71500121	Trần Kiến	Hào	D15_QT01	10	10	8	25	20	5	2	80	Tốt	
9	DH71500026	Lê Thúy	Hằng	D15_QT01	9	9	6	25	18	5	9	81	Tốt	
10	DH71500033	Nguyễn Ngô Trung	Hậu	D15_QT01	10	6	2	25	16	5	2	66	Trung bình khá	
11	DH71500037	Hoàng Thanh	Hiền	D15_QT01	9	8	6	25	14	5	2	69	Trung bình khá	
12	DH71500122	Lưu Gia	Hòa	D15_QT01	9	6	4	25	15	5	2	66	Trung bình khá	
13	DH71500126	Huỳnh Thị Ngọc	Hồng	D15_QT01	10	8	2	25	14	5	2	66	Trung bình khá	
14	DH71500029	Phạm Khánh	Hùng	D15_QT01	9	8	4	25	12	5	2	65	Trung bình khá	
15	DH71500030	Lê Kim	Khánh	D15_QT01	9	8	4	25	17	5	2	70	Khá	
16	DH71500128	Đông Minh	Khoa	D15_QT01	9	10	7	25	20	7	9	87	Tốt	
17	DH71500115	Bùi Gia	Linh	D15_QT01	10	8	4	25	17	5	2	71	Khá	
18	DH71500116	Đặng Quế	Linh	D15_QT01	10	8	2	25	14	5	2	66	Trung bình khá	
19	DH71500111	Quách Gia	Linh	D15_QT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
20	DH71500127	Ngô Nguyễn Hoàng	Long	D15_QT01	9	6	4	25	12	5	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
21	DH71309000	Nguyễn Hồng	Lộc	D15_QT01	9	8	4	25	7	10	2	65	Trung bình khá	
22	DH71500114	Nguyễn Thị Hoàng	Minh	D15_QT01	10	6	4	25	17	5	2	69	Trung bình khá	
23	DH71500031	Trần Mỹ	Ngọc	D15_QT01	10	8	2	25	17	5	2	69	Trung bình khá	
24	DH71500038	Nguyễn Trần Thanh	Nhã	D15_QT01	9	8	6	25	18	5	2	73	Khá	
25	DH71500711	Huỳnh Phạm Trọng	Nhân	D15_QT01	9	6	4	25	8	5	2	59	Trung bình	
26	DH71500041	La Khả	Nhi	D15_QT01	9	8	4	25	8	5	2	61	Trung bình khá	
27	DH71500129	Lương Tuyết	Nhi	D15_QT01	9	8	4	25	14	10	2	72	Khá	
28	DH71500113	Trần Ngọc	Nhi	D15_QT01	9	10	6	25	18	5	2	75	Khá	
29	DH71500045	Lâm Đại	Phát	D15_QT01	9	8	6	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
30	DH71500123	Lý Thành	Phát	D15_QT01	9	8	4	25	12	10	2	70	Khá	
31	DH71401734	Phạm Thanh	Phong	D15_QT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
32	DH71409002	Nguyễn Gia	Phú	D15_QT01	9	8	4	25	12	5	2	65	Trung bình khá	
33	DH71500112	Phan Lê Loan	Phụng	D15_QT01	9	9	8	25	18	5	9	83	Tốt	
34	DH71500044	Nguyễn Anh	Quốc	D15_QT01	9	8	6	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
35	DH71500120	Phạm Duy	Tân	D15_QT01	9	8	4	25	12	5	2	65	Trung bình khá	
36	DH71500040	Bùi Anh	Thư	D15_QT01	9	9	4	25	12	10	2	71	Khá	
37	DH71500035	Lương Minh	Thy	D15_QT01	9	6	4	25	12	5	2	63	Trung bình khá	
38	DH71500117	Nguyễn Thị Đài	Trang	D15_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
39	DH71500039	Huỳnh Đỗ Kiều	Trâm	D15_QT01	9	8	4	25	18	5	9	78	Khá	
40	DH71500028	Lâm Đỗ Thanh	Trúc	D15_QT01	9	9	6	25	20	5	2	76	Khá	
41	DH71500119	Trần Thị Cẩm	Tú	D15_QT01	10	8	2	25	18	5	2	70	Khá	
42	DH71500043	Nguyễn Lê Mỹ	Vân	D15_QT01	9	9	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
43	DH71500036	Nguyễn Thị	Vân	D15_QT01	9	8	4	25	18	5	9	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
44	DH71500118	Nguyễn Lê Nhật	Vy	D15_QT01	9	9	4	25	8	15	2	72	Khá	
45	DH71500032	Trần Thị Kim	Yến	D15_QT01	9	9	6	25	15	5	2	71	Khá	
1	DH71500290	Nguyễn Hoàng Quốc	Bình	D15_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2	DH71500151	Nguyễn Thành	Danh	D15_QT02	10	9	8	25	11	10	2	75	Khá	
3	DH71500142	Trần Tâm Hoàng	Duy	D15_QT02	9	8	8	25	10	10	2	72	Khá	
4	DH71500139	Nguyễn Ngọc Phương	Giang	D15_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
5	DH71500281	Nguyễn Thị Thu	Giang	D15_QT02	10	8	8	25	15	10	2	78	Khá	
6	DH71500293	Nguyễn Đức	Hải	D15_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
7	DH71500292	Trần Thanh	Hiếu	D15_QT02	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
8	DH71500287	Ng Vinh Đạt Thị Xuân	Hương	D15_QT02	9	8	8	25	8	10	2	70	Khá	
9	DH71500141	Nguyễn Thị Phương	Liên	D15_QT02	9	8	8	25	10	10	2	72	Khá	
10	DH71500132	Trần Hoàng Bảo	Liên	D15_QT02	9	8	8	25	8	10	2	70	Khá	
11	DH71500146	Huỳnh Thị Phúc	Linh	D15_QT02	10	6	8	25	6	10	2	67	Trung bình khá	
12	DH71500286	Nguyễn Tấn	Lực	D15_QT02	10	8	8	25	8	10	2	71	Khá	
13	DH71500148	Tạ Thị Khánh	Ly	D15_QT02	10	8	8	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
14	DH71500291	Lưu Trung	Nguyễn	D15_QT02	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
15	DH71500154	Nguyễn Hoài	Nhân	D15_QT02	10	6	8	25	0	10	2	61	Trung bình khá	
16	DH71500280	Nguyễn Tấn	Nhân	D15_QT02	8	8	8	25	10	10	2	71	Khá	
17	DH71500135	Huỳnh Thị Yến	Nhi	D15_QT02	9	8	8	25	8	10	2	70	Khá	
18	DH71500288	Đặng Khánh	Như	D15_QT02	9	8	8	25	8	10	2	70	Khá	
19	DH71500289	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D15_QT02	9	6	8	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
20	DH71500140	Phạm Thị Kim	Phụng	D15_QT02	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	
21	DH71500152	Lai Văn	Quý	D15_QT02	10	8	8	25	7	10	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
22	DH71500149	Dương Ngọc Phương	Quỳnh	D15_QT02	10	8	8	25	8	10	2	71	Khá	
23	DH71500284	Huỳnh Quan	San	D15_QT02	10	8	8	25	12	5	2	70	Khá	
24	DH71500134	Lê Thanh	Sang	D15_QT02	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
25	DH71500136	Hà Phạm Nhân	Tâm	D15_QT02	10	8	8	25	8	10	2	71	Khá	
26	DH71500133	Lâm Nhứt	Tâm	D15_QT02	10	9	8	25	5	10	2	69	Trung bình khá	
27	DH71500144	Trần Minh	Tân	D15_QT02	10	6	8	25	7	10	2	68	Trung bình khá	
28	DH71500150	Lê Duy	Thiện	D15_QT02	10	9	8	25	10	10	2	74	Khá	
29	DH71500130	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	D15_QT02	10	6	8	25	15	10	2	76	Khá	
30	DH71500155	Nguyễn Bình á	Tiên	D15_QT02	9	8	8	25	14	10	2	76	Khá	
31	DH71500138	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	D15_QT02	9	10	8	25	12	10	2	76	Khá	
32	DH71500153	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	D15_QT02	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
33	DH71500143	Lâm Nhật Trân	Trân	D15_QT02	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	
34	DH71500145	Dương Minh Phúc	Trình	D15_QT02	8	6	8	25	0	10	2	59	Trung bình	
35	DH71500147	Nguyễn Ngọc Tú	Trình	D15_QT02	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	
36	DH71500283	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D15_QT02	10	9	8	25	11	10	2	75	Khá	
37	DH71500137	Uông Nguyễn	Tuấn	D15_QT02	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
1	DH71500301	Võ Thị Phương	Anh	D15_QT03	10	8	0	25	20	15	0	78	Khá	
2	DH71500309	Võ Phạm Ngọc	Bảo	D15_QT03	10	6	0	25	17	15	0	73	Khá	
3	DH71500298	Nguyễn Văn	Chương	D15_QT03	10	8	0	25	19	15	0	77	Khá	
4	DH71500294	Dương Vũ Anh	Duy	D15_QT03	10	8	0	25	20	15	0	78	Khá	
5	DH71500316	Lê Thị	Hằng	D15_QT03	10	9	0	25	19	15	0	78	Khá	
6	DH71500330	Trần Trung	Hiếu	D15_QT03	10	8	0	25	12	15	0	70	Khá	
7	DH71500317	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	D15_QT03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH71500296	Hồ Đình	Huy	D15_QT03	10	8	0	25	16	15	2	76	Khá	
9	DH71500306	Lê Hoàng	Huy	D15_QT03	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
10	DH71500324	Bùi Thị Mỹ	Huyền	D15_QT03	10	9	0	25	18	15	0	77	Khá	
11	DH71500320	Phạm Thị Thu	Huyền	D15_QT03	10	8	0	25	19	15	2	79	Khá	
12	DH71500314	Võ Tường	Lâm	D15_QT03	10	8	0	25	14	15	0	72	Khá	
13	DH71500304	Trang Thị Thảo	Loan	D15_QT03	10	8	0	25	14	15	0	72	Khá	
14	DH71500321	Trần Minh	Lộc	D15_QT03	10	9	0	25	18	15	0	77	Khá	
15	DH71500299	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	D15_QT03	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
16	DH71500327	Phạm	Nguyễn	D15_QT03	10	9	0	25	14	15	0	73	Khá	
17	DH71500333	Lê Mỹ	Nhàn	D15_QT03	10	10	0	25	17	15	0	77	Khá	
18	DH71500311	Lê Mỹ	Nhung	D15_QT03	10	9	0	25	14	15	0	73	Khá	
19	DH71500323	Trần Thị Tuyết	Nhung	D15_QT03	10	9	0	25	14	15	0	73	Khá	
20	DH71500322	Châu Vĩnh	Phát	D15_QT03	10	8	0	25	20	15	0	78	Khá	
21	DH71500312	Đào Ngọc	Phúc	D15_QT03	10	6	0	25	17	15	0	73	Khá	
22	DH71500307	Trần Ngọc	Phương	D15_QT03	10	10	0	25	17	15	0	77	Khá	
23	DH71500325	Lý Trần Trung	Quốc	D15_QT03	10	9	2	25	20	15	0	81	Tốt	
24	DH71500310	Lê Mai Như	Quỳnh	D15_QT03	10	9	0	25	14	15	0	73	Khá	
25	DH71500302	Nguyễn Trí	Tài	D15_QT03	10	9	0	25	14	15	0	73	Khá	
26	DH71500295	Nguyễn Quốc	Thái	D15_QT03	10	8	0	25	20	15	0	78	Khá	
27	DH71500300	Huỳnh Ngọc	Thanh	D15_QT03	10	9	0	25	17	15	0	76	Khá	
28	DH71500332	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	D15_QT03	10	9	0	25	17	15	0	76	Khá	
29	DH71500329	Bùi Nguyễn Trung	Thành	D15_QT03	10	8	0	25	17	15	0	75	Khá	
30	DH71500331	Hoàng Ngọc Thanh	Thảo	D15_QT03	10	8	0	25	18	10	0	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH71500326	Huỳnh La Quế	Thảo	D15_QT03	10	8	0	25	18	10	0	71	Khá	
32	DH71500328	Phạm Thị Thu	Thủy	D15_QT03	10	8	0	25	20	15	2	80	Tốt	
33	DH71500303	Lê Nguyễn Mai	Trang	D15_QT03	10	8	0	25	18	15	0	76	Khá	
34	DH71500319	Trần Phạm Phương	Trâm	D15_QT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
35	DH71500315	Dương Nhã	Trúc	D15_QT03	10	6	0	25	20	15	0	76	Khá	
36	DH71500297	Huỳnh Thị Thùy	Vi	D15_QT03	10	9	0	25	19	15	0	78	Khá	
37	DH71500318	Lâm Thanh	Vy	D15_QT03	10	8	0	25	20	15	2	80	Tốt	
38	DH71500305	Nguyễn Minh	Xuân	D15_QT03	10	8	0	25	19	15	2	79	Khá	
39	DH71500313	Nguyễn Thị	Yến	D15_QT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1	DH71500472	Nguyễn Văn	Anh	D15_QT04	7	8	0	25	3	10	2	55	Trung bình	
2	DH71500473	Lê Hoàng	Duy	D15_QT04	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
3	DH71500480	Trần Sĩ	Đang	D15_QT04	8	9	0	24	6	10	2	59	Trung bình	
4	DH71500474	Hoàng Hiền	Đạt	D15_QT04	10	8	0	25	11	15	2	71	Khá	
5	DH71500484	Nguyễn Lê	Đạt	D15_QT04	10	8	2	25	17	15	2	79	Khá	
6	DH71501377	Huỳnh Bảo	Hân	D15_QT04	10	10	0	25	17	15	2	79	Khá	
7	DH71500468	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D15_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
8	DH71500475	Lưu ánh	Hậu	D15_QT04	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
9	DH71500489	Lê Quang	Hùng	D15_QT04	10	9	0	25	14	15	2	75	Khá	
10	DH71500477	Phạm Bùi Ngọc	Huyền	D15_QT04	9	9	8	25	13	5	2	71	Khá	
11	DH71500487	Vũ Ngọc	Huyền	D15_QT04	10	9	0	25	6	10	2	62	Trung bình khá	
12	DH71500466	Lâm Gia	Lạc	D15_QT04	8	8	0	24	10	10	2	62	Trung bình khá	
13	DH71500494	Nguyễn La Mai	Lan	D15_QT04	9	9	0	25	3	10	2	58	Trung bình	
14	DH71500485	Nguyễn Lý Khánh	Linh	D15_QT04	9	8	0	25	11	10	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH71500339	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D15_QT04	10	9	0	25	20	15	2	81	Tốt	
16	DH71500483	Phạm Ngọc Như	Linh	D15_QT04	10	8	8	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
17	DH71500478	Võ Bảo	Linh	D15_QT04	9	8	2	25	8	5	2	59	Trung bình	
18	DH71500486	Phạm Hữu	Lộc	D15_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
19	DH71500467	Nguyễn Phương	Mai	D15_QT04	8	9	0	25	6	10	2	60	Trung bình khá	
20	DH71500337	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D15_QT04	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
21	DH71500465	Trần Đức	Minh	D15_QT04	10	8	4	25	11	5	2	65	Trung bình khá	
22	DH71500481	Lưu Thanh	Ngọc	D15_QT04	10	9	4	25	14	5	2	69	Trung bình khá	
23	DH71500308	Phạm Ngọc Thanh	Nhàn	D15_QT04	10	9	0	25	9	5	2	60	Trung bình khá	
24	DH71500469	Lê Quỳnh	Như	D15_QT04	10	9	0	25	17	15	2	78	Khá	
25	DH71500479	Nguyễn Lê Nhật	Phong	D15_QT04	10	9	0	25	15	10	2	71	Khá	
26	DH71500488	Châu Huỳnh Hồng	Phúc	D15_QT04	8	8	2	23	9	10	2	62	Trung bình khá	
27	DH71500490	Trịnh Minh	Phúc	D15_QT04	9	8	0	25	0	5	2	49	Yếu	
28	DH71500335	Nguyễn Dũng Kim	Phụng	D15_QT04	9	9	0	25	9	10	2	64	Trung bình khá	
29	DH71502594	Nguyễn Thị Minh	Phương	D15_QT04	9	6	0	25	0	10	2	52	Trung bình	
30	DH71500493	Trần Ngọc Hồng	Phương	D15_QT04	10	10	0	25	14	15	2	76	Khá	
31	DH71501704	Bằng Thị Như	Quỳnh	D15_QT04	8	8	0	20	8	10	2	56	Trung bình	
32	DH71500340	Phan Lý Ngọc	Tâm	D15_QT04	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
33	DH71500334	Nguyễn Thanh	Tân	D15_QT04	10	8	0	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
34	DH71500476	Phạm Minh	Thạnh	D15_QT04	9	6	4	23	13	10	2	67	Trung bình khá	
35	DH71500471	Lê Thanh	Thảo	D15_QT04	9	9	0	25	9	10	2	64	Trung bình khá	
36	DH71500491	Ngô Bích	Thùy	D15_QT04	8	8	4	25	20	15	2	82	Tốt	
37	DH71500336	Võ Thị Cẩm	Tiên	D15_QT04	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
38	DH71500496	Phan Nhất	Trường	D15_QT04	8	6	0	21	6	5	2	48	Yếu	
39	DH71500492	Huỳnh Tường	Vi	D15_QT04	10	10	0	25	9	5	2	61	Trung bình khá	
40	DH71500338	Nguyễn Tường	Vi	D15_QT04	7	8	7	25	2	7	2	58	Trung bình	
41	DH71500470	Ngô Quốc	Việt	D15_QT04	8	8	2	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
42	DH71500482	Trần Quốc	Việt	D15_QT04	10	6	0	25	8	10	2	61	Trung bình khá	
1	DH71500524	Nguyễn Trâm	Anh	D15_QT05	10	11	4	25	16	15	9	90	Xuất sắc	
2	DH71500511	Phạm Thị Phương	Anh	D15_QT05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3	DH71500508	Trương Bảo	Duy	D15_QT05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4	DH71500505	Phạm Nguyễn Kỳ	Duyên	D15_QT05	10	8	6	25	14	15	2	80	Tốt	
5	DH71500504	Huỳnh Quốc	Dự	D15_QT05	7	6	7	25	11	15	2	73	Khá	
6	DH71500513	Phạm Tấn	Đạt	D15_QT05	10	9	4	25	11	15	2	76	Khá	
7	DH71500523	Mai Huỳnh Thục	Đoan	D15_QT05	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
8	DH71500506	Trần Hữu	Đức	D15_QT05	8	8	8	25	17	15	2	83	Tốt	
9	DH71500520	Nguyễn Ngân	Hà	D15_QT05	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
10	DH71500509	Võ Trọng	Hiếu	D15_QT05	10	8	6	25	14	13	2	78	Khá	
11	DH71500500	Thân Quang	Huy	D15_QT05	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
12	DH71500532	Vương Ngọc	Huyền	D15_QT05	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
13	DH71500534	Lê Quốc	Hưng	D15_QT05	8	6	8	25	18	15	2	82	Tốt	
14	DH71500507	Tạ Mai Liên	Hương	D15_QT05	10	6	8	25	10	10	0	69	Trung bình khá	
15	DH71500531	Nguyễn Tấn Anh	Kiệt	D15_QT05	10	10	4	25	11	15	2	77	Khá	
16	DH71500497	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D15_QT05	10	10	8	25	15	15	9	92	Xuất sắc	
17	DH71500518	Trần Thị	Na	D15_QT05	8	9	8	25	7	15	2	74	Khá	
18	DH71500528	Từ Thành	Nam	D15_QT05	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	DH71500515	Thái Thị Kim	Ngân	D15_QT05	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
20	DH71500510	Trần Thị Thanh	Ngân	D15_QT05	8	9	8	25	17	15	2	84	Tốt	
21	DH71500521	Cao Thị Bích	Ngọc	D15_QT05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
22	DH71500533	Trần Bảo	Ngọc	D15_QT05	10	9	6	25	18	15	9	92	Xuất sắc	
23	DH71500514	Trần Thị Tố	Nguyên	D15_QT05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
24	DH71500503	Nguyễn Dương Thảo	Nhi	D15_QT05	10	9	6	25	14	13	2	79	Khá	
25	DH71500499	Võ Ngọc	Phương	D15_QT05	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
26	DH71500537	Lâm Yến	Phượng	D15_QT05	8	8	8	25	17	15	2	83	Tốt	
27	DH71500501	Lê Hồ Ngọc	Quỳnh	D15_QT05	10	9	2	25	11	15	2	74	Khá	
28	DH71500512	Chung Thanh	Sang	D15_QT05	10	6	6	24	17	15	2	80	Tốt	
29	DH71500535	Nguyễn Thanh	Tâm	D15_QT05	10	10	2	25	11	15	2	75	Khá	
30	DH71500527	Lê Trần Đan	Thanh	D15_QT05	10	8	2	25	11	15	2	73	Khá	
31	DH71500522	Mai Lâm Thanh	Thanh	D15_QT05	10	8	2	25	11	15	2	73	Khá	
32	DH71500517	Võ Minh	Thông	D15_QT05	9	6	4	25	11	15	2	72	Khá	
33	DH71500519	Từ Thị Lệ	Thu	D15_QT05	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
34	DH71500536	Nguyễn Ngọc	Thúy	D15_QT05	8	9	8	25	18	15	2	85	Tốt	
35	DH71500498	Nguyễn Hoài	Thương	D15_QT05	10	9	7	25	15	15	2	83	Tốt	
36	DH71500516	Võ Ngọc Bích	Trâm	D15_QT05	10	9	6	25	17	10	9	86	Tốt	
37	DH71500529	Trần Xuân	Vinh	D15_QT05	10	10	4	25	16	15	2	82	Tốt	
38	DH71500525	Đỗ Nguyên	Vũ	D15_QT05	10	9	4	25	18	15	2	83	Tốt	
39	DH71500530	Nguyễn Thị ánh	Xuân	D15_QT05	10	10	6	23	3	10	2	64	Trung bình khá	
40	DH71500502	Phan Thị Phương	Yên	D15_QT05	10	8	8	25	17	10	2	80	Tốt	
41	DH71500526	Lê Trương Ngọc	Yến	D15_QT05	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH71500732	Nguyễn Mai	Anh	D15_QT06	10	10	2	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
2	DH71500718	Phạm Ngọc Minh	Anh	D15_QT06	10	9	0	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
3	DH71500547	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	D15_QT06	8	9	8	25	8	10	2	70	Khá	
4	DH71500721	Nguyễn Trần Thành	Duy	D15_QT06	9	9	8	25	2	5	9	67	Trung bình khá	
5	DH71500723	Phạm Giang	Duy	D15_QT06	8	9	2	25	15	3	2	64	Trung bình khá	
6	DH71500729	Dương Thị Mỹ	Duyên	D15_QT06	9	9	2	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
7	DH71500540	Lê Đoàn Mỹ	Duyên	D15_QT06	10	8	0	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
8	DH71500546	Ngô Thị	Duyên	D15_QT06	10	10	0	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
9	DH71500724	Nguyễn Ngọc	Đạt	D15_QT06	10	8	0	25	13	7	2	65	Trung bình khá	
10	DH71500717	Vũ Thị Mi	Hằng	D15_QT06	10	8	2	25	12	8	2	67	Trung bình khá	
11	DH71500734	Nguyễn Duy Bảo	Hân	D15_QT06	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
12	DH71500714	Võ Thị Lưu	Hiền	D15_QT06	10	8	0	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
13	DH71500738	Võ Thị Thanh	Hiền	D15_QT06	9	8	2	25	11	10	2	67	Trung bình khá	
14	DH71500542	Nguyễn Thanh	Hoàng	D15_QT06	10	10	0	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
15	DH71500716	Phạm Hoàng	Huy	D15_QT06	10	9	0	25	10	10	2	66	Trung bình khá	
16	DH71500737	Nguyễn Thị Hải	Hương	D15_QT06	10	9	2	25	14	10	2	72	Khá	
17	DH71500730	Trần Nguyên	Khánh	D15_QT06	10	10	0	25	15	5	2	67	Trung bình khá	
18	DH71500282	Thiệu Huy	Lộc	D15_QT06	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
19	DH71500733	Nguyễn Hoàng	Nam	D15_QT06	10	8	3	25	5	10	2	63	Trung bình khá	
20	DH71500543	Nguyễn Văn	Nam	D15_QT06	10	10	4	25	6	10	2	67	Trung bình khá	
21	DH71500726	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D15_QT06	10	8	0	25	12	8	2	65	Trung bình khá	
22	DH71502593	Ngô Kim	Nhi	D15_QT06	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
23	DH71500710	Dương Quốc	Phi	D15_QT06	8	8	0	25	15	10	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH71500720	Võ Bảo	Phú	D15_QT06	10	9	0	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
25	DH71500285	Dương Nhật	Quang	D15_QT06	10	9	0	25	10	10	2	66	Trung bình khá	
26	DH71500727	Hồ Minh	Quang	D15_QT06	10	9	0	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
27	DH71500735	Phan Thế	Quang	D15_QT06	10	9	0	25	5	10	2	61	Trung bình khá	
28	DH71500544	Nguyễn Thị Mai	Thanh	D15_QT06	10	10	0	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
29	DH71500731	Đỗ Thị Kim	Thoa	D15_QT06	10	9	0	25	15	10	2	71	Khá	
30	DH71500725	Đặng Thủy	Tiên	D15_QT06	9	10	0	25	16	5	2	67	Trung bình khá	
31	DH71500538	Trịnh Nguyễn Ngọc	Trâm	D15_QT06	10	11	8	25	20	10	2	86	Tốt	
32	DH71500722	Hà Quỳnh	Trân	D15_QT06	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
33	DH71500541	Đặng Quang	Trí	D15_QT06	9	10	4	25	10	10	9	77	Khá	
34	DH71500719	Bùi Ngọc Tú	Trình	D15_QT06	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
35	DH71500709	La Ngọc Diễm	Trình	D15_QT06	10	9	4	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
36	DH71500539	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	D15_QT06	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
37	DH71500715	Nguyễn Thị Thu	Trình	D15_QT06	10	10	0	25	9	10	2	66	Trung bình khá	
38	DH71500736	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D15_QT06	8	8	2	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
39	DH71500713	Bùi Minh	Tuấn	D15_QT06	10	10	0	25	7	9	2	63	Trung bình khá	
40	DH71500712	Nguyễn Thị ánh	Tuyền	D15_QT06	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
41	DH71500545	Thái Thảo	Uyên	D15_QT06	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
42	DH71500728	Nguyễn Đình	Vũ	D15_QT06	10	9	0	25	0	8	2	54	Trung bình	
1	DH71500744	Trần Cao Hoàng Tú	Anh	D15_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2	DH71500739	Đỗ Ngọc	ánh	D15_QT07	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
3	DH71500749	Nguyễn Thị Bảo	Châu	D15_QT07	10	6	8	25	16	5	2	72	Khá	
4	DH71500765	Ngô Chí	Cường	D15_QT07	10	8	8	25	20	5	8	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
5	DH71500747	Thạch Thị	Da	D15_QT07	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
6	DH71500741	On Phạm Thùy	Dương	D15_QT07	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
7	DH71500757	Nguyễn Trung Thành	Đạt	D15_QT07	9	8	8	25	20	5	8	83	Tốt	
8	DH71501107	Đinh Thị Huỳnh	Huyền	D15_QT07	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
9	DH71500754	Thái Thị	Huyền	D15_QT07	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
10	DH71500745	Nguyễn Thị Mai	Hương	D15_QT07	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
11	DH71500753	Nguyễn Tấn Hoàng	Khang	D15_QT07	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
12	DH71500742	Chung Phương	Khánh	D15_QT07	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
13	DH71500740	Nguyễn Tam Kim	Khánh	D15_QT07	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
14	DH71500750	Thái Liên	Kim	D15_QT07	10	9	8	25	20	5	9	86	Tốt	
15	DH71500775	Trương Yến	Linh	D15_QT07	10	8	8	25	20	15	8	94	Xuất sắc	
16	DH71501001	Phạm Huỳnh Thanh	Mai	D15_QT07	10	10	8	25	19	10	2	84	Tốt	
17	DH71500764	Võ Kim	Ngân	D15_QT07	10	9	8	25	20	5	2	79	Khá	
18	DH71500762	Nguyễn Huỳnh Thoại	Nhi	D15_QT07	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
19	DH71500755	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	D15_QT07	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
20	DH71500746	Bùi Thị Thanh	Như	D15_QT07	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
21	DH71500752	Nguyễn Đỗ Uyên	Phụng	D15_QT07	10	9	8	25	20	5	2	79	Khá	
22	DH71500748	Võ Thị Bích	Phượng	D15_QT07	10	9	8	25	19	15	9	95	Xuất sắc	
23	DH71500756	Diệp Phối	Quân	D15_QT07	9	9	8	25	20	0	2	73	Khá	
24	DH71500767	Lê Cường	Quốc	D15_QT07	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
25	DH71500774	Trần Thị	Quyên	D15_QT07	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
26	DH71500773	Khổng Duy Thùy	Sang	D15_QT07	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
27	DH71501000	Hồ Trần Ngọc Đan	Thanh	D15_QT07	10	8	7	25	20	15	9	94	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
28	DH71500760	Đỗ Tất	Thành	D15_QT07	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
29	DH71500768	Trần Thị Kim	Thảo	D15_QT07	10	9	8	25	18	15	0	85	Tốt	
30	DH71500761	Võ Thị Hồng	Thắm	D15_QT07	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
31	DH71500743	Trần Thị Anh	Thư	D15_QT07	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
32	DH71500763	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	D15_QT07	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
33	DH71501003	Huỳnh Ngọc	Trình	D15_QT07	10	8	8	25	18	5	2	76	Khá	
34	DH71500770	Phan Anh Phương	Trình	D15_QT07	10	8	8	25	19	5	2	77	Khá	
35	DH71500772	Nguyễn Minh	Trung	D15_QT07	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
36	DH71500759	Trần Anh	Tú	D15_QT07	10	9	8	25	19	10	8	89	Tốt	
37	DH71502134	Trần Thị ánh	Tuyết	D15_QT07	10	10	8	25	13	15	2	83	Tốt	
38	DH71500766	Nguyễn Thùy Kim	Uyên	D15_QT07	10	10	7	25	18	5	2	77	Khá	
39	DH71500751	Hồ Ngọc Thùy	Vân	D15_QT07	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
40	DH71500758	Trần Hữu Thanh	Vân	D15_QT07	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
41	DH71500771	Đoàn Phi	Yến	D15_QT07	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
42	DH71500769	Hoàng Kim	Yến	D15_QT07	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
1	DH71501039	Đặng Nguyễn Tuấn	Anh	D15_QT08	9	6	8	25	16	5	2	71	Khá	
2	DH71501301	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	D15_QT08	9	8	8	25	16	5	2	73	Khá	
3	DH71501012	Lâm Minh	Châu	D15_QT08	10	8	8	25	16	5	2	74	Khá	
4	DH71501018	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	D15_QT08	8	9	8	25	16	10	2	78	Khá	
5	DH71501036	Nguyễn Thị Kim	Cương	D15_QT08	10	9	8	25	11	10	2	75	Khá	
6	DH71501009	Liên Thành	Danh	D15_QT08	8	8	8	25	16	10	9	84	Tốt	
7	DH71501298	Nguyễn Văn	Dũng	D15_QT08	10	9	4	25	20	8	2	78	Khá	
8	DH71501033	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	D15_QT08	8	8	8	25	15	10	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
9	DH71501021	Trương Minh	Huy	D15_QT08	10	8	8	25	16	5	2	74	Khá	
10	DH71501026	Bùi Đăng	Khoa	D15_QT08	9	6	8	25	16	5	2	71	Khá	
11	DH71501015	Nguyễn Thanh	Long	D15_QT08	7	6	8	25	20	10	2	78	Khá	
12	DH71501007	Lê Thị Thảo	Ly	D15_QT08	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
13	DH71501028	Hồ Thụy Nguyễn	My	D15_QT08	10	9	8	25	15	5	2	74	Khá	
14	DH71501022	Trương Tường Phú	Mỹ	D15_QT08	10	9	8	25	20	7	2	81	Tốt	
15	DH71501031	Đỗ Thị Tuyết	Nhi	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
16	DH71501032	Nguyễn Mai	Nhi	D15_QT08	9	9	4	25	12	8	2	69	Trung bình khá	
17	DH71501016	Nguyễn Thị Phương	Nhi	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
18	DH71501027	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D15_QT08	10	9	8	25	20	7	2	81	Tốt	
19	DH71501005	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D15_QT08	9	10	8	25	13	5	2	72	Khá	
20	DH71501011	Trần Thị Kim	Oanh	D15_QT08	8	8	8	25	16	10	2	77	Khá	
21	DH71501006	Huỳnh Thị Kim	Phụng	D15_QT08	9	8	8	25	15	5	2	72	Khá	
22	DH71501300	Lê Nguyễn Ngọc	Phương	D15_QT08	8	8	8	25	16	10	2	77	Khá	
23	DH71501297	Nguyễn Mạnh	Quang	D15_QT08	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
24	DH71501024	Đặng Công	Quy	D15_QT08	9	8	8	25	16	5	2	73	Khá	
25	DH71501037	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
26	DH71501034	Mai Thị Kim	Sang	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
27	DH71501014	Trần Thị Hà	Thanh	D15_QT08	9	9	8	25	15	5	9	80	Tốt	
28	DH71502573	Bùi Thị Ngọc	Thảo	D15_QT08	0	9	0	0	0	-5	0	4	Kém	
29	DH71501029	Lê Ngọc Thanh	Thảo	D15_QT08	9	6	7	25	16	10	2	75	Khá	
30	DH71501035	Nguyễn Thanh	Thúy	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
31	DH71501008	Đoàn Nhật Anh	Thư	D15_QT08	10	8	4	25	15	7	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
32	DH71501019	Phan Thị	Thương	D15_QT08	10	9	7	25	16	10	2	79	Khá	
33	DH71501023	Liên Hì	Trân	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
34	DH71501030	Nguyễn Thị Đan	Trinh	D15_QT08	9	8	4	25	12	8	2	68	Trung bình khá	
35	DH71501038	Bùi Thái	Vinh	D15_QT08	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
36	DH71501013	Huỳnh Trần Huy	Vũ	D15_QT08	10	8	8	25	16	5	2	74	Khá	
37	DH71501025	Phạm Thị Ngọc	Vui	D15_QT08	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
38	DH71501017	Nguyễn Bảo Anh	Vy	D15_QT08	0	8	0	0	0	-5	0	3	Kém	
39	DH71501010	Phùng Thanh	Vy	D15_QT08	8	8	8	25	16	10	9	84	Tốt	
40	DH71501004	Âu Dương Ngọc	Yến	D15_QT08	9	8	8	25	10	10	2	72	Khá	
1	DH71501335	Huỳnh Nhã	ái	D15_QT09	8	8	0	25	3	5	2	51	Trung bình	
2	DH71501321	Lê Thiên	ái	D15_QT09	8	6	0	25	16	10	2	67	Trung bình khá	
3	DH71501325	Võng Phát	An	D15_QT09	9	8	2	25	7	10	2	63	Trung bình khá	
4	DH71501302	Nguyễn Kim Hải	Âu	D15_QT09	10	8	6	25	10	10	2	71	Khá	
5	DH71501341	Đoàn Thị Bảo	Châu	D15_QT09	9	9	0	25	2	10	8	63	Trung bình khá	
6	DH71501307	Ô Thị Minh	Châu	D15_QT09	8	8	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
7	DH71501323	Phương Chí	Cường	D15_QT09	8	8	0	25	4	0	2	47	Yếu	
8	DH71501310	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D15_QT09	9	6	0	25	16	10	2	68	Trung bình khá	
9	DH71501333	Phạm Thị Thùy	Dương	D15_QT09	10	10	6	25	10	10	8	79	Khá	
10	DH71501330	Nguyễn Thái Hương	Giang	D15_QT09	8	8	0	25	3	5	2	51	Trung bình	
11	DH71501324	Lê Thị Ngọc	Giàu	D15_QT09	9	8	4	25	0	0	2	48	Yếu	
12	DH71501318	Nguyễn Ngọc	Hằng	D15_QT09	8	8	0	25	3	5	2	51	Trung bình	
13	DH71501339	Lê Trần Trung	Hiếu	D15_QT09	10	6	0	25	3	5	2	51	Trung bình	
14	DH71501308	Trương Minh	Hiếu	D15_QT09	10	9	2	25	15	5	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
15	DH71501311	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	D15_QT09	9	6	6	25	10	7	2	65	Trung bình khá	
16	DH71501315	Phạm Hồ Ngọc	Linh	D15_QT09	8	6	0	25	16	10	2	67	Trung bình khá	
17	DH71501340	Tăng Thị Hồng	Loan	D15_QT09	8	8	0	25	16	10	2	69	Trung bình khá	
18	DH71501319	Lê Văn	Minh	D15_QT09	9	8	2	25	7	10	2	63	Trung bình khá	
19	DH71501303	Trần Quốc	Minh	D15_QT09	8	6	0	25	0	5	2	46	Yếu	
20	DH71501304	Nguyễn Thị Linh	Ngân	D15_QT09	10	9	6	25	15	10	2	77	Khá	
21	DH71501328	Ngô Thụy Thanh	Nhã	D15_QT09	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
22	DH71501312	Huỳnh Ngọc Thảo	Nhi	D15_QT09	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
23	DH71501299	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D15_QT09	10	9	6	25	15	10	2	77	Khá	
24	DH71501322	Quách Hải	Phương	D15_QT09	0	0	0	0	0	-5	0	-5	Kém	
25	DH71501336	Tăng Thị Bích	Phương	D15_QT09	10	9	6	25	10	10	2	72	Khá	
26	DH71501334	Đặng Thành	Tâm	D15_QT09	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
27	DH71501332	Nguyễn Ngọc Quang	Thái	D15_QT09	8	6	0	25	6	5	8	58	Trung bình	
28	DH71501327	Vương Huệ	Thanh	D15_QT09	10	8	0	25	3	5	2	53	Trung bình	
29	DH71501331	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	D15_QT09	10	10	3	25	8	10	8	74	Khá	
30	DH71501306	Nguyễn Thị Minh	Thị	D15_QT09	10	10	6	25	6	5	2	64	Trung bình khá	
31	DH71501320	Phan Phạm Đức	Thịnh	D15_QT09	8	6	6	25	10	5	8	68	Trung bình khá	
32	DH71501316	Tô Thanh	Thủy	D15_QT09	8	6	0	25	16	10	2	67	Trung bình khá	
33	DH71501313	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D15_QT09	9	9	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
34	DH71501337	Khuru Nhật	Tiến	D15_QT09	10	8	0	25	3	5	2	53	Trung bình	
35	DH71501326	Nguyễn Hữu	Tình	D15_QT09	8	8	0	25	0	5	2	48	Yếu	
36	DH71501317	Phan Trần Bảo	Trân	D15_QT09	10	8	0	25	0	0	8	51	Trung bình	
37	DH71501697	Nguyễn Nhật	Tú	D15_QT09	10	9	0	25	0	0	2	46	Yếu	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
38	DH71501309	Huỳnh Minh	Tuấn	D15_QT09	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
39	DH71501314	Lê Thị	Tươi	D15_QT09	9	8	0	25	2	5	2	51	Trung bình	
40	DH71501338	Nguyễn Ngọc Thúy	Uyên	D15_QT09	10	9	0	25	0	0	2	46	Yếu	
41	DH71501305	Nguyễn Thành	Vương	D15_QT09	9	6	2	25	5	10	2	59	Trung bình	
1	DH71501349	Bùi Khánh Thiện	Duy	D15_QT10	10	9	4	25	15	10	2	75	Khá	
2	DH71501358	Hồ Thị Anh	Đào	D15_QT10	10	9	2	25	12	15	2	75	Khá	
3	DH71501376	Trần Hải	Đặng	D15_QT10	10	6	2	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
4	DH71501371	Bùi Mạnh	Điền	D15_QT10	10	8	2	25	12	15	2	74	Khá	
5	DH71501357	Nguyễn Thị Ngân	Giang	D15_QT10	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
6	DH71501626	Lê	Hào	D15_QT10	9	8	4	25	12	10	2	70	Khá	
7	DH71501627	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D15_QT10	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
8	DH71501355	Trần Ngọc	Hân	D15_QT10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
9	DH71501362	Nguyễn Trung	Hiếu	D15_QT10	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
10	DH71501354	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	D15_QT10	10	10	2	25	20	12	2	81	Tốt	
11	DH71501356	Lê Nguyễn Anh	Hưng	D15_QT10	9	9	4	25	10	10	8	75	Khá	
12	DH71501628	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	D15_QT10	8	8	2	25	10	15	2	70	Khá	
13	DH71501344	Trần Thị Thanh	Hường	D15_QT10	10	10	4	25	12	10	2	73	Khá	
14	DH71501361	Nguyễn Ngọc	Kim	D15_QT10	10	9	4	25	10	15	9	82	Tốt	
15	DH71501348	Bùi Nguyễn Thanh	Lâm	D15_QT10	9	8	4	25	16	9	2	73	Khá	
16	DH71500131	Huỳnh Duy	Lập	D15_QT10	10	9	4	25	11	13	2	74	Khá	
17	DH71501367	Trần Thị Thùy	Linh	D15_QT10	10	9	2	25	3	15	2	66	Trung bình khá	
18	DH71502572	Trần Thị	Mai	D15_QT10	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
19	DH71501374	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D15_QT10	10	9	4	25	19	15	10	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
20	DH71501370	Đình Đào Bích	Ngọc	D15_QT10	10	9	4	25	12	10	2	72	Khá	
21	DH71501353	Huỳnh Tiêu	Ngọc	D15_QT10	10	8	4	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
22	DH71501363	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	D15_QT10	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
23	DH71501342	Vũ Thị Ngọc	Nhi	D15_QT10	8	9	8	25	10	10	2	72	Khá	
24	DH71501359	Đặng Hoàng	Oanh	D15_QT10	10	9	4	25	11	10	2	71	Khá	
25	DH71501364	Ngô Văn	Pháp	D15_QT10	9	8	4	25	12	10	2	70	Khá	
26	DH71501347	Lê Văn	Phong	D15_QT10	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
27	DH71501373	Võ Thị Ngọc	Phước	D15_QT10	8	9	2	25	13	15	2	74	Khá	
28	DH71501368	Võ Đặng Như	Quỳnh	D15_QT10	10	10	2	25	17	10	8	82	Tốt	
29	DH71501629	Hồng Quang	Sáng	D15_QT10	10	8	2	25	5	12	2	64	Trung bình khá	
30	DH71501343	Lại Thanh	Tâm	D15_QT10	10	8	4	25	19	15	10	91	Xuất sắc	
31	DH71501375	Trần Văn	Thạch	D15_QT10	8	9	4	25	12	10	2	70	Khá	
32	DH71501360	Nguyễn Ngọc Nguyên	Thảo	D15_QT10	8	9	2	25	4	15	2	65	Trung bình khá	
33	DH71501366	Trương Ngọc Phương	Thảo	D15_QT10	10	9	4	25	15	10	2	75	Khá	
34	DH71501369	Võ Thị Thu	Thùy	D15_QT10	10	9	4	25	11	15	9	83	Tốt	
35	DH71501350	Dư Ngọc Anh	Thư	D15_QT10	10	9	4	25	15	15	2	80	Tốt	
36	DH71501630	Nguyễn Thị Minh	Trang	D15_QT10	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
37	DH71501351	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D15_QT10	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
38	DH71501345	Nguyễn Ngọc	Trâm	D15_QT10	10	9	2	25	10	10	2	68	Trung bình khá	
39	DH71501372	Phan Thị Bích	Trinh	D15_QT10	10	9	2	25	12	10	8	76	Khá	
40	DH71501346	Lê Thị Thanh	Vân	D15_QT10	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
41	DH71501365	Dương Thị Tường	Vi	D15_QT10	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
42	DH71501352	Trần Diễm	Xuân	D15_QT10	10	8	2	25	10	10	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH71501645	Nguyễn Thị Huỳnh	An	D15_QT11	8	8	6	25	15	15	10	87	Tốt	
2	DH71501639	Nguyễn Minh	Anh	D15_QT11	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
3	DH71501665	Nguyễn Ngọc Tuấn	Anh	D15_QT11	10	8	6	25	17	15	2	83	Tốt	
4	DH71501657	Nguyễn Triệu Hoài	Ân	D15_QT11	9	10	8	25	18	15	2	87	Tốt	
5	DH71501634	Nguyễn Phan Khánh	Chi	D15_QT11	9	9	8	25	18	15	2	86	Tốt	
6	DH71501659	Phùng Minh	Chiến	D15_QT11	9	8	6	25	15	15	2	80	Tốt	
7	DH71501642	Nguyễn Hoàng	Danh	D15_QT11	10	10	8	25	17	15	2	87	Tốt	
8	DH71501653	Trần Thị Mỹ	Duyên	D15_QT11	10	8	8	25	15	15	10	91	Xuất sắc	
9	DH71501647	Huỳnh	Đức	D15_QT11	10	6	8	25	12	15	2	78	Khá	
10	DH71501651	Bùi Ngọc Cẩm	Giang	D15_QT11	10	8	6	25	17	15	2	83	Tốt	
11	DH71501649	Huỳnh Lê	Hằng	D15_QT11	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
12	DH71501670	Tô Thị Minh	Hiếu	D15_QT11	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
13	DH71501646	Đặng Xuân	Hùng	D15_QT11	10	9	6	25	18	15	10	93	Xuất sắc	
14	DH71501669	Bùi Vũ Duy	Khang	D15_QT11	9	9	8	25	18	15	2	86	Tốt	
15	DH71501664	Võ Văn	Kiệt	D15_QT11	10	10	6	25	15	15	2	83	Tốt	
16	DH71501632	Võ Thanh	Lâm	D15_QT11	9	8	6	25	15	15	2	80	Tốt	
17	DH71501638	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D15_QT11	10	10	6	25	15	15	2	83	Tốt	
18	DH71501637	Nguyễn Vương Trúc	Mai	D15_QT11	9	9	6	25	20	15	2	86	Tốt	
19	DH71501663	Võ Thị Ngọc	Mỹ	D15_QT11	10	10	7	25	15	15	2	84	Tốt	
20	DH71501654	Nguyễn Ngọc	Ngân	D15_QT11	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
21	DH71501648	Trần Như	Ngọc	D15_QT11	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
22	DH71501631	Phạm Danh	Nhân	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
23	DH71501656	Lý Thái Xuân	Nhi	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH71501668	Nhan Quỳnh	Như	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
25	DH71501635	Lý Tiểu	Oanh	D15_QT11	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
26	DH71501666	Phạm Thị Hoàng	Oanh	D15_QT11	9	6	6	25	15	10	2	73	Khá	
27	DH71501650	Trần Thị Hồng	Phương	D15_QT11	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
28	DH71501636	Trần Văn	Tài	D15_QT11	10	10	6	25	15	15	2	83	Tốt	
29	DH71501641	Lê Tuấn	Thành	D15_QT11	10	9	6	25	17	15	2	84	Tốt	
30	DH71501658	Phạm Công	Thành	D15_QT11	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
31	DH71501667	Thái Việt	Thi	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
32	DH71501643	Lê Thị Mỹ	Thu	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
33	DH71501640	Lê Thị Thanh	Thư	D15_QT11	9	9	6	25	15	15	2	81	Tốt	
34	DH71501655	Nguyễn Thị Anh	Thư	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
35	DH71501652	Phan Thị Diệu	Tiên	D15_QT11	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
36	DH71501661	Nguyễn Thị Bảo	Trình	D15_QT11	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
37	DH71501633	Trịnh Quốc	Trung	D15_QT11	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
38	DH71501660	Nguyễn Đình	Tuấn	D15_QT11	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
39	DH71501662	Trần Ngọc Anh	Tuấn	D15_QT11	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
40	DH71501644	Lê Hồ Hoàng	Vĩ	D15_QT11	9	8	6	25	17	15	2	82	Tốt	
1	DH71501707	Lê Thị Lan	Anh	D15_QT12	8	9	4	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
2	DH71501701	Nguyễn Vũ Lan	Anh	D15_QT12	9	9	4	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
3	DH71501674	Võ Thị Minh	Anh	D15_QT12	9	8	2	25	7	10	2	63	Trung bình khá	
4	DH71501681	Phan Văn	Cánh	D15_QT12	9	8	4	25	15	10	2	73	Khá	
5	DH71501679	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	D15_QT12	9	9	4	25	4	10	2	63	Trung bình khá	
6	DH71501692	Nguyễn Vũ Bảo	Duy	D15_QT12	8	8	2	21	7	10	2	58	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
7	DH71501688	Nguyễn Thị	Duyên	D15_QT12	8	8	2	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
8	DH71501706	Nguyễn Thị Liễu	Dương	D15_QT12	9	10	4	25	2	10	2	62	Trung bình khá	
9	DH71502571	Nguyễn Trung	Hậu	D15_QT12	9	8	4	25	20	10	2	78	Khá	
10	DH71501699	Nguyễn Thúy	Hồng	D15_QT12	9	9	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
11	DH71501690	Lữ Thái Thanh	Huân	D15_QT12	7	9	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
12	DH71501698	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	D15_QT12	8	9	8	25	15	10	2	77	Khá	
13	DH71501689	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	D15_QT12	6	6	4	21	2	10	2	51	Trung bình	
14	DH71501700	Huỳnh Như Trà	My	D15_QT12	8	9	2	25	2	10	2	58	Trung bình	
15	DH71501671	Ngô Trần Ngọc	Ngân	D15_QT12	8	9	2	25	4	10	2	60	Trung bình khá	
16	DH71501678	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D15_QT12	9	9	6	25	15	10	2	76	Khá	
17	DH71501686	Mai Văn Yên	Nhi	D15_QT12	6	6	4	24	2	10	2	54	Trung bình	
18	DH71501708	Trần Khánh	Nhi	D15_QT12	9	9	4	25	4	10	2	63	Trung bình khá	
19	DH71501687	Trần Nhật	Nhi	D15_QT12	8	8	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
20	DH71501675	Huỳnh Thị Vân	Phụng	D15_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
21	DH71501716	Nguyễn Thanh	Phương	D15_QT12	8	10	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
22	DH71501703	Nguyễn Nhật	Quang	D15_QT12	7	9	2	25	4	10	2	59	Trung bình	
23	DH71501685	Huỳnh Công	Sang	D15_QT12	8	9	2	24	2	10	2	57	Trung bình	
24	DH71501673	Nguyễn Thanh	Tâm	D15_QT12	7	9	6	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
25	DH71501705	Mai Ngọc Bảo	Thanh	D15_QT12	10	10	6	25	9	10	8	78	Khá	
26	DH71501693	Phạm Thái Ngọc	Thanh	D15_QT12	9	9	4	23	4	10	2	61	Trung bình khá	
27	DH71501680	Nguyễn Thị Thu	Thào	D15_QT12	7	8	4	25	4	10	2	60	Trung bình khá	
28	DH71501694	Huỳnh Văn	Thuận	D15_QT12	6	6	4	25	2	10	2	55	Trung bình	
29	DH71501702	Võ Thị Thanh	Thủy	D15_QT12	9	9	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
30	DH71501676	Lê Nguyễn Ngọc	Tiên	D15_QT12	9	9	2	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
31	DH71501684	Đàm Thanh	Tiên	D15_QT12	7	8	4	25	2	10	2	58	Trung bình	
32	DH71501710	Nguyễn Minh	Trí	D15_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
33	DH71501696	Lê Thị	Trình	D15_QT12	7	8	4	25	2	10	2	58	Trung bình	
34	DH71501683	Nguyễn Thị Tú	Trình	D15_QT12	10	9	4	25	2	10	2	62	Trung bình khá	
35	DH71501691	Nguyễn Thị	Trúc	D15_QT12	8	8	6	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
36	DH71501682	Nguyễn Kim Thanh	Tú	D15_QT12	9	9	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
37	DH71501695	Bùi Thị Minh	Tuyển	D15_QT12	8	8	4	25	2	10	2	59	Trung bình	
38	DH71501677	Nguyễn Lương Thúy	Vi	D15_QT12	7	8	4	25	2	10	2	58	Trung bình	
39	DH71501672	Đỗ Khánh	Vĩ	D15_QT12	9	6	4	25	15	10	8	77	Khá	
40	DH71501709	Trần Vũ Thanh	Xuân	D15_QT12	9	9	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
1	DH71501740	Nguyễn Phụng Hoàn	Anh	D15_QT13	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
2	DH71501726	Nguyễn Thị	Anh	D15_QT13	9	8	2	25	18	15	9	86	Tốt	
3	DH71501729	Phạm Gia	Bảo	D15_QT13	6	9	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
4	DH71501735	Huỳnh Ngọc	Bình	D15_QT13	9	9	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
5	DH71501724	Trần Xuân	Chiến	D15_QT13	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
6	DH71501745	Cao Mỹ	Diệu	D15_QT13	8	8	0	25	14	15	2	72	Khá	
7	DH71501744	Lê Nguyệt	Hằng	D15_QT13	8	9	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
8	DH71501720	Nguyễn Thị Kim	Hằng	D15_QT13	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
9	DH71501741	Đình Trung	Hiếu	D15_QT13	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
10	DH71501715	Lê Thị Bé	Hồng	D15_QT13	10	10	2	25	20	10	2	79	Khá	
11	DH71501721	Phùng Bảo	Huy	D15_QT13	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
12	DH71501725	Nguyễn Thị Trúc	Huyền	D15_QT13	10	9	2	25	0	15	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
13	DH71501748	Phạm Như	Huỳnh	D15_QT13	8	9	0	25	13	15	2	72	Khá	
14	DH71501736	Nguyễn Thị Thảo	Ly	D15_QT13	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
15	DH71501733	Phạm Thị Chúc	Mai	D15_QT13	8	9	0	25	3	15	2	62	Trung bình khá	
16	DH71501713	Huỳnh Hoa	Minh	D15_QT13	9	8	0	25	6	15	2	65	Trung bình khá	
17	DH71501734	Mi	Na	D15_QT13	9	10	0	25	20	10	2	76	Khá	
18	DH71501737	Vũ Thị Bích	Ngà	D15_QT13	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
19	DH71501717	Nguyễn Thị	Ngọc	D15_QT13	10	9	4	25	0	15	2	65	Trung bình khá	
20	DH71501728	Lê Đỗ Thành	Nhân	D15_QT13	8	10	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
21	DH71501329	Nguyễn Lâm	Nhiên	D15_QT13	8	8	0	25	6	15	2	64	Trung bình khá	
22	DH71501730	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	D15_QT13	8	9	0	25	6	15	2	65	Trung bình khá	
23	DH71501712	Nguyễn Hồng	Phát	D15_QT13	10	9	0	25	3	5	2	54	Trung bình	
24	DH71501742	Lê Thành	Tài	D15_QT13	9	8	0	25	4	10	2	58	Trung bình	
25	DH71501711	Trương Nguyễn Thiện	Tân	D15_QT13	9	9	0	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
26	DH71501714	Lê Thị Bích	Thảo	D15_QT13	9	10	0	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
27	DH71501749	Hồng Thị Ngọc	Trang	D15_QT13	7	9	0	25	3	10	2	56	Trung bình	
28	DH71501738	Lý Ngọc	Trâm	D15_QT13	10	10	0	25	15	15	2	77	Khá	
29	DH71501743	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D15_QT13	9	9	0	25	3	15	2	63	Trung bình khá	
30	DH71501739	Nguyễn Xuân	Trí	D15_QT13	8	9	0	25	0	10	2	54	Trung bình	
31	DH71501723	Nguyễn Quang	Trường	D15_QT13	7	8	2	25	18	15	2	77	Khá	
32	DH71501747	Nguyễn Thị	Tú	D15_QT13	8	9	0	25	6	15	2	65	Trung bình khá	
33	DH71501719	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	D15_QT13	6	8	2	25	12	15	2	70	Khá	
34	DH71501727	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	D15_QT13	8	9	0	25	6	15	2	65	Trung bình khá	
35	DH71501750	Trịnh Thị	Vân	D15_QT13	8	6	0	25	6	10	2	57	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
36	DH71501732	Nguyễn Thị Tường	Vi	D15_QT13	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
37	DH71501731	Trần Hoàng	Vũ	D15_QT13	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
38	DH71501718	Nguyễn Thị Kim	Xuyên	D15_QT13	10	9	8	25	0	15	2	69	Trung bình khá	
39	DH71501746	Trương Trần Như	ý	D15_QT13	8	9	0	25	6	15	2	65	Trung bình khá	
40	DH71501722	Tạ Cẩm	Yến	D15_QT13	10	8	0	25	3	15	2	63	Trung bình khá	
1	DH71501756	Nguyễn Ngọc	ái	D15_QT14	10	10	2	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
2	DH71501753	Nguyễn Phan Khả	ái	D15_QT14	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
3	DH71501045	Nguyễn Thị Thúy	An	D15_QT14	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
4	DH71501759	Nguyễn Võ Mai	Anh	D15_QT14	10	8	2	25	20	5	2	72	Khá	
5	DH71501044	Võ Trần Thiên	Ân	D15_QT14	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
6	DH71501040	Trần Thị Việt	Bình	D15_QT14	9	8	2	25	3	13	2	62	Trung bình khá	
7	DH71501056	Huỳnh Mã	Chánh	D15_QT14	8	8	2	25	11	15	2	71	Khá	
8	DH71501852	Bùi Tiến	Dũng	D15_QT14	8	8	8	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
9	DH71501754	Nguyễn Lữ Tấn	Đạt	D15_QT14	10	9	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
10	DH71501755	Trần Đình	Đoàn	D15_QT14	10	9	6	25	3	5	2	60	Trung bình khá	
11	DH71501758	Dương Chí	Hiếu	D15_QT14	10	8	3	25	5	7	2	60	Trung bình khá	
12	DH71501059	Phan Nguyễn Anh	Huy	D15_QT14	10	9	3	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
13	DH71501057	Đình Nguyễn Bảo	Lâm	D15_QT14	9	8	0	25	20	8	2	72	Khá	
14	DH71501850	Trương Chí	Linh	D15_QT14	8	9	6	25	20	13	2	83	Tốt	
15	DH71501849	Hoàng Huy	Long	D15_QT14	9	8	6	25	17	15	2	82	Tốt	
16	DH71501042	Tăng Bảo	Nghi	D15_QT14	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
17	DH71501853	Phạm Thị Bảo	Ngọc	D15_QT14	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
18	DH71501848	Cao Vũ Quỳnh	Nhi	D15_QT14	9	9	0	25	3	15	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
19	DH71501854	Nguyễn Thị	Oanh	D15_QT14	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
20	DH71501752	Phạm Thị Kiều	Oanh	D15_QT14	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
21	DH71501760	Trần Thị Kim	Oanh	D15_QT14	10	10	2	25	20	10	2	79	Khá	
22	DH71501052	Lê Sơn	Phát	D15_QT14	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
23	DH71501060	Lê Thanh	Phú	D15_QT14	9	8	0	25	14	15	2	73	Khá	
24	DH71501041	Giang Yến	Phụng	D15_QT14	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
25	DH71501047	Trần Phú	Quý	D15_QT14	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
26	DH71501757	Nguyễn Trọng	Sáng	D15_QT14	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
27	DH71501051	Hoàng Lê Ngọc	Thành	D15_QT14	0	6	0	0	0	-5	0	1	Kém	
28	DH71501046	Lê Thị Bích	Thanh	D15_QT14	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
29	DH71501054	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	D15_QT14	8	9	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
30	DH71501048	Đoàn Tuấn	Thông	D15_QT14	10	10	0	25	2	15	2	64	Trung bình khá	
31	DH71501053	Nguyễn Thị	Thom	D15_QT14	8	8	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
32	DH71501050	Lê Thị Bảo	Thư	D15_QT14	10	9	0	25	3	10	2	59	Trung bình	
33	DH71501049	Ngô Thị	Thương	D15_QT14	10	9	2	25	2	13	2	63	Trung bình khá	
34	DH71501058	Phạm Thị	Tính	D15_QT14	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
35	DH71501847	Mai Thị Huyền	Trang	D15_QT14	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
36	DH71501043	Phạm Nguyễn Ngọc	Trâm	D15_QT14	9	8	0	25	3	15	2	62	Trung bình khá	
37	DH71501851	Âu Thị Huỳnh	Trân	D15_QT14	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
38	DH71502570	Bùi Thị Thanh	Trúc	D15_QT14	10	9	6	25	14	15	2	81	Tốt	
39	DH71501751	Trần Thị Kim	Tuyển	D15_QT14	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
40	DH71501061	Phạm Thanh	Vân	D15_QT14	9	6	2	25	6	10	2	60	Trung bình khá	
41	DH71501055	Phạm Thị Thanh	Vân	D15_QT14	10	8	0	25	7	15	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	DH71501081	Trương Lưu Tú	Bình	D15_QT15	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
2	DH71501075	Hà Thị Thu	Diệu	D15_QT15	10	10	0	25	20	15	10	90	Xuất sắc	
3	DH71501084	Đặng Thanh	Duy	D15_QT15	10	9	0	25	15	15	2	76	Khá	
4	DH71501069	Vũ Minh	Đức	D15_QT15	10	9	0	25	19	15	2	80	Tốt	
5	DH71501101	Nguyễn Thị Hương	Giang	D15_QT15	10	9	0	25	12	15	2	73	Khá	
6	DH71501099	Nguyễn Thị Như	Hào	D15_QT15	10	9	0	25	20	15	9	88	Tốt	
7	DH71501094	Thân Thu	Hằng	D15_QT15	10	8	0	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
8	DH71501066	Hồ Hoàng	Hiệp	D15_QT15	9	8	0	25	5	15	9	71	Khá	
9	DH71501071	Huỳnh Thị	Hoa	D15_QT15	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
10	DH71501092	Lê Trịnh Xuân	Hoàng	D15_QT15	10	9	0	25	13	15	2	74	Khá	
11	DH71501100	Tạ Quang	Hưng	D15_QT15	10	9	0	25	20	15	10	89	Tốt	
12	DH71501090	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	D15_QT15	10	10	0	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
13	DH71501073	Huỳnh Văn	Khuê	D15_QT15	10	10	4	25	6	15	10	80	Tốt	
14	DH71501064	Võ Thường	Lạc	D15_QT15	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
15	DH71501079	Lê Thị Ngọc	Lan	D15_QT15	10	10	2	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
16	DH71501095	Trương Ngọc Quế	Lan	D15_QT15	10	10	0	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
17	DH71501097	Trần Tú	Liên	D15_QT15	10	10	0	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
18	DH71501077	Trương Thị Mỹ	Linh	D15_QT15	10	10	0	25	18	15	9	87	Tốt	
19	DH71501063	Trần Hồng	Ngọc	D15_QT15	9	9	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
20	DH71501080	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D15_QT15	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
21	DH71501076	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D15_QT15	9	8	0	25	9	15	2	68	Trung bình khá	
22	DH71501085	Nguyễn Thị Cẩm	Phụng	D15_QT15	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
23	DH71501088	Phạm Duy	Phước	D15_QT15	10	9	2	25	18	15	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
24	DH71501091	Trần Lê	Quân	D15_QT15	9	9	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
25	DH71501098	Nguyễn Thùy Phương	Quyên	D15_QT15	10	10	0	25	18	15	9	87	Tốt	
26	DH71501086	Lê Phúc	Thịnh	D15_QT15	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
27	DH71501074	Lương Trí	Thông	D15_QT15	10	8	0	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
28	DH71501070	Nguyễn	Thông	D15_QT15	10	9	0	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
29	DH71501083	Diệp	Thuận	D15_QT15	10	8	0	25	19	15	2	79	Khá	
30	DH71501065	Lê Hoàng Anh	Thư	D15_QT15	10	9	2	25	3	15	2	66	Trung bình khá	
31	DH71501067	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	D15_QT15	10	9	0	25	13	15	2	74	Khá	
32	DH71501062	Thái Long Nhật	Tiến	D15_QT15	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
33	DH71501072	Nguyễn Thị Bích	Trân	D15_QT15	10	10	0	25	15	15	2	77	Khá	
34	DH71501089	Huỳnh Thị Thu	Trình	D15_QT15	10	10	2	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
35	DH71501096	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	D15_QT15	10	10	2	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
36	DH71501093	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	D15_QT15	10	9	0	25	3	15	2	64	Trung bình khá	
37	DH71501087	Hà Mỹ	Tuyền	D15_QT15	10	10	2	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
38	DH71501068	Nguyễn Thị Thanh	Vy	D15_QT15	9	10	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
39	DH71501082	Tắt Mai Thảo	Vy	D15_QT15	10	8	0	25	16	15	2	76	Khá	
1	DH71501108	Đào Thị Ngọc	ánh	D15_QT16	9.5	9	6	25	18	15	2	84.5	Tốt	
2	DH71502372	Trịnh Thị Thùy	Dung	D15_QT16	10	11	8	25	19	12	10	95	Xuất sắc	
3	DH71502000	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D15_QT16	10	11	4	25	14	15	9	88	Tốt	
4	DH71502258	Phan Quốc Kỳ	Duyên	D15_QT16	10	10	7	25	18	15	2	87	Tốt	
5	DH71502479	Trần Thị Mỹ	Duyên	D15_QT16	10	11	6	25	14	15	2	83	Tốt	
6	DH71501872	Nguyễn ánh	Dương	D15_QT16	10	10	2	25	14	15	2	78	Khá	
7	DH71502136	Quang Phụng Hoàng	Đan	D15_QT16	9	9	0	24	13	15	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
8	DH71502135	Phạm Lê Việt	Hà	D15_QT16	9	6	0	25	11	10	2	63	Trung bình khá	
9	DH71501939	Mai Thị Diệu	Hiền	D15_QT16	10	10	0	25	8	15	2	70	Khá	
10	DH71502369	Nguyễn Thị Thu	Hoài	D15_QT16	9	10	2	25	11	15	2	74	Khá	
11	DH71501106	Mai Ngọc	Huyền	D15_QT16	9	10	3	25	13	15	2	77	Khá	
12	DH71501103	Thi Hoàng	Kiệt	D15_QT16	9.5	10	0	25	8	15	2	69.5	Trung bình khá	
13	DH71502474	Nguyễn Thị Trà	Mi	D15_QT16	9	10	2	25	14	14	2	76	Khá	
14	DH71501940	Phạm Thị Kim	Mỹ	D15_QT16	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	
15	DH71501998	Đình Duy	Nam	D15_QT16	9	9	0	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
16	DH71502371	Bùi Thị Như	Ngân	D15_QT16	9	10	6	25	15	15	2	82	Tốt	
17	DH71502477	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D15_QT16	10	10	8	25	17	10	2	82	Tốt	
18	DH71502476	Nguyễn Thị Phương	Ngân	D15_QT16	10	10	7	25	18	15	9	94	Xuất sắc	
19	DH71502259	Trần Thanh	Ngân	D15_QT16	9.5	9	2	25	11	15	2	73.5	Khá	
20	DH71502260	Hồ Mỹ	Ngọc	D15_QT16	10	11	2	25	14	15	2	79	Khá	
21	DH71502256	Phạm Thị Yến	Nhi	D15_QT16	8	9	2	25	14	15	9	82	Tốt	
22	DH71502373	Nguyễn Hạnh	Phúc	D15_QT16	10	10	2	25	14	15	2	78	Khá	
23	DH71502478	Tô Thị Bích	Phượng	D15_QT16	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
24	DH71501102	Nguyễn Thị Tô	Quyên	D15_QT16	9	8	7	25	11	15	2	77	Khá	
25	DH71501869	Bạch Như	Quỳnh	D15_QT16	8	9	0	25	17	15	2	76	Khá	
26	DH71502475	Đoàn Ngọc Diễm	Quỳnh	D15_QT16	10	10	2	25	8	15	2	72	Khá	
27	DH71502374	Dương Đức	Tân	D15_QT16	9.5	10	4	25	14	15	9	86.5	Tốt	
28	DH71502370	Thái Huệ	Thạnh	D15_QT16	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
29	DH71502257	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D15_QT16	10	11	2	25	14	15	2	79	Khá	
30	DH71501104	Huỳnh Việt Minh	Thơ	D15_QT16	9	9	7	25	16	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
31	DH71502039	Trần Nguyễn Minh	Thương	D15_QT16	8	10	0	25	7	15	2	67	Trung bình khá	
32	DH71502473	Nguyễn Thị Thu	Trang	D15_QT16	10	10	8	25	14	15	9	91	Xuất sắc	
33	DH71502262	Nguyễn Thùy	Trang	D15_QT16	10	11	8	25	18	10	2	84	Tốt	
34	DH71502375	Nguyễn Châu Quỳnh	Trâm	D15_QT16	9	10	0	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
35	DH71502137	Đông Thụy Tô	Vân	D15_QT16	9	10	0	25	8	15	2	69	Trung bình khá	
36	DH71502255	Trương Lê Hồng	Vân	D15_QT16	10	11	8	25	17	10	2	83	Tốt	
37	DH71501999	Lý Hồng	Vy	D15_QT16	9	9	0	25	8	15	2	68	Trung bình khá	

### **Ghi chú:**

1. Điều chỉnh điểm cột I.b: **Kết quả học tập theo điểm trung bình học kỳ I năm học 2015-2016.**
2. Điều chỉnh điểm cột II: **Sinh viên không đạt các nội dung: đánh giá thể lực đợt 2; kết quả tuần sinh hoạt công dân đầu năm sẽ bị trừ 10 điểm cho mỗi nội dung (mục Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế nhà trường).**
3. Điều chỉnh điểm cột IV: **Sinh viên không nộp hồ sơ nội ngoại trú sẽ bị trừ 5 điểm (mục Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng).**
4. Điều chỉnh điểm cột V: **Ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường căn cứ quy chế và kết quả "Phiếu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ban cán sự" do GVCN/CVHT thực hiện và được Phòng Công tác Sinh viên kiểm tra.**
5. Điều chỉnh Cột Tổng điểm và Cột Xếp loại: **Sinh viên không thực hiện khám sức khỏe định kỳ năm học 2015-2016 sẽ chỉ đạt 49 điểm và xếp loại Yếu (không áp dụng đối SV đã xếp loại Kém).**